ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN NGỌC CƯƠNG

NGOẠI GIAO SỐ TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Hà Nội – 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN NGỌC CƯƠNG

NGOẠI GIAO SỐ TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

Chuyên ngành: Chính trị học
Mã số: 9310201.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. BÙI THÀNH NAM

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam kết luận án "***Ngoại giao số trong chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI***" là công trình nghiên cứu của tôi. Các nội dung nghiên cứu và kết quả được trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Tác giả luận án

Nguyễn Ngọc Cương

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 4
DANH MỤC BẢNG BIỂU 5
MỞ ĐẦU 6
1. Lý do chọn đề tài 6
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 8
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 9
5. Đóng góp của luận án 14
6. Bố cục của luận án 15
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU 17
1.1. Các nghiên cứu về lý luận về chính trị quốc tế và ngoại giao 17
1.2. Các nghiên cứu về ngoại giao số 21
1.3. Các nghiên cứu về quan hệ giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế 24
1.4. Các nghiên cứu về thực tiễn ngoại giao số của các chủ thể chính trị quốc tế .. 28
1.5. Nhận xét 35
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NGOẠI GIAO SỐ TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ 38
2.1. Các vấn đề về ngoại giao và chính trị quốc tế 38
2.1.1. Khái niệm về ngoại giao và chính trị quốc tế 38
2.1.2. Chủ thể chính trị quốc tế 42
2.1.3. Vai trò của ngoại giao trong chính trị quốc tế 47
2.2. Các vấn đề về ngoại giao số 51
2.2.1. Sự ra đời ngoại giao số 51
2.2.1.1. Đặc điểm của chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI 51
*2.2.1.2. Quá trình hình thành của ngoại giao số trong nền chính trị quốc tế*53
2.2.2. Khái niệm về ngoại giao số 58
2.3. Quan hệ giữa ngoại giao số và các chủ thể chính trị quốc tế hiện đại 66
2.3.1. Ngoại giao số là công cụ của quyền lực mềm quốc gia 67

2.3.2. Ngoại giao số với tư cách là ngoại giao chuyên biệt của các quốc gia nhỏ và tầm trung 69
2.3.2.1. Quan điểm về quốc gia nhỏ và tầm trung 69
2.3.2.2. Lý luận về ngoại giao chuyên biệt 75
2.4. Khung phân tích của luận án 80
Tiểu kết chương 2 83
Chương 3. THỰC TIỄN NGOẠI GIAO SỐ TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI 85
3.1. Mục tiêu cơ bản của ngoại giao số trong những thập niên đầu thế kỷ XXI 85
3.2. Ngoại giao số của chủ thể quốc gia 89
3.2.1. Ngoại giao số trước Đại dịch COVID-19 89
3.2.1.1. Thực tiễn điển hình ở Châu Mỹ 89
3.2.1.2. Thực tiễn điển hình ở Châu Âu 90
3.2.1.3. Thực tiễn điển hình ở Châu Á 93
3.2.1.4. Thực tiễn điển hình ở Châu Phi và khu vực khác 95
3.2.1.5. Đặc điểm chung của ngoại giao số trước Đại dịch COVID-19 .. 96
3.2.2. Ngoại giao số từ năm 2020 đến nay 103
3.2.2.1. Tác động của Đại dịch COVID-19 đến ngoại giao số 103
3.2.2.2. Trường hợp Liên minh châu Âu (EU) 107
3.2.2.3. Trường hợp quốc gia tầm trung 110
3.3. Ngoại giao số của chủ thể tổ chức quốc tế 115
3.3.1. Các lĩnh vực và cách thức hợp tác đa phương của ngoại giao số ... 116
3.3.2. Trường hợp LHQ 121
3.3.3. Trường hợp Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 126
Tiểu kết chương 3 134
Chương 4. TÁC ĐỘNG VÀ XU HƯỚNG CỦA NGOẠI GIAO SỐ TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM 136
4.1. Tác động tương tác giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế 136
4.1.1. Tác động đến các chủ thể chính trị quốc tế 136

4.1.2. Tác động đến cấu trúc quyền lực trong chính trị quốc tế 140
4.1.3. Tác động đến tính chất của quá trình tương tác 142
4.1.4. Tác động đến ngoại giao và chính sách đối ngoại 145
4.2. Dự báo về ngoại giao số trong chính trị quốc tế của kỷ nguyên số 151
4.2.1. Những yếu tố tích cực và hạn chế của ngoại giao số 151
4.2.1.1. Trong chính trị quốc tế 151
4.2.1.2. Đối với các quốc gia nhỏ và tầm trung 158
4.2.2. Các yếu tố tác động trong kỷ nguyên số 159
4.2.3. Xu hướng vận động của ngoại giao số 163
4.3. Ngoại giao số của Việt Nam 167
4.3.1. Nhận thức về ngoại giao số của Việt Nam 167
4.3.2. Thực trạng ngoại giao số của Việt Nam 171
4.3.3. Nhận xét và khuyến nghị 179
Tiểu kết chương 4 189
KẾT LUẬN 191
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 195
TÀI LIỆU THAM KHẢO 196

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
1.	AI	Artificial Intelligence	Trí tuệ nhân tạo
2.	AHC	Open-Ended Ad Hoc Committee	Ủy ban đặc biệt mở rộng
3.	ASEAN	Association of Southeast Asian Nation	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
4.	CCS	ASEAN Cybersecurity Cooperation Strategy	Chiến lược hợp tác an ninh mạng ASEAN
5.	EU	European Union	Liên minh châu Âu
6.	IGO	International Governmental Organization	Tổ chức Liên chính phủ Quốc tế
7.	ICT	Information and Communication Technology	Công nghệ thông tin và truyền thông
8.	IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ quốc tế
9.	MNC	Multinational Corporation	Công ty đa quốc gia
10.	LHQ	United Nations	Liên Hợp Quốc
11.	NATO	North Atlantic Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
12.	NGO	Non- Governmental Organization	Tổ chức phi chính phủ
13.	WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại thế giới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Hình 2.1. Các loại hình ngoại giao liên quan đến công nghệ..... 65

Bảng 3.1. Một số Chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kỹ thuật số..... 119

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và những biến động của chính trị quốc tế, ngoại giao nói chung và các hình thức ngoại giao nói riêng đã thay đổi đáng kể trong suốt thế kỷ XX. Năm 1994, email trao đổi chính thức đầu tiên giữa Thủ tướng Thụy Điển - Carl Bildt và Tổng thống Hoa Kỳ - Bill Clinton vào ngày 5/2/1994 được coi như một sự kiện mang tính dấu mốc khi các vị nguyên thủ quốc gia đã chính thức sử dụng kỹ thuật số như một công cụ ngoại giao chính thức. Bước vào thế kỷ XXI, Internet và sự ra đời của các ứng dụng mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram, LinkedIn, Weibo,…đã trở thành một phần không thể thiếu của đời sống con người. Rất nhanh chóng, chính phủ và nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới đã sử dụng các loại hình công nghệ số để tương tác với cộng đồng, từ đó đã tạo ra một không gian ngoại giao mới.

Trong bối cảnh công nghệ số phát triển nhanh chóng, ngoại giao số (digital diplomacy)[1] đã và đang trở thành một công cụ quan trọng trong chính trị quốc tế. Các nền tảng số như Twitter, Facebook, YouTube... đã trở thành công cụ để các quốc gia truyền tải chính sách đối ngoại, định hình dư luận quốc tế và xây dựng hình ảnh quốc gia. Những cuộc khủng hoảng chính trị và xung đột như cuộc chiến Nga - Ukraine, xung đột Israel - Hamas... gần đây, cho thấy ngoại giao số không chỉ là một phương tiện truyền thông mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến cục diện chính trị quốc tế. Tác động của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain đang thay đổi cách thức các quốc gia triển khai chiến lược ngoại giao. Bên cạnh đó, ngoại giao số còn có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và chiến lược đối ngoại. Chiến tranh thông tin và tấn công mạng đang gia tăng, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và chính trị toàn cầu. Các nền tảng công

[1] Trong luận án, thuật ngữ "ngoại giao số" và "ngoại giao kỹ thuật số" được sử dụng thay thế cho nhau để chuyển tải khái niệm "digital diplomacy". Trong phạm vi nghiên cứu này, không có sự phân biệt về nội hàm giữa hai thuật ngữ. Do đó, việc sử dụng linh hoạt hai thuật ngữ không làm thay đổi ý nghĩa học thuật, mà chủ yếu làm tăng tính phong phú trong diễn đạt.

nghệ lớn như Google, Meta, TikTok có thể trở thành công cụ gây ảnh hưởng chính trị, kiểm soát dòng chảy thông tin và định hướng dư luận.

Ngoại giao số có khả năng định hình quan hệ quốc tế trong kỷ nguyên số, làm thay đổi cán cân quyền lực toàn cầu. Các nước lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga đang chạy đua trong lĩnh vực ngoại giao công nghệ, sử dụng nền tảng số để gia tăng ảnh hưởng. Cạnh tranh trong không gian số có thể dẫn đến sự phân cực giữa các hệ sinh thái công nghệ, ví dụ: phương Tây sử dụng Facebook, Google, Microsoft, Trung Quốc: phát triển WeChat, TikTok, Baidu, Nga tạo mạng xã hội riêng như VKontakte, RuTube...

Ngoại giao số không chỉ là công cụ đối đầu mà còn góp phần thúc đẩy hợp tác trong các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, y tế, an ninh mạng... Các tổ chức quốc tế đang dần số hóa hoạt động ngoại giao để thích ứng với kỷ nguyên công nghệ. Nếu không nghiên cứu và tham gia vào cuộc chơi ngoại giao số, một số quốc gia có thể bị gạt ra khỏi các cơ chế hợp tác quốc tế quan trọng.

Việc nghiên cứu tác động của ngoại giao số đến chính trị quốc tế giúp các quốc gia tìm ra cách tận dụng ngoại giao số để nâng cao vị thế trên trường quốc tế, góp phần xây dựng chính sách bảo vệ chủ quyền số và nâng cao năng lực đối phó với chiến tranh mạng. Các quốc gia nhỏ và đang phát triển cần hiểu rõ xu hướng ngoại giao số để có chiến lược phù hợp, tránh bị lệ thuộc vào các cường quốc công nghệ, chủ động tham gia hơn trong các diễn đàn quốc tế và quản trị không gian mạng. Nếu không nắm bắt kịp xu thế, các quốc gia có thể bị tụt hậu và mất lợi thế trên trường quốc tế.

Do đây vẫn là một loại hình ngoại giao khá mới mẻ, các quan điểm về loại hình ngoại giao này cũng chưa thực sự thống nhất, không chỉ ở Việt Nam mà còn cả trên thế giới. Vì vậy, việc tìm hiểu một cách có hệ thống về ngoại giao số cũng như nghiên cứu tác động của loại hình ngoại giao này đến quan hệ chính trị quốc tế là thực sự cần thiết. Bên cạnh đó, trải qua thời kỳ Đại dịch COVID-19, các quốc gia nhỏ và vừa như Việt Nam càng nhận thức rõ ràng hơn về vai trò của các loại hình ngoại giao chuyên biệt. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang thúc đẩy các chính sách nhằm theo đuổi cuộc cách mạng công nghệ 4.0,

phát triển số hóa trong các lĩnh vực của đời sống. Với tư cách là người hoạt động trong ngành truyền thông, việc nhận thức rõ vai trò của ngoại giao kỹ thuật số đối với quốc gia và chính trị quốc tế là rất quan trọng và cấp thiết, đã thúc đẩy NCS nghiên cứu một cách có hệ thống, kết hợp lý luận và thực tiễn về loại hình ngoại giao cần được làm rõ và phổ biến tại Việt Nam. Việc nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về ngoại giao số sẽ góp phần thúc đẩy việc sử dụng ngoại giao số một cách phù hợp và hiệu quả đối với Việt Nam.

Chính vì vậy, NCS đã lựa chọn "*Ngoại giao số trong chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI*" làm đề tài cho luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

** Mục đích nghiên cứu:* Làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn của ngoại giao số trong chính trị quốc tế trong những thập niên đầu thế kỷ XXI trên thế giới và tại Việt Nam, từ đó xem xét tác động của ngoại giao số đến chính trị quốc tế, rút ra những nhận định về xu hướng của ngoại giao số trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam.

** Nhiệm vụ nghiên cứu:*

- Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn cơ bản về ngoại giao số và chính trị quốc tế, đồng thời xem xét quan hệ của ngoại giao nói chung và ngoại giao kỹ thuật số nói riêng trong chính trị quốc tế.

- Nghiên cứu thực tiễn triển khai ngoại giao số ở một số quốc gia tại các khu vực và một số cơ chế đa phương thuộc hệ thống chính trị quốc tế.

- Xem xét tác động của ngoại giao số đến chính trị quốc tế trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, cũng như những yếu tố tích cực và hạn chế của ngoại giao số. Trên cơ sở đó, chỉ ra những cơ hội và thách thức của kỷ nguyên số và nhận định về xu hướng vận động của ngoại giao số trong chính trị quốc tế.

- Xem xét nhận thức về ngoại giao số và thực trạng triển khai ngoại giao số tại Việt Nam. Đồng thời đề xuất một số giải pháp căn bản để thúc đẩy mặt tích cực và hạn chế yếu tố tiêu cực của công cụ ngoại giao kỹ thuật số này đối với Việt Nam.

** Câu hỏi nghiên cứu:*

(1) Ngoại giao số là gì và có những đặc trưng gì khác biệt so với ngoại giao truyền thống trong chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI?

(2) Ngoại giao số đã hình thành và phát triển như thế nào thông qua việc ngoại giao số đã được các chủ thể chính trị quốc tế với mục tiêu, chiến lược của họ, vận hành như thế nào trong chính trị quốc tế?

(3) Ngoại giao số đã và đang tác động như thế nào đến các chiều cạnh của chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI?

Ba câu hỏi này được đặt ra theo trình tự logic nhân quả, phản ánh mục tiêu nghiên cứu vừa mô tả thực tiễn vừa đóng góp lý luận.: từ "nhận diện" (1) đến "thực trạng (2) đến đánh giá tác động (3). Từ đó, rút ra hàm ý: các quốc gia nhỏ và tầm trung như Việt Nam có thể phát triển ngoại giao số như thế nào để đạt được mục tiêu và hiệu quả?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là ngoại giao số và quan hệ giữa ngoại giao số với chính trị quốc tế.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về phạm vi thời gian: tập trung vào những thập niên đầu thế kỷ XXI mà cụ thể là từ năm đầu thập niên 2000, khi các ứng dụng mạng xã hội liên tiếp ra đời, đồng thời đây cũng là thời điểm xuất hiện các thuật ngữ tiền thân của ngoại giao số như "e-diplomacy"[2], cho đến giữa thập niên là năm 2025, khi thế giới bước vào giai đoạn Hậu Đại dịch COVID-19. Đây cũng là khung thời gian phù hợp với ba làn sóng ngoại giao số: Web 2.0 và mạng xã hội (2008 - 2012); dữ liệu lớn và AI thế hệ đầu (2013–2020); AI tạo sinh và phân mảnh không gian số địa chính trị (2021–nay).

Năm 2025 cũng được coi là một bước ngoặt trong quá trình định hình ngoại giao số của Việt Nam với sự kiện lần đầu tiên "ngoại giao số" được nhấn mạnh trong Nghị quyết số 292/NQ-CP và đặc biệt, ngày 31/12/2025, Bộ Ngoại giao đã ban hành Quyết định số 4818/QĐ-BNG về việc ban hành Khung kiến trúc số Bộ

[2] Năm 2002, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ là Bộ ngoại giao đầu tiên thành lập Nhóm đặc nhiệm về Ngoại giao điện tử, một đơn vị chuyên trách ngoại giao điện tử, cũng là lần đầu tiên thuật ngữ "e-diplomacy" được sử dụng chính thức.

Ngoại giao. Ngoài ra, giai đoạn thập niên cuối thế kỷ XX cũng được đề cập đến nhằm làm rõ quá trình hình thành và phát triển của ngoại giao số trên thế giới.

+ Về không gian: Nhằm làm rõ bức tranh tổng quan về hiện trạng ngoại giao số trên thế giới, không gian nghiên cứu được tiếp cận theo châu lục. Ngoài phần khái quát đặc trưng theo hai giai đoạn, nghiên cứu tập trung phân tích các trường hợp điển hình phản ánh hoạt động ngoại giao số của các chủ thể chính trị quốc tế ở mỗi giai đoạn.

+ Về chủ thể chính trị quốc tế: Luận án tập trung vào hai nhóm chủ thể chính là quốc gia và tổ chức quốc tế. Bởi lẽ, quốc gia là chủ thể cốt lõi vì sở hữu độc quyền về chủ quyền, nguồn lực và trách nhiệm xây dựng cũng như thực thi chính sách đối ngoại, đại diện cho lợi ích quốc gia. Ngoại giao, dù trong không gian truyền thống hay kỹ thuật số, vẫn là hoạt động mang tính chủ quyền với các đại diện chính thức có thẩm quyền hợp pháp. Dù không gian mạng phi biên giới, quyền lực cuối cùng vẫn thuộc về nhà nước với chức năng ban hành luật (ví dụ Luật An ninh Mạng của Việt Nam, GDPR của EU, Great Firewall của Trung Quốc), kiểm soát hạ tầng (5G, cáp quang biển), quản lý nền tảng, và tiến hành các chiến dịch ảnh hưởng (influence operations).

Tổ chức quốc tế là chủ thể thứ hai quan trọng vì đây là diễn đàn đa phương, được các quốc gia ủy quyền, có chức năng phối hợp đa phương và thực thi ngoại giao tập thể, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng quy tắc chung cho không gian mạng.

Việc tập trung vào hai chủ thể chính bao quát được cả mặt song phương (quốc gia với quốc gia) và đa phương (quốc gia trong tổ chức quốc tế) của ngoại giao số. Trong nghiên cứu chính trị quốc tế, đây vẫn là hai chủ thể nắm quyền lực cứng và quyền lực định hình quy tắc lớn nhất.

Ngoại giao số không làm thay đổi bản chất hệ thống Westphalian vốn dựa trên chủ quyền quốc gia, do đó, việc ưu tiên hai chủ thể này không chỉ đảm bảo tính mạch lạc về mặt lý thuyết mà còn mang lại khả năng khái quát hóa và so sánh cao trong bối cảnh nghiên cứu. Tuy nhiên, các chủ thể phi quốc gia khác như các tập đoàn công nghệ lớn (Google, Meta,…), các cá nhân và mạng lưới xã hội, cũng được

đề cập trong luận án như những yếu tố hỗ trợ hay tác nhân phụ chứ chưa thay thế được vai trò trung tâm của quốc gia và tổ chức quốc tế.

+ Về các chủ thể quốc gia được lựa chọn: Trước Đại dịch COVID -19, ở mỗi châu lục, sẽ tập trung chọn ra một số trường hợp cụ thể theo các tiêu chí sau: (i) các chủ thể chính trị quốc tế lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Liên bang Nga; (ii) các quốc gia đi tiên phong sử dụng và thúc đẩy ngoại giao số như Vương quốc Anh, Đan Mạch, Pháp, Ấn Độ, Isarael... Ở giai đoạn sau Đại dịch COVID -19, nghiên cứu tập trung vào 2 thực tiễn điển hình: EU với tư cách là một chủ thể thống nhất, có chính sách đối ngoại chung, cũng là chủ thể có sự chuyển biến rõ nét về ngoại giao số so với giai đoạn trước Đại dịch COVID - 19; và các quốc gia tầm trung điển hình cho việc sử dụng và thúc đẩy ngoại giao số đại diện cho hai nhóm quốc gia tầm trung truyền thống (Hàn Quốc), và quốc gia tầm trung mới nổi (Indonesia, Nam Phi). Luận án chọn các thực tiễn nghiên cứu khác nhau tiêu biểu cho đặc trưng của giai đoạn đó, không phải vì nó liên tục xuyên suốt các giai đoạn, mà chọn trường hợp để minh họa và kiểm chứng lập luận, không phải để so sánh trực tiếp giữa các trường hợp.

Về chủ thể là tổ chức quốc tế, ngoại giao số theo hình thức hợp tác đa phương, tập trung vào hai trường hợp: LHQ đại diện cho tổ chức quốc tế toàn cầu, có vai trò quan trọng trong chính trị quốc tế, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) là tổ chức khu vực duy nhất và có vai trò quan trọng đối với khu vực Đông Nam Á và Việt Nam, đây đều là những tổ chức mà Việt Nam đang là thành viên.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Cách tiếp cận

Luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành kết hợp các lĩnh vực khoa học chính trị, chính trị quốc tế, quan hệ quốc tế, truyền thông, công nghệ thông tin... Trong đó, các kiến thức và thông tin về truyền thông và công nghệ thông tin được sử dụng kết hợp với lý luận và thực tiễn của ngành chính trị học và quan hệ quốc tế, nhằm làm rõ việc ngoại giao số không phải chỉ là một công cụ truyền thông mà còn là một hình thức mới của quyền lực/sức mạnh mềm, là phương thức để quốc gia thể hiện lợi ích và chiến lược trong một môi trường số.

Luận án cũng tiếp cận theo lý luận quan hệ quốc tế, vận dụng một số trường phái lý thuyết như chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo, lý luận về quyền lực mềm... để luận giải các vấn đề một cách khách quan, khoa học và có cơ sở. Chủ nghĩa Hiện thực nhấn mạnh cạnh tranh quyền lực qua không gian số, chiến tranh mạng, kiểm soát thông tin. Chủ nghĩa Tự do lại tập trung vào hợp tác quốc tế, vai trò của tổ chức đa phương trong xây dựng chuẩn mực số. Còn chủ nghĩa Kiến tạo lại khẳng định vai trò của diễn ngôn, hình ảnh, và cách các quốc gia kiến tạo bản sắc trên không gian mạng.

- *Phương pháp nghiên cứu*

Luận văn kết hợp các phương pháp nghiên cứu đa ngành và liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn như phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp nghiên cứu lịch sử- logic, phương pháp so sánh, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp phân tích diễn ngôn, phương pháp thống kê và phân tích dữ liệu thứ cấp, phương pháp phân tích chính sách và phương pháp dự báo...

Để tiến hành tổng quan các tài liệu nghiên cứu liên quan đến đề tài của luận án, trong *Chương 1*, các phương pháp chủ yếu được sử dụng bao gồm: phương pháp phân tích – tổng hợp, nghiên cứu văn bản, phân tích diễn ngôn học thuật... nhằm hệ thống hóa các công trình khoa học đã công bố những nội dung có liên quan đến luận án. Từ đó có thể tìm ra các khoảng trống nghiên cứu, xây dựng mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

Trong *Chương 2*, để bóc tách các nội hàm liên quan đến chính trị quốc tế và ngoại giao số, cũng như các vấn đề cơ bản xác định chủ thể, quan hệ giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế..., phương pháp chủ yếu là phân tích – tổng hợp, phương pháp lịch sử - logic, so sánh được sử dụng. Mục tiêu nhằm phân tích và tổng hợp các định nghĩa học thuật, từ đó xây dựng khái niệm ngoại giao số, sử dụng lý thuyết chính trị quốc tế, quan hệ quốc tế để lý giải các vấn đề, phân tích những tác động của ngoại giao số đối với các chủ thể và quan hệ chính trị quốc tế về mặt lý thuyết, cũng như, phân tích quá trình hình thành và phát triển của ngoại giao số cơ sở thực tiễn của bối cảnh chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI.

Đối với *Chương 3* các phương pháp nghiên cứu chính sau được áp dụng linh hoạt với từng nội dung và mục tiêu cụ thể. Phương pháp lịch sử được sử dụng để nghiên cứu sự hình thành và phát triển của ngoại giao số trong bối cảnh chính trị quốc tế từ đầu thế kỷ XXI. Các phương pháp nghiên cứu mô tả lịch sử, phương pháp đồng đại và lịch đại cũng nhằm giúp tái hiện các vấn đề về liên quan đến ngoại giao số và quan hệ chính trị quốc tế.

Luận án tập trung vào phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study) của một số chủ thể được lựa chọn như ví dụ điển hình để minh họa và kiểm chứng luận điểm nghiên cứu. Các trường hợp nghiên cứu được lựa chọn dựa trên một số tiêu chí như: tính đại diện: quốc gia có chiến lược ngoại giao số rõ rệt, được thừa nhận và có ảnh hưởng quốc tế; tính cập nhật: có các hoạt động ngoại giao số nổi bật trong 5–10 năm gần đây; tính học thuật: có nguồn tư liệu, phân tích học thuật và chính sách công khai; tính đa chiều: phản ánh cả khía cạnh tích cực và thách thức của ngoại giao số.

Song song với phương pháp nghiên cứu trường hợp, luận án còn sử dụng phương pháp thiết kế nghiên cứu các hệ thống khác biệt tối đa/ thiết kế hệ thống dị biệt (Most Different Systems Design) kết hợp với phân tích lịch đại theo giai đoạn, tức là chọn các trường hợp nghiên cứu khác nhau cho mỗi giai đoạn, để xem xét thực tiễn triển khai ngoại giao số. Các phương pháp này cho phép chọn chủ thể đặc trưng cho từng giai đoạn, thay vì theo dõi cùng một chủ thể qua các giai đoạn, từ đó, có thể phân tích sâu hơn và chính xác hơn về bản chất của từng giai đoạn. Nếu chọn cùng một chủ thể xuyên suốt, ví dụ chỉ phân tích ngoại giao số của Mỹ qua các giai đoạn, luận án sẽ bị ràng buộc bởi đặc thù của chủ thể đó và khó rút ra kết luận có tính khái quát. Chọn trường hợp khác nhau cho từng giai đoạn giúp mở rộng tầm phân tích và tăng tính khái quát của kết luận. Mỗi trường hợp có thể chọn tập trung phân tích điểm nổi bật của chủ thể đó phản ánh sự đặc thù của giai đoạn đó, không bị ràng buộc bởi việc duy trì tính nhất quán trong so sánh cùng một chủ thể qua thời gian.

Bên cạnh đó, phương pháp phân tích chính sách, phân tích diễn ngôn cũng được sử dụng nhằm làm rõ thực trạng hoạt động ngoại giao số trên thế giới. Phương

pháp phân tích dữ liệu thứ cấp từ các chỉ số như: Digital Diplomacy Index, Twiplomacy, Global Soft Power Index…dùng để phân tích các chính sách và việc thực thi ngoại giao số của các chủ thể chính trị nhằm rút ra cách tiếp cận đặc trưng. Đồng thời, kết hợp phương pháp so sánh, giúp đối chiếu việc thực hiện ngoại giao số giữa các quốc gia, khu vực, hoặc giữa các giai đoạn khác nhau, từ đó, tổng hợp lại để nhận diện các xu hướng chung.

Trong *Chương 4*, phương pháp phân tích – tổng hợp tiếp tục được sử dụng để phân tích tác động tương tác giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế. Phương pháp dự báo để nhìn nhận xu hướng vận động của ngoại giao số trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu. Phương pháp phân tích chính sách, nghiên cứu trường hợp, phương pháp so sánh... cũng được áp dụng nhằm làm rõ thực trạng của ngoại giao số Việt Nam, từ đó rút ra một số khuyến nghị cho Việt Nam.

5. Đóng góp của luận án

- *Về mặt khoa học:*

Thứ nhất, đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu, cập nhật, có hệ thống dưới góc độ nghiên cứu của Việt Nam. Luận án đã góp phần hệ thống hóa khái niệm và các cách tiếp cận học thuật về ngoại giao số như một hiện tượng mới trong chính trị quốc tế. Xây dựng định nghĩa đầy đủ, cập nhật và nhất quán về ngoại giao số trong bối cảnh chính trị quốc tế thế kỷ XXI. Đây là khoảng trống lý luận vì hiện có chưa có đồng thuận về định nghĩa. Đồng thời, xác định và phân tích cơ sở lý luận cho quan hệ giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

Thứ hai, luận án vận dụng và kiểm chứng kết hợp lý thuyết quan hệ quốc tế, lý luận về quyền lực mềm và ngoại giao chuyên biệt trong nghiên cứu chính trị quốc tế đương đại. Làm rõ những luận giải về ngoại giao số trong chính trị quốc tế là công cụ thúc đẩy ngoại giao công chúng và quyền lực mềm của các chủ thể chính trị quốc tế. Đối với các nước phát triển, ngoại giao số có thể được định hình như một hình thức ngoại giao chuyên ngành. Từ góc độ của các nước nhỏ và tầm trung, ngoại giao số có thể phát triển như một hình thức của ngoại giao chuyên biệt

Từ đó đưa ra lập luận chính về mặt lý luận, Việt Nam với mong muốn vươn tới vị thế tầm trung, cần quan tâm đến nhóm các loại hình ngoại giao chuyên biệt, trong đó ngoại giao số có thể là một lợi thế quan trọng.

- *Về mặt thực tiễn:*

Thứ nhất, luận án góp phần dựng lại quá trình hình thành, phát triển ngoại giao số qua ba "làn sóng" với việc tích các trường hợp điển hình làm minh chứng thực tiễn. Đồng thời, làm rõ hơn nhận thức về ngoại giao số trong chính trị quốc tế khi thế giới đang bước vào kỷ nguyên số.

Thứ hai, luận án đã phân tích những tác động của ngoại giao số đến chính trị quốc tế, từ đó chỉ ra xu hướng vận động của ngoại giao số trong kỷ nguyên số.

Thứ ba, chỉ ra các điều kiện để ngoại giao số phát huy hiệu quả, đặc biệt với các quốc gia vừa và nhỏ, và các rủi ro cần quản lý, từ đó cung cấp cơ sở tham chiếu cho hoạch định chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên số.

Thứ tư, các kết quả của luận án có thể bổ sung, hoàn thiện hơn hệ thống nghiên cứu về đối ngoại, ngoại giao của Việt Nam, đặc biệt là khi các nghiên cứu về ngoại giao số còn tương đối mới mẻ. Như vậy, luận án có thể là tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu và giảng dạy về ngoại giao và chính trị quốc tế nói chung, cũng như cho việc tư vấn hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam trong kỷ nguyên số nói riêng.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận án có kết cấu 4 chương bao gồm:

- Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu: Lịch sử nghiên cứu vấn đề được hệ thống hoá theo 4 nội dung (1) Các nghiên cứu lý luận về chính trị quốc tế và ngoại giao; (2) Các nghiên cứu về ngoại giao số (3) Các công trình nghiên cứu về quan hệ giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế; (4) Các nghiên cứu về thực tiễn ngoại giao số của các chủ thể chính trị quốc tế. Từ đó, đưa ra những nhận xét về các khoảng trống và vấn đề nghiên cứu trong phần (5) Nhận xét.

- Chương 2 của luận án xem xét cơ sở lý luận và thực tiễn của ngoại giao số. Luận án phân tích các lý luận về chính trị quốc tế, tập trung vào các khía cạnh chủ

thể, các học thuyết cơ bản, các khái niệm liên quan đến chính trị quốc tế và ngoại giao. Một nội dung quan trọng là kết hợp các lý luận về ngoại giao và chính trị quốc tế để luận giải việc thúc đẩy ngoại giao số của chủ thể chính trị quốc tế như một công cụ của sức mạnh mềm và ngoại giao chuyên biệt. Cơ sở thực tiễn được trình bày thông qua xem xét đặc điểm của chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI, sự ra đời và hình thành của ngoại giao số. Trên cơ sở lý luận và thực tiến, Chương 2 cũng đưa ra khung phân tích của luận án.

- Nội dung của Chương 3 tập trung xem xét thực tiễn ngoại giao số trong chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI. Trong đó, thực tiễn ngoại giao số của các chủ thể quốc gia được chia thành 2 giai đoạn, trước và sau Đại dịch COVID-19. Trên cơ sở những đặc điểm của thực tiễn ngoại giao số trên thế giới ở mỗi giai đoạn, các trường hợp nghiên cứu tại mỗi khu vực được đưa ra như những minh chứng cho các luận điểm này. Ngoài ra, ngoại giao số của chủ thể phi quốc gia là các tổ chức quốc tế cũng được đề cập để hoàn thiện bức tranh về thực trạng ngoại giao số trên thế giới trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

- Chương 4 phân tích các tác động tương tác giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế. Từ đó xây dựng cơ sở dự báo về xu hướng vận động của ngoại giao số như xem xét các yếu tố tích cực và hạn chế của ngoại giao số, những cơ hội và thách thức của kỷ nguyên số có khả năng ảnh hưởng đến ngoại giao số trong thế kỷ XXI. Cuối cùng, dựa trên việc xem xét ngoại giao số của Việt Nam, từ nhận thức đến thực tiễn, luận án đưa ra một số khuyến nghị nhằm tận dụng và phát huy ngoại giao số, từ đó, có thể phát triển ngoại giao số của Việt Nam như một loại hình ngoại giao chuyên biệt của các nước nhỏ và tầm trung.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Liên quan đến đề tài luận án, có thể phân chia các công trình nghiên cứu của các học giả thành bốn nhóm chính:

1.1. Các nghiên cứu về lý luận về chính trị quốc tế và ngoại giao

Về chính trị quốc tế và ngoại giao, đã có rất nhiều các nghiên cứu rất phong phú và đa dạng có chiều sâu và bề dày lịch sử. Do chính trị quốc tế là một bộ phận quan trọng của quan hệ quốc tế nên nội dung này được đề cập đến khá nhiều trong các công trình lý luận về quan hệ quốc tế. Trong đó, có những công trình kinh điển như: *Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace* (Chính trị giữa các quốc gia: Cuộc đấu tranh giành quyền lực và hòa bình) (Morgenthau, 1948). Trong đó, Morgenthau định nghĩa chính trị quốc tế như một cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ giữa các quốc gia để giành lấy và giữ gìn quyền lực trong một hệ thống vô chính phủ. Đây là định nghĩa nền tảng của trường phái Hiện thực (Realism), nhấn mạnh yếu tố quyền lực và lợi ích.

Tác phẩm *Theory of International Politics* (Lý thuyết chính trị quốc tế) (Waltz, 1979) đã đặt nền móng cho Chủ nghĩa tân hiện thực (Neorealism), với những luận điểm quan trọng sau: (a) Cấu trúc hệ thống quốc tế là yếu tố quyết định hành vi của các quốc gia; (b) Hệ thống quốc tế mang tính vô chính phủ, không có chính quyền toàn cầu, các quốc gia tự lo cho an ninh và lợi ích của mình; (c) Chủ thể chính là các quốc gia có chủ quyền, giống nhau về chức năng nhưng khác nhau về năng lực; (d) Cân bằng quyền lực là xu thế tự nhiên để duy trì trật tự quốc tế.

Trong phạm vi của luận án, chúng tôi đã cố gắng tiếp cận với những công trình tập trung về chính trị quốc tế hiện đại và tương đối cập nhật. Các nghiên cứu đều nhấn mạnh sự thay đổi của hệ thống quốc tế trong bối cảnh hiện đại và thảo luận về các vấn đề chính trị quan trọng đang định hình thế giới. Hầu hết các công trình tiếp cận được đều dành một dung lượng lớn cho việc phân tích, lý luận về ngoại giao. Một số công trình tiêu biểu như: *International Politics: States,*

Power and Conflict since 1945 (Chính trị quốc tế: Các quốc gia, quyền lực và xung đột từ năm 1945) *(*G.R.Berridge, 2013); *International Politics: Concepts, Theories and Issues* (Chính trị quốc tế: Các khái niệm, lý thuyết và vấn đề) (Rumki Basu, 2012); *The Globalization of World Politics: An Introduction to International Relations* (Toàn cầu hóa chính trị thế giới: Giới thiệu về quan hệ quốc tế) (Baylis, Smith, & Owens, 2020)...

Bên cạnh đó còn có các công trình tập trung bàn thảo về các chủ thể tham gia vào chính trị quốc tế hiện đại bao gồm cả các chủ thể phi quốc gia: *International organizations* (Các Tổ chức quốc tế) (Archer, C., 1992); *The rise of non-state actors in global governance: Opportunities and limitations* (Sự trỗi dậy của các tác nhân phi nhà nước trong quản trị toàn cầu: Cơ hội và hạn chế) (Weiss, T., 2013)... Nhìn chung, các công trình đều mô tả chính trị quốc tế như sự tương tác giữa các chủ thể (states and non-state actors) trong hệ thống vô chính phủ toàn cầu, nhấn mạnh các yếu tố quyền lực, an ninh, hợp tác và thể chế.

Các công trình đặt ngoại giao là vấn đề trọng tâm nghiên cứu, từ đó xem xét quan hệ, tác động của ngoại giao đến quan hệ quốc tế/chính trị quốc tế cũng rất phong phú và đa dạng, điển hình như: *Understanding International Diplomacy: Theory, Practice and Ethics* (Hiểu về Ngoại giao quốc tế: Lý thuyết, Thực hành và Đạo đức) (Corneliu Bjola, Markus Kornprobst, 2013); *The Networked State and the End of 20th Century Diplomacy* (Nhà nước mạng lưới và sự kết thúc của ngoại giao thế kỷ 20) (Owen, T., 2016); *Agency Change: Diplomatic Action beyond the State* (Thay đổi Chức năng: Hành động ngoại giao vượt ra ngoài Nhà nước) (Kelley, J. R., 2014) ... Kết quả chung đều khẳng định ngoại giao là công cụ, phương thức quan trọng trong việc thực thi các hoạt động quan hệ quốc tế và chính trị quốc tế.

Một trong những công trình điển hình và tương đối cập nhật về quan hệ giữa ngoại giao và chính trị quốc tế là cuốn *Diplomacy and the Making of World Politics* (Ngoại giao và việc hình thành chính trị thế giới) (Ole Jacob Sending, Vincent Pouliot, Iver B. Neumann, 2015). Cuốn sách này nghiên cứu chính trị

thế giới qua lăng kính thực hành ngoại giao. Trong đó, các tác giả lập luận rằng nhiều hiện tượng toàn cầu đương đại, từ việc thiết lập luật pháp quốc tế đến việc thành lập quyền lực quốc tế chung, thông qua chủ nghĩa nhân đạo và duy trì hệ thống phân cấp toàn cầu, đều có thể thực hiện được và được định hình thông qua các hình thức ngoại giao đang phát triển. Nghiên cứu về ngoại giao phần lớn bị chi phối bởi cách tiếp cận các hiệp ước lịch sử, chưa có nhiều thảo luận về mặt lý thuyết, do đó nghiên cứu này chi rằng nghiên cứu về chính trị thế giới cần lý thuyết hóa rõ ràng hơn cũng như tập trung hơn vào nghiên cứu những gì diễn ra trong ngoại giao của chính trị quốc tế, đưa ngoại giao vào trọng tâm của lý thuyết quan hệ quốc tế và làm mới lại mối quan tâm lý thuyết về vấn đề này. Cuốn sách cũng đưa ra các nghiên cứu trường hợp thực tiễn phong phú về mối quan hệ giữa các nhà ngoại giao và các bên liên quan khác, đặt câu hỏi về tương lai của ngoại giao, giúp làm sáng tỏ những thay đổi và tiềm năng của ngoại giao trong sự vận động của chính trị thế giới.

Tại Việt Nam, các vấn đề lý luận về chính trị quốc tế và ngoại giao, thường được giới thiệu chủ yếu thông qua các giáo trình phục vụ đào tạo tại các trường đại học. Một trong những cuốn sách tham khảo cập nhật, xuất bản tại Việt Nam đề cập đến các vấn đề về quan hệ chính trị hiện đại là cuốn *Chính trị quốc tế hiện đại* (Học viện Ngoại giao, 2018). Cuốn sách đã chọn lọc và biên dịch các bài viết kinh điển và cập nhật thể hiện quan điểm đa chiều của các học giả hàng đầu khu vực và thế giới về những vấn đề của chính trị quốc tế hiện đại. Nội dung của các bài nghiên cứu trong cuốn sách cho thấy, chính trị quốc tế hiện đại không chỉ còn gắn liền với khái niệm quyền lực và sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn như trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, mà bối cảnh chính trị quốc tế đương đại được mô tả như "một bức tranh pha trộn nhiều màu sắc". Theo đó, trong chính trị quốc tế đang diễn ra quá trình chuyển dịch quyền lực dẫn đến những vận động mới trong tập hợp lực lượng và kiến trúc khu vực, cũng như thúc đẩy sự phân tán quyền lực từ chủ thể quốc gia sang các chủ thể phi quốc gia. Công trình *Ngoại giao: Lý luận và Thực tiễn* (Dương Văn Quảng (Chủ biên),

2021) đã chắt lọc, hệ thống hóa các quan điểm cũng như các kết quả nghiên cứu đã có để cung cấp một cái nhìn toàn diện về lý luận và thực tiễn của ngoại giao trên thế giới cũng như của Việt Nam.

Ngoài ra, có thể tìm thấy nguồn tư liệu tham khảo bổ sung về hoạt động ngoại giao trong các công trình nghiên cứu chung về thành tựu của ngoại giao Việt Nam hiện đại như: *Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam* (Đặng Đình Quý (Chủ biên), 2019), *Hoạt động đối ngoại của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI* (Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Thị Thúy, 2021); *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1945-2020)* (Vũ Dương Ninh, 2021)...

Trong bối cảnh chính trị quốc tế hiện đại có nhiều chuyển biến, các loại hình ngoại giao cũng ngày càng trở nên đa dạng. Do đó các nghiên cứu về các loại hình ngoại giao cũng thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Có thể kể đến một số công trình như: *New Public Diplomacy in the 21st Century* (Ngoại giao công chúng mới trong thế kỷ XXI) (Pamment, 2013)*; Public diplomacy as a challenge in foreign policy* (Ngoại giao công chúng như một thách thức trong chính sách đối ngoại) (Rafael Rubio, 2015)*;* Các công trình này đều phân tích sự thay đổi vai trò của công chúng và các chủ thể trong nền ngoại giao hiện đại, nhấn mạnh tầm quan trọng của tương tác hai chiều và các chiến lược về nội dung truyền tải.

Ngoài ra, còn một số công trình tiếp cận ngoại giao từ góc độ loại hình chủ thể như: *Small State Diplomacy, International Relations* (Ngoại giao quốc gia nhỏ, Quan hệ quốc tế) (Anders Wivel, 2023)*, Ngoại giao cường quốc tầm trung: Lý thuyết, thực tiễn quốc tế và hàm ý cho Việt Nam* (Đỗ Thị Thủy, 2021), *Ngoại giao chuyên biệt: Hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030* (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020)… Nội dung tập trung chủ yếu vào việc xem xét vai trò của ngoại giao và các loại hình ngoại giao đối với nhóm các nước nhỏ, tầm trung.

Nhìn chung, ở nhóm này, các công trình đã phân tích và lý luận về các nội hàm của chính trị quốc tế cũng như ngoại giao. Theo đó, các công trình đều kế

thừa các kết quả nghiên cứu trước đó và khẳng định ngoại giao là công cụ quan trọng của các chủ thể tham gia chính trị quốc tế và tác động mạnh mẽ đến các vấn đề chính trị quốc tế. Từ đó các công trình đã chỉ ra những tác động chung, cơ bản của ngoại giao đến chính trị quốc tế và ngược lại.

1.2. Các nghiên cứu về ngoại giao số

Trên thế giới, các vấn đề về ngoại giao trong thời đại máy tính đã được nghiên cứu từ khá sớm. Từ khi Internet trở thành một phần không thể thiếu của đời sống xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ Đại dịch COVID-19, các công trình và bài viết ngày càng trở nên đa dạng. Trong đó, có một số công trình đã được công bố từ những thập niên cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XIX như: *Public Diplomacy in the Computer Age* (Ngoại giao công chúng trong thời đại máy tính) (Allen Hansen, 1989); *Cyber-Diplomacy – Managing Foreign Policy in the Twenty-First Century* (Ngoại giao mạng – Quản lý chính sách đối ngoại trong thế kỷ XXI) (Evan H.Potter, 2002)

Sang những thập niên đầu của thế kỷ XX, đã có thêm nhiều các công trình nghiên cứu đề cập nhiều hơn đến ngoại giao số như: *Diplomacy Development and Security in the Information Age* (Phát triển ngoại giao và an ninh trong thời đại thông tin) (Shanthi Kalathil, 2013); *Diplomacy in the Digital Age* (Ngoại giao trong thời đại kỹ thuật số) (Corneliu Bjola, 2018);;; *The Digitalization of Public Diplomacy* (Số hóa ngoại giao công chúng) (Ilan Manor, 2019)... Các công trình này nghiên cứu về sự thay đổi của ngoại giao nói chung và ngoại giao công chúng nói riêng trong bối cảnh công nghệ thông tin ngày càng phát triển và ngoại giao số bắt đầu được đề cập đến như một biểu hiện chuyển đổi của ngoại giao và ngoại giao công chúng

Sau đó đã có các công trình nghiên cứu trực tiếp về ngoại giao số như: *Digital diplomacy* (Ngoại giao kỹ thuật số) (Lewis, D., 2014); *Digital Diplomacy: Theory and Practice*, (Ngoại giao số: Lý thuyết và Thực tiễn) (Corneliu Bjola và Marcus Holmes (ed.), 2015); *The Benefits and Risks of Digital Diplomacy* (Lợi ích và Rủi ro của Ngoại giao Số) (Viona Rashica,

2018)... Hầu hết, các công trình này đều tập trung vào việc phân tích các yếu tố tác động dẫn đến sự ra đời và phát triển của ngoại giao số, từ đó đưa ra các khái niệm và nội hàm của ngoại giao số cũng như các khía cạnh tích cực và hạn chế của loại hình ngoại giao mới này.

Một số nghiên cứu khác thì tập trung hơn cách thức ngoại giao số thông qua các công cụ như Facebook hay Twitter: *Digital Diplomacy 2.0? A Cross-national Comparison of Public Engagement in Facebook and Twitter* (Ngoại giao Số 2.0? So sánh liên quốc gia về mức độ tương tác công chúng trên Facebook và Twitter) (Konit Kampf, Ilan Manor, Elad Segev, 2015); ...

Trong hệ thống các nghiên cứu về ngoại giao số, đáng ghi nhận là các bài viết của học Ilan Manor như *What is Digital Diplomacy, and how is it Practiced around the World? A brief introduction* (Ngoại giao số là gì và nó được thực hành như thế nào trên thế giới? Giới thiệu tóm tắt) (Ilan Manor, 2016), loạt bài viết được đăng tải trên trang www.digdipblog.com, *The Digitalization of Diplomacy: Toward Clarification of a Fractured Terminology* (Số hóa ngoại giao: Hướng tới làm rõ thuật ngữ bị chia cắt), *The Contradictory Trends of Digital Diaspora Diplomacy* (Các xu hướng trái ngược của ngoại giao di cư kỹ thuật số) (Ilan Manor, 2017)…đã nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của ngoại giao kỹ thuật số từ việc sử dụng các thuật ngữ, đến các khuynh hướng hai mặt trong việc sử dụng ngoại giao kỹ thuật số.

Cuốn sách *Digital Diplomacy: Conversations on Innovation in Foreign Policy* (Ngoại giao Số: Những cuộc đối thoại về đổi mới trong chính sách đối ngoại) (Sandre, A.,2015) tập trung vào xem xét cách công nghệ số và truyền thông xã hội đang thay đổi hoạt động ngoại giao truyền thống. Thông qua trao đổi với các viên chức Bộ Ngoại giao, đại sứ, giám đốc quan hệ công chúng, chuyên gia chính sách công và học giả, công trình đã nhấn mạnh công nghệ số giúp các quốc gia, tổ chức và cá nhân tham gia vào các hoạt động ngoại giao theo cách mở hơn, nhanh hơn và minh bạch hơn. Ngoại giao không còn chỉ giới hạn trong các cuộc gặp mặt trực tiếp mà mở rộng ra các nền tảng kỹ thuật số như

Twitter, Facebook, và các diễn đàn trực tuyến. Ngoại giao số tạo nên sức mạnh của truyền thông xã hội, Ngoại giao kỹ thuật số tạo điều kiện cho người dân có thể trực tiếp tham gia vào các cuộc thảo luận ngoại giao thông qua mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến. Điều này làm thay đổi cách thức hoạt động của các đại sứ quán và cơ quan ngoại giao khi họ phải thích nghi với cách tiếp cận hai chiều thay vì chỉ đơn thuần phát đi thông điệp. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã phân tích những thách thức và rủi ro mà ngoại giao số mang lại, chẳng hạn như thông tin sai lệch, an ninh mạng, và vấn đề kiểm soát thông tin; hay việc sử dụng mạng xã hội không cẩn thận có thể gây ra khủng hoảng ngoại giao hoặc bị các thế lực thù địch lợi dụng để thao túng thông tin. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra những dự đoán về tương lai của ngoại giao số trong kỷ nguyên số, nơi mà trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn (big data) và blockchain có thể tiếp tục định hình cách thức tương tác giữa các quốc gia. Tác giả dự đoán ngoại giao số sẽ tiếp tục phát triển và gắn liền với trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn và an ninh mạng. Các nước sẽ cần xây dựng chiến lược mới để khai thác sức mạnh của công nghệ số mà vẫn đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Cùng hướng nghiên cứu *The Digitalization of Public Diplomacy* (Số hóa ngoại giao công chúng) (Manor, 2019), công trình này tập trung vào sự chuyển dịch của ngoại giao công chúng sang không gian kỹ thuật số, phân tích cách các đại sứ quán, tổ chức nhà nước vận hành nội dung qua mạng xã hội.

Đặc biệt, cuốn *Digital Diplomacy: Theory and Practice* (Ngoại giao kỹ thuật số: Lý thuyết và Thực tiễn) (Bjola & Holmes, 2015**)** là công trình mang tính nền tảng, phân tích toàn diện từ lý thuyết đến thực hành ngoại giao số, trong đó nhấn mạnh tính chiến lược và năng lực thích ứng của các quốc gia.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về ngoại giao số trên thế giới, đa phần thường dựa trên cách tiếp cận truyền thông và công nghệ. Các công trình này này nhấn mạnh vào vai trò của các phương tiện truyền thông xã hội, nền tảng kỹ thuật số và dữ liệu lớn trong thay đổi phương thức truyền đạt thông điệp ngoại giao.

Tại Việt Nam, ngoại giao số chỉ được đề cập đến kể từ Đại dịch COVID – 19. So với các nghiên cứu về ngoại giao số trên thế giới, các nghiên cứu của Việt

Nam còn khá mỏng. Hiện nay, mới chỉ có một vài công trình đề cập trực tiếp đề tài này như "*Ngoại giao số: Lý thuyết, kinh nghiệm và hàm ý chính sách với Việt Nam*" (Vũ Lê Thái Hoàng, Nguyễn Đức Huy, 2020); *Ngoại giao số: Lý luận và thực tiễn* (Lê Đình Tĩnh (chủ biên), 2021); *Ngoại giao số của Việt Nam trong Đại dịch COVID-19*: *Thách thức và cơ hội* (Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Như Quỳnh, 2022)…

Trong đó, *Ngoại giao số: Lý luận và thực tiễn* (Lê Đình Tĩnh (chủ biên), 2021) là công trình có tính hệ thống và công phu hơn cả về ngoại giao kỹ thuật số tại Việt Nam. Nhóm tác giả đã tập trung giải quyết ba nội dung cơ bản, bao gồm (1) Lý luận về ngoại giao số: tập hợp và hệ thống hóa các khái niệm liên quan đến ngoại giao số, chỉ ra đặc điểm và các nhân tố tác động đến ngoại giao số; (2) Xem xét thực tiễn triển khai ngoại giao số tại một số quốc gia, từ đó nhận định về các vấn đề đặt ra và bài học kinh nghiệm; (3) Phân tích về lợi ích của ngoại giao số đối với Việt Nam, nhìn nhận những cơ hội và thách thức, từ đó đề xuất phương hướng phát triển cho ngoại giao số Việt Nam.

Ngoài ra còn có một số bài viết được đăng tải trên các báo cung cấp và cập nhật thông tin về công tác triển khai ngoại giao số của Việt Nam hoặc đề xuất chính sách cho Việt Nam trong bối cảnh mới như: *Hội nhập quốc tế trong "kỷ nguyên số" và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam* (Nguyễn Việt Lâm, Lê Trung Kiên, 2021); *Ngoại giao số: Xu thế tất yếu* (Nguyễn Hùng Sơn, 2021); *Ngoại giao số: Tiêu chuẩn mới Hậu COVID-19* (Hoài Sơn, 2021)…

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về ngoại giao số tại Việt Nam này chủ yếu tập hợp, hệ thống hóa và khái quát về khái niệm ngoại giao số, kinh nghiệm của một số quốc gia, từ đó có những gợi ý ban đầu cho chính sách đối ngoại của Việt Nam.

1.3. Các nghiên cứu về quan hệ giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế

Nghiên cứu về tác động của ngoại giao số đối với quan hệ quốc tế hay chính trị quốc tế thường được đề cập đến nhưng một phần nội dung cơ bản trong nhiều công trình đã nêu ở trên. Có thể kể đến một số công trình điển hình như:

The Digitalization of Public Diplomacy (Số hóa Ngoại giao công chúng) (Ilan Manor, 2019), *Cyber Diplomacy: Managing Foreign Policy in the 21st Century* (Ngoại giao mạng: Quản lý chính sách đối ngoại trong thế kỷ 21) (Evan Potter, 2002), *Digital Diplomacy: Conversations on Innovation in Foreign Policy* (Ngoại giao Số: Những cuộc đối thoại về đổi mới trong chính sách đối ngoại) (Sandre, A.,2015) hoặc có thể là nội dung nằm trong các nghiên cứu trường hợp như: *The Effects of Digital Diplomacy on International Relations: Lessons for Sri Lanka* (Tác động của Ngoại giao Số đối với Quan hệ Quốc tế: Bài học dành cho Sri Lanka) (Chattalie Jayatilaka 2020)... Trong đó, hầu hết các công trình đều xem xét tác động của ngoại giao số như một phần tác động của công nghệ thông tin đến ngoại giao, quan hệ quốc tế và chính trị quốc tế. Có thể khái quát bằng ba lập luận chính như sau: (1) công nghệ thông tin/ngoại giao số có thể nhân lên và khuếch đại số lượng tiếng nói và lợi ích liên quan đến việc hoạch định chính sách quốc tế, làm phức tạp quá trình ra quyết định quốc tế và giảm sự kiểm soát độc quyền của các quốc gia trong quá trình này; (2) đẩy nhanh và giải phóng việc phổ biến thông tin, chính xác hay không, về bất kỳ vấn đề hoặc sự kiện nào có thể tác động đến hậu quả và cách xử lý của nó; (3) cho phép các dịch vụ ngoại giao truyền thống được cung cấp nhanh hơn và tiết kiệm chi phí hơn, cho cả công dân và chính phủ của một quốc gia, cũng như cho các quốc gia khác.

Bài viết *Digital Diplomacy: The Impact of the Internet on International Relations* (Ngoại giao số: Tác động của Internet đến quan hệ quốc tế) của Nicholas Westcott (2008) tập trung phân tích ảnh hưởng của Internet đối với quan hệ quốc tế và hoạt động ngoại giao. Ông lập luận rằng Internet thay đổi bối cảnh của quan hệ quốc tế, làm xói mòn độc quyền thông tin của các chính phủ, giúp các cá nhân, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp có tiếng nói lớn hơn trong các vấn đề quốc tế. Mạng xã hội và công nghệ thông tin làm tăng tính minh bạch, thúc đẩy yêu cầu giải trình từ phía các cơ quan công quyền.Trong bối cảnh đó, các chính phủ buộc phảo chuyển đổi trong phương thức ngoại giao. Ngoại giao số là một trong những biểu hiện tiêu biểu cho sự chuyển đổi này. Ngoại giao

truyền thống (giao tiếp giữa chính phủ với chính phủ) đang được bổ sung và phần nào thay thế bởi ngoại giao kỹ thuật số, nhờ vậy, các nhà ngoại giao có thể giao tiếp với công chúng toàn cầu thông qua Internet. Do luồng thông tin nhanh và lan rộng trên Internet, thời gian phản ứng trong các tình huống khủng hoảng bị rút ngắn lại. Không những vậy, Internet làm thay đổi cán cân quyền lực toàn cầu, tác động đến quyền lực quốc gia. Các quốc gia nhỏ hoặc các tổ chức phi chính phủ có thể sử dụng Internet để gây ảnh hưởng chính sách, vận động dư luận quốc tế. Các nhà ngoại giao phải đối mặt với nguy cơ thông tin bị rò rỉ, tin giả lan truyền và dư luận khó kiểm soát, tạo nên thách thức đối với ngoại giao truyền thống. Vai trò của đại sứ quán và nhà ngoại giao chuyên nghiệp cần được điều chỉnh để thích ứng với môi trường số, trong đó sự nhanh nhạy và khả năng giao tiếp số trở thành yếu tố then chốt. Nói tóm lại, Westcott cho rằng Internet không chỉ là một công cụ mà là một môi trường mới cho quan hệ quốc tế, đòi hỏi các quốc gia phải tái cấu trúc tư duy và thực hành ngoại giao để phù hợp với thời đại kỹ thuật số. Năng lực ảnh hưởng của quốc gia không còn phụ thuộc hoàn toàn vào sức mạnh quân sự hay kinh tế, mà còn ở khả năng quản trị và khai thác thông tin.

Cuốn *Digital Diplomacy: Theory and Practice* (Ngoại giao số: Lý thuyết và Thực tiễn), (Corneliu Bjola và Marcus Holmes (ed.), 2015) được coi là một trong những công trình xem xét đánh giá toàn diện và cập nhật nhất về ngoại giao số. Cuốn sách này tập hợp các bài nghiên cứu phân tích ngoại giao kỹ thuật số như một sự thay đổi hình thức quản lý trong chính trị quốc tế. Mục tiêu của cuốn sách là lý thuyết hóa ngoại giao kỹ thuật số là gì, đánh giá mối quan hệ của nó với các hình thức ngoại giao truyền thống, xem xét động lực quyền lực tiềm ẩn vốn có trong ngoại giao kỹ thuật số và đánh giá các điều kiện cho ngoại giao kỹ thuật số điều chỉnh hoặc hạn chế chính sách đối ngoại. Việc áp dụng rộng rãi kỹ thuật số trong các bộ ngoại giao thường chỉ được coi các sáng kiến hỗ trợ hoạt động ngoại giao. Các quốc gia chỉ mới nhận ra tiềm năng của kỹ thuật số trong việc thay đổi cách thức tiến hành các khía cạnh của tương tác giữa các quốc gia.

Đặc biệt, việc áp dụng ngoại giao kỹ thuật số, tức là sử dụng phương tiện truyền thông xã hội cho mục đích ngoại giao, đã làm thay đổi các hoạt động ngoại giao, thay đổi cách các nhà ngoại giao tham gia vào quản lý thông tin, ngoại giao công chúng, lập kế hoạch chiến lược, đàm phán quốc tế hoặc thậm chí là quản lý khủng hoảng. Mặc dù đã có thay đổi đáng kể này, cũng như có thể thấy khả năng mà ngoại giao kỹ thuật số mang lại, vẫn chưa có nhiều hiểu biết, từ góc độ phân tích, về cách thức hoạt động của ngoại giao kỹ thuật số.

Bài nghiên cứu của học giả Adesina, S., O. (2017), *Foreign policy in an era of digital diplomacy - Benefits of digital diplomacy* (Chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên ngoại giao số - Lợi ích của ngoại giao số), tập trung vào chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên ngoại giao số và lợi ích của ngoại giao số. Không chỉ đề cập đến khái niệm ngoại giao số, tác giả còn phân tích cách công nghệ kỹ thuật số, đặc biệt là mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến, đang thay đổi cách các quốc gia tiến hành ngoại giao. Bài viết cũng chỉ ra những lợi ích cũng như thách thức của ngoại giao số. Nhìn chung, Adesina lập luận rằng ngoại giao số mang lại nhiều lợi ích đáng kể cho chính sách đối ngoại, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của các quốc gia trong việc thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong lĩnh vực ngoại giao.

Gần đây nhất là cuốn *The Oxford Handbook of Digital Diplomacy* (Cẩm nang Oxford về Ngoại giao Kỹ thuật số) (Bjola & Manor (ed.), 2024), của các học giả quen thuộc với chủ đề ngoại giao số. Công trình đã hệ thống hoá và cập nhật những nội dung mới về ngoại giao số. Một số bài nghiên cứu sự dịch chuyển động lực quyền lực trong ngoại giao, khám phá những thách thức mà các bộ phận ngoại giao phải đối mặt trong việc thích ứng với công nghệ kỹ thuật số, việc ứng dụng các công cụ kỹ thuật số như một phương tiện gây ảnh hưởng và sự phát triển năng động trong tương tác của các nhà ngoại giao với các công ty công nghệ. Dựa trên những hiểu biết từ nhiều lĩnh vực khác nhau như quan hệ quốc tế, nghiên cứu ngoại giao, truyền thông, xã hội học, nghiên cứu internet và tâm lý học, cuốn cẩm nang này cũng đã xem xét việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số cho

phát triển quốc tế ở các nước đang phát triển, những nỗ lực chống lại thông tin sai lệch kỹ thuật số ở Trung Đông, và các chiến lược kỹ thuật số của các quốc gia ở châu Âu và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Như vậy, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về ngoại giao số trên thế giới tìm hiểu về tác động của loại hình ngoại giao mới này đến quan hệ quốc tế nói chung. Các công trình này đã sử dụng cách tiếp cận chính trị - quyền lực/sức mạnh mềm để chỉ ra rằng không gian số là môi trường quan trọng để triển khai sức mạnh mềm quốc gia. Một số nghiên cứu cũng đã mở rộng phân tích sang trận địa thông tin, cuộc chiến hình ảnh và sức mạnh biểu tượng trong không gian mạng. Tuy nhiên cũng chưa có nhiều các công trình hệ thống hóa và tập trung vào xem xét quan hệ giữa ngoại giao số với chính trị quốc tế, đặc biệt là chưa nhiều công trình cập nhật được các vấn đề này trong giai đoạn trong và hậu COVID-19, hay từ góc độ của các quốc gia đang phát triển.

1.4. Các nghiên cứu về thực tiễn ngoại giao số của các chủ thể chính trị quốc tế

Các công trình về thực tiễn triển khai ngoại giao số của các chủ thể chính trị quốc tế được triển khai theo hai cách:

(1) ***Thực tiễn ngoại giao số được lồng ghép như những minh chứng cho việc nghiên cứu tổng thể về ngoại giao số***. Có thể thấy các nội dung này trong hầu hết các công trình nghiên cứu về sự thay đổi của ngoại giao nói chung và ngoại giao công chúng nói riêng, hay các công trình nghiên cứu trực tiếp về ngoại giao số đã nêu trên, như: *Diplomacy Development and Security in the Information Age* (Phát triển ngoại giao và an ninh trong thời đại thông tin) (Shanthi Kalathil, 2013); *Diplomacy in the Digital Age* (Ngoại giao trong thời đại kỹ thuật số) (Corneliu Bjola, 2018); *The Digitalization of Public Diplomacy* (Số hóa ngoại giao công chúng) (Ilan Manor, 2019); *Digital diplomacy* (Ngoại giao kỹ thuật số) (Lewis, D.,2014); *Digital Diplomacy: Conversations on Innovation in Foreign Policy* (Ngoại giao Số: Những cuộc đối thoại về đổi mới trong chính sách đối ngoại) (Sandre, A.,2015); *Digital Diplomacy 2.0? A Cross-national Comparison of Public Engagement in Facebook and Twitter* (Ngoại giao Số 2.0?

So sánh liên quốc gia về mức độ tương tác công chúng trên Facebook và Twitter) (Konit Kampf, Ilan Manor, Elad Segev, 2015)...

Trong công trình nền tảng *Digital Diplomacy: Theory and Practice* (Ngoại giao số: Lý thuyết và Thực tiễn) (Corneliu Bjola và Marcus Holmes (ed.), 2015), các tác giả đã lựa các nghiên cứu trường hợp điển hình, từ tổ chức quốc tế như Tòa án Tội phạm Quốc tế (International Criminal Court), đến quốc gia cụ thể như Thụy Điển, hay nghiên cứu so sánh giữa Anh và Canada, giữa Hoa Kỳ và Australia, hay giữa EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản... Cách tiếp cận phân tích các trường hợp nghiên cứu này cũng khá đa dạng, từ tiếp cận chính sách, đến bối cảnh, công nghệ... Nhìn chung, các nghiên cứu này đều cho thấy các chủ thể chính trị quốc tế như quốc gia hay tổ chức quốc tế đều ý thức được tầm quan trọng của ngoại giao số, do đó, đều đang cố gắng, nỗ lực để tận dụng những cơ hội và hạn chế thách thức của loại hình ngoại giao mới này.

(2) ***Các công trình nghiên cứu các trường hợp ngoại giao số trên các khía cạnh riêng hay trong các tình huống cụ thể***. Các nghiên cứu tập trung vào hoạt động ngoại giao số của một số quốc gia và tổ chức quốc tế trên những khía cạnh cụ thể như các bài viết: *America's selfie: How the US portrays itself on its social media accounts* (Manor, I., & Segev, C.,2015); *A Digital DFAT: Joining the 21st century* (Bộ Ngoại giao và Thương mại kỹ thuật số của Úc (DFAT): Tham gia thế kỷ 2) (Fergus Hanson, 2012); *Digital Diplomacy: US Foreign Policy on the Information Age* (Ngoại giao số: Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong thời đại thông tin) (Wilson Dizard Jr., 2001),… Các nghiên cứu trường hợp này đều tiếp cận phân tích từ mục tiêu, nội dung chính sách đến qua trình triển khai ngoại giao kỹ thuật số trên các khía cạnh như truyền thông, thương mại hay đối ngoại… Trên cơ sở đó, các nghiên cứu cũng đã đưa ra những đánh giá về sự thành công cũng như hạn chế của các chủ thể này khi thực hiện ngoại giao kỹ thuật số.

Các nghiên cứu trường hợp về ngoại giao số đã tiếp cận đến nhiều quốc gia khá đặc biệt trong hệ thống chính trị thế giới. Ví dụ như (Hardy, A., 2024) đã

chỉ ra trong công trình nghiên cứu *Estonia's digital diplomacy: Nordic interoperability and the challenges of cross-border e-governance* (Ngoại giao kỹ thuật số của Estonia: Khả năng tương tác giữa các nước Bắc Âu và những thách thức của quản trị điện tử xuyên biên giới), rằng Estonia là một trường hợp điển hình cho hình mẫu từ một quốc gia thiếu nguồn lực thành quốc gia quản trị kỹ thuật số toàn cầu. Trên cơ sở đó, Estonia đã thúc đẩy ngoại giao số thông qua việc thu hút các quốc gia khác bằng cách cung cấp các dich vụ kỹ thuật số. Ví dụ như, Estonia đã triển khai xuyên biên giới X-Road, một lớp trao đổi dữ liệu mã nguồn mở cho phép trao đổi dữ liệu an toàn, giữa Estonia, Phần Lan, Quần đảo Faroe, Quần đảo Åland và Iceland. Đây là cơ hội để mở rộng ảnh hưởng và định hình các chuẩn mực điện tử giữa các đối tác có cùng quan điểm địa chính trị. Do đó, ngoại giao kỹ thuật số cần phải mở rộng hơn những cách diễn giải quan trọng, không chỉ là sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong hoạt động hành chính của các cơ quan ngoại giao mà còn bao gồm cả việc dùng quản trị điện tử để tạo tác động ngoại giao và địa chính trị, cũng như phát triển quan hệ với các chủ thể chính trị quốc tế khác.

Gần đây, các tác giả Péter Kacziba, Sára Gibárti & Zoltán Lechner (2025), đã công bố kết quả nghiên cứu về ngoại giao số của Hy Lạp trong bài viết *Assessing Greece's Transition to Digital Diplomacy: Insights from Twitter/X (2021–2022)* (Đánh giá quá trình chuyển đổi sang ngoại giao số của Hy Lạp: Góc nhìn từ Twitter/X (2021–2022)). Năm 2019, chính phủ Hy Lạp cam kết cải cách định hướng chiến lược và vận hành trong chính sách đối ngoại của mình. Cuộc cải cách này đặc biệt nhấn mạnh vào ngoại giao công chúng và việc áp dụng các chiến lược truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội. Để đánh giá mức độ phản ánh của các nguyên tắc cải cách nói trên trong hoạt động ngoại giao số của Hy Lạp trên nền tảng Twitter, nay gọi là X, các tác giả đã thu thập các bài đăng và chỉ số liên quan từ 40 quan chức chính phủ tham gia vào hoạt động ngoại giao trên Twitter/X trong giai đoạn 2021–2022. Tập dữ liệu thu được được phân tích bằng phương pháp phân tích nội dung bán tự động, kết hợp giữa công cụ kỹ thuật

số và phân tích thủ công nhằm phân tích các diễn ngôn và cấu trúc tiềm ẩn trong mẫu nghiên cứu. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng cải cách đã có những tác động ban đầu, với tiến triển một phần ở cả hai khía cạnh chiến lược và vận hành. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế chủ yếu liên quan đến việc thể hiện chủ đề và sản xuất nội dung.

Còn Antwi-Boateng, O. & Al Mazrouei, K. A. M. (2021), trong nghiên cứu *The Challenges of Digital Diplomacy in the Era of Globalization: The Case of the United Arab Emirates* (Những thách thức của ngoại giao kỹ thuật số trong kỷ nguyên toàn cầu hóa: Trường hợp của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất), thông qua các cuộc phỏng vấn chuyên sâu với các quan chức, các học giả và nhà thực thi chính sách đối ngoại tại Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) để tìm hiểu về những thách thức liên quan đến ngoại giao kỹ thuật số của UAE. UAE đã áp dụng ngoại giao kỹ thuật số như một phần trong chiến lược quan hệ đối ngoại của mình vì vậy đã nhanh chóng tham gia toàn cầu hóa và sử dụng các công cụ kỹ thuật số để thúc đẩy chính sách đối ngoại của mình. Tuy nhiên, UAE vẫn phải đối mặt với những thách thức phi toàn cầu hóa đe dọa đến những lợi ích đầy đủ của ngoại giao kỹ thuật số như: trở ngại do an ninh quốc gia và kiểm duyệt của nhà nước, quy định về truyền thông, văn hóa tổ chức, thách thức về nhân sự,về ngôn ngữ, những nhận thức tiêu cực trong khu vực…

Trong bối cảnh các cuộc khủng hoảng và xung đột quốc tế đang diễn ra, các nghiên cứu tập trung hơn vào những tình huống cụ thể. Ví dụ như, bài viết *Understanding Digital Diplomacy Through Ukraine-Russia Events: The Truth Behind Events in Ukraine and Donbass* (Hiểu về ngoại giao số qua các sự kiện Ukraine-Nga: Sự thật đằng sau các sự kiện ở Ukraine và Donbass) (Türker Elitaş, (ed.), 2022). Các tác giả coi ngoại giao kỹ thuật số là một hình thức ngoại giao công chúng mới, sử dụng internet, công nghệ thông tin và phương tiện truyền thông xã hội như một phương tiện để tăng cường quan hệ ngoại giao. Với khả năng tiếp cận thông tin tốt hơn, tương tác nhiều hơn giữa mọi người và các tổ chức, và tính minh bạch cao hơn, ngoại giao số là sự chuyển đổi mạnh mẽ trước

những thách thức mới, cấu trúc và phương pháp đang thay đổi, với những hướng đi mới đang nổi lên. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích các cơ hội và công nghệ mới mà các cơ quan ngoại giao của Liên bang Nga và Ukraine sử dụng trong quá trình hoạt động hiện tại trong lĩnh vực quan hệ quốc tế.

Còn, Zinovieva E.S., Bulva V.I. (2022) lại xem xét ngoại giao số của Nga trong quan hệ với các quốc gia thành viên EU. Trong nghiên cứu *Digital Diplomacy in Russia's Relations with the EU Countries: Cross-Cultural Aspects* (Ngoại giao kỹ thuật số trong quan hệ của Nga với các nước EU: Các khía cạnh xuyên văn hóa), tác giả cho rằng, theo quan điểm truyền thống của các học giả như M. Castells và J. Nye, ngoại giao kỹ thuật số giúp tăng cường các mối liên kết mạng lưới ở cấp độ xã hội dân sự tại các quốc gia khác nhau và do đó làm giảm xung đột quốc tế. Tuy nhiên, sự khác biệt văn hóa và sự phân cực kỹ thuật số có thể cản trở tiềm năng của ngoại giao kỹ thuật số. Hiện nay, hầu hết các quốc gia và tổ chức quốc tế trên toàn cầu đều tham gia vào hoạt động ngoại giao kỹ thuật số, và Nga cũng không ngoại lệ. Mặc dù cả Nga và các nước EU đều sử dụng rộng rãi các công cụ ngoại giao kỹ thuật số, nhưng hoạt động tương tác mạng lưới theo chiều ngang được trung gian bởi các công nghệ kỹ thuật số lại không góp phần tăng cường lòng tin giữa các quốc gia và giảm thiểu xung đột.

Tương tự, các tác giả Zhao Alexandre Huang, Rui Wang (2021) có bài viết *Exploring China’s Digitalization of Public Diplomacy on Weibo and Twitter: A Case Study of the U.S.–China Trade War* (Khám phá quá trình số hóa ngoại giao công chúng của Trung Quốc trên Weibo và Twitter: Nghiên cứu điển hình về cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ-Trung), đã coi ngoại giao số là hình thức mới của ngoại giao công chúng. Trong đó, nghiên cứu về cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ – Trung thông qua xem xét cách thức Trung Quốc sử dụng diễn ngôn thể chế và tu từ học để xây dựng khái niệm ngoại giao công chúng số dựa, cũng như, cách hợp thức hóa truyền thông quốc tế mang tính tập trung và chính trị hóa. Các tác giả phân tích cách các hoạt động ngoại giao công chúng trong nước của Trung Quốc ảnh hưởng đến truyền thông quốc tế của nước này. Việc so sánh các hoạt

động trực tuyến của Bộ Ngoại giao Trung Quốc trong nước (ví dụ: trên Weibo) và quốc tế (ví dụ: trên Twitter) cho thấy, ngoại giao công chúng số của Trung Quốc nhấn mạnh vào việc tuyên truyền và xây dựng diễn ngôn, là một công cụ phục vụ cho các vấn đề nội bộ của Trung Quốc, nhằm kiểm soát và định hướng dư luận trong nước trên không gian mạng để bảo vệ vai trò lãnh đạo của chính quyền.

Nghiên cứu ngoại giao số đa phương cũng được các học giả cập nhật. Iqbal, B. A. & Rahman, M. N. (2025), trong cuốn *Innovations and Tactics for 21st Century Diplomacy* (Những đổi mới và chiến thuật cho ngoại giao thế kỷ 21), đã có bài viết về *Digital Diplomacy Among BRICS Countries* (Ngoại giao kỹ thuật số giữa các nước BRICS). Sau Covid-19 và trong bối cảnh xung đột Nga-Ukraine, ngoại giao kỹ thuật số là một sáng kiến mới cho sức mạnh mềm. BRICS đã nổi lên như một nhóm đa phương hợp tác mới. Bài viết tập trung tìm hiểu các sáng kiến ngoại giao kỹ thuật số của các nước BRICS và cách thức tổ chức này định hình sự hợp tác giữa các nước đang phát triển. Thông qua nhiều hội nghị thượng đỉnh và nỗ lực hợp tác, BRICS đã đề xướng rộng rãi việc ứng dụng không gian kỹ thuật số để thúc đẩy ngoại giao kỹ thuật số. Trong khi đã có khá nhiều công trình nghiên cứu tập trung vào ngoại giao kỹ thuật số cho sức mạnh mềm ở các nước phát triển, thì đây là một trong số ít nghiên cứu cụ thể tập trung vào các nước BRICS, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Nghiên cứu của Kevin Parthenay (2024) trong bài viết *Digital Diplomacy Against International Stigmatization: the Bukele Case* (Ngoại giao số đối phó với sự kỳ thị quốc tế: Trường hợp của Bukele) lại đề cập đến sự đa dạng của các chiến lược ngoại giao số được các chủ thể chính phủ sử dụng nhằm chống lại sự kỳ thị quốc tế. Đối mặt với những giới hạn mang tính cấu trúc, lãnh đạo của các quốc gia nhỏ sử dụng ngoại giao số để bảo vệ hình ảnh hoặc danh tiếng của họ khi bị cộng đồng quốc tế chỉ trích vì đi lệch khỏi hoặc vi phạm các chuẩn mực quốc tế. Thông qua việc phân tích các bài đăng trên Twitter của Tổng thống El Salvador Nayib Bukele trong thời gian tổng thống phải đối mặt với rất nhiều chỉ trích quốc tế liên quan đến xu hướng độc tài – dân túy ở El Salvador (1/2019 -

5/2022), tác giả cho rằng các mạng xã hội có thể được hiểu như những "trật tự tương tác" – nơi các chiến lược ngoại giao số có thể được triển khai, và trong đó các cuộc tranh luận về tính chính trị và chuẩn mực quốc tế có thể phát triển. Như vậy, bài viết làm sáng tỏ những yếu tố cấu thành cách các quốc gia nhỏ quản lý mối quan hệ với các tác nhân bên ngoài, hình ảnh và vị thế của họ, cũng như cách họ đối mặt với trật tự quốc tế, các chuẩn mực và quyền lực quốc tế.

Tại Việt Nam, trong các công trình như "*Ngoại giao số: Lý thuyết, kinh nghiệm và hàm ý chính sách với Việt Nam*" (Vũ Lê Thái Hoàng, Nguyễn Đức Huy, 2020); *Ngoại giao số: Lý luận và thực tiễn* (Lê Đình Tĩnh (chủ biên), 2021); *Ngoại giao số của Việt Nam trong Đại dịch COVID-19*: *Thách thức và cơ hội* (Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Như Quỳnh, 2022). Thực tiễn ngoại giao số trong những thập niên đầu thế kỷ XXI đã được đề cập theo cách nghiên cứu trường hợp. Trong *Ngoại giao số: Lý luận và thực tiễn* (Lê Đình Tĩnh (chủ biên), 2021) Xem xét thực tiễn triển khai số trên thế giới thông qua 11 trường hợp cụ thể, bao gồm các chủ thể như lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, EU, các nước phát triển như Anh, Canada, Ấn Độ, Singapore, hay các nước như Indonesia hay Estonia. Các trường hợp này được xem xét khái quát trên ba phương diện: cấp độ hệ thống và cấp độ công cụ và cấp độ nội dung.

Gần đây, nhóm tác giả Việt Nam đã công bố bài viết *Ngoại giao không gian mạng: Kinh nghiệm của một số quốc gia và gợi mở đối với Việt Nam* (Hà Anh Tuấn, Trần Anh Khôi, Vũ Hải Hoàng, 2025). Trong bài viết này, các tác giả dựa vào một số nhận định của các học giả quốc tế đưa ra phạm trù của "ngoại giao mạng" tập trung vào 3 nội dung (i) Hỗ trợ các quốc gia xây dựng năng lực mạng; (ii) Xây dựng lòng tin về không gian mạng; (iii) Thúc đẩy phát triển các quy định và chuẩn mực toàn cầu trên không gian mạng. Có thể nói đây cũng chính là một trong những nội hàm quan trọng của ngoại giao kỹ thuật số và nhiều học giả trên thế giới cho rằng ngoại giao mạng (cyber diplomacy) cũng chính là ngoại giao số. Bài viết xem xét 3 trường hợp bao gồm Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, tập trung vào các chính sách và hoạt động hợp tác quốc tế để xây dựng năng lực mạng, các quy định

quốc tế… từ đó đảm bảo lợi ích và an ninh mạng của quốc gia. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cũng đưa ra một số gợi mở đối với Việt Nam.

Tuy nhiên, các nghiên cứu cập nhật về thực tiễn ngoại giao số trước và sau Đại dịch COVID-19 chưa được hệ thống hóa và khái quát đặc biệt từ góc độ của Việt Nam, cũng như vẫn còn các khoảng trống nghiên cứu về ngoại giao số đa phương trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

1.5. Nhận xét

Về cơ bản, các công trình nghiên cứu về ngoại giao số đã giải quyết được một số vấn đề cơ bản sau:

- Hệ thống hóa các thuật ngữ để xây dựng nội hàm, khái niệm về ngoại giao số.

- Xây dựng khung lý thuyết về ngoại giao kỹ thuật số, đặt nền tảng lý thuyết để hiểu ngoại giao kỹ thuật số, không chỉ đơn thuần là việc sử dụng mạng xã hội mà còn là sự thay đổi cấu trúc trong cách các quốc gia thực hiện chính sách đối ngoại. Các học giả đã kết hợp các lý thuyết về truyền thông, quan hệ quốc tế và công nghệ để giải thích sự phát triển của ngoại giao số.

- Nhận định về vai trò của ngoại giao số trong ngoại giao công chúng cũng như trong quyền lực mềm. Các công trình nhấn mạnh cách các ngoại giao kỹ thuật số giúp mở rộng ảnh hưởng của một quốc gia thông qua quyền lực mềm. Ngoại giao số không chỉ giúp các nước truyền tải thông điệp mà còn tạo ra các cuộc đối thoại đa chiều với công chúng toàn cầu.

- Nhiều công trình đã tập trung phân tích cách tiếp cận của các quốc gia đối với ngoại giao số. Từ đó, các nghiên cứu cũng cho thấy sự khác nhau trong mô hình ngoại giao số của các quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga…

- Các nghiên cứu đều cố gắng phân tích tác động của ngoại giao số đối với quan hệ quốc tế, bao gồm cả cơ hội và thách thức cũng như đưa ra những nhận định về tương lai của ngoại giao kỹ thuật số.

Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề cho thấy, ngoại giao số là một lĩnh vực liên ngành, nằm giao thoa giữa truyền thông, công nghệ, quan hệ quốc tế và

an ninh mạng. Trong bối cảnh chính trị quốc tế đang ngày càng bị chi phối bởi thông tin số và dư luận toàn cầu, việc tiếp tục phát triển lý luận, mở rộng nghiên cứu tình huống và cụ thể hóa mô hình ngoại giao số phù hợp với bối cảnh quốc gia – như Việt Nam – là một yêu cầu cấp thiết.

Có thể thấy, mặc dù đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về ngoại giao số, nhưng đây vẫn là chủ đề còn tương đối mới mẻ, chưa hoàn toàn có sự thống nhất trong hệ thống các nghiên cứu về ngoại giao số trong quan hệ quốc tế và chính trị quốc tế. Chính vì vậy, vẫn còn những khoảng trống trong nghiên cứu về ngoại giao kỹ thuật số. Có thể nêu ra một vài vấn đề sau:

- Do tốc độ phát triển công nghệ thông tin và các loại hình ngoại giao mới, cũng như do những biến động trong quan hệ quốc tế, nên vẫn chưa có một định nghĩa nào về ngoại giao số được thống nhất và chính thức công nhận một cách rộng rãi. Chính vì vậy, vẫn cần có những nỗ lực để tổng hợp các quan điểm khác nhau cũng như cập nhật nội hàm của khái niệm này, đặc biệt dưới góc nhìn của các quốc gia nhỏ và tầm trung trong bối cảnh chính trị quốc tế đang trong thời kỳ của kỷ nguyên số.

- Cần hệ thống hóa các cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của ngoại giao số đối với chính trị quốc tế, cũng như sử dụng các lý luận quan hệ quốc tế để luận giải việc các chủ thể. Nói cách khác, chưa có nhiều nghiên cứu đặt ngoại giao số trong khung phân tích của chính trị quốc tế, đặc biệt là trong mối quan hệ với quyền lực, cạnh tranh ảnh hưởng và cấu trúc hệ thống quốc tế.

- Cần có một cái nhìn tổng quan về thực trạng ngoại giao số trên thế giới trước và sau Đại dịch COVID-19. Từ đó, phân tích vai trò thực sự của ngoại giao số trong chính trị quốc tế, cũng như không thể coi ngoại giao số chỉ là một giải pháp tình thế trong thời kỳ Đại dịch COVID-19. Các nghiên cứu mang tính hệ thống về sự phát triển của ngoại giao số trong các thập niên đầu thế kỷ XXI, bao gồm cả giai đoạn hình thành và mở rộng cũng chưa thực sự đầy đủ.

- Các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào một số quốc gia phương Tây, các nước phát triển, trong khi các mô hình ngoại giao số của nhiều quốc gia khác, quốc gia đang phát triển, như Việt Nam chưa được phân tích đầy đủ.

- Ở Việt Nam những vấn đề này còn để lại khá nhiều khoảng trống nghiên cứu, trong khi ngoại giao số có thể được coi là một loại hình ngoại giao chuyên biệt phù hợp và hiệu quả đối với sự phát triển của Việt Nam. Chính vì vậy, đây được coi là vấn đề cần được nghiên cứu một cách hệ thống và cập nhật dưới góc độ của Việt Nam.

Do đó, luận án "*Ngoại giao số trong chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI"*hướng tới lấp đầy những khoảng trống nghiên cứu này thông qua việc xây dựng khung phân tích lý luận và phân tích sự phát triển cũng như tác động của ngoại giao số trong bối cảnh chính trị quốc tế hiện nay. Chính vì vậy, luận án sẽ là công trình kết hợp giữa lý luận và phân tích thực tiễn, làm rõ quan hệ giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế trong kỷ nguyên số, từ đó có những đóng góp nhất định cho ngoại giao của Việt Nam.

Chương 2.
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NGOẠI GIAO SỐ TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ

2.1. Các vấn đề về ngoại giao và chính trị quốc tế

2.1.1. Khái niệm về ngoại giao và chính trị quốc tế

Trong khuôn khổ và phạm vi của luận án, để xác định được định nghĩa về ngoại giao kỹ thuật số, trước tiên, cần hiểu rõ các khái niệm liên quan bao gồm: ngoại giao, ngoại giao công chúng và ngoại giao chuyên ngành.

Ngoại giao là phương tiện đã được hình thành hàng thế kỷ cùng với sự ra đời của nhà nước và quốc gia. Các quốc gia sử dụng ngoại giao để bảo đảm các lợi ích cụ thể hoặc rộng hơn, bao gồm cả việc giảm bớt xung đột giữa các quốc gia. Vì vậy, ngoại giao là phương thức được thiết lập nhằm giúp các quốc gia nêu rõ các mục tiêu chính sách đối ngoại của mình và phối hợp các nỗ lực có thể tác động đến các quyết định và hành vi của chính phủ và người dân nước ngoài thông qua đối thoại, đàm phán và các biện pháp khác, trừ chiến tranh và bạo lực (Adesnia, 2017). Nói cách khác, ngoại giao là công cụ cốt lõi để thực hiện các mục tiêu, chiến lược và chiến thuật tổng quát của chính sách đối ngoại. Ngoại giao nhằm nỗ lực duy trì hòa bình và nhằm mục đích phát triển thiện chí đối với các quốc gia và dân tộc nước ngoài nhằm đảm bảo sự hợp tác của họ hoặc nếu không thì là tính trung lập của họ. Ngoại giao là phương tiện chủ yếu để thực hiện chính sách đối ngoại của một quốc gia. Nó đóng vai trò làm cầu nối giúp quốc gia này truyền đạt ý định, thương lượng về lợi ích, và giải quyết các tranh chấp với quốc gia khác mà không cần sử dụng đến vũ lực. Tóm lại, mục tiêu của ngoại giao là bảo vệ lợi ích quốc gia, xây dựng và duy trì hòa bình, và giải quyết các tranh chấp thông qua đối thoại và thương lượng.

Các học giả Việt Nam trong công trình "Ngoại giao: Lý luận và Thực tiễn" đã tổng hợp và phân tích bốn nhóm định nghĩa khác nhau về ngoại giao trên thế giới, từ đó rút ra một định nghĩa chung: "*Ngoại giao là một phương thức hoạt động quốc tế của một quốc gia nhằm triển khai và thực hiện chính sách đối ngoại vì lợi ích quốc*

gia – dân tộc của mình trong một tổng thể tủy thuộc lẫn nhau vì lợi ích quốc gia của các bên hay tác nhân liên quan" (Dương Văn Quảng, 2021). Đây cũng là khái niệm về ngoại giao được thống nhất sử dụng trong nghiên cứu này.

Trong quá trình vận động và phát triển của quan hệ quốc tế, đã xuất hiện rất nhiều loại hình ngoại giao có cách tiếp cận và đối tượng mục tiêu khác nhau, với những đặc trưng khác nhau. Để hiểu rõ bản chất của loại hình ngoại giao tương đối mới, ngoại giao số, việc cần thiết là phải làm rõ các khái niệm về ngoại giao có liên quan như sau:

Ngoại giao truyền thống (Traditional Diplomacy) vẫn được coi là phương thức chủ đạo, là quá trình chính phủ các nước sử dụng các kênh ngoại giao chính thức để giao tiếp và duy trì mối quan hệ với nhau thông qua các đại diện ngoại giao, như đại sứ, tổng lãnh sự, và các nhà đàm phán chính phủ… Như vậy, ngoại giao truyền thống có ba chức năng chính như đại diện, giao tiếp và giải quyết xung đột (Magalhaes, 1988). Tuy nhiên, trong bối cảnh quan hệ quốc tế ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp, ba chức năng chính này có thể phát triển thành những chức năng cụ thể như thương lượng/đàm phán ký kết các hiệp định song phương hoặc đa phương; Quản lý xung đột, giải quyết tranh chấp và ngăn chặn xung đột thông qua các kênh đối thoại; Tăng cường hợp tác, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực như kinh tế, quân sự, khoa học, và văn hóa; Bảo vệ công dân, bảo vệ quyền lợi và an toàn của công dân nước mình đang sống và làm việc ở nước ngoài…

Như vậy, ngoại giao truyền thống là quá trình các quốc gia và các tổ chức quốc tế thương lượng, trao đổi quan điểm, và giải quyết các vấn đề thông qua các kênh hòa bình, là công cụ chính mà các quốc gia sử dụng để quản lý và điều chỉnh mối quan hệ với nhau, tránh xung đột và thúc đẩy hợp tác.

Ngoại giao công chúng (Public Diplomacy) là thuật ngữ được Hoa Kỳ đưa ra đầu tiên từ năm 1856 (Cull, 2006). Tuy nhiên, vào năm 1987, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã chính thức đưa ra định nghĩa về: "ngoại giao công chúng" là "những chương trình do chính phủ bảo trợ, nhằm cung cấp thông tin hay tác động vào ý kiến công chúng các nước thông qua những công cụ chính là các ấn phẩm, phim ảnh, các hoạt

động trao đổi văn hóa, đài phát thanh và truyền hình" (Lê Thị Thu Hằng, 2019). Như vậy, ngoại giao công chúng là một thuật ngữ mở rộng, tập hợp các phương pháp mà qua đó các chủ thể quốc tế thu hút công chúng nước ngoài để đạt được các mục tiêu chiến lược - thông qua trao đổi văn hóa, các chương trình giáo dục, vận động chính sách, các chương trình truyền thông quốc tế... (Hayden, 2018)

Khác với ngoại giao truyền thống, ngoại giao công chúng nhắm tới việc ảnh hưởng và xây dựng mối quan hệ với dân chúng thay vì chỉ thông qua các kênh chính phủ. Ngoại giao công chúng là quá trình, cách thức một quốc gia, tổ chức hay cá nhân giao tiếp, tương tác với nhân dân, công chúng, chủ thể phi nhà nước của các nước khác, nhằm định hình dư luận quốc tế và xây dựng hình ảnh quốc gia, tạo ảnh hưởng đến những quyết định chính trị, chính sách, quan hệ ngoại giao đối với chính phủ nước ngoài. Đây cũng là khái niệm được thừa nhận rộng rãi trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Như vậy, có thể khái quát ngoại giao công chúng có 3 chức năng chính: (1) Quảng bá văn hóa và giá trị, thông qua các hoạt động như trao đổi giáo dục, tổ chức sự kiện văn hóa, hoặc sử dụng truyền thông đại chúng, nhằm chia sẻ văn hóa và các giá trị cốt lõi của quốc gia, dân tộc mình với thế giới; (2) Tạo ảnh hưởng đối với dư luận quốc tế, sử dụng các kênh thông tin và truyền thông để định hướng nhận thức của công chúng nước ngoài về chính sách, hình ảnh và vị thế của đất nước mình; (3) Tăng cường sức mạnh mềm, xây dựng mối quan hệ tốt với công chúng của các quốc gia khác, từ đó tạo ra sự ủng hộ cho chính sách đối ngoại của chính phủ, quốc gia của mình…

Theo cách hiểu này, đây là phương thức ngoại giao có nhiều chủ thể của quốc gia tham gia và sử dụng các phương tiện truyền thông đa dạng. Tác giả Lê Thị Thu Hằng đã phân tích, tổng hợp và đưa ra bốn phương thức triển khai ngoại giao công chúng chính, có liên quan mật thiết với nhau: (i) Quản lý thông tin (thông tin thường xuyên về chính sách, xử lý khủng hoảng truyền thông); (ii) Truyền thông chiến lược (các chiến dịch vận động, hoạt động, sự kiện, dự án dài hạn để củng cố thông điệp về chính sách); (iii) Hoạt động hợp tác, trao đổi, giao lưu trực tiếp (về văn hóa, học thuật, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, thể thao...); (iv) Xây dựng lòng tin,

kết nối và mở rộng mạng lưới quan hệ với các cá nhân có ảnh hưởng (Lê Thị Thu Hằng, 2019).

Ngoại giao công chúng đang trở thành xu thế phổ biến do tính toàn diện trong các hoạt động ngoại giao và vai trò của các chủ thể phi nhà nước trong hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của các quốc. Ngoại giao công chúng cũng là một thành tố trong "sức mạnh mềm" của quốc gia, do đó ngoại giao công chúng còn bao trùm cả các loại hình ngoại giao khác. Thêm vào đó, sự phát triển của toàn cầu hóa, khoa học - công nghệ, của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã hỗ trợ các nước nắm bắt thời cơ, có khả năng đi tắt, đón đầu. Sự phát triển của truyền thông mới, nhất là mạng xã hội đang tạo ra những cơ hội lớn cho ngoại giao công chúng; tạo điều kiện cho việc thực hiện nhiều hình thức ngoại giao khác nhau; tạo ra sự tương tác hai chiều thuận tiện. Trên cơ sở đó, hỗ trợ đắc lực cho công tác đối ngoại của các chủ thể từ cơ quan đối ngoại của Nhà nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, nhân dân… diễn ra dễ dàng, hiệu quả hơn.... Từ đó đã làm xuất hiện thêm nhiều loại hình ngoại giao mới nhằm phục vụ và phát triển ngoại giao công chúng trong đó có ngoại giao số.

Ngoài ra, trong xu thế phát triển ngày càng đa dạng các loại hình ngoại giao, cũng cần phải đề cập đến ***ngoại giao chuyên ngành*** (specialized diplomacy). Ngoại giao chuyên ngành đề cập đến các loại hình ngoại giao tập trung vào những lĩnh vực đặc thù, mang tính kỹ thuật hoặc chuyên ngành, có thể là kinh tế, y tế, môi trường, nhân quyền, công nghệ hoặc an ninh mạng… Ví dụ như, ngoại giao kinh tế: tập trung vào đàm phán các thỏa thuận thương mại, đầu tư, và thúc đẩy phát triển kinh tế giữa các quốc gia; Ngoại giao môi trường: tham gia vào các thỏa thuận về khí hậu, giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, và hợp tác trong quản lý tài nguyên thiên nhiên…; Ngoại giao khoa học và công nghệ: tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, và đổi mới sáng tạo…Ngoại giao y tế: hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề về y tế toàn cầu, ví dụ như phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và nghiên cứu vắc xin… Gần đây, Andersen đã nỗ lực xây dựng khái niệm này một cách có hệ thống, theo đó "specialized diplomacy" là thực

tiễn xây dựng chuyên môn sâu mang tính bối cảnh (context-specific expertise) thông qua việc duy trì lâu dài các chuyên gia trong một tiến trình đàm phán đa phương cụ thể (Andersen, Lise H., 2026). Như vậy, ngoại giao số cũng được coi là một hình thức ngoại giao chuyên ngành.

Về chính trị quốc tế, khái niệm "chính trị quốc tế" từ lâu đã không còn quá mới mẻ với các học giả. Tuy nhiên, khái niệm này được định nghĩa khác nhau tùy theo trường phái lý thuyết, giai đoạn lịch sử và mục đích nghiên cứu. Điển hình như, (Morgenthau, 1948) đã xác lập luận điểm nền tảng cho rằng chính trị quốc tế là cuộc đấu tranh vì quyền lực. Dù các mục tiêu cuối cùng của chính trị quốc tế là gì, quyền lực luôn là mục tiêu tối cao.

Đây là định nghĩa có ảnh hưởng nhất và thường được xem là điểm xuất phát của mọi thảo luận về khái niệm này. Còn từ luận điểm của Hedley Bull (1977), chính trị quốc tế là lĩnh vực tương tác giữa các quốc gia trong điều kiện vô chính phủ nhưng có trật tự, trật tự được duy trì không phải bởi một chính phủ thế giới mà bởi cân bằng quyền lực, luật pháp quốc tế, ngoại giao và các đại cường.

Tổng hợp từ các nguồn tư liệu đáng tin cậy, luận án thống nhất sử dụng định nghĩa khái quát về chính trị quốc tế như sau: "***Chính trị quốc tế*** *là quá trình tương tác cạnh tranh và hợp tác chiến lược giữa các chủ thể nhằm bảo vệ và thúc đẩy lợi ích trong một môi trường vô chính phủ, trong đó các vấn đề quyền lực, an ninh, lợi ích quốc gia và chuẩn mực quốc tế được xác lập, thông qua ngoại giao, thương mại, sử dụng vũ lực và các hình thức ảnh hưởng khác".* (Học viện Ngoại giao, 2020; Morgenthau, 1948; Baylis et al., 2020; Waltz, 1979; Bull, 1977).

Nhìn chung, chính trị quốc tế là lĩnh vực phản ánh sự tương tác giữa các chủ thể chính trị quốc tế, vì vậy phạm vi nghiên cứu rất lớn. Trong giới hạn của nghiên cứu này, luận án sẽ tập trung vào một số khía cạnh nhằm xây dựng cơ sở luận giải cho việc xem xét ngoại giao số trong chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI.

2.1.2. Chủ thể chính trị quốc tế

Xác định các chủ thể chính trị quốc tế (actor in international politics) vẫn luôn là một thách thức lớn cả về mặt lý thuyết và thực tiễn. Tùy theo trường phái lý thuyết, tiêu chí xác định tư cách chủ thể và phạm vi của khái niệm "chính trị quốc

tế" mà hiện nay chưa có một định nghĩa chuẩn duy nhất về "chủ thể chính trị quốc tế" được toàn bộ học giả đồng thuận. Trên cơ sở đó, việc xác định và phân loại các chủ thể chính trị quốc tế cũng khác nhau và biến động theo thời gian.

Theo luận điểm của trường phái Hiện thực, chủ thể chính trị quốc tế là thực thể có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh vì quyền lực ở cấp độ quốc tế và vì chỉ quốc gia có chủ quyền mới có đủ năng lực đó trong điều kiện hệ thống Westphalia, nên quốc gia là chủ thể chính trị quốc tế duy nhất (Morgenthau, 1948; Waltz, 1979). Chủ thể chính trị quốc tế, theo quan điểm của trường phái Tự do, là thực thể có khả năng hoạt động xuyên biên giới quốc gia và tạo ra tác động đến phân phối quyền lực, hàng hóa và giá trị trong hệ thống quốc tế. Vai trò của quốc gia - dân tộc trong chính trị thế giới đang bị xói mòn bởi sự nổi lên của các chủ thể phi nhà nước như công ty đa quốc gia, mạng lưới vận động xuyên quốc gia, chủ thể phi nhà nước (Keohane & Nye, 2011). Chủ nghĩa Kiến tạo tập trung vào vai trò của chuẩn mực, ý tưởng và bản sắc trong việc định hình hành vi của các chủ thể. Theo quan điểm này, cả chủ thể nhà nước lẫn phi nhà nước đều kiến tạo ý nghĩa trong chính trị quốc tế, tác động đến kết quả thông qua diễn ngôn và xã hội hóa (Wendt, 1999).

Trên cơ sở đó, việc phân loại chủ thể cũng có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Nhà khoa học chính trị Arnold Wolfers, trong công trình *Discord and collaboration: Essays on International politics* (Bất hòa và hợp tác: Các bài luận về chính trị quốc tế) được xuất bản từ năm 1962 (Wolfers, 1962), đã đưa ra ba loại chủ thể: nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân. Đặc biệt, ông nhấn mạnh vai trò của các thực thể khác trong chính trị quốc tế với tư cách là chủ thể. Theo ông, phản ứng nảy sinh chống lại cách tiếp cận nhà nước với tư cách là chủ thể truyền thống, sau Thế chiến thứ hai đã diễn ra dưới hai hình thức: một là "cách tiếp cận cá nhân với tư cách là chủ thể" hoặc "cách tiếp cận theo tư duy con người". Trong đó, hình thức thứ hai nhấn mạnh đến sự tồn tại của các chủ thể doanh nghiệp và đặc biệt là các tổ chức quốc tế, cùng với nhà nước. Theo Wolfers, lợi ích của nhà nước thực sự là lợi ích của con người, các quyết định hoặc hành động được nhà nước thực hiện là thay mặt cho người dân, vì vậy cần phải được phân tích cùng với việc xem xét các quan điểm của các cá

nhân. Vì lý do này, nếu bỏ qua tác động của các cá nhân đối với hành vi của nhà nước, và cách tiếp cận nhà nước như một chủ thể quan trọng mà bỏ qua việc coi các cá nhân cũng là các chủ thể đều sẽ là sai lầm (Wolfers,1962,11). Theo nghiên cứu vào những năm đầu thế kỷ XXI của Willetts (2010) (Weiss, 2013), có 3 nhóm chủ thể chính trị quốc tế chính: (1) các bộ phận/cơ quan của chính phủ; (2) các chủ thể xuyên quốc gia hợp pháp, được phân loại thành các công ty xuyên quốc gia, các đảng phái chính trị và các tổ chức phi chính phủ; (3) các chủ thể xuyên quốc gia không hợp pháp gồm hai nhóm là tội phạm và phong trào du kích/giải phóng. Tiếp cận rộng hơn này cho thấy, chủ thể nhà nước được xác định là các thiết chế hoặc cá nhân nắm giữ quyền lực chính trị chính thức trong một lãnh thổ nhất định, trong khi chủ thể phi nhà nước là những thực thể không nắm giữ quyền lực chính trị chính thức nhưng vẫn có thể tác động đáng kể đến các quá trình chính trị, kinh tế và xã hội.

Như vậy, có thể khẳng định, quốc gia là chủ thể quan trọng nhất trong chính trị quốc tế. Các học thuyết phổ biến như chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do, chủ nghĩa Kiến tạo… dù có những lập luận không giống nhau về chủ thể chính trị quốc tế, song đều thừa nhận vai trò chủ đạo của quốc gia. Các quốc gia là những chủ thể có sự sắp xếp và quan hệ tạo nên những đặc điểm cơ bản của hệ thống chính trị quốc tế. Đồng thời, quốc gia cũng là một thể chế chính trị tiêu biểu cho ba thuộc tính gồm: dân cư, lãnh thổ xác định và chính phủ có khả năng thực thi chủ quyền của quốc gia. Theo Công ước Montevideo năm 1933 về Quyền và Nghĩa vụ của các Quốc gia, những đặc điểm của quốc gia còn bao gồm khả năng của chính phủ trong việc đảm bảo quan hệ ngoại giao chính thức với các quốc gia khác, tức là sự công nhận của các quốc gia khác đối với chính phủ/nhà nước của mình. Trên thực tế, có những quốc gia không có đủ điều kiện tài chính để thiết lập quan hệ với các quốc gia khác bằng việc thiết lập đại sứ quán, lãnh sứ quán hay văn phòng đại diện. Đồng thời, cũng có những quốc gia không có bất kỳ sự công nhận quốc tế nào hoặc chỉ được các đồng minh hoặc bảo hộ của họ công nhận.

Tuy nhiên, những thay đổi về chất của hệ thống chính trị thế giới sau Thế chiến hai không chỉ liên quan đến sự thay đổi về cấu trúc mà còn liên quan đến sự

thay đổi về tầm quan trọng của một số chủ thể phi nhà nước. Những chủ thể này không chỉ khác nhau về chất lượng mà còn khác nhau về tiềm năng sức mạnh, cũng như về số lượng. Bước vào thế kỷ XXI, các chủ thể phi quốc gia ngày càng gia tăng vai trò trong chính trị quốc tế.

Như vậy, có nhiều chủ thể khác nhau, mỗi chủ thể có đặc trưng, ưu tiên và phương thức hoạt động riêng, cùng tồn tại trong hệ thống quốc tế. Các chủ thể này khác biệt nhau ở mục tiêu, động lực, mức độ và loại quyền lực có thể sử dụng, cũng như cách thức tương tác với nhau. Chính vì vậy, cần có những tiêu chí để xác định chủ thể chính trị quốc tế. Một thực thể được coi là chủ thể trong hệ thống chính trị quốc tế khi đáp ứng bốn tiêu chí: có mục tiêu, có động lực, có quyền lực, và có khả năng tương tác. Học giả người Anh Colin Warbrick (1991) đề xuất ba tiêu chí để một thực thể được công nhận là chủ thể chính trị quốc tế: (1) có năng lực hành động độc lập; (2) có khả năng tạo ra quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý hoặc chính trị; (3) có năng lực tham gia vào các quá trình chính trị quốc tế. Đối với các tổ chức quốc tế, Archer.C., trong cuốn *International organizations* (Các tổ chức quốc tế) (Archer, 1992) đã nêu ra ba loại tổ chức quốc tế có thể là chủ thể cơ bản trong chính trị quốc tế. Những chủ thể này được định nghĩa theo vai trò có thể nhận dạng được của họ trong quan hệ trên trường quốc tế. Đó là các chủ thể "nhà nước", "phi nhà nước" và "hỗn hợp/lai". Trong đó nhóm thứ ba dựa trên sự cùng tồn tại của các chủ thể nhà nước và phi nhà nước (Archer, 1992). Theo đó, tổ chức quốc tế có thể trở thành chủ thể chính trị quốc tế cần có: ý chí tự chủ; năng lực ra quyết định; và năng lực thực thi quyết định đó trên trường quốc tế. Khác với lĩnh vực quan hệ quốc tế, trong từng tình huống cụ thể, tổ chức quốc tế có thể đóng vai trò là chủ thể chính trị quốc tế hay không.

Trên cơ sở xem xét cả lý luận và thực tiễn, có thể nhận định, chủ thể chính trị quốc tế là thực thể - nhà nước hoặc phi nhà nước - có năng lực hành động độc lập, có mục tiêu và lợi ích xác định trong quan hệ quốc tế, đồng thời có khả năng tác

động đến các quá trình chính trị, phân phối quyền lực và định hình chuẩn mực trong hệ thống quốc tế. Có thể thấy, trong chính trị quốc tế hiện đại, các chủ thể tham gia chính bao gồm:

(1) Quốc gia: có chủ quyền, lãnh thổ rõ ràng, có chính phủ, và dân cư, tham gia chính trị quốc tế thông qua quan hệ ngoại giao, liên minh, hoặc cạnh tranh kinh tế, quân sự... vẫn là chủ thể chính và truyền thống trong chính trị quốc tế.

(2) Tổ chức quốc tế: bao gồm hai nhóm chính, (i) các tổ chức Liên chính phủ (Intergoverment Organization/IGO) như LHQ (UN) và nhiều tổ chức trực thuộc như WTO, IMF, các tổ chức khu vực hay liên khu vực như NATO, ASEAN… các tổ chức này thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia về các vấn đề toàn cầu như hòa bình, thương mại, môi trường…(ii) Phi chính phủ (Nongoverment Organization/NGO) như Hội Chữ Thập Đỏ, Tổ chức Ân xá Quốc tế (Amnesty International)… thường tập trung vào nhân quyền, nhân đạo, hoặc môi trường… Theo nghĩa rộng nhất,

(3) Công ty đa quốc gia (MNC): bao gồm các doanh nghiệp lớn hoạt động ở nhiều quốc gia, như Apple, Google, Samsung…có vai trò quan trọng trong kinh tế quốc tế và có thể ảnh hưởng đến chính sách của quốc gia.

(4) Phong trào xã hội và nhóm vận động, ví dụ như Phong trào khí hậu toàn cầu, các nhóm bảo vệ quyền lợi... có thể có ảnh hưởng đến dư luận và chính sách quốc tế thông qua các hoạt động vận động hoặc biểu tình.

(5) Các nhóm phi nhà nước khác có khả năng ảnh hưởng lớn đến an ninh và chính trị quốc tế. Đó có thể là các tổ chức tôn giáo và văn hóa như Vatican, Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC)… tham gia vào chính trị quốc tế bằng các giá trị và ảnh hưởng văn hóa. Đó cũng có thể bao gồm các tổ chức cực đoan, nhóm khủng bố, tổ chức tội phạm xuyên quốc gia…

Ngoài ra, trong bối cảnh công nghệ và truyền thông phát triển các cá nhân có ảnh hưởng, như các nhà lãnh đạo chính trị, Tổng thống, Thủ tướng, chủ tịch nước, Vua/Nữ hoàng, các chính trị gia…những nhân vật có ảnh hưởng lớn trên trường quốc tế, như các nhà hoạt động xã hội, hay cả các doanh nhân… cũng có thể tham gia chính trị quốc tế như một chủ thể không kém phần quan trọng.

Như vậy, những thập niên đầu thế kỷ XXI đã chứng kiến sự gia tăng các chủ thể tham gia vào chính trị quốc tế ở các quy mô và tầng bậc khác nhau. Những chủ thể này tương tác trong một hệ thống phức tạp, vừa cạnh tranh vừa hợp tác, định hình các xu hướng toàn cầu và ảnh hưởng đến các quyết định chính trị quốc tế. Mặc dù vậy, xu hướng liên ngành đã khiến ranh giới giữa ngành quan hệ quốc tế và chính trị quốc tế ngày càng mờ, nhiều phương pháp và khái niệm của chính trị quốc tế được tích hợp vào phân tích quốc tế và ngược lại, do vậy dễ gây nhầm lẫn. Trong quan hệ quốc tế, tiêu chí xác định chủ thể tương đối mở, bất kỳ thực thể nào tham gia vào tương tác xuyên biên giới đều có thể được coi là chủ thể. Chính vì vậy, chủ thể chính trị quốc tế chắc chắn là chủ thể quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, tuỳ từng bối cảnh và vấn đề nghiên cứu, chủ thể quan hệ quốc tế có thể không được coi là chủ thể chính trị quốc tế, bởi lẽ, chủ thể chính trị phải có khả năng tham gia vào các quá trình ra quyết định, phân bổ quyền lực và định hình chương trình nghị sự chính trị ở cấp độ quốc tế.

Nói tóm lại, luận án với đề tài "*Ngoại giao số trong chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI*" sẽ tập trung vào hai chủ thể có năng lực ngoại giao và vai trò quyết định, cũng như được các học thuyết lý luận quan hệ quốc tế thừa nhận rộng rãi là chủ thể quốc gia và các tổ chức quốc tế liên chính phủ.

2.1.3. Vai trò của ngoại giao trong chính trị quốc tế

Lý luận chính trị quốc tế hiện đại nghiên cứu các học thuyết, quan điểm và mô hình nhằm giải thích cách thức mà các chủ thể chính trị quốc tế tương tác với nhau. Do đó có rất nhiều trường phái lý luận khác nhau. Tuy nhiên, với mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, luận án chủ yếu tập trung sử dụng ba học thuyết chính trị quốc tế chính, bao gồm chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do, và chủ nghĩa Kiến tạo. Bởi lẽ, các học thuyết này đều có thể luận giải chính trị quốc tế hiện đại nói chung, cũng như cách thức triển khai ngoại giao hiện nay. Trong đó có thể thấy, chủ nghĩa Hiện thực, nhấn mạnh quyền lực, lợi ích quốc gia, trật tự vô chính phủ và sự cạnh tranh giữa các quốc gia. Do đó, chủ nghĩa Hiện thực xem chính trị quốc tế là đấu tranh quyền lực; nhấn mạnh lợi ích và an ninh quốc gia, vì vậy, ưu tiên ngoại giao quyền lực. Chủ nghĩa Tự

do đề cao vai trò của hợp tác quốc tế, tổ chức quốc tế, luật pháp và giá trị dân chủ. Trên cơ sở đó, chủ nghĩa Tự do nhấn mạnh vai trò của luật pháp quốc tế, thể chế và hợp tác, vì vậy, tập trung vào thúc đẩy ngoại giao hợp tác, đa phương. Còn chủ nghĩa Kiến tạo thì tập trung vào vai trò của tư tưởng, bản sắc, niềm tin và diễn ngôn trong việc hình thành chính sách đối ngoại và cấu trúc quốc tế. Như vậy, chủ nghĩa Kiến tạo quan tâm đến vai trò của ý thức hệ, chuẩn mực xã hội, bản sắc trong quan hệ quốc tế, do đó, coi trọng văn hóa, bản sắc và hình ảnh trong ngoại giao.

Trên cơ sở đó, có thể thấy, các học thuyết chính trị quốc tế này đã góp phần lý giải cách thức mà các quốc gia và chủ thể quốc tế tương tác, cạnh tranh và hợp tác trong hệ thống toàn cầu. Ngoài các chủ thể tham gia vào chính trị quốc tế, các yếu tố cấu thành chính trị quốc tế còn bao gồm: lợi ích quốc gia (an ninh, kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường…), các chủ thể theo đuổi lợi ích thông qua ngoại giao hoặc xung đột; trong một môi trường không có chính phủ toàn cầu, các chủ thể buộc phải tự bảo vệ lợi ích, tạo ra sự cạnh tranh cũng như hợp tác để tồn tại; trong đó, luật pháp và thể chế quốc tế sẽ cung cấp khuôn khổ điều tiết hành vi quốc tế, mặc dù hiệu lực thực thi còn hạn chế.

Ngoại giao và chính trị quốc tế có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, vì cả hai đều đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và điều phối các mối quan hệ giữa các chủ thể trong chính trị quốc tế. Nếu như "chính trị quốc tế" tập trung vào các tương tác có phạm vi rộng giữa các quốc gia, bao gồm cả xung đột, hợp tác, và cạnh tranh quyền lực, thì "ngoại giao" là công cụ chủ yếu, mà thông qua đó các quốc gia thực hiện các mục tiêu chính trị quốc tế của mình. Nói cách khác, chính trị quốc tế thiết lập môi trường và bối cảnh cho các hoạt động ngoại giao, trong khi ngoại giao là phương tiện chính để các quốc gia và các chủ thể chính trị quốc tế khác thực hiện chính sách đối ngoại của mình. Thông qua ngoại giao, các chủ thể có thể đạt được lợi ích quốc gia, lợi ích của riêng chủ thể trong quản lý quan hệ quốc tế, duy trì hòa bình và thúc đẩy hợp tác toàn cầu.

Như vậy, chính sách đối ngoại là yếu tố quan trọng nhất chi phối tương tác chiến lược giữa các chủ thể chính trị quốc tế. Hay nói cách khác, chính trị quốc tế là

bối cảnh, hệ thống và tương tác giữa các chủ thể quốc tế và là môi trường ảnh hưởng tới việc xây dựng chính sách đối ngoại và cách thức tiến hành ngoại giao. Theo chiều ngược lại, chính sách đối ngoại chính là mục tiêu, định hướng hành động của quốc gia trên trường quốc tế, là "nội dung" mà ngoại giao thực thi, đồng thời cũng là một phần phản ứng của chủ thể với môi trường chính trị quốc tế. Đây chính là nền tảng để xem xét ngoại giao nói chung và ngoại giao số trong chính trị quốc tế hiện đại.

Quan hệ giữa ngoại giao và chính trị quốc tế hiện đại là mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, tương hỗ lẫn nhau. Ngoại giao là công cụ, còn chính trị quốc tế là bối cảnh và nội dung chiến lược mà công cụ được sử dụng để đạt được mục tiêu chiến lược. Các chủ thể chính trị quốc tế sử dụng ngoại giao như một công cụ triển khai chính trị quốc tế, là phương tiện để các quốc gia và tổ chức quốc tế thực hiện mục tiêu chính trị trên trường quốc tế thông qua đối thoại, thương lượng, đàm phán, ký kết hiệp ước, và hợp tác. Mọi chiến lược chính trị quốc tế (như thiết lập liên minh, mở rộng ảnh hưởng, phòng chống xung đột, hay thúc đẩy hòa bình...) đều cần đến hành động ngoại giao để hiện thực hóa.

Ngược lại, chính trị quốc tế định hình phương hướng và nội dung ngoại giao. Các xu hướng và cấu trúc trong chính trị quốc tế tạo ra mục tiêu, ưu tiên và giới hạn cho hoạt động ngoại giao. Mặt khác, ngoại giao không chỉ là phản ứng mà còn có vai trò định hình cục diện chính trị quốc tế. Một chiến lược ngoại giao khéo léo có thể tạo ra ảnh hưởng lớn hơn so với sức mạnh quân sự.

Trong chính trị quốc tế, các quốc gia luôn ưu tiên bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia của mình, bao gồm an ninh, kinh tế, và vị thế quốc tế. Ngoại giao là cách thức chủ yếu để đạt được những lợi ích này mà không cần phải sử dụng đến vũ lực.

Đối với an ninh quốc gia, ngoại giao giúp các quốc gia thiết lập các hiệp định an ninh và liên minh chiến lược để bảo vệ lãnh thổ và công dân của mình. Ví dụ, việc đàm phán hiệp ước phòng thủ chung hoặc các thỏa thuận kiểm soát vũ khí là nhằm đảm bảo an ninh quốc gia. Đối với lợi ích kinh tế, thông qua ngoại giao kinh tế, các quốc gia thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư, và phát triển kinh tế với các

đối tác quốc tế. Đàm phán về thương mại tự do hoặc các hiệp định đầu tư quốc tế là ví dụ về ngoại giao kinh tế trong bối cảnh chính trị quốc tế.

Bên cạnh đó, ngoại giao điều chỉnh cạnh tranh quyền lực trong chính trị quốc tế. Các quốc gia thường cạnh tranh về quyền lực để duy trì hoặc gia tăng ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế. Ngoại giao là một công cụ mềm mỏng và linh hoạt giúp các quốc gia điều chỉnh sự cạnh tranh này mà không cần phải đối đầu trực tiếp bằng quân sự. Các nhà ngoại giao thường phải đàm phán để thiết lập các liên minh và thỏa thuận nhằm cân bằng quyền lực giữa các quốc gia để tránh tình trạng một quốc gia hoặc một liên minh nào đó trở nên quá mạnh. Chính sách ngoại giao "cân bằng quyền lực" đã được thực hiện nhiều lần trong lịch sử, đặc biệt ở châu Âu trong thế kỷ 19. Ngoại giao có thể giúp kiềm chế sự leo thang xung đột giữa các cường quốc. Bằng cách giữ cho các kênh đối thoại mở, các nhà ngoại giao có thể làm giảm căng thẳng và tránh nguy cơ chiến tranh, như các cuộc đàm phán ngoại giao trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh.

Hơn thế nữa, ngoại giao còn là cầu nối giữa chính trị quốc tế và luật pháp quốc tế. Thông qua các cuộc đàm phán ngoại giao, các quốc gia xây dựng và ký kết các hiệp ước, công ước quốc tế, từ đó hình thành hệ thống luật pháp quốc tế, nhằm điều chỉnh hành vi của các quốc gia và tạo ra các quy tắc chung cho quan hệ quốc tế. Do đó, ngoại giao đóng vai trò then chốt trong việc thương lượng và ký kết các hiệp định quốc tế, chẳng hạn như các hiệp định về môi trường, thương mại, nhân quyền, và hòa bình. Khi các quốc gia gặp mâu thuẫn về việc vi phạm hiệp ước hoặc các vấn đề pháp lý quốc tế khác, ngoại giao đóng vai trò chính trong việc hòa giải và tìm kiếm giải pháp thông qua đàm phán thay vì xung đột vũ trang. Nói cách khác, ngoại giao chính là cơ chế giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chính trị quốc tế còn bao gồm việc phải đối phó với nhiều vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, khủng bố, dịch bệnh, di cư, và bất bình đẳng kinh tế… Những vấn đề này không thể được giải quyết bởi một quốc gia đơn lẻ, và do đó, ngoại giao càng gia tăng vai trò đối với chính trị quốc tế thông qua thúc đẩy ngoại giao đa phương (multilateral diplomacy). Ngoại giao đa phương là

cơ chế chủ yếu để thúc đẩy hợp tác quốc tế. Từ đó dẫn đến sự phát triển của các tổ chức quốc tế và ngoại giao đa phương được tiến hành thông qua các tổ chức như LHQ, WTO… và các hội nghị quốc tế giúp điều phối hành động của nhiều quốc gia để giải quyết các vấn đề toàn cầu. Trên cơ sở đó các quốc gia đều phải điều chỉnh và hình thành chính sách ngoại giao toàn cầu. Đây chính là cách thức các quốc gia phối hợp chính sách đối ngoại nhằm đối phó với các thách thức chung, như đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, an ninh mạng…

Nói tóm lại, ngoại giao là công cụ triển khai chính sách đối ngoại thông qua đàm phán, giao tiếp, thương lượng, hợp tác, cũng chính là phương tiện thể hiện và điều chỉnh chính sách đối ngoại, đồng thời phản ánh xu thế chính trị quốc tế.

2.2. Các vấn đề về ngoại giao số

2.2.1. Sự ra đời ngoại giao số

2.2.1.1. Đặc điểm của chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI

Chính trị quốc tế thế kỷ XXI có nhiều đặc điểm nổi bật, phản ánh sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực, các mối quan hệ quốc tế và các thách thức toàn cầu. Có thể đề cập đến một số đặc điểm chính như sau:

Thứ nhất là, toàn cầu hóa trở thành xu hướng chủ đạo. Toàn cầu hóa tất yếu dẫn đến gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau. Các quốc gia, tổ chức và cá nhân... hay nói cách khác là các chủ thể tham gia chính trị quốc tế ngày càng phải kết nối với nhau thông qua kinh tế, công nghệ, và thông tin. Bên cạnh đó, toàn cầu hóa cũng làm nảy sinh các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng hoảng tài chính… Những thách thức toàn cầu vượt biên giới quốc gia, khu vực. Biến đổi khí hậu, khủng hoảng di cư, dịch bệnh, điển hình như COVID-19…đã cho thấy không quốc gia nào có thể tự mình giải quyết các vấn đề này, đòi hỏi phải có sự hợp tác quốc tế giữa các chủ thể chính trị quốc tế. Nhu cầu xây dựng các cơ chế hợp tác hiệu quả và bền vững, với càng nhiều hình thức và quy mô đa dạng, phong phú, ngày càng trở nên cấp thiết.

Thứ hai là, những thập niên đầu thế kỷ XXI cũng cho thấy rõ nét sự thay đổi trong chuyển dịch và phân bố quyền lực. Từ trật tự lưỡng cực thời kỳ Chiến tranh

Lạnh và đơn cực của Hoa Kỳ sau Chiến tranh Lạnh, thế giới đang hướng đến trật tự đa cực, đa trung tâm với sự nổi lên của các cường quốc mới như Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Liên minh châu Âu… Bên cạnh đó, sự nổi lên của các cường quốc khu vực như Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Saudi Arabia, Nhật Bản… đang khẳng định vai trò lớn hơn trong chính trị quốc tế. Không chỉ các chủ thể là quốc gia tham gia tích cực vào chính trị quốc tế mà các tổ chức quốc tế và khu vực như LHQ, ASEAN, BRICS… cũng đóng vai trò quan trọng hơn, có những ảnh hưởng nhất định đến tình hình và cục diện chính trị thế giới.

Thứ ba là, mặc dù vai trò của các chủ thể phi quốc gia như các tổ chức quốc tế ngày càng gia tăng, nhưng cũng có thể nhận thấy sự suy giảm của trật tự quốc tế tự do (Liberal International Order) còn được gọi là trật tự dựa trên luật lệ (rules-based order) vốn được hình thành và phát triển từ cuối những năm 1940. Trong quan hệ quốc tế, trật tự quốc tế tự do là một tập hợp các mối quan hệ toàn cầu, dựa trên luật lệ và có cấu trúc dựa trên chủ nghĩa tự do chính trị, chủ nghĩa tự do kinh tế và chủ nghĩa quốc tế tự do (Lake, 2011). Các thể chế quốc tế như LHQ, NATO, WTO… phải đối mặt với những thách thức từ sự suy giảm lòng tin và sự cạnh tranh giữa các cường quốc. Hoa Kỳ, từng là người bảo trợ của trật tự này, nay có những động thái giảm vai trò hoặc thay đổi ưu tiên chiến lược. Điều này được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump với khẩu hiệu "Hoa Kỳ trên hết".

Thứ tư là, song song với các vấn đề an ninh truyền thống, xuất hiện ngày càng nhiều các vấn đề xung đột phi truyền thống. Các vấn đề như khủng bố, an ninh mạng, tội phạm xuyên quốc gia, và các thảm họa thiên nhiên trở thành mối đe dọa lớn. Các cuộc xung đột không chỉ diễn ra giữa các quốc gia mà còn giữa các lực lượng phi nhà nước như các tổ chức khủng bố hoặc tập đoàn kinh tế… Ngoài ra, sự gia tăng chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa dân tộc cực đoan gia tăng ở nhiều quốc gia đặt ra thách thức đối với hợp tác quốc tế và các giá trị toàn cầu.

Thứ năm là, vai trò của cách mạng công nghiệp 4.0, của công nghệ và thông tin cũng mà một trong những đặc điểm nổi bật của chính trị quốc tế những thập niên

đầu thế kỷ XXI này. Công nghệ hiện đại, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, mạng xã hội…đang thay đổi nhận thức cũng như cách thức vận hành chính trị và ngoại giao. Mặc khác, chiến tranh thông tin và chiến tranh mạng cũng trở thành phương tiện ảnh hưởng mới trong chính trị quốc tế.

Những đặc điểm này tạo nên một bức tranh chính trị quốc tế phức tạp, đòi hỏi các quốc gia phải thích nghi, tìm tòi và sử dụng các phương thức mới cũng như tìm cách hợp tác hiệu quả hơn để đối phó với các thách thức chung và riêng.

Như vậy, có thể thấy, bước sang thế kỷ XXI, Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tiếp tục thúc đẩy toàn cầu hóa và sự phụ thuộc lẫn nhau. Các quốc gia vẫn tiếp tục duy trì tăng cường hội nhập quốc tế. Quá trình toàn cầu hóa đã làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, do đó việc phối hợp chính sách đối ngoại và các hoạt động ngoại giao trở nên quan trọng hơn. Các quốc gia ngày càng nhận ra rằng việc giao tiếp với công chúng quốc tế là một phần quan trọng của ngoại giao hiện đại. Chính vì vậy, ngoại giao công chúng ngày càng được quan tâm và tăng cường.

Bên cạnh đó, các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, khủng bố quốc tế, và đại dịch không thể được giải quyết chỉ bởi một quốc gia đơn lẻ, mà đòi hỏi sự hợp tác đa phương. Trong bối cảnh đó, công nghệ số đã trở thành công cụ hữu ích để thúc đẩy sự hợp tác này, cũng như đã góp phần hỗ trợ các chính phủ truyền tải thông điệp và xây dựng hình ảnh quốc gia một cách nhanh chóng, rộng rãi, và hiệu quả hơn so với các hình thức truyền thống.

2.2.1.2. Quá trình hình thành của ngoại giao số trong nền chính trị quốc tế

Những hoạt động ngoại giao đầu tiên được coi là dấu hiệu của việc xuất hiện ngoại giao số là vào năm 1994, khi Carl Bildt và Bill Clinton, những người đứng đầu chính phủ đã tiến hành trao đổi email chính thức đầu tiên vào ngày 05/02/1994. Tuy nhiên trước đó, trong một nghiên cứu do Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ (UEIA) thực hiện về ngoại giao công chúng trong "thế giới máy tính hóa" năm1984, chuyên gia Allen C. Hansen lần đầu tiên đã "cảnh báo" về sự ra đời của một loại hình ngoại giao sử dụng công nghệ máy tính (Hansen, 1989). Hay như, tại Hội nghị Thượng

đỉnh Trái đất ở Rio de Janeiro, các nhà hoạt động xã hội dân sự lần đầu tiên đã sử dụng email và danh sách gửi thư để phối hợp quan điểm của họ trong vận động hành lang và đàm phán. Đồng thời, tại Malta, Đơn vị Ứng dụng Máy tính trong Ngoại giao đầu tiên được thành lập tại Học viện Nghiên cứu Ngoại giao Địa Trung Hải (Hansen, 1989).

Tuy nhiên phải sang những thập niên đầu thế kỷ XXI, sự phát triển nhanh chóng và vượt bậc của công nghệ thông tin và truyền thông vào như internet, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ chuỗi khối (block chain)... đã thúc đẩy mạnh mẽ sự ra đời và phát triển của ngoại giao số. Cùng với sự phát triển bùng nổ của các nền tảng truyền thông xã hội thì ngoại giao số mới thực sự hội nhập sâu và rộng hơn vào quan hệ quốc tế.

Đặc biệt, Internet đã trở thành trung tâm của truyền thông công cộng và riêng tư trong khi các công cụ đương đại, bao gồm cả phương tiện truyền thông xã hội, đã đưa hàng triệu người vào không gian trò chuyện cởi mở. Hàng ngày, Với hàng tỷ người sử dụng Facebook, Twitter, Qzone, Snapchat … và các nền tảng truyền thông xã hội khác kết nối kỹ thuật số đã làm cho thế giới trở nên nhỏ hơn và trong quá trình đó, đã thay đổi cuộc sống hàng ngày của hàng tỷ người. Hiện nay, đối thoại và trao đổi thông tin không qua trung gian giữa những người trên khắp thế giới đang diễn ra 24 giờ một ngày, trong suốt cả năm. Truyền thông xã hội mang đến những cơ hội và thách thức to lớn cho các quốc gia và tổ chức quốc tế khi họ tìm cách tham gia vào các không gian chính sách mới đang phát triển trên Internet.

Hàng loạt các nền tảng tương tác xã hội liên tục xuất hiện như Linkedln năm 2003, Facebook và Flickr năm 2004, Youtube năm 2005, Twitter và WikiLeak năm 2006… Năm 2009, Weibo ra đời và trở thành nền tảng truyền thông xã hội lớn nhất của Trung Quốc. Như vậy, sự phát triển của internet, cùng với các mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram, YouTube… đã thay đổi cách thức lan truyền thông tin và tương tác giữa các quốc gia và công chúng toàn cầu. Điều này tạo ra các kênh truyền thông mới cho các nhà ngoại giao để giao tiếp trực tiếp với công dân, truyền tải thông điệp và hình ảnh quốc gia một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Đầu những năm 2000, các cơ quan của Hoa Kỳ chịu trách nhiệm phát triển công nghệ thông tin và truyền thông bắt đầu tích cực sử dụng "phương tiện truyền thông mới"như mạng xã hội, blog và các nền tảng truyền thông khác trong mạng lưới toàn cầu về truyền thông đại chúng liên quan đến chính sách đối ngoại. Chính quyền của Tổng thống George W. Bush bắt đầu chuyển đổi các kênh phát thanh và truyền hình truyền thống sang Internet. Năm 2002, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ là Bộ ngoại giao đầu tiên thành lập một đơn vị ngoại giao điện tử chuyên trách, Nhóm đặc nhiệm về Ngoại giao điện tử. Thuật ngữ "e-diplomacy" lần đầu tiên được sử dụng tại Hoa Kỳ cùng với việc phát triển chương trình Ngoại giao Kỹ thuật số của Hoa Kỳ được tiến hành vào năm 2002-2003. Năm 2007, Thụy Điển và Maldives là hai nước đi tiên phong trong việc mở đại sứ quán ảo (trực tuyến) trên các cộng đồng mạng. Cũng trong năm 2009, Đại sứ Mexico tại Washington, Arturo Sarukhan, là vị đại sứ đầu tiên đăng trên Twitter thừa nhận rằng: "Thật tuyệt khi trở thành Đại sứ đầu tiên tại Hoa Kỳ với tài khoản Twitter cá nhân; một cách hay để nói chuyện trực tiếp với Hoa Kỳ về Mexico!", mở đầu cho việc các quan chức cao cấp của chính phủ, đại diện của các tổ chức quốc tế… sử dụng các nền tảng trực tuyến này để truyền đi các thông điệp của họ. Cựu Thủ tướng New Zealand, Helen Clark, với tư cách đại diện của Chương trình phát triển LHQ (UNDP), là quan chức cấp cao đầu tiên của LHQ mở hồ sơ trên Twitter vào năm 2010. Năm 2013, Giáo hoàng Francis bắt đầu đăng bài lên Twitter tại tài khoản do Giáo hoàng Benedict XVI mở năm 2012. Từ năm 2014, John Kerry, Ngoại trưởng Hoa Kỳ lúc đó, đã tham gia Twitter và tích cực thông báo về các hoạt động ngoại giao của Hoa Kỳ trên kênh này. Đặc biệt, trong giai đoạn cầm quyền của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump, ông đã liên tục sử dụng các nền tảng xã hội như Facebook hay Twitter để truyền đi những thông điệp của chính quyền cũng như quan điểm cá nhân của mình…

Vai trò ngày càng lớn của mạng xã hội, các nền tảng truyền thông kỹ thuật số trong việc định hình diễn biến chính trị và dư luận quốc tế đã có tác động đáng kể đến các biến động chính trị quốc tế. Có thể thấy, Phong trào Mùa xuân Ả Rập (2010–2012) đã tạo một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của ngoại giao

số. Diễn biến của Phong trào đã nhanh chóng lan truyền quốc tế thông qua các nền tảng trực tuyến như Facebook, Twitter và YouTube… đã huy động và kết nối công chúng xuyên biên giới, ảnh hưởng đáng kể đến động lực chính trị và xã hội trong môi trường quốc tế (Howard & Hussain, 2013, tr.5). Sự kiện Mùa xuân Ả Rập đã cho thấy sức mạnh của truyền thông xã hội trong, đã tác động sâu sắc đến nhận thức của các chính phủ và tổ chức quốc tế về vai trò của công nghệ số trong chính trị quốc tế và hoạt động ngoại giao trong thế kỷ XXI. Từ đó thúc đẩy các chính phủ tăng cường sử dụng ngoại giao số để tương tác trực tiếp với công chúng nước ngoài. Phong trào này cũng làm thay đổi cách các quốc gia nhận thức về an ninh thông tin và quản trị không gian mạng. Mùa xuân Ả Rập là một trong những sự kiện cho thấy rõ rằng không gian số đã trở thành một phần không thể tách rời của chính trị quốc tế và hoạt động ngoại giao (Manor, 2019, tr. 36).

Tiếp sau đó, các cơ quan chính phủ của nhiều nước, trong đó đi tiên phong là Hoa Kỳ và các nước châu Âu đã nhanh chóng sử dụng loại hình truyền thông mới này cho các mục đích ngoại giao. Năm 2012, Nhà Trắng, lần đầu tiên đã mở một kênh Twitter (Tweetup) riêng để những người theo dõi tài khoản Twitter của Nhà Trắng có thể tham gia tương tác trực tiếp trong sự kiện Thủ tướng Anh, David Cameron đến thăm chính thức Washington. Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Pakistan là trang Facebook ngoại giao đầu tiên đạt 1.000.000 người theo dõi vào năm 2013 (Daily Times, 2013). Năm 2014, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã ra mắt Ứng dụng chính thức để tương tác với khách du lịch, những người quan tâm đến ngoại giao hạt nhân và các sinh viên có nhu cầu thực tập trong lĩnh vực này. Không những thế, năm 2015, Hoa Kỳ đã công bố về việc hợp tác giữa Microsoft và Trung tâm Ngoại giao Hoa Kỳ để thúc đẩy ngoại giao tương tác và kỹ thuật số.

Trong năm 2015, LHQ đã cho ra mắt tài khoản Snapchat và giới thiệu về Dòng thực tế ảo với mục tiêu đề cập đến những thách thức cấp bách nhất của thế giới với các chính phủ và công dân toàn cầu trên toàn thế giới, thúc đẩy sự đồng cảm và chung tay giải quyết các vấn đề này. Văn phòng Đối ngoại Vương quốc Anh là văn phòng nước ngoài đầu tiên mở tài khoản Snapchat. Năm 2016, Nhà Trắng ra

mắt tài khoản chính thức trên Snapchat. Bộ trưởng Ngoại giao Iceland, Gunnar Bragi Sveinsson, là vị Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên sử dụng Snapchat trong chuyến thăm Ấn Độ vào tháng 4/2016.

Có thể thấy, các nước phương Tây với nền tảng công nghệ phát triển cao đã nhanh chóng tiếp cận và sử dụng các phương tiện kỹ thuật số như một công cụ ngoại giao hữu hiệu. Một thế giới của kỹ thuật số, toàn cầu, kết nối và liên tục thay đổi là môi trường thuật lợi cho sự phát triển của ngoại giao kỹ thuật số trong quan hệ quốc tế. Công nghệ thông tin và truyền thông mang đến cho ngay cả những quốc gia kém phát triển hơn cơ hội để vượt qua giai đoạn công nghiệp hóa và chuyển đổi nền kinh tế của họ thành nền kinh tế thông tin có giá trị gia tăng cao có thể cạnh tranh với nền kinh tế tiên tiến trên thị trường toàn cầu. Đổi mới công nghệ đã góp phần vào toàn cầu hóa bằng cách cung cấp cơ sở hạ tầng cho các kết nối xuyên thế giới và các quốc gia trên thế giới không thể bỏ lỡ những cơ hội mà các công nghệ này đang tạo ra.

Đặc biệt hơn, sự xuất hiện của đại dịch COVID-19 đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong việc đánh giá vai trò ngày càng gia tăng của ngoại giao số. Đại dịch COVID-19 đã làm gián đoạn các hoạt động ngoại giao truyền thống khi việc di chuyển, nhóm họp các cuộc họp trực tiếp bị hạn chế. Điều này buộc các chính phủ và các tổ chức quốc tế phải nhanh chóng chuyển sang các nền tảng trực tuyến để tiếp tục duy trì liên lạc và đàm phán. Các hội nghị quốc tế, đã được tổ chức trực tuyến, minh chứng cho sự chuyển dịch mạnh mẽ sang ngoại giao số. Ngoại giao truyền thống, dựa vào các cuộc gặp mặt trực tiếp và đàm phán giữa các đại diện chính phủ, phải đối mặt với những thách thức lớn trong thời đại kỹ thuật số. Công nghệ số đã làm thay đổi cách các quốc gia tương tác với nhau, làm giảm tầm quan trọng của các cuộc họp trực tiếp và gia tăng sự phụ thuộc vào các công cụ kỹ thuật số như video conference, email, và mạng xã hội. Để thích ứng với bối cảnh mới, các quốc gia cũng thực hiện chính sách tăng tốc số hóa trong đó có số hóa ngoại giao.

Nói tóm lại, sự ra đời của ngoại giao số gắn liền với bối cảnh toàn cầu hóa, sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và mạng xã hội, cũng như những thay

đổi về mô hình giao tiếp và tương tác quốc tế. Ngoại giao số không chỉ là một sự chuyển đổi trong cách thức các nhà ngoại giao làm việc mà còn mở ra những cơ hội mới cho việc thúc đẩy chính trị quốc tế trong thời đại số hóa.

2.2.2. Khái niệm về ngoại giao số

Các quan niệm về ngoại giao kỹ thuật số xuất phát từ thực tiễn chính sách, ban đầu xuất hiện trong giới chuyên gia, các nhà ngoại giao, những người đã khám phá ra những cơ hội mà Internet mang lại, sau đó mới được các học giả hệ thống hóa. Do tính mới của thuật ngữ này và các quan điểm khác nhau về mức độ liên quan đến lĩnh vực ngoại giao nên định nghĩa ngoại giao kỹ thuật số có thể chưa hoàn toàn thống nhất.

Trước hết, từ góc độ ngôn ngữ học, trong tiếng Anh, các tiền tố "e-", "cyber/mạng", "virtual/ảo" và "digital/kỹ thuật số" vốn cùng ý nghĩa, được sử dụng để mô tả sự phát triển công nghệ thông tin và internet tác động đến nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội khác nhau và đều bắt đầu đầu xuất hiện từ những năm 1990. Vào cuối thập niên 1990, tiền tố "e-" thường được gắn liền với thương mại điện tử, hay việc khai thác internet cho các mục đích thương mại. Trong khi đó, "cyber/mạng", "virtual/ảo" lại thường được các học giả sử dụng khi đề cập đến những đặc tính của internet và việc xuất hiện một "thế giới mới" trong đời sống con người. Còn "digital/kỹ thuật số" được sử dụng chủ yếu trong các lĩnh vực kỹ thuật hay phân loại mức độ phát triển. Học giả Jovan Kurbalija đưa ra một số ví dụ cụ thể như "cyber/mạng" là từ gốc Hy Lạp cổ có nghĩa là "quản trị dựa trên thông tin", vào thập niên 1990 bắt đầu được sử dụng rộng rãi để chỉ những gì liên quan đến internet. Hiện nay vẫn gắn liền với các thuật ngữ chỉ vấn đề an ninh như "cybersecurity/an ninh mạng" "cybercrime/tội phạm mạng" "cyber espionage/hoạt động gián điệp mạng"... Tiền tố "e-" viết tắt của "electronic/điện tử", ngoài lĩnh vực thương mại điện tử, còn được dùng chính thức trong các văn bản của Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Xã hội Thông tin, được tổ chức từ đầu những năm 2003, như "e-government/chính phủ điện tử" "e-learning/học trực tuyến", "e-business/kinh doanh điện tử"... Còn "virtual/ảo" thường để chỉ bản chất vô hình của internet, có tính mơ

hồ, ít được sử dụng trong các báo cáo hay văn kiện quốc tế. Trong khi đó, "digital/kỹ thuật số", bắt nguồn từ việc sử dụng hai con số 0 và 1 để xây dựng internet, tiền tố này lại liên quan nhiều hơn và được sử dụng rộng rãi trong các văn bản chính sách và các văn kiện của chính phủ, như "digital agenda/chương trình nghị sự kỹ thuật số" "digital diplomacy/ngoại giao số"... Đối với thuật ngữ "digital diplomacy/ngoại giao số" có hai cách gọi ngắn gọn thường được sử dụng là "Digiplomacy" hoặc "eDiplomacy"... (Hanson, 2012)

Những tiến bộ vượt bậc về công nghệ thông tin đã tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực ngoại giao. Jovan Kurbalija cũng đã đưa ra tới 25 loại hình ngoại giao liên quan đến sự phát triển của kỹ thuật số (Diplo, 2023). Trong đó có những loại hình ngoại giao gắn với các nền tảng mạng xã hội như ngoại giao Facebook, ngoại giao Twitter, ngoại giao Instagram... hay gắn với các công nghệ như ngoại giao AI, ngoại giao con chíp, ngoại giao dữ liệu... Như vậy, các loại hình này chỉ phản ánh một vài khía cạnh khác nhau trong việc tiến hành ngoại giao số. Nói cách khác, ngoại giao số phải là khái niệm bao trùm hơn.

Mặc dù còn có các quan điểm chưa đồng nhất về khái niệm "ngoại giao số" song, có thể nhận thấy có 3 dòng quan điểm chủ đạo về ngoại giao số: (1) các quan điểm ra đời sớm, ở giai đoạn đầu mới xuất hiện các hoạt động ngoại giao này, cũng thường là nhóm có các quan điểm đơn giản coi kỹ thuật số như một công cụ của ngoại giao truyền thống; (2) các quan điểm cho rằng ngoại giao số là một hình thức của ngoại giao công chúng; (3) nhóm các học giả tập trung vào các khía cạnh phát triển và khả năng phát triển của ngoại giao số.

Điển hình cho *nhóm quan điểm thứ nhất* là định nghĩa đơn giản và ngắn gọn do Văn phòng Khối Thịnh Vượng Chung và Đối ngoại Vương quốc Anh đưa ra "ngoại giao số là giải quyết các vấn đề ngoại giao bằng cách sử dụng internet" (Foreign and Commonwealth Office, 2009). Evan Potter cũng cho rằng sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông không thể thay thế được ngoại giao truyền thống mà buộc ngoại giao truyền thống phải thích nghi với xu thế mới, đồng thời mang đến nhiều cơ hội lớn cho việc triển khai các hoạt động đối ngoại của các quốc

gia. Theo Potter, ngoại giao kỹ thuật số chính là các hoạt động ngoại giao thông qua công nghệ kỹ thuật số và kết nối mạng, bao gồm Internet, thiết bị di động và các kênh truyền thông xã hội (Potter, 2002). Corneliu Bjola định nghĩa ngoại giao kỹ thuật số, với cách tiếp cận rộng hơn, là "việc sử dụng mạng xã hội cho mục đích ngoại giao" (Bjola, 2015). Ngoại giao kỹ thuật số phản ánh cách thức mà các chủ thể quốc tế - điển hình là các quốc gia - sử dụng nền tảng kỹ thuật số để đạt được kết quả chính sách (Hayden, 2018).

Theo Manor và Segev, ngoại giao kỹ thuật số chủ yếu đề cập đến việc một quốc gia ngày càng sử dụng nền tảng truyền thông xã hội để đạt được các mục tiêu chính sách đối ngoại và chủ động quản lý hình ảnh và danh tiếng của mình. Ngoại giao kỹ thuật số tồn tại ở hai cấp độ: cấp độ của Bộ ngoại giao và cấp độ của các đại sứ quán trên khắp thế giới. Bằng cách vận hành ở hai cấp độ này, các quốc gia có thể điều chỉnh các thông điệp về chính sách đối ngoại và xây dựng thương hiệu quốc gia phù hợp với đặc điểm của người dân nước sở tại về lịch sử, văn hóa, giá trị và truyền thống, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nhận chính sách đối ngoại và hình ảnh mà họ khuyến khích hướng tới (Manor, 2015).

Theo *quan điểm của nhóm thứ hai*, Alexander Tutt coi ngoại giao số là việc tiến hành ngoại giao công chúng ảo, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông kỹ thuật số, cụ thể là các công cụ Internet như truyền thông xã hội (Twitter, Facebook, Youtube, v.v.), để giao tiếp và thể hiện hình ảnh của một quốc gia trên cả hai phương diện phạm vi công cộng quốc gia và quốc tế (Tutt, 2013). Rafael Rubio cũng cho rằng ngoại giao kỹ thuật số là sự phát triển của ngoại giao công chúng bằng cách sử dụng các công cụ kỹ thuật số với nhiều hoạt động, tác nhân và cơ hội hơn. Ngoại giao được thực hiện trong một môi trường mở, nơi các trao đổi và tranh luận cũng mang tính toàn cầu và có thể thay đổi liên tục (Rubio, 2015). Andreas Sandre giải thích rằng ngoại giao kỹ thuật số là một bộ phận không thể tách rời của ngoại giao truyền thống và ngoại giao công chúng; là không gian chính sách đối ngoại mới trong đó công nghệ và ngoại giao kỹ thuật số đã góp phần thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực ngoại giao, là nơi có sự tham gia của nhiều chủ thể tương

tác và cộng tác (Sandre, 2015). Còn Lewis định nghĩa ngoại giao kỹ thuật số là việc các nhà ngoại giao sử dụng các công cụ truyền thông kỹ thuật số (phương tiện truyền thông xã hội) để giao tiếp với nhau và với công chúng (Dew, 2014).

Ngoại giao kỹ thuật số, như Holmes và Bjola lập luận, là công cụ đắc lực của ngoại giao công chúng; là một dạng thức mới để quản trị hiệu quả hơn sự thay đổi trong chính trị quốc tế hiện đại (Bjola, 2015a). Định nghĩa này cũng cùng chung một số phạm vi khái niệm với các thuật ngữ khác mô tả các hoạt động và chiến lược tương tự. Một số học giả nghiên cứu về ngoại giao kỹ thuật số đã lưu ý rằng vẫn có sự khác biệt giữa khái niệm ngoại giao kỹ thuật số và ngoại giao công chúng, tuy nhiên trọng tâm của nhiều nghiên cứu điển hình về ngoại giao kỹ thuật số, ngoài lãnh sự và truyền thông trong khủng hoảng, thì vẫn lại đề cập đến lĩnh vực ngoại giao công chúng (Owen, 2016).

Có thể thấy rõ sự chồng chéo đáng kể giữa ngoại giao kỹ thuật số và ngoại giao công chúng trong các nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của nền tảng kỹ thuật số trong các nỗ lực chống khủng bố, trong phân tích sự tiếp nhận của các đối tượng, các chiến dịch vận động, cũng như nỗ lực giám sát và kết nối trực tuyến với công chúng nước ngoài. Nói cách khác, ngoại giao kỹ thuật số có thể là biểu hiện của sự thay đổi lớn trong việc ai sẽ thực hiện ngoại giao, trách nhiệm ngoại giao được phân tách một cách hiệu quả như thế nào và các chủ thể phi nhà nước (từ công chúng đến các mạng lưới) thực hiện một loại hình ngoại giao thực tiễn trong quan hệ quốc tế như thế nào, sự tham gia, xây dựng mối quan hệ và đại diện ra sao... (Kelley, 2014)

Nhìn chung, do không có định nghĩa hoặc khuôn khổ nào được chấp nhận rộng rãi bao hàm khái niệm này nên vẫn còn khoảng trống khá lớn về một khung khái niệm đáng tin cậy để đánh giá hiệu quả của truyền thông xã hội cho các mục đích ngoại giao công chúng. *Các định nghĩa thuộc nhóm thứ 3* coi ngoại giao số không chỉ là việc sử dụng các công cụ internet để thực thi các hoạt động ngoại giao mà còn tập trung vào tác động của ngoại giao số, sự tương tác giữa internet và ngoại giao, những thay đổi do internet tạo ra trong môi trường ngoại giao, sự xuất hiện của

các chủ đề mới trong các chương trình nghị sự ngoại giao như an ninh mạng, quyền riêng tư,...

Nicholas Westcott đã nhận định mặc dù ngoại giao truyền thống vẫn đóng vai trò cốt lõi trong hoạt động triển khai chính sách đối ngoại của các quốc gia, song ngoại giao số có tác động đến quá trình hoạch định chính sách trên 4 khía cạnh: ý tưởng, thông tin, mạng lưới và cung cấp dịch vụ (Westcott, 2008, tr.16-19). Tương tự như vậy, Wilson Dizard, Jr. cho rằng tác động của ngoại giao số thể hiện trên hai khía cạnh: thu thập thông tin và chương trình nghị sự chính trị, an ninh của các quốc gia (Wilson, 2001).

Để phân tích sự xâm nhập khác nhau của thế giới kỹ thuật số vào chính sách đối ngoại và chương trình nghị sự ngoại giao, Ilan Manor cho rằng ngoại giao kỹ thuật số là "việc các Bộ trưởng Bộ Ngoại giao sử dụng các trang mạng xã hội để thu thập và phổ biến thông tin" chứ không phải là việc "lấy những người theo dõi làm trung tâm" hay là sự tương tác giữa các Bộ trưởng với những người theo dõi thông thường (Manor, 2019). Nói cách khác, ngoại giao số là hoạt động ngoại giao được tiến hành với các "công cụ số" gồm cả mạng xã hội, các hoạt động này phải có tính hai chiều. Do đó, môi trường số cũng đặt ra cả thuận lợi và khó khăn cho ngoại giao truyền thống.

Còn Gökhan Yücel,[3] lại chia ngoại giao thành nhiều thế hệ: ngoại giao 1.0 được đại diện bởi Kissinger, ngoại giao 2.0 sẽ là Joseph Nye, ngoại giao 3.0 được thể hiện bởi Alec Ross và ngoại giao 4.0 được minh họa bởi Matthias Lüfkens[4] và Twiplomacy[5]. Ông định nghĩa ngoại giao 4.0 là "ngoại giao kỹ thuật số + tính chuyên nghiệp/cá nhân hóa/cá thể hóa/cá tính hóa/huy động + phi ngoại giao – ngoại giao không có nhà ngoại giao".

Shanthi Kalathil chỉ ra thuật ngữ ngoại giao kỹ thuật số ngày càng trở nên thông dụng khi sự thay đổi về tính minh bạch và các biến động quốc tế đã tạo ra một "bối

[3] Chủ tịch của tổ chức tư vấn Yeni Diplomasi, một trang web của Thổ Nhĩ Kỳ chuyên về ngoại giao kỹ thuật số

[4] Người sáng lập và giám đốc điều hành của @DigiTips, một công ty truyền thông boutique có trụ sở tại Geneva

[5] https://www.twiplomacy.com/

cảnh ngoại giao quốc tế mới". Trên cơ sở đó, Kalathil công nhận các đặc điểm của chính sách ngoại giao mới được David M. Faris mô tả bao gồm "minh bạch, tầm nhìn và tranh chấp" trong "thời đại chia sẻ", trong đó các chủ thể phi nhà nước với tư cách là những nhân tố tích cực trong ngoại giao và đó là "sự thay đổi" kết hợp ngoại giao truyền thống với một số lĩnh vực ngoại giao công chúng cũng như các khía cạnh phát triển và quản trị (Kalathil, 2013). Theo DiploFoundation, tổ chức nghiên cứu ngoại giao hàng đầu thế giới, cần phân tích ngoại giao số theo ba khía cạnh: (1) là môi trường mới mà hoạt động ngoại giao phải vận hành trong đó; (2) các chủ đề kỹ thuật số mới trên chương trình nghị sự ngoại giao và chính sách đối ngoại kỹ thuật số; (3) các công cụ kỹ thuật số mới mà nhà ngoại giao sử dụng. Các lĩnh vực trọng tâm bao gồm an ninh mạng, khi các quốc gia phải điều hướng các chuẩn mực về hành vi trực tuyến có trách nhiệm, và quản trị dữ liệu, giải quyết cách thức thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu cá nhân và quốc gia xuyên biên giới (Diplo, 2025).

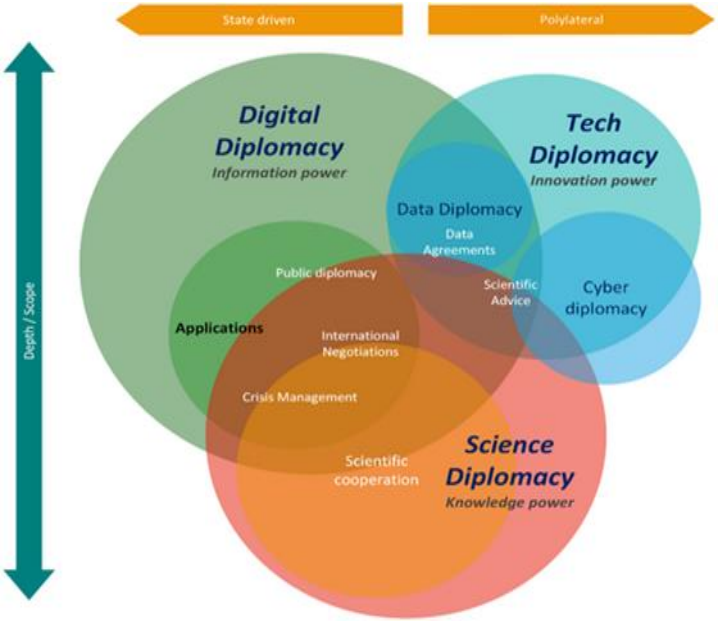
Như vậy có thể thấy, 3 nhóm định nghĩa về ngoại giao số khá tương đồng với các giai đoạn phát triển của ngoại giao số. Ở giai đoạn đầu tiên ngoại giao số chủ yếu tập trung vào "số hóa ngoại giao" (digitized diplomacy), là việc áp dụng công nghệ kỹ thuật số về mặt kỹ thuật vào hoạt động ngoại giao truyền thống, trong khi, hiện nay ngoại giao số không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là công cụ hợp tác và định hình chính sách. Ngoại giao kỹ thuật số không còn chỉ là việc sử dụng Internet và các công nghệ thông tin liên lạc mới để giúp chủ thể chính trị quốc tế đạt được các mục tiêu ngoại giao, cũng như sự tương tác giữa công nghệ kỹ thuật số và ngoại giao, mà còn bao gồm các hoạt động hợp tác kỹ thuật số giữa các quốc gia, giải quyết các vấn đề xuyên biên giới liên quan đến công nghệ, và thậm chí quản lý các vấn đề an ninh mạng, quyền riêng tư và bảo mật thông tin trên phạm vi toàn cầu. Có thể gọi đây là 3 "thế hệ" nhận thức về sự vận động của ngoại giao số, vì cho đến hiện nay vẫn tồn tại đồng thời cả 3 xu hướng quan điểm này. Do sự vận động nhanh chóng của công nghệ và ngoại giao số cũng như chưa có sự thống nhất hoàn toàn về

khái niệm này, nên hiện nay đã có những khái niệm mới xuất hiện tạo nên sự chồng lấn trong các định nghĩa về các phương thức ngoại giao mới này.

Ví dụ như, từ Hình 2.1 có thể thấy sự chồng lấn rất lớn giữa 3 nội hàm về ngoại giao số, ngoại giao khoa học và ngoại giao công nghệ. Những thuật ngữ này đại diện cho các cách tiếp cận khác biệt về vai trò của công nghệ trong thực hành ngoại giao, mỗi loại có phạm vi và mục tiêu riêng. Trong đó, năm 2017 "Tech Diplomacy"[6] ra đời sau và xuất phát từ "Digital Diplomacy", cho thấy một giai đoạn mới với việc đổi mới công nghệ không chỉ tác động mà còn đang tích cực định hình lại cách thức các chính phủ tham gia và hợp tác trên trường quốc tế, sau thập kỷ phát triển của ngoại giao số. Mặc dù ngoại giao số và ngoại giao công nghệ có những vùng chồng lấn và các chức năng bổ sung cho nhau như quản trị dữ liệu, an ninh mạng… do đây là các lĩnh vực đòi hỏi cả chiến lược truyền thông kỹ thuật số lẫn hợp tác kỹ thuật về tiêu chuẩn công nghệ, phương thức bảo mật… Song, theo Viện Ngoại giao Công nghệ Toàn cầu (Tech Diplomacy Global Institute), điểm phân biệt căn bản nhất giữa hai khái niệm là: ngoại giao số nhấn mạnh vào quyền lực thông tin (information power), là khả năng tạo ra, xử lý và phổ biến thông tin qua các kênh kỹ thuật số để gây ảnh hưởng đến khán giả quốc tế, định hình dư luận và đạt mục tiêu chính sách đối ngoại; trong khi ngoại giao công nghệ tập trung vào quyền lực đổi mới (innovation power) - khả năng đổi mới, điều tiết và tích hợp các công nghệ chuyển đổi trong các khung ngoại giao và quản trị (Tech Diplomacy Global Institute, 2025).

[6] Năm 2017, Đan Mạch tiên phong với sáng kiến *TechPlomacy* — đặt công nghệ kỹ thuật số vào trung tâm của chương trình nghị sự an ninh và đối ngoại, phản ánh xu hướng *Tech Diplomacy* của Đan Mạch, Kenya và hơn 24 quốc gia từ 2017 đến nay.

Hình 2.1. Các loại hình ngoại giao liên quan đến công nghệ



Nguồn: Bjola, C., & M. Kornprobst (2025) " Studying Tech Diplomacy—Introduction to the Special Issue on Tech Diplomacy." *Global Policy* 1–8, pp.3 https://doi.org/10.1111/1758-5899.70035.

Khi kỹ thuật số và công nghệ vẫn tiếp tục phát triển thì khái niệm ngoại giao số vẫn tiếp tục cần cập nhật, bổ sung và hoàn thiện. Mặc dù cho đến nay, chưa có một định nghĩa thống nhất được sử dụng rộng rãi về ngoại giao số, song thông qua xem xét các cách tiếp cận và cách hiểu của các học giả nêu trên, đồng thời cập nhật xu hướng ngoại giao trong kỷ nguyên số, có thể rút ra một khái niệm về ngoại giao số như sau:

Ngoại giao số (Digital Diplomacy) là tổng thể các hoạt động ngoại giao được thực hiện thông qua việc các chủ thể chính trị quốc tế (nhà nước, Bộ Ngoại giao, tổ chức quốc tế, tập đoàn công nghệ…) ứng dụng công nghệ kỹ thuật số (mạng xã hội, nền tảng trực tuyến, kênh truyền thông ảo, trí tuệ nhân tạo và không gian mạng…) nhằm: (1) truyền thông và giao tiếp đối ngoại với cộng đồng quốc tế và công chúng; (2) thúc đẩy các mục tiêu chính sách đối ngoại quốc gia; (3) cũng như đàm phán, xây dựng chuẩn mực và quản trị các vấn đề kỹ thuật số toàn cầu như an

ninh mạng, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và quản trị Internet trong bối cảnh kỷ nguyên số.

Khái niệm trên được xây dựng từ bốn yếu tố cốt lõi: (i) Chủ thể chính không chỉ giới hạn ở chính phủ các quốc gia tuyền thống, mà còn bao gồm các tổ chức quốc tế, và mở rộng ra có thể cả các tập đoàn công nghệ lớn; (ii) Công cụ gồm từ mạng xã hội (X, Facebook, Telegram…) đến hội nghị truyền hình, AI tổng hợp… tức là toàn bộ hệ sinh thái công nghệ số đang được sử dụng trong thực hành ngoại giao hiện đại; (iii) Mục tiêu gồm ba tầng: truyền thông đối ngoại (thuyết phục công chúng), chính sách đối ngoại (bảo vệ lợi ích quốc gia), và quản trị toàn cầu (hợp tác, xây dựng luật chơi cho không gian kỹ thuật số); (iv) Bối cảnh là kỷ nguyên số, nơi công nghệ không chỉ là công cụ mà còn là *đối tượng* của ngoại giao, thể hiện qua các cuộc đàm phán về AI, bán dẫn, dữ liệu xuyên biên giới, Hiệp ước Kỹ thuật số Toàn cầu của LHQ năm 2024... So với các nhóm định nghĩa đã nêu trên khái niệm tổng hợp này đã cập nhật và bổ sung AI và không gian mạng như là công cụ và đồng thời là đối tượng của ngoại giao số, xu hướng mở rộng sang chủ thể phi nhà nước (tập đoàn công nghệ) như những tác nhân ngoại giao thực sự, đồng thời nhấn mạnh chiều cạnh quản trị toàn cầu.

Đây là khái niệm được luận án tổng hợp, hệ thống hoá và sử dụng trong toàn bộ nội dung luận án.

2.3. Quan hệ giữa ngoại giao số và các chủ thể chính trị quốc tế hiện đại

Ba lý thuyết chính trị quốc tế lớn, chủ nghĩa Hiện thực, Tự do và Kiến tạo, đã luận giải rõ ràng về vai trò của ngoại giao trong chính trị quốc tế nói chung. Các lý thuyết này cũng góp phần lý giải vai trò của ngoại giao số đối với chính trị quốc tế dưới các góc độ khác nhau.

Chủ nghĩa Hiện thực coi ngoại giao số như công cụ cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia, đặc biệt trong không gian mạng. Chủ thể quốc gia sử dụng ngoại giao số để bảo vệ lợi ích quốc gia, gây ảnh hưởng và làm suy yếu đối thủ thông qua các hình thức như chiến tranh thông tin, tin giả. Không gian số được xem như một mặt trận chiến lược mới trong xung đột địa chính trị. Chủ nghĩa Tự do tập trung vào

khả năng hợp tác đa phương qua các nền tảng kỹ thuật số. Thúc đẩy minh bạch, kết nối xã hội dân sự toàn cầu, và giảm thiểu hiểu lầm trong quan hệ quốc tế. Ngoại giao số giúp các nước nhỏ, tổ chức quốc tế có tiếng nói mạnh mẽ hơn thông qua truyền thông số. Chủ nghĩa Kiến tạo nhấn mạnh vai trò của diễn ngôn, bản sắc và hình ảnh quốc gia trong không gian số. Quốc gia không chỉ truyền đạt thông tin mà còn "kiến tạo" hình ảnh bản thân thông qua hoạt động ngoại giao số như chiến lược xây dựng "thương hiệu quốc gia" (nation branding), chính sách đối ngoại mềm dẻo, hình ảnh lãnh đạo thân thiện trên mạng xã hội.

Bên cạnh đó, để góp phần luận giải rõ hơn về việc các quốc gia sử dụng ngoại giao số trong chính trị quốc tế, luận án còn sử dụng lý luận về quyền lực mềm và ngoại giao chuyên biệt. Trên cơ sở đó, có thể thấy, ngoại giao số là công cụ quyền lực mềm của tất cả các quốc gia, đặc biệt là các nước lớn, các quốc gia phát triển có nguồn lực mạnh. Đối với các quốc gia nhỏ và tầm trung, ngoại giao số có thể được sử dụng nhưng một hình thức ngoại giao chuyên biệt.

2.3.1. Ngoại giao số là công cụ của quyền lực mềm quốc gia

Joseph Nye trong tác phẩm nổi tiếng của ông, *Soft power: The means to success in world politics* (Sức mạnh mềm: Phương tiện thành công trong chính trị thế giới) đã nêu ra lập luận: nếu quyền lực cứng là "khả năng khiến người khác hành động theo cách trái ngược với sở thích và chiến lược ban đầu của họ". Đây là khả năng ép buộc, thông qua các mối đe dọa và sự dụ dỗ "cây gậy" và "củ cà rốt" (Nye, 2004, tr.11). Thì, ngược lại, quyền lực mềm là khả năng khiến "người khác muốn có kết quả mà bạn muốn"" (Nye, 2004, tr.5) và cụ thể hơn là "khả năng đạt được mục tiêu thông qua sự thu hút thay vì ép buộc" (Nye, 2004, tr.x). Quyền lực mềm được ông định nghĩa là khả năng thiết lập chương trình nghị sự trong chính trị thế giới thông qua thuyết phục, lôi kéo và thu hút người khác thông qua sức mạnh của niềm tin, giá trị và ý tưởng của một người, chứ không phải thông qua sự ép buộc về mặt quân sự hoặc kinh tế (Nye, 2004, tr.176). Nye còn giới thiệu quyền lực thông minh là "sự cân bằng giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm". Ông lập luận rằng quyền lực mềm cũng quan trọng như quyền lực cứng, và thậm chí còn quan trọng hơn

trong chính trị quốc tế. Quyền lực mềm cho phép thay đổi hành vi ở người khác, mà không có sự cạnh tranh hay xung đột, bằng cách sử dụng sự thuyết phục và thu hút (Nye, 2005).

Trong bối cảnh thúc đẩy quyền lực mềm, chính phủ các quốc gia đều chú trọng phát triển ngoại giao công chúng. Ngoại giao không chỉ là các cuộc đàm phán bí mật giữa các nhà ngoại giao và chính phủ, mà còn bao gồm việc giao tiếp trực tiếp với công chúng quốc tế để ảnh hưởng đến nhận thức và thái độ của họ. Theo Adesina, ngoại giao luôn phải thích ứng và thay đổi theo bối cảnh cụ thể của môi trường (Adesina, 2017, tr.7). Trong một thế giới mà mọi người ngày càng kết nối, khả năng thu thập và chia sẻ thông tin cho nhiều đối tượng với tốc độ chưa từng có, đã tạo ra những cơ hội mới cho các nhà lãnh đạo và các cơ quan chính phủ chia sẻ thông điệp và thiết lập chương trình nghị sự chính trị vượt ra ngoài các kênh truyền thống.

Công nghệ là yếu tố quan trọng nhất của sức mạnh mềm trong thế giới ngày nay. Ngày càng, có nhiều cơ hội để sử dụng công nghệ như một yếu tố của sức mạnh mềm. Các chính phủ sử dụng công nghệ như một công cụ mới để truyền thông, thu thập thông tin và thúc đẩy các giá trị trong và ngoài nước. Nói tóm lại, như Hallams lập luận "nghệ thuật quyền lực mềm trong thế kỷ 21 là kết hợp các công cụ ngoại giao và đàm phán truyền thống với khả năng khai thác sức mạnh và tiềm năng vốn có trong các công nghệ mới và mới nổi mà toàn cầu hóa đã tạo ra" (Hallams, 2010, tr.151).

Như vậy, thông qua góc nhìn về quyền lực mềm, ngoại giao kỹ thuật số được thiết kế và sử dụng như một công cụ của quyền lực mềm. Có thể thấy, ngoại giao số góp phần thúc đẩy quyền lực mềm trên 4 phương diện chính sau: (1) Xây dựng hình ảnh quốc gia: Trong chính trị quốc tế, việc các quốc gia cải thiện hình ảnh của mình, xây dựng quan hệ văn hóa và xã hội với công chúng quốc tế, nhằm thúc đẩy sự hiểu biết và hỗ trợ cho các chính sách quốc tế là vô cùng quan trọng. các nền tảng số như mạng xã hội, các trang web của các cơ quan chính phủ, cho phép quốc gia truyền tải thông điệp, quảng bá văn hóa, và tạo dựng hình ảnh tích cực trên toàn cầu. Ví dụ, chiến dịch quảng bá văn hóa, lịch sử hay thành tựu kinh tế thông qua video, hình ảnh

trực tuyến có thể thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế; (2) Tăng cường kết nối: Ngoại giao số giúp mở rộng phạm vi giao tiếp với công chúng toàn cầu, từ người dân, tổ chức, đến chính phủ các nước, cho phép các quốc gia tham gia đối thoại, chia sẻ quan điểm, và xử lý khủng hoảng thông qua các nền tảng số nhanh chóng và hiệu quả; (3) Ảnh hưởng chính sách quốc tế: Các quốc gia có thể sử dụng không gian mạng để đưa ra lập luận và thu hút sự ủng hộ quốc tế với các chính sách của mình. Ví dụ, việc vận động các sáng kiến liên quan đến biến đổi khí hậu, nhân quyền, hay hợp tác kinh tế qua nền tảng số có thể tạo ra sức ép dư luận tích cực. Ngoại giao số có thể ảnh hưởng đến dư luận quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các chính sách đối ngoại của một quốc gia. Ví dụ, các chiến dịch ngoại giao số sử dụng mạng xã hội và truyền thông để định hình nhận thức về các vấn đề quốc tế; (4) Đối phó với thông tin sai lệch: Ngoại giao số cũng là công cụ để quốc gia bảo vệ hình ảnh và lợi ích của mình trước những thông tin xuyên tạc hoặc chiến dịch bôi nhọ từ các bên khác.

Tóm lại, ngoại giao số là phương tiện hiện đại để quốc gia gia tăng quyền lực mềm trong thời đại số hóa. Ngoại giao số sử dụng các công nghệ số và nền tảng trực tuyến để thúc đẩy lợi ích quốc gia, xây dựng hình ảnh, và gia tăng sức mạnh mềm. Đây được xem là một công cụ quan trọng để quốc gia thực hiện quyền lực mềm – khả năng ảnh hưởng và thu hút người khác mà không cần đến ép buộc hay sử dụng sức mạnh cứng. Việc tận dụng hiệu quả công cụ này sẽ giúp quốc gia nâng cao vị thế và ảnh hưởng trên trường quốc tế.

2.3.2. Ngoại giao số với tư cách là ngoại giao chuyên biệt của các quốc gia nhỏ và tầm trung

2.3.2.1. Quan điểm về quốc gia nhỏ và tầm trung

Về khái niệm quốc gia nhỏ, hiện nay chưa có định nghĩa duy nhất nào về một quốc gia nhỏ. Về cơ bản, các quốc gia nhỏ có những đặc điểm như: hạn chế về tài nguyên, quy mô dân số nhỏ, diện tích không lớn, tiềm lực kinh tế và quân sự thường yếu hơn so với các quốc gia lớn… Do đó, các nước nhỏ thường phải phụ thuộc vào môi trường quốc tế, dễ bị ảnh hưởng bởi các cường quốc, thường phải

dựa vào liên minh và luật pháp quốc tế để đảm bảo an ninh và lợi ích. Tuy nhiên, các quốc gia nhỏ thường thể hiện sự linh hoạt cao trong ngoại giao để thích nghi với tình hình quốc tế.

Có nhiều tiêu chí khác nhau để phân định và xác định quốc gia nhỏ như: quy mô lãnh thổ, sức mạnh hay tiềm năng kinh tế, vị thế an ninh hay sức mạnh quân sự, mức độ và khả năng tương tác với các quốc gia khác… Nhìn chung, có hai cách tiếp cận chính: định lượng và định tính. Định lượng là dựa trên các yếu tố nhân khẩu học, địa lý hoặc kinh tế… Các định nghĩa định lượng thường được sử dụng trong bối cảnh hợp tác phát triển. Nó tập trung hoạt động ngoại giao vào việc xác định điểm yếu và điểm dễ bị tổn thương của các quốc gia nhỏ và vào các biện pháp và chương trình có thể giúp họ giảm thiểu hoặc tránh được chúng.

Cách tiếp cận định tính tập trung vào nhận thức phát sinh từ các mối quan hệ không bình đẳng. Trên cơ sở đó, Robert Rothstein cho rằng dựa cả hai phương diện định lượng/vật chất và tâm lý/hành vi (định tính) của quốc gia thì quốc gia nhỏ là quốc gia luôn có cảm giác về sự nhỏ bé của họ. Họ thừa nhận cần phải dựa vào sự hỗ trợ của các chủ thể khác để đảm bảo an ninh. Chính vì vậy, nhà lý thuyết về nước nhỏ đều khẳng định các nước nhỏ rất coi trọng sự độc lập, tự chủ về chiến lược và luôn tìm cách mở rộng không gian triển khai và lựa chọn chính sách (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.27-28). Các cách tiếp cận này cung cấp các góc nhìn riêng biệt nhưng bổ sung cho nhau về cách tiến hành ngoại giao của quốc gia nhỏ.

Lập luận về chính sách ngoại giao của các nước nhỏ, chủ nghĩa Tân Hiện thực (Neorealism) cho rằng, trong một hệ thống quốc tế mà nước lớn vẫn nắm quyền chi phối thì các nước nhỏ khó có thể triển khai hiệu quả chính sách cân bằng (balancing), mà buộc phải dựa vào các nước lớn để bảo đảm an ninh và thường rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan . (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.28). Về cơ bản, chủ nghĩa Tân Hiện thực không thừa nhận vai trò của các thể chế quốc tế trong việc thiết lập luật pháp quốc tế để giải quyết các vấn đề an ninh, chính trị thế giới. Các tổ chức quốc tế chỉ là sự lựa chọn chính sách bổ trợ cho chính sách cân bằng quyền lực của các nước. Quan điểm này phù hợp hơn với thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Khi đó, các

quốc gia nhỏ thường được coi là những chủ thể tuân thủ luật lệ, không phải là chủ thể thiết lập luật lệ, và phụ thuộc an ninh, chứ không phải tạo ra an ninh.

Kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, điều này đã thay đổi. Đã có nhiều nghiên cứu về chính sách đối ngoại và ngoại giao của các quốc gia nhỏ phân tích cách thức và điều kiện mà các quốc gia nhỏ thành công trong việc tác động đến các vấn đề quốc tế và đóng góp vào việc duy trì và phát triển xã hội quốc tế. Theo chủ nghĩa Thể chế Tân Tự do (Neoliberal Institutionalism), do "sức mạnh thể chế tạo ra cho thành viên" nên các tổ chức quốc tế ngày càng có vai trò lớn trong đời sống chính trị quốc tế. Dựa trên lập luận này, Rothstein đã chỉ ra rằng, các quốc gia nhỏ thường ưu tiên các phương thức ngoại giao đa phương, vì vậy họ ủng hộ các thể chế khu vực, các tổ chức quốc tế. Có ba lý do cơ bản (i) Tính bình đẳng chính thức (tương đối) giữa các thành viên; (ii) Lợi ích về an ninh, chính trị mà các tổ chức này có thể mang lại cho các thành viên; (iii) khả năng của các tổ chức đa phương trong việc kiềm chế sự can dự của các nước lớn (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.31).

Giống như các cường quốc, các quốc gia nhỏ tìm kiếm các mục tiêu ngoại giao phản ánh lợi ích trực tiếp của quốc gia như duy trì toàn vẹn lãnh thổ, thúc đẩy thịnh vượng và bảo vệ công dân ở nước ngoài kết hợp với các mục tiêu nhằm định hình môi trường quốc tế, ví dụ như tạo ra trật tự quốc tế hòa bình và dựa trên luật lệ và bảo vệ lợi ích chung toàn cầu. Tuy nhiên, các quốc gia nhỏ có ít điều kiện và phương tiện hơn các cường quốc hay các nước tầm trung để theo đuổi các mục tiêu ngoại giao của họ. Các quốc gia nhỏ thường phụ thuộc vào các thỏa thuận song phương và đa phương, bởi vì, họ có ít nguồn lực để tác động đến các thỏa thuận đó. Đây chính là sự lựa chọn phổ biến của các quốc gia, những thập niên đầu thế kỷ XXI, và được gọi là "chính sách giữ cân bằng linh hoạt", không trung lập cũng không liên minh hẳn với nước nào (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.30).

Học giả Anders Wivel trong bài nghiên cứu về *Small State Diplomacy* (Ngoại giao nước nhỏ) năm 2023, đã nêu ra ba đặc điểm của ngoại giao nhà nước nhỏ phản ánh cách các quốc gia nhỏ tìm cách đáp ứng những thách thức phát sinh từ tình thế tiến thoái lưỡng nan trong bối cảnh mới này (Wivel, 2023). Trước hết, ngoại

giao nhà nước nhỏ có xu hướng phụ thuộc nhiều vào các thể chế khu vực và toàn cầu. Các thể chế quốc tế giúp cân bằng sân chơi bằng cách tăng cường tính minh bạch, tạo ra các quy tắc ứng xử chung cho tất cả các quốc gia thành viên và lên tiếng về các cơ hội. Thứ nữa, các quốc gia nhỏ có xu hướng tập trung nỗ lực ngoại giao của mình vào các chương trình nghị sự ngoại giao hẹp. Họ tìm cách lựa chọn và tác động đến các "ngóc ngách" có tầm quan trọng đặc biệt đối với quốc gia thay vì tác động đến các cấu trúc tổng thể và cán cân quyền lực. Cuối cùng, các quốc gia nhỏ bù đắp cho sự thiếu hụt năng lực vật chất của mình bằng cách theo đuổi các chiến lược mang tính ý tưởng như tìm kiếm địa vị nhằm mục đích tăng vị thế quốc tế của họ nói chung hoặc với các cường quốc được lựa chọn, từ đó thúc đẩy các chuẩn mực có tầm quan trọng đối với quốc gia nhỏ (Wivel, 2023).

Như vậy, trước những biến động của chính trị quốc tế, trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, ngoại giao của các quốc gia nhỏ bao gồm nhiều lựa chọn chính sách đối ngoại và phương pháp ngoại giao đa dạng hơn. Cách các quốc gia nhỏ giải quyết vấn đề phát triển và an ninh, và cách họ tìm cách vượt qua những hạn chế ban đầu của mình trong những hoàn cảnh cụ thể ngày càng trở nên đa dạng và linh hoạt.

Về quốc gia tầm trung, thuật ngữ "quốc gia tầm trung" không phải là mới. Khái niệm này đã được định nghĩa từ cuối thế kỷ 16, khi nhà tư tưởng chính trị người Ý Giovanni Botero chia thế giới thành ba loại quốc gia: grandissime (đế chế), mezano (quốc gia hạng trung) và piccioli (quốc gia nhỏ). Theo định nghĩa của Botero, một quốc gia hạng trung "sở hữu đủ sức mạnh và thẩm quyền để tự đứng vững mà không cần sự giúp đỡ của nước khác". Quốc gia tầm trung còn được định nghĩa là các chủ thể có khả năng tác động vừa phải đến hành vi của các quốc gia khác. Các quốc gia tầm trung có nhưng đặc điểm chung như mong muốn hội nhập khu vực, đồng thời tạo dựng và duy trì bản sắc riêng, tạo sự khác biệt với các quốc gia nhỏ hơn trong khu vực. Trên phạm vi toàn cầu, họ tìm kiếm các giải pháp đa phương, thỏa hiệp và hòa giải. Quan trọng nhất, họ cố gắng tránh đối đầu trực tiếp với các cường quốc (Khatulina, 2023).

Một định nghĩa phổ biến về quốc gia tầm trung của Eduard Jordaan là "các quốc gia không lớn cũng không nhỏ về sức mạnh, năng lực và ảnh hưởng quốc tế,

đồng thời thể hiện xu hướng thúc đẩy sự gắn kết và ổn định trong hệ thống thế giới" (Jordaan, 2003).Các cường quốc hạng trung có thể được xác định dựa trên năng lực (quyền lực), mức độ hoàn thành công việc (ảnh hưởng) và bản chất chính sách đối ngoại (chuẩn mực). Với năng lực quân sự tương đối hạn chế, các cường quốc hạng trung không thể đảm đương toàn bộ nhiệm vụ và trách nhiệm của các cường quốc trong hệ thống quốc tế. Tuy nhiên, họ có thể theo đuổi một chính sách đối ngoại chuẩn mực không chỉ phục vụ lợi ích thiết yếu của riêng họ mà còn của cộng đồng rộng lớn hơn, và trong một số trường hợp, thậm chí là của cộng đồng toàn cầu.

Trên cơ sở tập hợp các quan điểm về quốc gia tầm trung, Daniel Flemes đã đưa ra khái niệm: Quốc gia tầm trung xuất phát từ lợi ích quốc gia – dân tộc, luôn có ý thức về trách nhiệm quốc tế, ủng hộ các mục tiêu hòa bình, an ninh và phát triển quốc tế vì một trật tự thế giới ổn định hơn (Flemens, 2007, tr.4-5). Quốc gia tầm trung là những nước có tiềm lực kinh tế, chính trị và quân sự đủ mạnh để đóng vai trò quan trọng trong khu vực và quốc tế, nhưng không ở mức chi phối như các cường quốc. Những quốc gia này thường có chiến lược ngoại giao đặc thù nhằm phát huy lợi thế của mình và gia tăng ảnh hưởng. Trên thực tế, có thể chỉ ra những đặc điểm cơ bản của quốc gia tầm trung bao gồm: Tiềm lực đủ mạnh nhưng không vượt trội, kinh tế khá phát triển, thường nằm trong nhóm các nền kinh tế mới nổi hoặc có tầm ảnh hưởng khu vực, quân sự có thể tương đối mạnh nhưng không ở mức áp đảo; Có vị thế địa chính trị quan trọng, thường nằm ở các khu vực chiến lược hoặc đóng vai trò "cầu nối" giữa các khối quyền lực lớn (ví dụ: Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Ấn Độ…); Thường đóng vai trò chủ động, tích cực tham gia vào các vấn đề quốc tế và có khả năng lãnh đạo trong các lĩnh vực chuyên biệt như môi trường, nhân đạo, hòa giải… Như vậy, thuật ngữ "quốc gia tầm trung" được sử dụng để chỉ những quốc gia không có địa vị nước lớn nhưng có ảnh hưởng quốc tế.

Về mặt lý luận, khái niệm "quốc gia tầm trung" được phát triển từ cách lý giải về nước nhỏ của hai trường phái lý thuyết là chủ nghĩa Tân Hiện thực và chủ nghĩa Thể chế Thể chế Tân Tự do đã nêu trên. Trong bối cảnh của những thập niên đầu thế kỷ XXI, chính trị quốc tế cho thấy sự cân bằng quyền lực tương đối, trong đó, không

có một nước lớn nào có khả năng chi phối toàn bộ hệ thống quốc tế, đây là môi trường chiến lược thuận lợi cho các nước tầm trung. Bởi lẽ, thế và lực các nước tầm trung tăng lên, các nước này có nhiều nguồn lực và công cụ hơn để phát huy ảnh hưởng ra bên ngoài. Từ đó, các nước tầm trung cũng có khả năng chủ động tham gia và hỗ trợ cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu. Việc tích cực tham gia vào ngoại giao đa phương, chia sẻ kinh nghiệm, huy động nguồn lực trong giải quyết các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống… của các nước tầm trung thường được các nước lớn ủng hộ "vai trò người cầm lái", do sự cạnh tranh và nghi kỵ lẫn nhau cũng như việc các nước lớn sáng lập ra các thể chế đa phương đang có xu hướng hoạt động kém hiệu quả (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.42-44). Tuy nhiên, trong bối cảnh này, các quốc gia tầm trung vẫn phải đối mặt với những thách thức như: áp lực từ các cường quốc, dễ bị kéo vào các cuộc cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn, hạn chế nguồn lực cho dù mạnh hơn quốc gia nhỏ, họ vẫn không đủ tiềm lực để cạnh tranh trực tiếp với các cường quốc; hay đôi khi những lợi ích của quốc gia tầm trung có thể đối lập với các nước láng giềng hoặc các đối tác lớn, gây nên những mâu thuẫn lợi ích khu vực… Như vậy, thuật ngữ "quốc gia tầm trung" được sử dụng để chỉ những quốc gia không có địa vị nước lớn nhưng có ảnh hưởng quốc tế.

Có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản về chính sách/hành vi ngoại giao của quốc gia tầm trung như sau:

- Chiến lược ngoại giao đa phương: các quốc gia tầm trung thường tích cực trong các tổ chức quốc tế như LHQ, G20, ASEAN, Liên minh châu Phi (AU)… để bảo vệ lợi ích và thúc đẩy hợp tác toàn cầu. Ví dụ như, Hàn Quốc đã tận dụng vai trò trong LHQ để thúc đẩy hòa bình bán đảo Triều Tiên…

- Chính sách cân bằng quyền lực: giữ mối quan hệ tốt với nhiều cường quốc mà không phụ thuộc vào một bên, như Ấn Độ giữ quan hệ với cả Hoa Kỳ và Nga, đồng thời phát triển hợp tác trong nhóm BRICS…

- Ngoại giao trung gian: đóng vai trò làm trung gian hòa giải giữa các bên xung đột hay thúc đẩy đối thoại giữa các khối quyền lực đối lập. Ví dụ như, Thổ Nhĩ

Kỳ tận dụng vị trí địa lý để đóng vai trò trung gian giữa châu Âu, Trung Đông và châu Á, tăng ảnh hưởng trong NATO và các vấn đề khu vực; Australia thực thi chính sách ngoại giao tập trung vào khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời duy trì quan hệ chặt chẽ với Hoa Kỳ và Trung Quốc; hay như Việt Nam đóng vai trò tích cực trong ASEAN, giữ vị thế cân bằng trong quan hệ với các nước lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nga, sử dụng ngoại giao đa phương để bảo vệ chủ quyền và thúc đẩy hợp tác kinh tế…

- Tăng cường hợp tác khu vực: quốc gia tầm trung thường thúc đẩy các sáng kiến khu vực nhằm gia tăng ảnh hưởng.Ví dụ như, Việt Nam đóng vai trò tích cực trong ASEAN để giải quyết các vấn đề Biển Đông và hợp tác kinh tế khu vực…

- Ngoại giao mềm: sử dụng văn hóa, giáo dục, công nghệ và các sáng kiến toàn cầu để xây dựng hình ảnh tích cực cho các nước tầm trung, như Canada thúc đẩy nhân quyền, môi trường… Hàn Quốc sử dụng làn sóng Hallyu (K-Pop, phim ảnh..) để tăng cường ảnh hưởng.

- Có khả năng dẫn đầu trong các lĩnh vực chuyên môn**:** Quốc gia tầm trung có thể đóng vai trò tiên phong trong các vấn đề như chống biến đổi khí hậu, xóa đói giảm nghèo, phát triển công nghệ…

Như vậy, quốc gia tầm trung thường theo đuổi chính sách ngoại giao đa dạng và linh hoạt, tận dụng vai trò trung gian giữa các cường quốc và các nước nhỏ.

2.3.2.2. Lý luận về ngoại giao chuyên biệt

Thuật ngữ "ngoại giao chuyên biệt" (niche diplomacy) này lần đầu tiên xuất hiện năm 1991, trong cuốn sách *Australia's Foreign Relations in the world of the 1990's* (Quan hệ đối ngoại của Australia trên thế giới thập niên 1990) (Evans, 1991). Trong đó, các tác giả đã xác định "*ngoại giao chuyên biệt là tập trung nguồn lực trong những lĩnh vực cụ thể để có thể thu được kết quả tốt nhất, thay vì bao trùm lên tất các mọi lĩnh vực*", "*ngoại giao chuyên biệt chính là ngoại giao chuyên môn hóa* (specialization)" (Evans, 1991, tr.323).

Đây là các thuật ngữ tương đối mới do các học giả phương Tây đưa ra, do đó cần lưu ý và phân biệt giữa ngoại giao chuyên biệt (*niche diplomacy*) và ngoại giao

chuyên ngành (*specialized diplomacy*)[7]. Hai thuật ngữ này là những khái niệm có liên quan chặt chẽ nhưng có sự khác biệt rõ rệt về trọng tâm và phạm vi. Nội hàm của ngoại giao chuyên biệt đã được Andrew Cooper cùng cộng sự phát triển và công bố vào năm 1997 trong công trình *Niche diplomacy: Middle Power After the Cold War* (Ngoại giao chuyên biệt: Quốc gia tầm trung sau Chiến tranh Lạnh) (Cooper, 2015). Theo đó, có thể hiểu, ngoại giao chuyên biệt là chiến lược mà một quốc gia tập trung nỗ lực ngoại giao vào các lĩnh vực hoặc vấn đề cụ thể mà quốc gia đó có lợi thế so sánh hoặc chuyên môn nổi trội, có thể tạo ra tác động đáng kể nhất. Các lĩnh vực này có thể bao gồm các lĩnh vực chuyên sâu như biến đổi khí hậu, gìn giữ hòa bình, an ninh mạng hoặc y tế, nơi quốc gia đó có danh tiếng, nguồn lực hoặc kinh nghiệm khiến quốc gia đó đặc biệt hiệu quả. Ví dụ như, Na Uy nổi tiếng với ngoại giao chuyên biệt trong giải quyết xung đột và hòa giải hòa bình; Phần Lan tập trung vào giáo dục và ngoại giao kỹ thuật số…Về bản chất, thực hiện ngoại giao chuyên biệt là nhằm tối đa hóa ảnh hưởng bằng cách chuyên sâu vào các lĩnh vực mà quốc gia đó có lợi thế cạnh tranh. Do đó, khái niệm này đặc biệt phù hợp với các quốc gia vừa và nhỏ không có ảnh hưởng toàn cầu hoặc nguồn lực của các cường quốc. Bằng cách tạo ra một "khía cạnh ngách/chuyên biệt" trong ngoại giao toàn cầu, các quốc gia này có thể nâng cao vị thế quốc tế của mình và đóng góp có ý nghĩa vào quản trị toàn cầu mặc dù quy mô của họ có hạn (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020). Khái niệm được phát triển để luận giải cho việc các quốc gia (đặc biệt là trung bình/nhỏ) tập trung nguồn lực vào một số lĩnh vực hẹp mà họ có lợi thế so sánh để gia tăng ảnh hưởng quốc tế. Do vậy, ngoại giao chuyên biệt có tính chọn lọc cao, tập trung nguồn lực hạn chế, nhắm tới tối đa hóa ảnh hưởng không cân xứng và **g**ắn với chiến lược của cường quốc tầm trung.

Như vậy, có thể nhận thấy, về phạm vi, ngoại giao chuyên biệt có phạm vi rộng hơn do nhấn mạnh vào việc tận dụng lợi thế so sánh của một quốc gia trong các

[7] "Niche diplomacy" khi chuyển ngữ sang tiếng Việt có thể gọi là "ngoại giao ngách". Tuy nhiên trong công trình *Ngoại giao chuyên biệt: Hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030* (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020), đã thống nhất sử dụng thuật ngữ "ngoại giao chuyên biệt" để chỉ "niche diplomacy". Trong khi đó, "specialized diplmacy" khi chuyển ngữ cũng có thể là "ngoại giao chuyên biệt", vì vậy để phân định, luận án sử dụng "ngoại giao chuyên ngành" để chỉ thuật ngữ này.

lĩnh vực cụ thể, thường là để tạo ra tác động lớn hơn trên trường quốc tế, còn ngoại giao chuyên ngành lại phạm vi hẹp hơn và mang tính kỹ thuật hơn, tập trung vào các lĩnh vực cụ thể của chính trị quốc tế. Chính vì vậy, ngoại giao chuyên biệt là lựa chọn có tính chiến lược rộng hơn, điều chỉnh chính sách đối ngoại của một quốc gia xung quanh các thế mạnh cụ thể. Ngoại giao chuyên ngành là cách gọi mang tính mô tả, dùng để chỉ các lĩnh vực ngoại giao chuyên sâu theo chủ đề, không phải là một "trường phái lý thuyết" riêng như "niche diplomacy".

Ngoại giao chuyên biệt, vì thế, thường được sử dụng cho các quốc gia nhỏ và vừa khi các quốc gia này có chiến lược sử dụng hình thức ngoại giao thế mạnh của mình để xây dựng ảnh hưởng quốc tế. Trong khi đó, bất kỳ quốc gia nào cũng có thể tham gia vào ngoại giao chuyên ngành, khi tập trung vào các vấn đề toàn cầu cụ thể, do đó với các cường quốc, các nước lớn… thì ngoại giao chuyên ngành không được coi là ngoại giao chuyên biệt cho dù chính phủ các nước này đều có thể đã xây dựng chiến lược cho phương thức ngoại giao này.

Về mặt lý luận, thực chất nền tảng của ngoại giao chuyên biệt đã được hình thành và phát triển từ học thuyết chức năng (functionalism) trong chính trị quốc tế từ sau năm 1945 (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.48). Chủ nghĩa chức năng đề xuất xây dựng một hình thức thẩm quyền dựa trên chức năng và nhu cầu, liên kết thẩm quyền với nhu cầu, kiến thức khoa học, chuyên môn và công nghệ: cung cấp một khái niệm siêu lãnh thổ về thẩm quyền. Chủ nghĩa chức năng giải thích nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của các tổ chức quốc tế, bác bỏ ý tưởng về quyền lực nhà nước và ảnh hưởng chính trị được đặc trưng bởi xung đột giữa các quốc gia theo cách tiếp cận chủ nghĩa Hiện thực (Wofl, 1973). Nói cách khác, thuyết chức năng tập trung vào cách các tổ chức và thể chế quốc tế được phát triển và vận hành để giải quyết các vấn đề cụ thể, vượt qua xung đột chính trị và thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia. Nội dung chính của thuyết chức năng bao gồm: (i) Trọng tâm vào các chức năng cụ thể: tập trung vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, chẳng hạn như thương mại, y tế, khoa học, công nghệ, hoặc môi trường,… thay vì chỉ tập trung vào các vấn đề quyền lực và an ninh chính trị. (ii) Phát triển hợp tác thông qua các lĩnh vực phi

chính trị: hợp tác quốc tế có thể được bắt đầu từ các lĩnh vực ít nhạy cảm về chính trị, từ đó xây dựng lòng tin và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. (iii) Tạo ra các tổ chức quốc tế chuyên biệt: những tổ chức này được thiết lập để giải quyết các vấn đề chung trên phạm vi toàn cầu. Ví dụ như, Liên minh Bưu chính Quốc tế (UPU), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Tổ chức Nông lương LHQ (FAO)… là ví dụ điển hình về việc áp dụng thuyết chức năng. (iv) Hiệu ứng "lan tỏa" (spillover effect): thành công trong hợp tác ở một lĩnh vực có thể dẫn đến hợp tác trong các lĩnh vực khác. Ví dụ, hợp tác về kinh tế có thể dẫn đến hợp tác về chính trị và an ninh… (v) Giảm thiểu xung đột thông qua hợp tác thực tế: bằng cách tập trung vào lợi ích chung và các vấn đề kỹ thuật, các quốc gia có thể vượt qua các mâu thuẫn chính trị và đạt được tiến bộ thông qua hợp tác.

Việc vận dụng thuyết chức năng trong trường hợp này cho thấy, các nước nhỏ và tầm trung có thể tận dụng vị thế độc đáo của họ trong chính trị khu vực và quốc tế để có những tác động đáng kể trong các vấn đề thế giới, từ đó, tối đa hóa việc sử dụng hiệu quả những khả năng của họ trong khi nguồn lực còn hạn chế (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.49). Theo Andrew Cooper, các quốc gia này, so với các nước lớn, có thể xác định và lấp chỗ trống hẹp dựa trên nền tảng chọn lọc thông qua sự khôn khéo và thực thi chính sách, chuyển hóa vị thế vốn bất lợi cho học trên trường quốc tế (Cooper, 1997, tr.6). Như vậy, thuyết chức năng đã hợp thức hóa việc các nước có thể áp dụng thế mạnh của mình theo từng vấn đề, từng lĩnh vực cụ thể. Ngoài ra, theo tư tưởng của cả chủ nghĩa Tân Tự do và chủ nghĩa Hiện thực. Ngoại giao chuyên biệt dựa trên ý tưởng về lợi thế ngoại giao so sánh, “các nước nên tập trung vào những hàng hóa và dịch vụ mà học có thể sản xuất ra với chi phí rẻ nhất” (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.49). Từ đó, thúc đẩy chính sách ngoại giao duy lý, giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi ích (Cooper, 1997).

- Ngoại giao số được coi là một trong những phương thức ngoại giao chuyên biệt của các nước nhỏ và tầm trung.

Trên thực tế, ngoại giao chuyên biệt được các nước tầm trung vận dụng hiệu quả hơn các nước nhỏ, do các quốc gia này có điều kiện, năng lực và vị thế hơn các

nước nhỏ. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, việc phân định "nhỏ" hay "vừa" còn dựa trên các cách tiếp cận và tiêu chí khác nhau. Một quốc gia nhỏ, nếu có khả năng tận dụng vị thế của, "sở trường" của mình vẫn có thể vận dụng ngoại giao chuyên biệt một cách hiệu quả. Ví dụ như, Qatar là một trong những nước nhỏ nhất ở Vùng Vịnh. Tuy nhiên, theo bảng xếp hạng của LHQ, đây là quốc gia Ả rập có chỉ số phát triển con người cao nhất (Doha News, 2015). Xét về tiềm lực quân sự, Tổ chức Phân tích quốc phòng của Hoa Kỳ Global Fire Power (GFP) năm 2023, đã nước này xếp thứ 65 trên thế giới. [8] Chính vì vậy, nhiều học giả xác định Qatar là một cường quốc khu vực tại Vùng Vịnh, cũng là một quốc gia tầm trung (Cooper, 2015 & Kamrava, 2017). Hiện nay, Qatar là một thế lực đáng kể trong thế giới Ả Rập, nước này công khai ủng hộ về tài chính cũng như tuyên truyền cho một số tổ chức khởi nghĩa trong sự kiện Mùa Xuân Ả rập thông qua tập đoàn truyền toàn cầu Al Jazeera (Black, 2011). Qatar cũng đảm nhận hiệu quả vai trò trung gian hòa giải xung đột, cũng là một hình thức ngoại giao chuyên biệt.[9]

Tóm lại, các quốc gia tầm trung có thể đóng 3 vai trò chính trong ngoại giao chuyên biệt, gồm: vai trò xúc tác thông qua các sáng kiến ngoại giao; vai trò điều phối, dẫn dắt thông qua xây dựng các chương trình nghị sự, xây dựng đồng thuận, lòng tin; và vai trò quản lý thông qua hỗ trợ xây dựng thể chế đa phương (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020, tr.60).

Trên cơ sở phân tích cả về lý luận và thực tiễn, có thể thấy ngoại giao số có những đặc trưng điển hình của loại hình ngoại giao chuyên biệt của các quốc gia nhỏ và tầm trung. Bước vào thế kỷ XXI, sự phát triển của công nghệ thông tin đã giúp các nước nhỏ và tầm trung đều đã tiếp cận và phát triển, nhanh chóng sở hữu những

[8] Tổ chức Phân tích quốc phòng của Hoa Kỳ Global Fire Power (GFP) năm 2023 xếp hạng cùng với Belarus, Cuba, Syria và Azerbaijan, https://www.globalfirepower.com/countries-listing.php#google_vignette (9/2024)

[9] Qatar tham gia vào vai trò trung gian hòa giải các cuộc xung đột bên ngoài Trung Đông như: thực hiện các thỏa thuận trả tự do cho những công dân Hoa Kỳ bị giam giữ ở Iran, Afghanistan và Venezuela, cũng như trao trả trẻ em Ukraine về với gia đình sau khi di rời do xung đột với Nga. Qatar cũng đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra các bước đột phá về ngoại giao giữa Sudan và Chad, Eritrea và Djibouti. Năm 2020, Qatar đã góp phần tiến hành đàm phán về việc Hoa Kỳ rút khỏi Afghanistan với Taliban. Vào tháng 11/2023, các nhà đàm phán Qatar đã giúp đạt được lệnh ngừng bắn tạm thời giữa Israel và Hamas ở dải Gaza…

khả năng về kỹ thuật và tài chính tương đối vững mạnh. Do nguồn lực có hạn so với các nước lớn, các nước này phải tập trung vào các vấn đề mới nổi và thiết thực. Kỹ thuật số có thể là lĩnh vực giúp các nước này "đi tắt đón đầu", vượt qua các hạn chế về điều kiện vật chất. Ngoại giao kỹ thuật số cũng là một lĩnh vực chuyên biệt để các quốc gia nhỏ và vừa có thể sử dụng và phát huy các nguồn lực sức mạnh mềm như khả năng kỹ thuật và kỹ năng ngoại giao… mà không cần tốn kém quá nhiều các nguồn lực khác.

Một đặc điểm quan trọng nữa, là động cơ của các quốc gia vừa và nhỏ khi lựa chọn và tiến hành ngoại giao chuyên biệt. Trên thực tế, các nước lớn với điều kiện kinh tế và công nghệ đã sớm sử dụng các loại hình ngoại giao này như hình thức ngoại giao chuyên ngành nhiều hơn. Việc lựa chọn ngoại giao chuyên biệt giúp các quốc gia nhỏ và vừa nhanh chóng có thể can dự vào các vấn đề toàn cầu, cũng như có khả năng xây dựng hình ảnh ấn tượng, riêng biệt với cộng đồng quốc tế. Ngoại giao kỹ thuật số còn góp phần quan trọng vào một đặc thù của ngoại giao chuyên biệt, đó là khả năng kết nối mạng lưới. Trên cơ sở mạng lưới đó, những nỗ lực và vị thế của các quốc gia này có thể được khẳng định và nâng cao.

2.4. Khung phân tích của luận án

Khung phân tích của luận án được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa lý thuyết chính trị quốc tế và cách tiếp cận ngoại giao số trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Trong đó, các lý luận chính trị quốc tế đã xác định rõ các chủ thể của chính trị quốc tế đương đại, các lý thuyết cơ bản (Hiện thực, Tự do và Kiến tạo) đã lý giải chính trị quốc tế đều kiến tạo và sử dụng ngoại giao để đạt được mục tiêu chính trị. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin – truyền thông, việc khai thác và lan tỏa các nguồn lực quyền lực mềm ngày càng gắn liền với các hình thức ngoại giao mới, đặc biệt là ngoại giao công chúng. Trên nền tảng đó, luận án tiếp cận ngoại giao số như một công cụ của ngoại giao công chúng thúc đẩy quyền lực mềm. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghệ số và sự phổ biến của các nền tảng truyền thông trực tuyến xuất hiện và phát triển mạnh mẽ, đã cho phép các quốc gia lớn không chỉ sử dụng ngoại giao số như một công cụ thúc đẩy quyền lực

mềm, mà còn có thể coi đó là hình thức ngoại giao chuyên ngành. Còn các quốc gia nhỏ và tầm trung, đang nỗ lực định hình vị thế trong hệ thống chính trị quốc tế, có thể tận dụng ngoại giao số như một hình thức ngoại giao chuyên biệt.

Trên cơ sở kết hợp các cách tiếp cận lý thuyết, khung phân tích của luận án được xây dựng để tập trung giải quyết 3 câu hỏi cốt lõi đã nêu ra, bao gồm 3 khía cạnh chính: (1) Nhận diện: tập trung vào chủ thể chính trị quốc tế thực thi và phát triển ngoại giao số, làm rõ khái niệm, đặc điểm chủ thể...; (2) Thực tiễn và mục tiêu: dựng lại bức tranh phát triển ngoại giao số, xác định mục tiêu của ngoại giao số, phân tích ngoại giao số của các chủ thể chính trị cụ thể; (3) Tác động: tập trung xem xét ngoại giao số đã và đang thay đổi như thế nào các chiều cạnh của của chính trị quốc tế. Quan hệ giữa ba khía cạnh phân tích này không phải là quan hệ tuyến tính một chiều mà là quan hệ tương tác. Chính tính tương tác này phản ánh luận điểm lập luận của luận án: ngoại giao số không phải là công cụ thụ động trong tay các chủ thể chính trị quốc tế mà là nhân tố chủ động tái cấu trúc bản thân chính trị quốc tế.

Như vậy, khung phân tích về ngoại giao số trong chính trị quốc tế, có thể được khái quát mô hình hóa như sau:

Bối cảnh chính trị quốc tế → Chủ thể chính trị quốc tế → Mục tiêu ngoại giao số → Thực trạng triển khai ngoại giao số → Tác động đến chính trị quốc tế → Thách thức và xu hướng của ngoại giao số.

Mô hình này dựa trên lập luận rằng, chính trị quốc tế tạo ra bối cảnh và động lực cho sự phát triển của ngoại giao số. Đồng thời, ngoại giao số cũng tác động trở lại môi trường chính trị quốc tế, mở rộng của các chủ thể chính trị quốc tế**,** làm thay đổi cách thức cạnh tranh quyền lực, truyền thông chính sách và tương tác giữa các chủ thể quốc tế... Mô hình này cũng được sử dụng xem xét ngoại giao số của các quốc gia từ mục tiêu đến thực tiễn hoạt động, từ đó nhìn nhận được thực trạng, các điểm tích cực và hạn chế của của ngoại giao số. Đây là những cơ sở chính để xác định xu hướng của ngoại giao số trong kỷ nguyên số.

Dựa trên khung phân tích của đề tài, hệ thống các trục đánh giá được tổ chức thành ba nhóm có tính logic nhân quả. *Trục đánh giá nhận diện* xác định phạm vi

của ngoại giao số thông qua ba tiêu chí: tính chủ thể, tính công cụ và tính mục đích, nhằm phân biệt ngoại giao số thực sự với ngoại giao truyền thống hay ngoại giao công chúng đơn thuần. *Trục đánh giá quá trình* xem xét cơ chế vận hành thông giữa hoạt động số và mục tiêu đối ngoại tổng thể, và tính thích ứng với môi trường địa chính trị biến động.... *Trục đánh giá tác động,* đánh giá kết quả thực chất của ngoại giao số đối với các chiều cạnh của chính trị quốc tế thông qua tác động và đa dạng hoá chủ thể chính trị quốc tế tham gia ngoại giao số, phân phối quyền lực giữa các chủ thể, tác động đến quá trình kiến tạo và thay đổi chuẩn mực quốc tế, tác động đến tự chủ chiến lược và chủ quyền số của các quốc gia, hiệu quả trong việc đạt được mục tiêu chính sách đối ngoại, và tính bền vững gắn với mức độ rủi ro và điểm dễ tổn thương mà ngoại giao số tạo ra … Ba trục đánh giá này vận hành theo trình tự từ nhận diện đến quá trình đến tác động, phản ánh logic của khung phân tích và bảo đảm tính nhất quán xuyên suốt từ chương lý luận đến chương thực trạng của luận án.

Tiểu kết chương 2

Ngoại giao số là một phương thức ngoại giao còn tương đối mới mẻ. Chính vì vậy, các nội hàm về ngoại giao truyền thống, ngoại giao công chúng và ngoại giao chuyên ngành đã góp phần làm rõ hơn cơ sở định hình khái niệm về ngoại giao số. Ngoại giao số được hình thành và ra đời cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin. Ở giai đoạn đầu chỉ đơn giản là việc sử dụng công nghệ và kỹ thuật số vào các hoạt động ngoại giao truyền thống. Tuy nhiên, sau đó, sự ra đời của mạng xã hội đã tạo nền tảng phát triển ngoại giao số phát triển và thu hút sự quan tâm của các tầng lớp chính trị xã hội. Khi Đại dịch Covid-19 và các cuộc khủng hoảng nổ ra, ngoại giao số đã chính thức được thừa nhận và được thúc đẩy một cách mạnh mẽ.

Chưa có một định nghĩa thống nhất nào về ngoại giao số. Các khái niệm được đưa ra với nhiều các tiếp cận khác nhau và song hành cùng với các giai đoạn phát triển của ngoại giao số. Như vậy, từ những thay đổi do internet thúc đẩy trong môi trường tiến hành ngoại giao đến sự xuất hiện của các chủ đề mới trong chương trình nghị sự ngoại giao như an ninh mạng, quyền riêng tư và nhiều vấn đề khác liên quan, cùng với việc sử dụng các công cụ internet để thực thi ngoại giao, nội hàm ngoại giao số được xác định cụ thể là việc áp dụng các công nghệ kỹ thuật số và công nghệ thông tin vào quá trình triển khai hoạt động ngoại giao, bao gồm việc giao tiếp, trao đổi thông tin và xây dựng quan hệ quốc tế. Ngoại giao số không chỉ là phương tiện, công cụ phục vụ các hoạt động ngoại giao, mà trở thành một phần của chiến lược ngoại giao của các chủ thể chính trị quốc tế trong quan hệ quốc tế cả trên phương diện song phương và đa phương.

Từ việc sử dụng ba học thuyết chính trị quốc tế (chủ nghĩa Hiện thực, Tự do và Kiến tạo), có thể rút ra bản chất và đặc điểm của chính trị quốc tế hiện đại bao gồm: (a) Đa chủ thể, bên cạnh chủ thể chính là quốc gia – dân tộc còn các chủ thể phi quốc gia khác cũng đang ngày càng đóng vai trò quan trọng; (b) Tính đa chiều và phức tạp, hiện nay, cốt lõi của chính trị không chỉ là vấn đề chiến tranh – hòa bình như trước, mà còn là các vấn đề về ngoại giao, kinh tế, môi trường, văn hóa, công nghệ, năng lượng, y tế… các vấn đề này đan xen, phụ thuộc lẫn nhau khiến

mức độ và khả năng giải quyết không thể thực hiện một cách đơn phương; (c) Tính chất biến động và khó dự báo do sự thay đổi lãnh đạo quốc gia, đặc biệt là các cường quốc, những biến động kinh tế - chính trị toàn cầu, hay các cuộc khủng hoảng và xung đột… buộc các quốc gia phải linh hoạt điều chỉnh chính sách đối ngoại cũng như tiến hành hoạt động ngoại giao. Trong bối cảnh đó, các chủ thể tham gia vào chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI có những đặc điểm không còn hoàn toàn giống với những giai đoạn trước đó. Vì vậy việc sử dụng ngoại giao nói chung và ngoại giao số nói riêng cũng có những yếu tố chuyển biến đáng kể. Quan hệ giữa ngoại giao số và các chủ thể chính trị quốc tế được luận giải dưới hai góc độ: ngoại giao số là công cụ quyền lực mềm quốc gia và ngoại giao số là ngoại giao chuyên biệt của các quốc gia nhỏ và tầm trung.

Chương 3.
THỰC TIỄN NGOẠI GIAO SỐ TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

Mục tiêu của ngoại giao số phụ thuộc vào cách tiếp cận ngoại giao số cũng như gắn kết với mục tiêu ngoại giao riêng của các chủ thể. Việc xác định mục tiêu của ngoại giao số diễn tiến cùng với quá trình định hình ngoại giao số. Chính vì vậy, Chương này sẽ hệ thống hoá và xác định mục tiêu cơ bản chung của ngoại giao số trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. Việc xem xét thực trạng ngoại giao số trong thời gian này, sẽ được triển khai theo hướng xem xét ngoại giao số của các chủ thể chính trị quốc tế là minh chứng cho đặc điểm của mỗi giai đoạn và tập trung vào điểm nổi bật của chủ thể đó trong việc vận hành ngoại giao số.

3.1. Mục tiêu cơ bản của ngoại giao số trong những thập niên đầu thế kỷ XXI

Việc xác định mục tiêu của ngoại giao số khó có thể hoàn toàn mang tính đồng nhất giữa các chủ thể chính trị quốc tế. Trên thực tế, mục tiêu của ngoại giao số phụ thuộc vào cách tiếp cận, mục tiêu chính sách đối ngoại của từng quốc gia và bối cảnh tình huống quốc tế cụ thể, phản ánh đặc điểm linh hoạt của ngoại giao trong môi trường số hóa. Với ba nhóm quan niệm về ngoại giao số như đã đề cập ở Chương 2, cách tiếp cận ngoại giao số khác nhau sẽ dẫn đến những mục tiêu ưu tiên khác nhau. Trong cách tiếp cận dựa trên quyền lực mềm và ngoại giao công chúng, ngoại giao số được coi là công cụ để tăng cường sức hấp dẫn của quốc gia và ảnh hưởng đến dư luận quốc tế. Vì vậy, mục tiêu của ngoại giao số chủ yếu là quảng bá hình ảnh quốc gia, lan tỏa giá trị và nâng cao quyền lực mềm. Các cơ quan ngoại giao thường sử dụng các nền tảng như Twitter, Facebook… để truyền tải thông điệp chính sách và tương tác trực tiếp với công chúng quốc tế. Do vậy, mục tiêu của ngoại giao số không chỉ là quảng bá hình ảnh quốc gia mà còn bao gồm quản trị thông tin, phản ứng nhanh với khủng hoảng truyền thông và chống lại thông tin sai lệch trong môi trường số.

Mục tiêu của ngoại giao số còn phụ thuộc vào chiến lược và lợi ích quốc gia cụ thể. Theo Manor Ilan, cách thức triển khai ngoại giao số của các quốc gia phản ánh những ưu tiên chiến lược khác nhau trong chính sách đối ngoại và cấu trúc truyền thông của từng quốc gia (Manor, 2019). Các quốc gia có thể ưu tiên những mục tiêu khác nhau trong việc triển khai ngoại giao số. Ví dụ, nhiều quốc gia châu Âu sử dụng ngoại giao số như một công cụ tăng cường ngoại giao công chúng và quảng bá giá trị chính trị, trong khi một số quốc gia khác tập trung nhiều hơn vào quản trị thông tin hoặc bảo vệ lợi ích chiến lược trong không gian mạng.

Ngoài ra, bối cảnh chính trị quốc tế cụ thể cũng có thể làm thay đổi mục tiêu của ngoại giao số. Trong các cuộc khủng hoảng chính trị, xung đột hoặc thảm họa toàn cầu, các chính phủ thường sử dụng ngoại giao số như một công cụ để truyền tải thông tin nhanh chóng, định hình dư luận và hỗ trợ công dân ở nước ngoài. Sự phát triển của mạng xã hội đã tạo ra một môi trường "ngoại giao thời gian thực", trong đó các chính phủ cần phản ứng nhanh với các sự kiện quốc tế và định hướng thông tin trong không gian truyền thông toàn cầu (Seib, 2013). Điển hình như, khi Đại dịch COVID-19 bùng phát, các nước đều buộc phải ưu tiên mục tiêu của ngoại giao số là thúc đẩy trao đổi thông tin và tìm kiếm các giải pháp ngăn chặn cũng như đối phó với tình hình dịch bệnh.

Trong các công trình của các nhóm tác giả (Bjola & Holmes, 2015), (Manor & Sege, 2015), (Manor, 2019), (Bjola & Manor, 2022, 2024) đã xác định mục tiêu cốt lõi của ngoại giao số bao gồm 4 nhóm sau:

(i) Chính sách đối ngoại: Thúc đẩy và bảo vệ lợi ích quốc gia trong chính trị quốc tế. Vai trò ngày càng tăng của ngoại giao số trong việc giải quyết xung đột quốc tế, thúc đẩy lợi ích quốc gia và định hình hình ảnh của các quốc gia trên trường thế giới là những mục tiêu cốt lõi xác định tính chất của ngoại giao số trong chính trị quốc tế đương đại. Ngoại giao số là phương thức được xác lập để các quốc gia đưa ra các mục tiêu chính sách đối ngoại và phối hợp nỗ lực của mình nhằm gây ảnh hưởng đến các quyết định và hành vi của chính phủ và nhân dân nước ngoài;

(ii) Quyền lực mềm: Xây dựng và quản lý hình ảnh, danh tiếng quốc gia, triển khai và khuếch đại quyền lực mềm. Trong kỷ nguyên ngoại giao số, các khái niệm về quyền lực cứng và quyền lực mềm vận hành theo những cách thức mới. Các quốc gia có thể sử dụng mạng xã hội, nội dung trực tuyến và công nghệ để phóng chiếu quyền lực mềm của mình bằng cách thúc đẩy xuất khẩu văn hóa, định hình các câu chuyện và gắn kết với khán giả toàn cầu. Các quốc gia có thể điều chỉnh thông điệp chính sách đối ngoại và xây dựng thương hiệu quốc gia phù hợp với đặc điểm riêng của từng đối tượng khán giả địa phương về lịch sử, văn hóa, giá trị và truyền thống, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nhận chính sách đối ngoại và hình ảnh mà họ muốn thúc đẩy.

(iii) Chuyển đổi hoạt động ngoại giao: Chuyển đổi cấu trúc thực hành ngoại giao. Ngoại giao số không đơn thuần là việc sử dụng các công cụ mới, đại diện cho một sự thay đổi căn bản trong cách thức ngoại giao công chúng được khái niệm hóa và thực hành. Việc hiểu môi trường số rộng lớn hơn là điều thiết yếu để nắm bắt những thay đổi trong thực hành ngoại giao do các công nghệ này tạo ra.

(iv) Kiến tạo chuẩn mực: Thúc đẩy quản trị số toàn cầu và kiến tạo chuẩn mực quốc tế. Đây là mục tiêu tương đối mới cập nhật, mang tính chiến lược dài hạn nhất và thường bị đánh giá thấp trong các phân tích về ngoại giao số. Ngoại giao số phân tích như một hình thức quản lý thay đổi trong chính trị quốc tế, trong đó các quốc gia sử dụng công cụ số không chỉ để đạt mục tiêu song phương mà còn để định hình các chuẩn mực và thể chế quản trị quốc tế trong kỷ nguyên số.

Viona Rashica trong công trình "*Lợi ích và thách thức của Ngoại giao số*" đã đưa ra tám mục tiêu chính sách cho ngoại giao kỹ thuật số bao gồm (1) Quản lý kiến thức; (2) Ngoại giao công chúng; (3) Quản lý thông tin; (4) Truyền thông và phản hồi lãnh sự; (5) Ứng phó thảm họa; (6) Tự do Internet; (7) Tận dụng nguồn lực bên ngoài; (8) Lập kế hoạch chính sách (Rashica, 2018).

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu và các quan điểm về mục tiêu của ngoại giao số, ngoài các mục tiêu chính sách đối ngoại, luận án tổng hợp, khái quát và chi tiết hoá hơn các mục tiêu thực dụng mang tính chất của ngoại giao số như sau:

(1) Tăng cường tiếp cận thông tin và truyền thông: sử dụng các nền tảng số để truyền tải thông điệp, chính sách, và quan điểm đến công chúng quốc tế một cách nhanh chóng, minh bạch, và rộng rãi;

(2) Xây dựng hình ảnh quốc gia: tận dụng mạng xã hội, trang web, và công cụ kỹ thuật số để quảng bá văn hóa, giá trị, và lợi ích quốc gia nhằm thu hút sự chú ý và ủng hộ từ cộng đồng quốc tế;

(3) Tăng cường hiệu quả trong đàm phán và hợp tác quốc tế: sử dụng các công cụ trực tuyến, hội nghị trực tuyến, và dữ liệu số để hỗ trợ quá trình đàm phán, trao đổi thông tin, và hợp tác giữa các quốc gia;

(4) Phản ứng nhanh với các tình huống khẩn cấp: công nghệ số cho phép cập nhật và truyền tải thông tin nhanh chóng, giúp các cơ quan ngoại giao phản ứng kịp thời trước các khủng hoảng quốc tế như thiên tai, xung đột, hay dịch bệnh;

(5) Tăng cường sự tham gia của công chúng: khuyến khích người dân và tổ chức xã hội tham gia vào các vấn đề quốc tế, từ đó xây dựng sự đồng thuận và hỗ trợ chính sách đối ngoại của quốc gia;

(6) Phát triển năng lực ngoại giao số: đào tạo và nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ ngoại giao để họ có thể ứng phó với các thách thức và cơ hội trong môi trường số hóa toàn cầu;

(7) Thúc đẩy hợp tác về công nghệ và quản trị số: đàm phán, xây dựng quy tắc và chuẩn mực quốc tế về các vấn đề như an ninh mạng, quyền riêng tư, và trí tuệ nhân tạo, nhằm đảm bảo lợi ích và an ninh quốc gia.

Ngoại giao số trong những thập niên đầu thế kỷ XXI có thể được phân luồng, chia loại hình để phục vụ các mục tiêu trên như: Ngoại giao song phương số tiến hành giữa hai quốc gia sử dụng nền tảng số để trao đổi và xây dựng quan hệ; Ngoại giao công chúng số, sử dụng mạng xã hội để truyền tải thông điệp đến công chúng nước ngoài; Ngoại giao đa phương số: sử dụng nền tảng số trong các tổ chức quốc tế (ví dụ: hội nghị trực tuyến của LHQ…); Ngoại giao phản ứng số: ứng phó với khủng hoảng, thiên tai, xung đột qua các nền tảng số; Ngoại giao

ảnh hưởng số, nhằm định hướng dư luận quốc tế, cạnh tranh ảnh hưởng thông qua các chiến dịch truyền thông chiến lược…

Như vậy, từ những góc độ tiếp cận khác nhau, mục tiêu của ngoại giao số giữa các chủ thể chính trị quốc tế có thể không hoàn toàn giống nhau. Bởi lẽ, mục tiêu ngoại giao còn phụ thuộc vào chủ thể, phụ thuộc vào bối cảnh hay từng giai đoạn lịch sử. Ngoại giao số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn đóng vai trò chiến lược trong việc thực hiện các mục tiêu đối ngoại trong kỷ nguyên số.

3.2. Ngoại giao số của chủ thể quốc gia

3.2.1. Ngoại giao số trước Đại dịch COVID-19

3.2.1.1. Thực tiễn điển hình ở Châu Mỹ

Lần đầu tiên vào năm 2002, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ chính thức bắt đầu các hoạt động ngoại giao kỹ thuật số của mình khi thành lập Lực lượng đặc nhiệm liên quan đến ngoại giao số (Taskforce on eDiplomacy), năm 2003 đổi thành Văn phòng về Ngoại giao số (Office of eDiplomacy) (U.S Department of State, 2003). Có thể thấy, sau sự kiện ngày 11/9/2001, chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trở nên chủ động và sâu sắc hơn nhờ chương trình nghị sự ngoại giao kỹ thuật số nhất quán. Năm 2009 Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa ra một kế hoạch tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các khía cạnh của hoạt động ngoại giao, với tiêu đề "Nghệ thuật ngoại giao thế kỷ 21" (21st Century Statecraft). Sáng kiến này nhằm tăng cường hiệu quả của các chính sách đối ngoại và tạo ra các nền tảng mới để kết nối với công dân toàn cầu. Theo mô hình này, các đại sứ và nhà ngoại giao được đào tạo về ngoại giao kỹ thuật số và được khuyến khích tích hợp sử dụng cả các công cụ truyền thông xã hội địa phương và toàn cầu cho mục đích đối thoại. Bộ Ngoại giao và các đơn vị khác của bộ đã giao tiếp với mọi người ở nhiều nơi trên thế giới bằng 11 ngôn ngữ khác nhau thông qua 301 tài khoản Twitter (U.S Department of State, 2014).

Với Kế hoạch này, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ được coi là cơ quan đối ngoại tiên phong của ngoại giao kỹ thuật số. Ngoại giao số của Hoa Kỳ là một công cụ quan trọng để thúc đẩy lợi ích quốc gia và bảo vệ các giá trị dân chủ trong bối

cảnh thế giới số hóa. Thông qua việc tận dụng công nghệ và mạng xã hội, Hoa Kỳ có thể tăng cường ảnh hưởng quốc tế, đối phó với các thách thức mới, và duy trì vai trò lãnh đạo trên toàn cầu. Tuy nhiên, các thách thức như an ninh mạng, thông tin sai lệch, và quản lý mối quan hệ văn hóa đa dạng cũng đòi hỏi sự thận trọng và sáng tạo trong quá trình triển khai.

3.2.1.2. Thực tiễn điển hình ở Châu Âu

Vương quốc Anh là một trong những quốc gia tiên phong trong ngoại giao số. Tháng 12/2012, Bộ Ngoại giao và Khối thịnh vượng chung (Foreign and Commonwealth Office/FCO) của Anh đã công bố Chiến lược kỹ thuật số của FCO (Foreign and Commonwealth Office, 2012). Bộ phận Ngoại giao kỹ thuật số được thành lập, đã biên soạn một bộ hướng dẫn sử dụng phương tiện truyền thông xã hội và các công nghệ mới khác để đào tạo các nhà ngoại giao trong các lĩnh vực này trước khi họ bắt đầu làm việc ở nước ngoài. Từ nội dung cơ bản của Chiến lược này, có thể thấy, ngoại giao số của Vương quốc Anh tập trung vào các mục tiêu như: Thúc đẩy lợi ích quốc gia bằng việc sử dụng công nghệ số để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích kinh tế, an ninh và văn hóa của Vương quốc Anh trên toàn cầu; Hỗ trợ phát triển toàn cầu thông qua cung cấp hỗ trợ kỹ thuật số và xây dựng năng lực cho các quốc gia đang phát triển, từ đó tăng cường vai trò lãnh đạo quốc tế; Đối phó với các mối đe dọa số, hợp tác quốc tế trong việc ngăn chặn các mối đe dọa từ không gian mạng như tội phạm mạng, tin giả (fake news), các chiến dịch gây ảnh hưởng từ các quốc gia khác…; Ngoài ra, Vương quốc Anh còn mong muốn đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng các quy định, định hình các quy tắc quốc tế và tiêu chuẩn toàn cầu về công nghệ, trí tuệ nhân tạo và không gian mạng…

Cùng là thành viên của EU, *Đan Mạch và Pháp* đều là những quốc gia tiên phong trong việc tiếp cận và ứng dụng ngoại giao số, tuy nhiên mỗi nước tiếp cận theo một hướng khác nhau. “Diplomatie numérique” (ngoại giao kỹ thuật số) của Pháp ra đời trong khoảng 2013–2015 và phát triển mạnh sau năm 2017 (French Diplomatie, 2019). Khái niệm "diplomatie numérique" phản ánh sự

hiện diện của công nghệ số trong mọi mặt của ngoại giao như: Truyền thông đối ngoại qua mạng xã hội, quản lý thông tin số, an ninh mạng, các chuẩn mực quốc tế trong không gian mạng. Ngoại giao kỹ thuật số của Pháp được xây dựng trên 3 trụ cột chính: (1) Truyền thông chiến lược và công chúng số (Digital Public Diplomacy), (2) An ninh mạng và không gian mạng quốc tế (Cyber Diplomacy), (3) Quản trị Internet và quyền kỹ thuật số (Digital governance, digital rights). Bộ Ngoại giao Pháp cũng đã thiết lập các Tổ chức và vị trí phụ trách như: Pôle numérique (Digital Division – Ban Kỹ thuật số) của Bộ Ngoại giao Pháp, hay vị trí Đặc phái viên về không gian mạng (Ambassadeur pour le numérique) có vai trò tương đương Đại sứ Công nghệ (Tech Ambassador) nhưng bao quát rộng hơn, gồm cả các quy chuẩn Internet, bảo vệ nhân quyền trực tuyến, chống tin giả, luật công nghệ...). Năm 2017, Pháp đã công bố Chiến lược Kỹ thuật số quốc tế (France's International Digital Strategy) (French Diplomatie, 2017), cho thấy ngoại giao số của Pháp hướng đến rất nhiều việc hợp tác quốc tế. Năm 2018, tổ chức sự kiện "Paris Call for Trust and Security in Cyberspace" (2018) (Paris Kêu gọi sự tin tưởng và an ninh trong không gian mạng). Đây là một sáng kiến quốc tế kêu gọi quy tắc ứng xử có trách nhiệm trong không gian mạng, thúc đẩy các chuẩn mực đạo đức cho AI, dữ liệu số, quản trị platform.

Nếu Pháp xây dựng chính sách toàn diện về không gian số với mục tiêu định hình không gian mạng dân chủ và an toàn, thì ngoại giao số của Đan Mạch lại tập trung gắn công nghệ vào chiến lược ngoại giao. Đan Mạch đi đầu với khái niệm "techplomacy" – ngoại giao công nghệ, ra đời từ năm 2017. Dưới thời Ngoại trưởng Anders Samuelsen, chính phủ Đan Mạch, đã nhận thấy các tập đoàn công nghệ lớn như Google, Facebook, Apple, Amazon... có ảnh hưởng toàn cầu tương đương với hoặc thậm chí vượt nhiều quốc gia. Đan Mạch muốn thiết lập đối thoại trực tiếp với các "quyền lực công nghệ", nên đã sáng tạo ra một hình thức ngoại giao kết hợp "technology" + "diplomacy" = techplomacy. Năm 2017, Đan Mạch bổ nhiệm Casper Klynge làm "Đại sứ công nghệ" (Tech Ambassador) đầu tiên trên thế giới, đặt trụ sở không phải ở đại sứ quán mà ở

Thung lũng Silicon (Hoa Kỳ), cũng như có mặt ở Copenhagen và Bắc Kinh. Như vậy, thay vì chỉ đối thoại với các chính phủ, Đan Mạch muốn tiếp cận, đối thoại, và gây ảnh hưởng tới các tập đoàn công nghệ xuyên quốc gia, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và giá trị dân chủ (Ministry of Foreign Affairs of Denmark (2024).

Nga cũng nằm trong nhóm các nước sớm sử dụng ngoại giao kỹ thuật số. Năm 2011, Nga đã vượt qua Đức để trở thành thị trường internet lớn nhất châu Âu với hơn 54 triệu người dùng hàng tháng và đang phát triển nhanh chóng. Nga là một trong số rất ít quốc gia mà công cụ tìm kiếm địa phương (Yandex) và mạng xã hội (VK) đánh bại các đối thủ nước ngoài (Yakovenko, 2012). Tại Hội nghị Ngoại giao vào tháng 06/2012, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã xác định ngoại giao kỹ thuật số là một trong những công cụ chính sách đối ngoại hiệu quả nhất. Tổng thống đề nghị Bộ Ngoại giao xúc tiến, thúc đẩy ngoại giao số của Nga, kêu gọi các nhà ngoại giao sử dụng nhiều hơn các công nghệ mới trên nhiều nền tảng, bao gồm cả phương tiện truyền thông xã hội, để giải thích lập trường của nhà nước (Permyakova, 2012). Chính sách đối ngoại của Nga có sự chuyển biến rõ rệt, ngày càng ưu tiên cho các công cụ "mềm", "thông minh" như ngoại giao số (Xymena Kurowska, 2019). Bộ Ngoại giao Nga đã đưa ra thuật ngữ riêng "ngoại giao sáng tạo" bao hàm cả ngoại giao kỹ thuật số, được hiểu là "công cụ của chính sách đối ngoại Nga nhằm gây ảnh hưởng đến dư luận thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin". Nga đã nhanh chóng gia nhập câu lạc bộ "các cường quốc ngoại giao twiplomacy". Trong bảng xếp hạng những người theo dõi tại London, Đại sứ quán của Nga đứng thứ ba chỉ sau Hoa Kỳ và Israel, đều là những nước đã đầu tư mạnh vào công cụ chính sách đối ngoại này từ sớm (Chernenko, 2013). Bên cạnh đó, thông qua ngoại giao số, Nga cũng rất chủ động trong việc hợp tác quốc tế song phương hay thúc đẩy các chương trình nghị sự về an ninh mạng tại các diễn đàn đa phương. Năm 2009, Nga đã bước đầu thành công khi Đại hội đồng LHQ đã thông qua Nghị quyết về "Xây dựng văn hóa toàn cầu về an ninh mạng và đánh giá nỗ lực của các quốc gia nhằm bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin thiết yếu"; năm 2015, Nga và các nước BRICS đã đi đến

thống nhất thiết lập nhóm công tác về hợp tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Nga cũng đã thành công thông qua Nghị quyết về nhóm công tác mở của LHQ về quản trị toàn cầu trên không gian mạng năm 2018… (Lê Đình Tĩnh, 2021, tr.112-113).

Các bộ ngoại giao của các nước châu Âu khác cũng đã áp dụng và xây dựng chiến lược ngoại giao kỹ thuật số. Thụy Điển tích cực thúc đẩy ngoại giao kỹ thuật số, đặc biệt là thông qua chiến lược truyền thông trực tuyến của Bộ trưởng Ngoại giao Carl Bildt, người từ rất sớm đã trở thành "nhà lãnh đạo Twitter có kết nối tốt nhất". Năm 2013, Thụy Điển đã thu hút sự chú ý với hoạt động của "đội ngoại giao kỹ thuật số" thu hút được nhiều người theo dõi trên các mạng xã hội.

Theo Lowy Interpreter, năm 2008, Pháp được công nhận rằng sức mạnh mềm của nước này dựa trên công nghệ kỹ thuật số. Còn Đức đã chuyển sang các nền tảng công nghệ thông tin để thu thập ý kiến của người dân và những ý tưởng mới từ công chúng, những ý tưởng này đã được đưa vào bản đánh giá chính sách đối ngoại năm 2014 của nước này (Lowy Interpreter, 2015).

3.2.1.3. Thực tiễn điển hình ở Châu Á

Ngoại giao số của *Trung Quốc* là một phần trong chiến lược tổng thể của quốc gia này nhằm tận dụng công nghệ số và internet để nâng cao vị thế quốc tế, thúc đẩy quyền lực mềm, và bảo vệ lợi ích quốc gia trong không gian mạng. Trung Quốc sử dụng ngoại giao số không chỉ để mở rộng ảnh hưởng quốc tế mà còn để thiết lập các quy tắc và tiêu chuẩn toàn cầu về công nghệ, dữ liệu, và an ninh mạng theo hướng có lợi cho mình. Mặc dù muộn hơn so với một số nước, năm 2004, Bộ Ngoại giao Trung Quốc mới thành lập Tổ Ngoại giao công chúng, sau đó được nâng cấp lên thành Phòng Ngoại giao công chúng vào năm 2010. Cơ quan này chịu trách nhiệm về ngoại giao số của Trung Quốc. Ngay sau đó, năm 2011, Trung Quốc đã tiến hành dự án nhằm xác lập sự hiện diện truyền thông toàn cầu và đến năm 2013, ngoại giao số đã được thừa nhận là một công cụ quản trị quốc gia của Trung Quốc (Wenjin Wang, 2015).

Ngoại giao số của Trung Quốc được triển khai trên mấy phương diện sau:

- Sử dụng truyền thông xã hội và nền tảng số cho ngoại giao công chúng:Trung Quốc đã và đang sử dụng các nền tảng số, bao gồm Twitter, Facebook, và WeChat, để thúc đẩy hình ảnh quốc gia, truyền tải quan điểm và thông điệp chính trị ra quốc tế. Dù các nền tảng này bị kiểm soát chặt chẽ trong nước, nhiều nhà ngoại giao Trung Quốc vẫn hoạt động rất tích cực trên mạng xã hội nước ngoài, tạo ra cái gọi là "ngoại giao chiến binh sói" (Wolf Warrior Diplomacy) (Yuan, 2023). Chiến thuật này bao gồm việc phát ngôn mạnh mẽ và trực diện, đôi khi gây tranh cãi, để bảo vệ lập trường của Trung Quốc và chỉ trích những quốc gia có quan điểm đối lập.

- Thiết lập các tiêu chuẩn công nghệ quốc tế về công nghệ số thông qua các công ty công nghệ lớn như Huawei, ZTE..., trong các lĩnh vực như 5G, trí tuệ nhân tạo, và dữ liệu lớn... Ngoài ra, Trung Quốc tham gia các diễn đàn quốc tế về công nghệ, như Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), như là một phần của chiến lược ngoại giao số này (Ministry of Foreign Affairs The People Republic of China, 2003). Trung Quốc không chỉ tìm cách thúc đẩy an ninh mạng quốc tế mà còn định hình cách tiếp cận quản trị internet toàn cầu dựa trên nguyên tắc chủ quyền mạng (cyber sovereignty), ủng hộ việc các quốc gia có quyền kiểm soát và quản lý nội dung internet trong phạm vi lãnh thổ của mình, trái ngược với quan điểm phương Tây về internet mở và tự do. Thông qua các diễn đàn thường niên như Hội nghị Internet Thế giới (World Internet Conference) lần đầu tiên tổ chức vào năm 2014 tại Trung Quốc, đã cố gắng xây dựng một hệ thống quản trị mạng toàn cầu phản ánh chính sách của mình.[10]

- Sáng kiến "Con đường Tơ lụa Kỹ thuật số" (Digital Silk Road), một phần của Sáng kiến Vành đai và Con đường (Belt and Road Initiative, BRI) được công bố vào năm 2015, là một chiến lược lớn của Trung Quốc nhằm mở rộng ảnh hưởng công nghệ ra nước ngoài. Sáng kiến này bao gồm việc xây dựng hạ tầng viễn thông, mạng cáp quang dưới biển, và các thành phố thông minh ở các quốc

[10] Xem thêm World Internet Conference, https://www.wicinternet.org/

gia đối tác. Trung Quốc cung cấp công nghệ và giải pháp số cho các nước đang phát triển, từ đó tăng cường ảnh hưởng kinh tế và chính trị trong khu vực.

Ở Châu Á, *Ấn Độ* cũng là một trong những quốc gia dẫn đầu về kỹ thuật số, đầu tư mạnh vào việc xây dựng phạm vi tiếp cận trực tuyến mặc dù có hạn chế về nguồn lực. Năm 2010, Bộ Ngoại giao Ấn Độ (MEA) đã đăng dòng tweet đầu tiên đánh dấu việc ngoại giao Ấn Độ chính thức chuyển sang kỹ thuật số. Việc ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động ngoại giao của Ấn Độ đã giúp MEA thực hiện tốt mục tiêu chiến lược "3 chữ R" gồm Rescue (Giải cứu) – Relief (Trợ giúp) – Rehabilitation (Phục hồi) (Lê Đình Tĩnh, 2021, tr.137). Ví dụ như, MEA đã kết nối hiệu quả với công dân ở nước ngoài trong các tình huống khẩn cấp. Cơ quan này đã sử dụng Twitter một cách để hỗ trợ việc sơ tán thành công hơn 18.000 công dân Ấn Độ khỏi Libya trong cuộc nội chiến năm 2011 (Lewis, 2014). Thủ tướng Narendra Modi đã kêu gọi các đại sứ của mình "bỏ đi những tư duy cũ" và "luôn đi đầu trong lĩnh vực ngoại giao kỹ thuật số" (Adesina, 2017). Mặc dù vậy, Ấn Độ vẫn đang thử nghiệm nhiều cách khác nhau để tiếp cận và thu hút khán giả trong nước và nước ngoài thông qua các ứng dụng di động, video phát trực tiếp và sự hiện diện trên phương tiện truyền thông xã hội có khả năng phản hồi cao. Cho đến nay, Ấn Độ vẫn chưa có một tuyên bố chính thức nào về chiến lược tổng thể triển khai ngoại giao số của quốc gia.

3.2.1.4. Thực tiễn điển hình ở Châu Phi và khu vực khác

Mặc dù nhiều người Phi đã tiếp nhận công nghệ mới, nhưng ngoại giao kỹ thuật số vẫn chưa được chú ý. Theo Báo cáo của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) năm 2013, Châu Phi là khu vực phát triển nhanh nhất về băng thông rộng di động, bao gồm 93 triệu thuê bao, tỷ lệ thâm nhập 11% và tốc độ tăng trưởng tích lũy hàng năm (CAGR) là 82% trong giai đoạn 2010-2013. Mặc dù hiện nay, ngày càng nhiều bộ ngoại giao Châu Phi (MFA) đang áp dụng internet và phương tiện truyền thông xã hội và sử dụng chúng làm công cụ để đạt được các mục tiêu chính sách đối ngoại, nhưng tỷ lệ các quốc gia Châu Phi tối đa hóa tiềm năng của ngoại giao kỹ thuật số là không đáng kể. Nhiều nhà lãnh đạo châu Phi không có tài khoản Facebook hoặc Twitter (Adesina, 2017).

Một trong những quốc gia tích cực trong lĩnh vực ngoại giao kỹ thuật số là *Israel*. Chính phủ Israel, đã quyết định quản lý quan hệ ngoại giao của mình thông qua phương tiện truyền thông mới. Năm 2009, Israel đã mở lãnh sự quán Twitter của mình để gây ấn tượng với cộng đồng toàn cầu. Các hoạt động ngoại giao kỹ thuật số không chỉ là trách nhiệm của các bộ ngoại giao và nhà ngoại giao. Cộng đồng người Israel ở nước ngoài đã tổ chức các hoạt động ngoại giao công chúng có tổ chức và hỗ trợ các hoạt động này thông qua ngoại giao kỹ thuật số. Năm 2012, một chương trình sau đại học đã được mở tại Đại học Haifa để đào tạo "các nhà ngoại giao công dân". Sinh viên của trường, là những "Đại sứ trực tuyến" tương lai, đã được đào tạo liên quan đến các hoạt động trực tuyến như nhập thông tin và cập nhật các trang Wikipedia, sử dụng diễn đàn, blog, phòng trò chuyện, Facebook và Twitter, và cách ứng xử trong phần bình luận của các tờ báo trực tuyến. Sau đó, họ trở thành "các nhà ngoại giao công dân" thay mặt cho Israel trong bối cảnh ngoại giao kỹ thuật số trên phương tiện truyền thông mới. Viện Asper về Ngoại giao Truyền thông Mới chịu trách nhiệm truyền tải thông điệp của Israel đến cộng đồng toàn cầu, tập trung vào vai trò, chức năng và việc sử dụng các công nghệ truyền thông mới. Trong bối cảnh ngoại giao công chúng, các hoạt động ngoại giao được trình bày với thế giới trong khuôn khổ ngoại giao kỹ thuật số thông qua các hoạt động phi chính phủ (Adesina, 2017).

3.2.1.5. Đặc điểm chung của ngoại giao số trước Đại dịch COVID-19

Bước vào thế kỷ XXI, ngoại giao số đã được triển khai ở một số lĩnh vực chủ yếu tập trung ở các quốc gia phát triển và đã có nền tảng nhận thức về ngoại giao kỹ thuật số từ trước. Có thể khái quát các đặc điểm chung của việc triển khai số của các chủ thể chính trị quốc tế trước khi Đại dịch COVID-19 bùng phát như sau:

Thứ nhất là, mục tiêu của ngoại giao số chủ yếu tập trung vào tăng cường hiện diện trên mạng xã hội, truyền bá văn hóa và xây dựng hình ảnh quốc gia. Công nghệ số chủ yếu được sử dụng như một công cụ bổ trợ trong các hoạt động ngoại giao truyền thống, chẳng hạn như email, trang web chính thức, và mạng xã hội để truyền thông thông tin.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã nắm bắt thời cơ và tích cực theo đuổi các mục tiêu chính sách đối ngoại thông qua việc tạo ra các trang web, blog và sử dụng các nền tảng truyền thông xã hội như: Flickr (ra đời năm 2004), You Tube (12/2005), Twitter (7/2006), Facebook (9/2006), Weibo (8/2009), Instagram (10/2010), Google+ (6/2011),…

Năm 1994, dưới thời Tổng thống Bill Clinton, trang web đầu tiên của Nhà Trắng đã đi vào hoạt động (WhiteHouse.gov). Sau đó, trang web này đã trải qua nhiều lần nâng cấp và cập nhật, trở thành website chính thống về các hoạt động thông tin, truyền thông của Tổng thống Hoa Kỳ và Nội các (Singh, 2014). Một số lượng lớn các đại sứ quán đã có các trang web tương tác, tài khoản Facebook và ngày càng nhiều đại sứ có sự hiện diện tích cực trên Twitter.

Twitter xuất hiện năm 2006 đã nhanh chóng được các cơ quan ngoại giao sử dụng. Hàng năm, Burson-Marsteller, một công ty quan hệ công chúng toàn cầu đã tiến hành khảo sát toàn cầu về sự hiện diện và hoạt động của các nguyên thủ quốc gia và chính phủ, bộ trưởng ngoại giao và các tổ chức của họ trên các nền tảng như Twitter, Facebook…và công bố trên trang web Twiplomacy. Các số liệu cho thấy tốc độ gia tăng nhanh chóng của số lượng các chủ tài khoản Twitter là các chính phủ, bộ ngoại giao các nước. Theo Báo cáo năm 2012 công bố ngày 25/06/2012, Twitter phổ biến chủ yếu ở Bắc và Nam Hoa Kỳ, nơi lần lượt có 83% và 75% nguyên thủ quốc gia và chính phủ có tài khoản Twitter. Ở châu Âu, có khoảng ¾ chính phủ có hoạt động trên Twitter, trong khi ở châu Phi và châu Á, con số này chỉ khoảng 60% và 56%. Ở châu Đại Dương, chỉ có 4 trong số 14 quốc gia (tức là 29%) có sự hiện diện trên Twitter (Twiplomacy, 2012). Tuy nhiên, con số này đã thay đổi trong Báo cáo năm 2015, được công bố vào tháng 4/2015, sau khi phân tích 669 tài khoản chính phủ tại 166 quốc gia, cho thấy 86% trong số 193 quốc gia thành viên LHQ có sự hiện diện trên Twitter. Trong khi chỉ có 27 quốc gia, chủ yếu ở Châu Phi và Châu Á - Thái Bình Dương, không có bất kỳ sự hiện diện nào trên Twitter (Twiplomacy, 2015).

Cũng theo thống kê của Twiplomacy 2015, đã có hơn 4.100 đại sứ quán và đại sứ đang hoạt động trên Twitter và danh sách này vẫn tiếp tục tăng. Tại

London, New York và Washington, DC, các phái bộ ngoại giao nước ngoài không thể bỏ qua hoạt động ngoại giao trên Twittersphere. Ngay cả các phái bộ Trung Quốc tại EU, Thụy Sĩ và Nhật Bản cũng dần tích cực sử dụng Twitter. Bộ Ngoại giao Anh tích cực khuyến khích các đại sứ của mình tham gia cá nhân trên Twitter và không thể trở thành nhà ngoại giao của Bộ Ngoại giao Anh nếu bạn không sử dụng các công cụ kỹ thuật số. Trang Twitter của Bộ ngoại giao Anh "@ForeignOffice" có lẽ là mạng lưới "twiplomatic" lớn nhất và duy trì danh sách Twitter công khai với kỷ lục 237 đại sứ, đại sứ quán và phái bộ trên Twitter. Canada đứng thứ hai với 184 phái bộ và người đứng đầu phái bộ trên Twitter, tiếp theo là Bộ Ngoại giao Nga (160), Bộ Ngoại giao Ba Lan (157) và Israel (146). Bộ Ngoại giao và Bộ Ngoại giao Pháp, EU, Thụy Điển và Ukraine đều liệt kê hơn 100 nhà ngoại giao và phái bộ trên Twitter (Twiplomacy, 2015).

Đến năm 2018, đã có tới 97% trong số 193 quốc gia thành viên LHQ có sự hiện diện chính thức trên nền tảng này. Chỉ có 6 quốc gia, cụ thể là Lào, Mauritania, Nicaragua, Bắc Triều Tiên, Swaziland và Turkmenistan không có sự hiện diện chính thức trên nền tảng này. Ngay cả Văn phòng Thông tin Hội đồng Nhà nước của chính phủ Trung Quốc cũng duy trì sự hiện diện trên Twitter, Facebook và YouTube, và có 7 đại sứ quán Trung Quốc cũng như một đại sứ Trung Quốc hiện đang hoạt động trên Twitter (Twiplomacy, 2018a).

Phương tiện truyền thông xã hội đã trở thành một công cụ truyền thông thiết yếu đối với các chính phủ và Twitter đã trở thành kênh được lựa chọn hàng đầu cho ngoại giao kỹ thuật số, tiếp đến là Facebook. Tính đến ngày 15/03/2018, chính phủ và nhà lãnh đạo của 175/193 quốc gia thành viên của LHQ (tương đương 91%) đã có sự hiện diện chính thức trên mạng xã hội, với 650 trang Facebook cá nhân và tổ chức của các nhà lãnh đạo thế giới, chính phủ và bộ ngoại giao được phân tích được khảo sát đã có tổng cộng 309,4 triệu lượt thích trang. Kể từ ngày 01/01/2017 đến tháng 03/2018, các trang này đã đăng tổng cộng 536.644 bài đăng thu hút gần 900 triệu lượt tương tác (Twiplomacy, 2018b).

Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, các trang web, tài khoản mạng xã hội, cổng thông tin tin tức và diễn đàn trực tuyến đóng vai trò rất quan trọng trong việc xác

định hình ảnh của một quốc gia, ở cấp độ toàn cầu. Không chỉ dừng lại ở việc sử dụng các ứng dụng mạng xã hội, ngoại giao số còn được triển khai dưới nhiều hình thức hấp dẫn nhằm quảng bá hình ảnh quốc gia. Có thể kể đến điển hình là Trò chơi "Trace Effects" (Hiệu ứng dấu vết), do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ phát triển. Ngoại giao kỹ thuật số đã vượt ra ngoài phạm vi quan hệ quốc tế và đạt đến giai đoạn chuyển giao và giảng dạy các giá trị văn hóa. Trò chơi "Trace Effects" của Bộ Ngoại giao, tiếp theo là các hoạt động khác, đã giúp chính phủ Hoa Kỳ truyền tải những giá trị văn hóa đến các quốc gia và cộng đồng khác thông qua ngoại giao kỹ thuật số. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã kết hợp với các nhà giáo dục, văn hóa, các đơn vị ngoại giao công chúng và đối ngoại, phát triển trò chơi điện tử này để dạy tiếng Anh và văn hóa Hoa Kỳ cho đối tượng mục tiêu là trẻ em và thanh thiếu niên từ 12 đến 16 tuổi. Trong phạm vi của trò chơi này, các giá trị của xã hội Hoa Kỳ được thể hiện cho người dùng, cũng như các chủ đề về tinh thần kinh doanh, hoạt động, bảo vệ môi trường, giải quyết xung đột, quyền và trao quyền cho phụ nữ, khoa học và đổi mới. Cách thức này cũng đã biến ngoại giao văn hóa thành một trò chơi. Bộ Ngoại giao Hoa kỳ đã xác định trẻ em và thanh thiếu niên là đối tượng mục tiêu với trò chơi này và đưa thế hệ trẻ đến gần hơn với ngoại giao kỹ thuật số.[11]

Thứ hai là, sự bùng nổ của các cá nhân các lãnh đạo, nguyên thủ quốc gia tham gia vào ngoại giao số và sức hút mạnh mẽ từ kênh ngoại giao số này. Việc các chính trị gia, các nhà ngoại giao… sử dụng phương tiện truyền thông xã hội đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của ngoại giao kỹ thuật số. Từ đó tầm quan trọng của ngoại giao kỹ thuật số cũng tăng lên cùng với sự phát triển của số hóa. Khi các thông điệp chính trị được chia sẻ trực tiếp từ các nguyên thủ quốc gia, trên phương tiện truyền thông xã hội, có khả năng tiếp cận được nhiều người hơn, có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ hơn. Họ trở thành các yếu tố quan trọng của chương trình nghị sự truyền thông. Ở cấp độ tổng thống hoặc bộ trưởng ngoại giao, thì đây cũng là hình thức truyền đạt quan điểm chính thức đến các quốc gia khác. Ví dụ như, việc các chính trị gia sử dụng Twitter, số lượng người

[11] Trace effects (2018, March 8). Xem thêm tại: https://americanenglish.state.gov/trace-effects

theo dõi họ và các tương tác của họ đã tạo nên một kênh, một phương tiện của ngoại giao kỹ thuật số.

Barack Obama đã trở thành nhà lãnh đạo đầu tiên trên thế giới hiện diện trên các nền tảng xã hội như: lập trang Facebook cá nhân vào tháng 03/2007, khi ông vẫn còn là Thượng nghị sĩ của Illinois, vào tháng 06/2010, Obama đã gửi dòng tweet đầu tiên của mình, trở thành tổng thống đầu tiên sử dụng Twitter và cũng là nhà lãnh đạo đầu tiên mở tài khoản Instagram vào ngày 04/01/2012 (Twiplomacy, 2018b). Dòng tweet "bốn năm nữa" của Obama, được ông viết bên dưới một bức ảnh ông đang ôm vợ sau khi giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2012, đã trở thành thông điệp được chia sẻ lại nhiều nhất mọi thời đại với 749.301 lượt chia sẻ lại (Telegraph, 2012).

Theo số liệu của Twiplomacy năm 2012, Barack Obama là nhà lãnh đạo thế giới được theo dõi nhiều nhất với 17.115.077 người theo dõi. Tổng thống Venezuela Hugo Chávez là nhà lãnh đạo được theo dõi nhiều thứ hai với 3.152.608 người theo dõi, và Nhà Trắng (2.951.928) chiếm vị trí thứ 3 (Twiplomacy, 2012). Tháng 01/2017, Tổng thống Donald Trump nhậm chức đã tạo đã tạo ra tác động lớn nhất trên Twitter. Ông đã trở thành nhà lãnh đạo thế giới được theo dõi nhiều nhất với hơn 52 triệu người theo dõi. Ông đã thu hút được nhiều tương tác nhất trong suốt năm 2017 và các dòng tweet của ông trung bình có hơn 20.000 lượt tweet lại. Dòng tweet của ông được chia sẻ lại nhiều nhất trong số các nhà lãnh đạo thế giới, "chỉ trích" những gì ông mô tả là "tin giả của CNN" (Twiplomacy, 2018a).

Trên nền tảng Facebook, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi lại là vị nguyên thủ có lượng người theo dõi lớn nhất, với hơn 43,2 triệu lượt thích trang. Mặc dù, Facebook cá nhân của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump chỉ có gần bằng một nửa lượt thích (23,1 triệu) so với Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi, nhưng ông Donald Trump đăng bài trung bình năm lần mỗi ngày, nhiều gấp đôi Thủ tướng Ấn Độ và kể từ ngày 01/01/2017, trang của ông đã thu hút 204,9 triệu lượt tương tác (bình luận, thích và chia sẻ), gần gấp đôi so với Narendra Modi với 113,6 triệu lượt tương tác (Twiplomacy, 2018b).

Cho dù, chỉ một số ít nhà lãnh đạo thế giới tự quản lý trang cá nhân hoặc tự đăng lên dòng thời gian của họ. Việc này thường do nhóm phụ trách truyền thông của họ thực hiện, song không thể vì thế mà phủ nhận được sức hút và ảnh hưởng của phương thức ngoại giao số này.

Thậm chí trên nền tảng Facebook, các trang cá nhân của các vị lãnh đạo còn được quan tâm theo dõi, chia sẻ và tương tác nhiều hơn chính các trang đại diện cho cơ quan, tổ chức mà họ trực thuộc. Đã có 108 nguyên thủ quốc gia, 83 thủ tướng và 88 bộ trưởng ngoại giao duy trì các trang cá nhân trên Facebook. Tính đến ngày 01/03/2019, trong vòng 12 tháng (kể từ ngày 01/03/2018), 692 trang Facebook cá nhân và tổ chức của các nhà lãnh đạo thế giới đã có tổng cộng hơn 345 triệu lượt thích trang và ghi nhận 767 triệu lượt tương tác.

Bên cạnh đó, một số hình thức ngoại giao truyền thống có thể được thay thế bằng hình thức ngoại giao số một các sáng tạo và có khả năng lan truyền tốt hơn. Ví dụ như, vào năm 2015, tại lễ khai mạc hội nghị thượng đỉnh G20 được tổ chức tại Thổ Nhĩ Kỳ, tài khoản Twitter của Tổng thống Recep Tayyip Erdoğan đã chào mừng các nguyên thủ quốc gia tham dự bằng chín ngôn ngữ, thông qua đó gửi thông điệp đến công chúng toàn cầu.

Thứ ba là, ứng dụng công nghệ vẫn ở mức hạn chế, chưa phổ biến các loại hình hội nghị trực tuyến. Phiên tham gia trực tuyến đầu tiên của ngoại giao đa phương được Liên minh Viễn thông Quốc tế (International Telecommunication Union /ITU) tổ chức vào năm 1963. Mặc dù, đến đầu thế kỷ XXI, cũng đã có thêm nền tảng có thể tổ chức các hội nghị trực tuyến như Skype ra đời năm 2003, song loại hình này vẫn rất hạn chế. Các cuộc gặp gỡ và thương lượng vẫn yêu cầu sự hiện diện trực tiếp để xây dựng niềm tin và quan hệ đối tác. Sang thập niên thứ hai, với sự gia tăng về tốc độ truy cập Internet, có thêm sự ra đời của hàng loạt các công cụ như Zoom (năm 2012), Microsoft Team (năm 2017), Google Meet (năm 2017) …nhưng các nền tảng này vẫn chưa được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động ngoại giao. Các cuộc họp ngoại giao phần lớn vẫn diễn ra trực tiếp, và hội nghị trực tuyến chưa trở thành phương tiện chính. Việc sử dụng

dữ liệu lớn (Big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong ngoại giao còn rất sơ khai. Các cơ quan ngoại giao vẫn tập trung vào việc xử lý thông tin truyền thống hơn là khai thác các công nghệ hiện đại.

Thứ tư là, việc chú trọng an ninh mạng mới chỉ dừng ở mức cơ bản. An ninh mạng được nhận thức như một yếu tố quan trọng trong hoạt động ngoại giao số, nhưng chưa có nhiều nỗ lực đồng bộ để đối phó với các mối đe dọa liên quan. Hai thập niên đầu thế kỷ XXI đã chứng kiến các cuộc tấn công mạng gia tăng, các mối đe dọa như ransomware, phishing (lừa đảo qua email) … càng trở nên nghiêm trọng; các vụ rò rỉ dữ liệu lớn như vụ Cambridge Analytica (2018) hay các vụ tấn công nhắm vào Yahoo (2013-2016), dẫn đến việc quan tâm đến dữ liệu cá nhân ngày càng gia tăng…đã thúc đẩy các chính phủ và tổ chức chú trọng hơn đến an ninh mạng. Tuy nhiên, an ninh mạng trở thành mối quan tâm hàng đầu chủ yếu ở các nước phát triển ở khu vực châu Âu và Bắc Hoa Kỳ. Các quốc gia này đã ban hành luật và quy định chặt chẽ hơn về bảo mật thông tin, như Quy định Bảo vệ Dữ liệu chung (General Data Protection Regulation/GDPR) của Liên minh Châu Âu năm 2018 hay Đạo luật về quyền riêng tư của người tiêu dùng California (California Consumer Privacy Act/CCPA) của Hoa Kỳ năm 2020...Các nước này cũng đã xây dựng hoặc cập nhật chiến lược an ninh mạng để đối phó với các mối đe dọa như Chiến lược An ninh mạng Quốc gia (National Cybersecurity Strategy) năm 2003 của Hoa Kỳ, EU đưa ra Đạo luật An ninh mạng (Cybersecurity Act) năm 2013… Ở châu Á và Đông Nam Á, các nước như Ấn Độ, Indonesia, và Việt Nam đã bắt đầu nhận ra tầm quan trọng của an ninh mạng, nhưng hạ tầng kỹ thuật còn yếu, thiếu nhân lực chuyên môn và chính sách chưa đồng bộ… Ở châu Phi, phần lớn các quốc gia châu Phi có mức độ nhận thức thấp hơn, tập trung vào các vấn đề cơ bản như mở rộng truy cập Internet. Tuy nhiên, cũng có quốc gia như Nam Phi đã bắt đầu xây dựng chiến lược quốc gia về an ninh mạng. Như vậy, mặc dù phần lớn các quốc gia đều có nhận thức về tầm quan trọng của an ninh mạng, nhưng mức độ chuẩn bị và và ứng phó khác

nhau giữa các nước dựa trên trình độ phát triển công nghệ, năng lực quản lý và chiến lược an ninh mạng cụ thể.

Nhìn chung, giai đoạn trước năm 2019, khi Đại dịch COVID-19 chưa bùng phát, nhiều nước phát triển đã áp dụng ngoại giao số vào một số khía cạnh trong hoạt động đối ngoại. Tuy nhiên không phải quốc gia nào cũng có nhận thức đầy đủ và chiến lược về ngoại giao số. Các nước sớm có chiến lược ngoại giao số là các cường quốc, hoặc các quốc gia tầm trung đã có cơ sở công nghệ thông tin phát triển cũng như đã có ý thức về loại hình ngoại giao chuyên biệt này. Hầu hết các quốc gia, chỉ sau khi Đại dịch COVID-19 xảy ra, mới thực sự xác định chiến lược và thúc đẩy ngoại giao số, đưa ngoại giao số ra khỏi khuôn khổ quan niệm về một công cụ mới của ngoại giao công chúng.

3.2.2. Ngoại giao số từ năm 2020 đến nay

3.2.2.1. Tác động của Đại dịch COVID-19 đến ngoại giao số

Đại dịch COVID-19 được coi là một bước ngoặt trong sự phát triển của ngoại giao số trên phạm vi toàn cầu. Trong tình trạng khẩn cấp đối phó dịch bệnh, phương tiện truyền thông mới đã giúp phát huy vai trò của ngoại giao số, khi mà trong thời điểm khó khăn, ngoại giao truyền thống khó thực hiện được. Trong đại dịch COVID-19, khi các chính sách cách ly, hạn chế đi lại được áp dụng trên diện rộng, thậm chỉ ở phạm vi khu vực và toàn cầu, hoạt động ngoại giao phần lớn đã buộc phải chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến.

Đại dịch COVID-19 đã có những tác động sâu sắc đến ngoại giao kỹ thuật số, đẩy mạnh vai trò của công nghệ trong các hoạt động ngoại giao và làm thay đổi cách thức các quốc gia tương tác trên trường quốc tế. Có thể nhận thấy, các tác động chính bao gồm:

Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngoại giao: thể hiện rõ nhất trong việc các hoạt động hội họp trực tuyến. Đại dịch buộc các nhà ngoại giao và các tổ chức quốc tế phải tăng cường sử dụng nền tảng trực tuyến**,** chuyển sang tổ chức các cuộc họp, hội nghị, và đàm phán qua các nền tảng trực tuyến như Zoom, Microsoft Teams, Google Meeting,Webex… Các hội nghị cấp cao, cuộc họp của

LHQ, G20, ASEAN, và nhiều tổ chức quốc tế khác đều được tổ chức trực tuyến, nhằm đảm bảo an toàn, duy trì sự liên kết và giúp tiết kiệm thời gian, chi phí... Hội nghị G20 năm 2020 được tổ chức trực tuyến dưới sự chủ trì của Ả Rập Xê Út; Hội nghị ASEAN cũng chuyển sang hình thức trực tuyến với sự tham gia của các lãnh đạo khu vực.

Việc thúc đẩy chuyển đổi số trong ngoại giao còn nhằm để duy trì liên lạc giữa các chủ thể chính trị quốc tế. Hay nói cách khác, *ngoại giao số là biện pháp cứu cánh,* một công cụ quan trọng để duy trì liên lạc quốc tế, thúc đẩy hợp tác, và giải quyết các vấn đề toàn cầu. Việc giữ kết nối xuyên suốt giữa các chủ thể chính trị quốc tế không còn chỉ đơn thuần là duy trì liên lạc giữa các quốc gia trong bối cảnh hạn chế đi lại, giúp các chính phủ tránh được việc gián đoạn quan hệ quốc tế, mà còn đóng vai trò cấp thiết trong việc chia sẻ các thông tin y tế trong bối cảnh dịch bệnh lây lan nhanh chóng.

Thúc đẩy các chiến dịch thông tin, truyền thông trực tuyến, ngoại giao công chúng, ngoại giao y tế, ngoại giao vắc xin… thông qua ngoại giao kỹ thuật số. Các chính phủ và các tổ chức quốc tế như WHO tận dụng kỹ thuật số để phổ biến thông tin liên quan đến COVID-19, bao gồm số liệu thống kê, khuyến cáo y tế, chiến lược phòng chống dịch… Các quốc gia như Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ và nhiều nước phương Tây đã sử dụng ngoại giao kỹ thuật số để đẩy mạnh quảng bá chương trình cung cấp vắc xin cho các nước khác, tiến hành ngoại giao vắc xin (vaccine diplomacy). Bên cạnh đó, ngoại giao số còn để tăng cường tương tác công chúng qua mạng xã hội. Các nhà lãnh đạo sử dụng mạng xã hội để giao tiếp trực tiếp với công dân trong nước và quốc tế. Các lãnh đạo và cơ quan ngoại giao sử dụng mạng xã hội như Twitter, Facebook, và Instagram để cung cấp thông tin chính thức, cập nhật tình hình dịch bệnh và chiến lược đối phó như Thủ tướng New Zealand Jacinda Ardern sử dụng Facebook Live để cập nhật trực tiếp về các biện pháp phòng chống dịch, Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden sử dụng Twitter để kêu gọi người dân tiêm vắc xin và thực hiện giãn cách xã hội…

Gia tăng hợp tác quốc tế qua công nghệ số: song song với việc hợp tác y tế, thúc đẩy việc chia sẻ dữ liệu, nghiên cứu, và tài nguyên y tế qua các nền tảng

số nhằm đối phó với COVID-19, các quốc gia còn cùng tham gia nghiên cứu phát triển vắc xin, như chương trình COVAX của WHO, được triển khai nhờ sự hỗ trợ của các công cụ kỹ thuật số. Ngoại giao số còn góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế số. Trong bối cảnh phong tỏa, thương mại quốc tế và đầu tư vẫn được duy trì qua các nền tảng kỹ thuật số. Ví dụ như, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đã được ký kết trực tuyến vào tháng 11/2020. Các hoạt động ngoại giao văn hóa số cũng được tiến hành. Các nước tổ chức các sự kiện văn hóa trực tuyến như triển lãm, hòa nhạc, và hội thảo để duy trì giao lưu văn hóa. Ví dụ như, tại Việt Nam, các tổ chức như Viện Goethe, Hội đồng Anh, và Trung tâm Văn hóa Pháp… đã triển khai nhiều chương trình trực tuyến trong thời gian đại dịch.

Bên cạnh những tác động tích cực thúc đẩy ngoại giao số trong thời kỳ COVID-19, thì các quốc gia cũng phải đối mặt với những bất cập nảy sinh trong quá trình thực thì ngoại giao số như: An ninh mạng: Đại dịch làm gia tăng các rủi ro về bảo mật thông tin trong ngoại giao số. Các cuộc họp trực tuyến dễ bị tấn công mạng hoặc bị theo dõi. Tấn công nhắm vào lĩnh vực y tế, tin tặc nhắm vào các bệnh viện, tổ chức y tế và nghiên cứu vaccine, gây áp lực lớn lên các quốc gia. Ví dụ như, vụ tấn công ransomware vào bệnh viện Đức khiến bệnh nhân không thể tiếp cận dịch vụ y tế vào tháng 9/2020 hay vào tháng 10/2020, một làn sóng tấn công bằng phần mềm tống tiền đã tấn công các bệnh viện Hoa Kỳ ngay khi các ca nhiễm vi-rút corona bắt đầu tăng đột biến (Proven Data, 2020). Một thách thức khác là bất bình đẳng công nghệ. Nhiều nước kém phát triển gặp khó khăn trong việc tham gia vào các hoạt động ngoại giao số do hạn chế về hạ tầng công nghệ. Ngoại giao số cũng làm giảm tương tác cá nhân nếu phụ thuộc vào các nền tảng trực tuyến, làm mất đi yếu tố giao tiếp trực tiếp, vốn quan trọng trong việc xây dựng lòng tin và quan hệ cá nhân giữa các nhà lãnh đạo.

Cũng trong giai đoạn COVID-19, khi hầu hết các cuộc trao đổi quốc tế thường đều phải thông qua ngoại giao kỹ thuật số, thì cuộc chiến chống các thông tin sai lệch càng trở nên quyết liệt hơn cả. Trung Quốc, đặc biệt trong thời kỳ đại dịch COVID-19, đã gặp nhiều chỉ trích liên quan đến việc sử dụng thông

tin sai lệch và tuyên truyền trên các nền tảng số. Để đối phó với những chỉ trích này, Trung Quốc đã triển khai các chiến dịch ngoại giao số để giải thích chính sách của mình, bao gồm việc phủ nhận các cáo buộc về nguồn gốc của virus và tuyên truyền các thành tựu của Trung Quốc trong việc kiểm soát dịch bệnh (Fangyuan, 2021). Để gây dựng lòng tin, từ đó chống thông tin sai lệch Trung Quốc cũng đã thiết lập quan hệ đối tác số với nhiều quốc gia khác, đặc biệt là ở châu Phi, châu Á và khu vực Trung Đông, nơi công nghệ và hạ tầng số của Trung Quốc được đón chào. Thông qua các thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực công nghệ và an ninh mạng, Trung Quốc thúc đẩy mô hình phát triển số dựa trên cơ sở hạ tầng và quản trị công nghệ mà họ cung cấp (Parama Sinha Palit, 2024). Bên cạnh đó, Trung Quốc còn tiếp tục thúc đẩy ảnh hưởng của các tập đoàn công nghệ lớn như Alibaba, Tencent, ByteDance... cũng đóng vai trò quan trọng trong ngoại giao số của quốc gia này. Thông qua các dự án về thương mại điện tử, thanh toán điện tử, và mạng xã hội, những công ty này giúp mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc trên các thị trường toàn cầu và củng cố vai trò của nước này trong lĩnh vực công nghệ.

Có thể nói, Trung Quốc gần như là quốc gia kiên trì với chính sách “Zero Covid” nhất, cũng là quốc gia gỡ bỏ kiểm soát và hạn chế đi lại muộn nhất (ngày 08/01/2023). Sau khi Đại dịch COVID-19 kết thúc, ngoại giao số của Trung Quốc vẫn tiếp tục là một phần quan trọng trong chiến lược lớn hơn nhằm xây dựng một "Trung Quốc số" có sức mạnh và ảnh hưởng toàn cầu. Với những nỗ lực này, Trung Quốc đang dần khẳng định vị thế của mình không chỉ trong khu vực mà còn trên toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh về công nghệ ngày càng gia tăng.

Nhìn chung, trong thời kỳ dịch bệnh, bộ ngoại giao các quốc gia đã thực hành ngoại giao số thông qua 3 nhiệm vụ chính: hỗ trợ lãnh sự đối với công dân ở nước ngoài, mua hoặc nhận được những thiết bị y tế từ các quốc gia khác, củng cố hợp tác quốc tế trong phòng chống dịch (Bjola, 2020). Dịch bệnh COVID-19 chính là cú hích lớn thúc đẩy bộ ngoại giao các nước phải có một chiến lược phát

triển cụ thể đối với ngoại giao số. Cần có sự đầu tư bài bản để giúp bộ ngoại giao thích ứng với điều kiện mới, nắm giữ vị trí chủ chốt cho các hoạt động cơ bản: xây dựng và củng cố hình ảnh quốc gia, đàm phán, đưa ra tiếng nói đại diện cho quốc gia, công bố các thông tin trung thực và chính thống về quốc gia.

3.2.2.2. Trường hợp Liên minh châu Âu (EU)

Trước Đại dịch COVID-19, nhiều chủ thể chính trị quốc tế, mặc dù có đầy đủ điều kiện để phát triển ngoại giao kỹ thuật số, nhưng vẫn chưa có được một chiến lược cụ thể về ngoại giao số, thì khi Đại dịch diễn ra đã nhanh chóng xây dựng và công bố chiến lược của ngoại giao số mình. Trong số đó, *Liên minh châu Âu (EU)* với tư cách là một chủ thể thống nhất với chính sách đối ngoại chung, được coi là một ví dụ điển hình.

EU là khu vực có nền kinh tế và khoa học kỹ thuật phát triển hàng đầu trên thế giới. EU đã có những chính sách thống nhất và thúc đẩy sự phát triển nền kỹ thuật số từ rất sớm. Năm 1984, EEC một chương trình hành động của đã cung cấp hỗ trợ tài chính cho việc mở rộng cơ sở hạ tầng cũng như chuẩn hóa mạng ISDN và tiến tới thống nhất chính sách chung về dịch vụ thông tin liên lạc (Official Journal of the European Communities, 1988). Những năm sau đó đã chứng kiến hàng hoạt các biện pháp hợp tác thống nhất xây dựng EU từ thương mại điện tử đến một thị trường kỹ thuật số toàn diện. Năm 2000, EU đã đưa ra "Chỉ thị thương mại điện tử" làm rõ luật nào áp dụng cho việc quảng cáo và bán hàng hóa và dịch vụ ở các quốc gia khác. Những thập niên đầu thế kỷ XXI, EU tập trung vào tăng cường sự thống nhất kỹ thuật số của châu Âu như: "Chương trình nghị sự kỹ thuật số cho châu Âu" của Ủy ban châu Âu năm 2010; Năm 2016, Nghị viện châu Âu và Hội đồng đã bỏ phiếu bãi bỏ tất cả các khoản phí chuyển vùng và điều này có hiệu lực vào năm 2017 (Germany’s Presidency of the Council of the European Union 2020, 2020). Mặc dù EU đã có được nền tảng kỹ thuật số chung phát triển hàng đầu thế giới như một siêu quốc gia, song những tuyên bố về chính sách ngoại giao số của EU lại chỉ thực sự được nhấn mạnh kể từ sau khi Đại dịch COVID-19 diễn ra. Tháng 10/2020, Đức - Chủ tịch Hội đồng

EU- đã tập hợp các bộ trưởng EU chịu trách nhiệm về viễn thông và chính sách kỹ thuật số để thảo luận về một loạt các vấn đề liên quan đến số hóa. Sau khi thông qua Kết luận của Hội đồng về Ngoại giao số của EU vào tháng 7/2022, EU đã thiết lập một nền tảng vững chắc cho ngoại giao số. Các Kết luận tiếp theo của Hội đồng về Ngoại giao số của EU được thông qua vào tháng 06/2023 đề xuất một loạt các hành động ưu tiên cần thiết để có chính sách và hành động mạnh mẽ hơn, mang tính chiến lược hơn, mạch lạc hơn và hiệu quả hơn của EU trong các vấn đề kỹ thuật số toàn cầu. Các Kết luận kêu gọi cả EU và các Quốc gia thành viên hành động theo cách tiếp cận "Nhóm Châu Âu" để thực hiện các hành động ưu tiên: đảm bảo tăng cường phối hợp và tham gia chiến lược đối với các diễn đàn đa phương và nhiều bên liên quan; phát triển hơn nữa các quan hệ đối tác song phương và khu vực, đặc biệt là đối với các công nghệ quan trọng và mới nổi; tăng cường sự tham gia và hợp tác với các đối tác trên toàn thế giới về kết nối số và giải quyết các khoảng cách số, và cuối cùng là mở rộng vai trò lãnh đạo của EU về các quy tắc số toàn cầu và mở rộng hiệu quả của các nguồn lực số của EU và các Quốc gia thành viên, cũng như đối thoại với lĩnh vực công nghệ và các bên liên quan khác. Vào ngày 22/07/2024, Hội đồng Ngoại giao đã tổ chức cuộc trao đổi thường niên về Ngoại giao số của EU, đánh giá tiến độ đạt được trong bốn năm qua, khi các vấn đề kỹ thuật số đã chuyển từ hoàn toàn mang tính kỹ thuật sang các vấn đề có tầm quan trọng chiến lược và chính trị quan trọng, có tác động trực tiếp đến nền dân chủ, kinh tế và xã hội của EU. Cuộc thảo luận nhấn mạnh tầm quan trọng của các vấn đề kỹ thuật số và công nghệ mới nổi đối với chính sách đối ngoại tích hợp của EU cũng như nhu cầu hợp tác với tư cách là Đội châu Âu (European Team) (Council of the EU (2022). Ngoại giao số của EU được định hình và triển khai trên các khía cạnh sau (Zaiotti, 2024):

- Ngoại giao công chúng kỹ thuật số: EU và các tổ chức của EU như Cơ quan Hành động Đối ngoại Châu Âu (EEAS) sử dụng các nền tảng truyền thông xã hội (Twitter, Facebook,...) để truyền đạt chính sách, lập trường, phản ứng với các sự kiện toàn cầu và tương tác với công chúng nước ngoài, thúc đẩy tính minh

bạch, thúc đẩy các giá trị của EU như dân chủ và nhân quyền, đồng thời chống lại thông tin sai lệch.

- Ngoại giao mạng: EU đóng vai trò trong việc định hình các chuẩn mực và quy tắc quốc tế xung quanh không gian mạng, đảm bảo rằng internet vẫn mở, miễn phí, an toàn và ổn định. EU là bên chủ chốt trong các cuộc thảo luận toàn cầu về an ninh mạng và trong việc xây dựng khả năng phục hồi mạng để chống lại các mối đe dọa mạng và hoạt động tấn công mạng.

- Ngoại giao công nghệ và thương mại kỹ thuật số: EU nỗ lực đảm bảo các quy tắc công bằng cho thương mại kỹ thuật số trên thị trường toàn cầu. Điều này bao gồm việc ủng hộ các tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu, thúc đẩy cạnh tranh công bằng và đàm phán các điều khoản thương mại kỹ thuật số trong các hiệp định thương mại quốc tế. Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) của EU là một công cụ quan trọng trong hoạt động ngoại giao này.

- Chống thông tin sai lệch là một phần trong chiến lược ngoại giao kỹ thuật số của EU tích cực hành động để chống lại các chiến dịch thông tin sai lệch, ví dụ như, EU đã đưa ra các sáng kiến như Lực lượng đặc nhiệm East StratCom của EU...

- Quan hệ đối tác kỹ thuật số và hợp tác quốc tế, thúc đẩy các tiêu chuẩn toàn cầu. EU thiết lập quan hệ đối tác với các quốc gia và khu vực khác để thúc đẩy nền kinh tế kỹ thuật số mang lại lợi ích cho tất cả mọi người. Ví dụ, EU có quan hệ đối tác với Châu Phi, Châu Hoa Kỳ Latinh và Châu Á để thúc đẩy kết nối kỹ thuật số, xây dựng năng lực và hợp tác về các vấn đề chính như quản trị AI, giáo dục kỹ thuật số và an toàn trực tuyến. EU ủng hộ việc phát triển các tiêu chuẩn và quy định toàn cầu trong các lĩnh vực như quyền riêng tư dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bảo mật 5G và quy định về nền tảng. Điều này giúp đảm bảo một cách tiếp cận toàn cầu hài hòa đối với các vấn đề kỹ thuật số, phản ánh các giá trị của Châu Âu.

Sau Đại dịch COVID-19, EU tiếp tục đối mặt với bối cảnh và an ninh khu vực trầm trọng hơn khi cuộc chiến tranh Nga – Ukraine nổ ra và đang này càng

trở nên phức tạp. Trong tình huống có thể xảy ra các cuộc khủng hoảng, công nghệ số mới ngày càng trở thành động lực của cạnh tranh địa chính trị và thước đo ảnh hưởng toàn cầu, và được các chủ thể chính trị quốc tế sử dụng với nhiều mục đích khác nhau, kể cả để đe dọa an ninh và toàn vẹn của EU và các quốc gia thành viên, để thao túng môi trường thông tin và can thiệp vào các quy trình dân chủ. Các mối đe dọa đối với mô hình chuyển đổi số lấy con người làm trung tâm và dựa trên nhân quyền của EU đã trở nên nghiêm trọng hơn, vì vậy, tầm quan trọng của sự lãnh đạo của EU và các quốc gia thành viên đối với quản trị số toàn cầu đang ngày càng tăng (EEAS, 2020).

Như vậy, với bản chất độc đáo của một thực thể chính trị đặc biệt, kết hợp các tính năng liên chính phủ và siêu quốc gia - nên bước đột phá của EU vào ngoại giao kỹ thuật số phải đối mặt với nhiều thách thức, từ sự thiên vị nội bộ chủ yếu tập trung vào các nước thành viên (tức là nội khối EU) của chiến lược truyền thông, đến việc thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan ... dẫn đến việc chậm trễ trong hoạch định chiến lược cho ngoại giao số. EU đã đạt được một số bước tiến về mặt này, nhưng vẫn chưa khai thác hết các cơ hội mà ngoại giao kỹ thuật số mang lại. Tuy nhiên, với tư cách là một "quyền lực chuẩn tắc", EU có tiềm năng thành công và hiệu quả trong việc thể hiện sức mạnh mềm của mình thông qua các kênh kỹ thuật số.

3.2.2.3. Trường hợp quốc gia tầm trung

Như đã đề cập ở trên, do khái niệm "quốc gia tầm trung" mang tính mở, đa chiều và không đồng nhất nên không có số lượng cố định về nhóm nước này. Theo Khalturina, 2023) trong Chiến tranh Lạnh và đầu thế kỷ 21, các quốc gia như Canada và Úc thường được gọi là các cường quốc hạng trung. Tuy nhiên, tùy vào các thời điểm khác nhau, hiện nay có khoảng 50 quốc gia được coi là quốc gia tầm trung. Danh sách này bao gồm Ai Cập, Algeria, Nam Phi, Argentina, Mexico, Indonesia, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, UAE, nhiều quốc gia thành viên EU, New Zealand, ... (Khalturina, 2023).

Strategic Monitor 2018–2019 (HCSS), dựa trên năng lực (quy mô dân số, GNP, sức mạnh quân sự), ảnh hưởng (thông qua mạng lưới ngoại giao, tư cách

thành viên của các tổ chức quốc tế quan trọng) và chính sách (đóng góp cho Chương trình Phát triển LHQ (UNDP), thành tích của họ trong vấn đề nhân quyền…), đã chia các quốc gia tầm trung thành hai nhóm truyền thống và mới nổi (Oosterveld, 2019). Trên tiêu chí đó đã lựa chọn ra 45 quốc gia tầm trung. Các quốc gia này, về mặt địa lý, tập trung ở Châu Âu, Nam Mỹ, Địa Trung Hải, Trung Đông và Châu Đại Dương. Có một số lượng đáng kể các cường quốc hạng trung phát triển ở Nam Mỹ và các cường quốc hạng trung mới nổi ở Trung Đông và Châu Đại Dương.[12]

Để xem xét ngoại giao số của nhóm quốc gia nay, chúng tôi lựa chọn một số trường hợp theo hai nhóm truyền thống và mới nổi, trong đó có tính đến các yếu tố bổ sung về khu vực địa lý và chưa được đề cập nhiều trong các nghiên cứu tại Việt Nam.

Các nước tầm trung ở các khu vực, sau Đại dịch Covid-19, cũng thể hiện sự quan tâm cũng như vai trò của họ đối với việc thúc đẩy ngoại giao kỹ thuật số. *Tại khu vực Đông Nam Á,* vào trung tuần tháng 11/2021, Indonesia đã đăng cai tổ chức Hội nghị quốc tế với chủ đề "Khám phá ngoại giao kỹ thuật số trong bình thường mới", Hội nghị thu hút sự tham gia của 4.300 đại biểu từ 19 quốc gia. Đại diện các quốc gia tham dự đã chia sẻ kinh nghiệm và quan điểm về vai trò chiến lược của ngoại giao kỹ thuật số trong xử lý khủng hoảng, cũng như tiềm năng của ngoại giao kỹ thuật số trong việc gia tăng cơ hội hợp tác kinh tế trong tương lai. Bốn cuộc thảo luận đã được tổ chức đồng thời về các chủ đề liên quan đến kinh tế kỹ thuật số, đổi mới cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vai trò của dữ liệu trong ngoại giao kỹ thuật số và dữ liệu lớn trong quản lý khủng hoảng.

Hội nghị cũng đưa ra Thông điệp Bali về "Hợp tác quốc tế trong ngoại giao kỹ thuật số", trong đó xác định năm lĩnh vực trọng tâm chính, đó là: (1) Khung chính sách của chính phủ để hỗ trợ ngoại giao kỹ thuật số; (2) Quản lý

[12] Theo Strategic Monitor 2018–2019, https://hcss.nl/pub/2018/strategic-monitor-2018-2019/interregnumEN/?utm

- **Quốc gia tầm trung truyền thống (Middle powers established)**: Argentina, Australia, Belgium, Brazil, Canada, Chile, Denmark, Finland, Italy, The Netherlands, Norway, Austria, Peru, South Korea, Spain, Sweden, Switzerland.
- **Quốc gia tầm trung mới nổi (Emerging middle powers)**: Algeria, Angola, Bangladesh, Colombia, Egypt, Philippines, Greece, Indonesia, Iraq, Kazakhstan, Kuwait, Malaysia, Mexico, Morocco, Nigeria, Pakistan, Poland, Romania, Saudi Arabia, Sri Lanka, Thailand, Turkey, UAE, Vietnam, South Africa.

khủng hoảng thông qua ngoại giao kỹ thuật số; (3) Quản lý dữ liệu để hỗ trợ ngoại giao kỹ thuật số; (4) Đổi mới để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ; và (5) Nâng cao năng lực và hòa nhập kỹ thuật số. Thông điệp Bali khuyến khích sự tham gia tự nguyện từ các quốc phù hợp với các điều kiện, nhu cầu và ưu tiên của chính sách ngoại giao kỹ thuật số mỗi nước, cũng như sự hợp tác, tận dụng tiềm năng của ngoại giao kỹ thuật số vì sự tiến bộ của cộng đồng thế giới (Hương Trà, 2021).

Tại châu Á, cần đề cập đến trường hợp của *Hàn Quốc* khi sử dụng ngoại giao số thông qua văn hóa kỹ thuật số và ngoại giao công nghệ. Bộ Ngoại giao Hàn Quốc đã xây dựng KOREAZ[13] như một kênh truyền thông xã hội chính thức của Bộ, với nội dung số được thiết kế riêng cho công chúng toàn cầu. Mục tiêu là quảng bá "Korea as a Global Pivotal State" – tầm nhìn Hàn Quốc như một quốc gia tiên phong toàn cầu, chia sẻ các giá trị phổ quát và tầm nhìn ngoại giao của quốc gia. Nền tảng này nằm trong chiến lược dài hạn của Bộ Ngoại giao Hàn Quốc về ngoại giao công chúng số, được định hướng rõ trong Kế hoạch tổng thể lần thứ hai về ngoại giao công chúng giai đoạn 2023–2027 (Second Master Plan for Public Diplomacy (2023–27)) tiếp nối kế hoạch của giai đoạn 2017-2022, nhằm mở rộng các chương trình như AI, kỹ thuật số… để thúc đẩy mục tiêu ngoại giao.

Đây là kết quả từ quá trình nhận thức của Hàn Quốc về ngoại giao số. Mặc dù Hàn Quốc là quốc gia công nghệ cao nhưng trước đó chưa có kế hoạch chiến lược rõ ràng cho ngoại giao công chúng số, nỗ lực chưa đồng bộ trong ngoại giao kỹ thuật số. Việc điều phối kém và vận hành ngoại giao thận trọng, ít khuyến khích thử nghiệm đã hạn chế hiệu quả truyền thông số (Robertson, 2018). Hơn nữa, trong quan hệ đối ngoại, Hàn Quốc thấy rõ vai trò của việc xây dựng nội dung hai chiều trên mạng xã hội. Các phái bộ đại diện tại Mỹ và Nhật thường sử dụng Twitter để xây dựng hình ảnh đồng minh hoặc đối đầu, phản ánh bản sắc và quan hệ song phương. Qua đó cho thấy ảnh hưởng của ngoại giao số đến cách các quốc gia xây dựng và phản ánh quyền lực mềm của họ (Kyungsun, 2023).

[13] Xem thêm tại KOREAZ | Digital Ministry of Foreign Affairs, Republic of Korea

Nền tảng KOREAZ, thông qua các mạng xã hội như YouTube, Facebook, Instagram, và X, được Bộ Ngoại giao Hàn Quốc xây dựng với nội dung đa dạng, sinh động. YouTube KOREAZ gồm các series như: KOREAZ Lab: so sánh văn hóa Hàn Quốc với các quốc gia khác bằng hình thức thử nghiệm trực quan; KOREAZ Weekly: giới thiệu hoạt động ngoại giao của các phái bộ tại nước ngoài; KOREAZ Focus: phỏng vấn chuyên gia xoay quanh chính sách, sự kiện quốc tế, hoặc các thách thức toàn cầu. Nội dung đồng bộ giữa video dài (YouTube) và ngắn (Reels/Shorts trên mạng xã hội khác) tạo phản hồi và lan tỏa mạnh từ khán giả trẻ. Bên cạnh đó, Bộ Ngoại giao cũng xây dựng Mạng lưới KOREAZ Supporters, gồm các tình nguyện viên trẻ (Hàn Quốc và quốc tế) hỗ trợ sản xuất nội dung và lan tỏa hình ảnh Hàn Quốc thông qua mạng xã hội. Năm 2023 diễn ra sự kiện "KOREAZ Global Festival" quy tụ gần 300 tình nguyện viên hỗ trợ từ khắp thế giới, với hoạt động đa dạng từ trực tuyến, trao giải và xây dựng mạng lưới kết nối ngoại giao số (MOFA Republic of Korea, 2023).

Ngoài ra, Bộ Ngoại giao Hàn Quốc còn khởi xướng các chiến dịch toàn cầu kết hợp với nền tảng nội dung thường xuyên KOREAZ như: Stay Strong (2020): đồng lòng vượt đại dịch COVID-19; Live Together (2021): chống phân biệt chủng tộc; ENDviolence (2022): bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực; Plant Our Planet (2023): chiến dịch thực tế ảo (metaverse) hướng đến trồng cây, kết quả thu hút 240 triệu lượt truy cập và trồng hơn 5.000 cây thật tại các quốc gia như Việt Nam, Indonesia...; GPS Korea (2024): nhấn mạnh tầm ảnh hưởng toàn cầu của Hàn Quốc.[14]

Hàn Quốc với KOREAZ là ví dụ điển hình về ngoại giao kỹ thuật số hiệu quả, kết hợp nội dung sáng tạo, tương tác hai chiều, và mạng lưới cộng tác viên toàn cầu.

Tại khu vực châu Phi, *Nam Phi* với tư cách là một quốc gia tầm trung mới nổi cũng khẳng định chiến lược số hóa ngoại giao kết hợp phát triển nội lực. Sau khi Đại dịch Covid-19 bùng nổ, chính phủ Nam Phi cũng đã công bố Chiến lược

[14] Xem thêm tại: https://mg.mofa.go.kr/eng/wpge/m_25758/contents.do

số hóa ngành ngoại giao (2020–2021). Bộ Ngoại giao Nam Phi xây dựng *chiến lược số hóa ngành ngoại giao* gồm sáu mục tiêu: Hỗ trợ thực thi chính sách ngoại giao bằng công nghệ; Nâng cấp an ninh mạng và môi trường số; Cung cấp dịch vụ kỹ thuật số qua mọi nơi (mobile/remote); Tăng cường hạ tầng ICT: server, mạng, điện thoại; Tự động hóa quy trình và tích hợp hệ thống tuyển dụng nội bộ (Parliament of Republic of South Africa, 2024). Tuy nhiên, do ngân sách hạn chế và thiếu trang thiết bị sau COVID việc triển khai các hoạt động ngoại giao kỹ thuật số này đã bị chậm tiến độ so với dự kiến ít nhất 24 tháng.

Nhằm phát triển kỹ năng số và hạ tầng số, Nam Phi đã khởi xướng Ngày Văn hóa Số Nam Phi (Digital Literacy Day) vào tháng 10/2024 và được tổ chức hàng năm nhằm thúc đẩy kỹ năng số và nhận thức về truyền thông giữa người dân, các tổ chức và nhà nước—góp phần tạo nền tảng xã hội cho ngoại giao số. Nam Phi đã tổ chức các Diễn đàn và đào tạo kỹ thuật số như khóa học về ngoại giao kỹ thuật số tại Pretoria (tháng 3/2025) và Johannesburg (tháng 1/2025), nhằm trang bị kỹ năng cho cán bộ ngoại giao về công cụ số và chiến lược truyền thông trong môi trường quốc tế.[15] Năm 2024, Nam Phi cũng công bố Kế hoạch Tổng thể về Kinh tế số (Digital Economy Masterplan**)** tập trung vào mở rộng hạ tầng số, kỹ năng, khởi nghiệp số, an chính và cải thiện dịch vụ e-Government (International Trade Administration, 2024). Trong đó, đề xuất 4 ưu tiên chiến lược: kết nối và thiết bị, kỹ năng số, sử dụng công nghệ hiệu quả, và tạo môi trường đầu tư ICT hấp dẫn.

Bên cạnh đó, Nam Phi còn đóng vai trò chủ động trong xây dựng chiến lược AI tại châu lục này. Tại Đối thoại của các nhà lãnh đạo khoa học châu Phi G20 tại Đại học Mpumalanga, tổ chức vào tháng 5/2025, Nam Phi đề xuất thành lập quỹ toàn cầu hỗ trợ khởi nghiệp số và AI, đồng thời thúc đẩy AI nhân văn, chia sẻ khoa học mở (Open Science) (South African Government, 2025). Tham dự Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) 2025, Nam Phi nhấn mạnh các chính sách về dữ liệu, bảo

[15] Xem thêm tại: https://10times.com/e1d4-r3x1-s7dd-h

mật (Cybersecurity Bill), khả năng lưu trữ dữ liệu trong nước và quyền chủ quyền dữ liệu (Department: Communications & Digital Technologies, 2025).

Như vậy, có thể thấy, Nam Phi đang ứng dụng chiến lược số hóa toàn diện để củng cố ngoại giao hiện đại: từ nâng cấp hạ tầng, phát triển kỹ năng số, đến tham gia xây dựng chuẩn mực số toàn cầu.

Đại dịch COVID-19 đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong nhận thức và cách tiếp cận của các quốc gia đối với vấn đề an ninh mạng. Nhìn chung, sau Đại dịch COVID-19, ngoại giao số đã chuyển từ vai trò hỗ trợ sang vai trò trung tâm, góp phần định hình cách thức hoạt động đối ngoại trong thời đại kỹ thuật số. Sau khi WHO chính thức tuyên bố chấm dứt tình trạng khẩn cấp đối với Đại dịch COVID-19 vào tháng 05/2023, các cuộc trao đổi, các hoạt động ngoại giao kỹ thuật số dường như lắng xuống. Mặc dù vậy, ngoại giao số đã trở thành một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và nhu cầu kết nối toàn cầu. Các quốc gia vẫn tiếp tục đẩy mạnh hiện diện trên các nền tảng số**.** Ngoại giao công chúng được thực hiện nhiều hơn qua các kênh số. Các chủ thể tăng cường nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới trong ngoại giao như sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) để phân tích xu hướng, dư luận và hỗ trợ xây dựng chính sách đối ngoại (Frey, 2024); dùng trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ xử lý thông tin, dự đoán các kịch bản quốc tế, và nâng cao hiệu quả truyền thông (Konovalova, 2023); nghiên cứu Blockchain để tăng cường bảo mật trong việc trao đổi thông tin ngoại giao (Carmen, 2022) … Tuy nhiên, do nguồn lực an ninh mạng không đồng đều, các nước đang phát triển gặp khó khăn trong việc đầu tư cho an ninh mạng, dẫn đến khoảng cách về khả năng bảo vệ trước các mối đe dọa từ công nghệ kỹ thuật số. Từ đó, tốc độ hay việc hoạch định chiến lược cho ngoại giao số không đồng đều giữa các quốc gia.

3.3. Ngoại giao số của chủ thể tổ chức quốc tế

Ngoại giao vốn là công cụ chính sác đối ngoại của chủ thể quốc gia, bởi lẽ chỉ có quốc gia mới năng lực thiết lập và thực thi chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, sự phát triển của ngoại giao số đã thúc đẩy hoạt động hợp tác đa phương

của các tổ chức quốc tế như một nội hàm mới của ngoại giao số. Hơn nữa, chính các tổ chức quốc tế cũng chủ động hoạt động trong nhiều lĩnh vực của ngoại giao số và trở thành một chủ thể phi quốc gia trong ngoại giao số. Đây cũng chính là một trong những kết quả của ngoại giao số trong chính trị quốc tế. Chính vì vậy nội dung của ngoại gia số của chủ thể các tổ chức quốc tế bao gồm 3 nội dung sau:

3.3.1. Các lĩnh vực và cách thức hợp tác đa phương của ngoại giao số

Ngoại giao số không chỉ dừng lại ở việc sử dụng mạng xã hội hay các công cụ trực tuyến để truyền đạt thông điệp, mà còn bao gồm các hoạt động hợp tác kỹ thuật số giữa các quốc gia, giữa các tổ chức quốc tế nhằm giải quyết các vấn đề xuyên biên giới liên quan đến công nghệ, và quản lý các vấn đề an ninh mạng, quyền riêng tư và bảo mật thông tin trên phạm vi toàn cầu. Trước những biến động của tình hình thế giới và sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số từ đầu thế kỷ XXI đến nay, hợp tác kỹ thuật số giữa các quốc gia đã trở thành yếu tố quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề xuyên biên giới liên quan đến công nghệ và quản lý các thách thức như an ninh mạng, quyền riêng tư, bảo mật thông tin... Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến chính trị quốc tế mà còn đặt ra những thách thức phức tạp đối với các quốc gia khi công nghệ phát triển nhanh chóng. Có thể thấy cách thức các hoạt động ngoại giao số hợp tác đa phương trong thời gian qua bao gồm những vấn đề cơ bản sau:

(a) *Hợp tác quốc tế về an ninh mạng*: An ninh mạng là một trong những vấn đề lớn nhất mà các quốc gia phải đối mặt trong bối cảnh kỹ thuật số phát triển. Tấn công mạng có thể gây thiệt hại lớn cho cơ sở hạ tầng quốc gia, các hệ thống tài chính, và thậm chí cả an ninh quốc phòng. Hình thức hợp tác có thể thấy như: (i) Thông qua các thỏa thuận song phương và đa phương về an ninh mạng nhằm trao đổi thông tin và hợp tác trong việc bảo vệ không gian mạng. Các nước thường hợp tác với nhau để chia sẻ thông tin tình báo về các mối đe dọa mạng, cùng phát triển các biện pháp phòng vệ và đảm bảo an ninh cho các hệ thống quan trọng; (ii) Trên các diễn đàn quốc tế về an ninh mạng: Các tổ chức quốc tế như LHQ, Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO), EU... đã thiết

lập các diễn đàn và chương trình hợp tác về an ninh mạng. Các hội nghị như Diễn đàn Quản trị Internet (IGF) và các cuộc đàm phán tại LHQ đã giúp các quốc gia tìm ra các giải pháp chung về an ninh mạng, bao gồm việc thiết lập các quy tắc ứng xử trong không gian mạng, hạn chế các hành vi tấn công mạng và tăng cường hợp tác để truy vết các hành vi phạm pháp xuyên biên giới; (iii) Nỗ lực thiết lập các quy tắc và hiệp định về chiến tranh mạng: Một trong những mối đe dọa chính trong không gian mạng là chiến tranh mạng. Các quốc gia đang nỗ lực xây dựng các quy tắc ứng xử, hiệp định quốc tế về chiến tranh mạng, nhằm đảm bảo rằng các quốc gia không tấn công cơ sở hạ tầng quan trọng của nhau trong thời bình và thiết lập các quy định về bảo vệ dân sự trong các cuộc xung đột mạng.

(b) *Quản lý quyền riêng tư và bảo mật thông tin*: Vấn đề quyền riêng tư và bảo mật thông tin ngày càng trở nên quan trọng khi lượng dữ liệu cá nhân và thông tin nhạy cảm được thu thập, lưu trữ, và xử lý trên các nền tảng kỹ thuật số. Việc quản lý các dòng dữ liệu này đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia, đặc biệt là khi các công ty công nghệ hoạt động trên phạm vi toàn cầu. Một trong những bước tiến lớn trong việc bảo vệ quyền riêng tư là Quy định Chung về Bảo vệ Dữ liệu của Liên minh châu Âu (GDPR), được thông qua vào năm 2018. GDPR đã trở thành mô hình cho nhiều quốc gia khác khi xây dựng các quy định bảo vệ dữ liệu của riêng mình. Nó không chỉ áp dụng cho các công ty châu Âu mà còn buộc các công ty trên toàn cầu phải tuân thủ nếu họ kinh doanh với người dân châu Âu. Sự ra đời của các quy định như GDPR đã khuyến khích các quốc gia khác hợp tác để bảo vệ quyền riêng tư trong không gian mạng.

Bên cạnh đó, các quốc gia cũng thúc đẩy hợp tác để thực thi các quy định về quyền riêng tư và bảo vệ thông tin cá nhân. Ví dụ, Hoa Kỳ và EU đã ký kết Hiệp ước Bảo vệ Dữ liệu xuyên Đại Tây Dương để đảm bảo rằng dữ liệu của người dân được bảo vệ khi chuyển giữa hai khu vực này. Một trong những thách thức lớn trong quản lý bảo mật thông tin là cân bằng giữa bảo mật thông tin cá nhân và yêu cầu giám sát của các chính phủ để bảo vệ an ninh quốc gia. Các

quốc gia đang cố gắng xây dựng các khuôn khổ pháp lý để đảm bảo rằng việc thu thập và giám sát thông tin của người dân phải tuân thủ quy định về quyền riêng tư, đồng thời không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

(c) *Hợp tác về quản trị Internet*: Việc quản lý Internet toàn cầu là một vấn đề phức tạp đòi hỏi sự hợp tác của nhiều quốc gia, tổ chức và các bên liên quan để đảm bảo tính minh bạch, tự do, và bảo mật. Ngoài ví dụ điển hình của một trong những diễn đàn quốc tế quan trọng nhất về quản trị internet là Diễn đàn quản trị Internet (IGF) của LHQ thì có thể kể đến Tổ chức Quản lý Tên Miền và Số Hiệu Internet (ICANN) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài nguyên mạng như tên miền và địa chỉ IP. ICANN hoạt động dưới sự hợp tác quốc tế để đảm bảo rằng internet duy trì tính toàn vẹn và khả năng hoạt động toàn cầu, đồng thời không bị kiểm soát bởi một quốc gia hoặc nhóm quốc gia nào.

(d) *Hợp tác trong việc phát triển và quản lý công nghệ mới*: Với sự phát triển của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain), và dữ liệu lớn (Big Data), các quốc gia đang tăng cường hợp tác để xây dựng các quy tắc và quy định nhằm quản lý những công nghệ này trên quy mô toàn cầu. Các quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU... đang dẫn đầu trong việc phát triển AI, nhưng cũng có những lo ngại về việc sử dụng AI một cách thiếu kiểm soát có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng cho xã hội và chính trị quốc tế. Các quốc gia đã tổ chức các hội nghị và thỏa thuận hợp tác để xây dựng các tiêu chuẩn đạo đức cho việc phát triển AI, nhằm đảm bảo rằng công nghệ này được sử dụng vì lợi ích của toàn nhân loại, tránh các vấn đề như sự phân biệt đối xử tự động hoặc quyền riêng tư bị xâm phạm. Công nghệ blockchain đã mở ra cơ hội cho các quốc gia hợp tác trong lĩnh vực tài chính kỹ thuật số, nhưng cũng đòi hỏi sự quản lý chặt chẽ để ngăn chặn các hoạt động bất hợp pháp như rửa tiền và gian lận. Nhiều quốc gia đã và đang hợp tác với các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) để thiết lập các quy định về việc sử dụng blockchain trong lĩnh vực tài chính và giao dịch quốc tế.

(e) *Hợp tác xuyên biên giới trong việc đối phó với tội phạm mạng*: Tội phạm mạng, bao gồm tấn công mạng, đánh cắp dữ liệu, và gian lận trực tuyến, là một vấn đề xuyên biên giới cần có sự hợp tác quốc tế để đối phó hiệu quả. Năm 200, Công ước Budapest về tội phạm mạng đã được Hội đồng châu Âu công bố và được nhiều quốc gia trên toàn thế giới phê chuẩn. Công ước này tạo ra một khuôn khổ pháp lý cho việc hợp tác quốc tế trong điều tra và truy tố các hành vi phạm pháp mạng, đồng thời thiết lập các quy định về việc trao đổi thông tin giữa các quốc gia để điều tra tội phạm mạng. Các quốc gia đã thiết lập nhiều lực lượng đặc nhiệm chung để đối phó với tội phạm mạng, như Interpol's Cybercrime Unit và Europol's European Cybercrime Centre (EC3)... Các tổ chức này giúp các quốc gia phối hợp đồng thời hỗ trợ các chính phủ trong việc điều tra và triệt phá các nhóm tội phạm mạng xuyên biên giới.

Những chương trình trên là ví dụ về cách các quốc gia và tổ chức quốc tế đang hợp tác để thúc đẩy đổi mới kỹ thuật số, phát triển kỹ năng công nghệ và đảm bảo rằng các lợi ích của công nghệ được chia sẻ rộng rãi trên toàn cầu.

Bảng 3.1. Một số Chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kỹ thuật số

STT	Tên Chương trình	Khu vực	Mục tiêu	Đặc điểm
1.	Horizon Europe	EU	Hỗ trợ nghiên cứu và đổi mới, bao gồm các dự án liên quan đến kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, và an ninh mạng	Khuyến khích sự hợp tác giữa các trường đại học, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp, và chính phủ các quốc gia EU và đối tác ngoài EU
2.	Chương trình Digital Europe	EU	Tăng cường khả năng kỹ thuật số của châu Âu thông qua việc đầu tư vào các công nghệ quan trọng	Được thiết kế để đảm bảo rằng châu Âu có những kỹ năng

			như AI, điện toán hiệu năng cao, và an ninh mạng.	kỹ thuật số cần thiết và cơ sở hạ tầng mạnh mẽ.
3.	Diễn đàn Hợp tác Kỹ thuật số G20	Các quốc gia thành viên G20	Thúc đẩy sự hợp tác giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới để đối phó với thách thức kỹ thuật số toàn cầu như quản lý dữ liệu, đổi mới công nghệ, và tính bảo mật.	Tạo cơ hội cho các quốc gia chia sẻ kinh nghiệm và thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực kỹ thuật số.
4.	ASEAN Digital Integration Framework	Đông Nam Á	Hỗ trợ các nước thành viên ASEAN hội nhập kỹ thuật số, thúc đẩy thương mại điện tử và phát triển kinh tế số.	Tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, phát triển năng lực con người và tăng cường an ninh mạng.
5.	Chương trình Hợp tác Kỹ thuật số Liên minh Quốc tế (International Telecommunication Union - ITU)	Toàn cầu	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trên toàn thế giới, đặc biệt tại các nước đang phát triển.	ITU tổ chức nhiều hội nghị, sự kiện, và dự án nhằm hỗ trợ kỹ thuật số hóa tại các nước thành viên và tạo điều kiện hợp tác giữa các khu vực công và tư nhân.
6.	UNESCO - ICT in Education	Toàn cầu	Tăng cường việc sử dụng công nghệ trong giáo dục để cải thiện chất lượng	Tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo và

			học tập và thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số.	triển khai các dự án nhằm nâng cao kỹ năng kỹ thuật số và khả năng tiếp cận công nghệ tại các nước đang phát triển.
7.	Sáng kiến Đối tác Kỹ thuật số Toàn cầu (Global Partnership for Digital Cooperation)	Toàn cầu	Tạo nền tảng hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ để xây dựng các giải pháp kỹ thuật số bền vững và bao trùm.	Hỗ trợ các dự án thúc đẩy công nghệ mới và chính sách kỹ thuật số nhằm giảm thiểu khoảng cách kỹ thuật số và tăng cường phát triển kinh tế xã hội.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ website chính thức của các tổ chức quốc tế (9/2024)

3.3.2. Trường hợp LHQ

Với tư cách là tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới, ngoại giao số là một khía cạnh quan trọng trong nỗ lực của LHQ nhằm đối phó với các thách thức toàn cầu trong thời đại số hóa. Ngoại giao số của LHQ tập trung vào việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số và các nền tảng trực tuyến để thúc đẩy hòa bình, an ninh, phát triển bền vững, và bảo vệ nhân quyền. Công nghệ số giúp LHQ kết nối và phối hợp với các quốc gia thành viên, tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân, và xã hội dân sự, từ đó tăng cường giao tiếp và hợp tác quốc tế. LHQ sử dụng các nền tảng trực tuyến để công bố thông tin, báo cáo tiến độ, và tương tác với công chúng, thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm. Công nghệ số hỗ trợ LHQ trong việc ứng phó

với thách thức toàn cầu, giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng, xung đột, và các vấn đề nhân đạo.

Với nhiệm vụ là trung tâm phối hợp hợp tác giữa các quốc gia thành viên, LHQ đã đưa ra các sáng kiến kỹ thuật số nổi bật, thu hút sự tham gia của đông đảo các quốc gia thành viên.

Tiêu biểu là *UN Global Pulse***,** một sáng kiến tận dụng dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ ra quyết định và xây dựng chính sách. UN Global Pulse ra đời vào năm 2009, khởi đầu là một sáng kiến đổi mới nhằm thúc đẩy việc sử dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo một cách có đạo đức trên toàn thể các quốc gia thành viên LHQ. Sau đó Sáng kiến này đã phát triển thành một mạng lưới tập trung vào quan hệ đối tác, thúc đẩy đổi mới có trách nhiệm và chuyển đổi LHQ cùng với tầm nhìn của Tổng thư ký về 'LHQ 2.0'. Từ năm 2022, UN Global Pulse đã bắt đầu hoạt động với tư cách là một chương trình tiên phong đổi mới của Tổng thư ký. Mục tiêu của sáng kiến là thúc đẩy các đổi mới để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững, ứng phó hiệu quả với các cuộc khủng hoảng và giải quyết các thách thức toàn cầu mới nổi. Thúc đẩy sự phát triển của các khuôn khổ toàn cầu nhằm tối đa hóa tác động của sự đổi mới, giảm thiểu rủi ro gây hại và tạo ra các con đường để mở rộng quy mô và phát triển bền vững. Hỗ trợ quá trình chuyển đổi LHQ thành một tổ chức ‘thế hệ tiếp nối’ năng động và kiên cường hơn.

UN Global Pulse tập hợp các chuyên gia kỹ thuật số và khoa học xã hội được phân bổ trên toàn thế giới, với các văn phòng đại diện đặt tại tại Phần Lan, Indonesia, Uganda và New York, để hỗ trợ xây dựng mạng lưới đa phương toàn diện hơn và hiệu quả hơn. Các chuyên gia không chỉ giới hạn ở phân tích dữ liệu tiên tiến, trí tuệ nhân tạo và công nghệ kỹ thuật số mà còn bao gồm tầm nhìn chiến lược, khoa học hành vi và các phương pháp đổi mới mới nhất. Từ đó nhìn nhận và phân tích những thách thức của thế giới, không chỉ để phản ứng với các cuộc khủng hoảng mà quan trọng hơn là phải dự đoán, ứng phó và thích nghi với chúng.[16]

[16] UN Global Pulse: https://www.unglobalpulse.org/un-global-pulse/

Digital Public Goods Alliance (Liên minh Hàng hóa Công cộng Kỹ thuật số - DPGA) [17], là chương trình hỗ trợ phát triển các tài nguyên công cộng kỹ thuật số, góp phần thúc đẩy các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Đây là sáng kiến do LHQ dẫn dắt, có sự tham gia của nhiều bên liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khám phá và triển khai các công nghệ nguồn mở, tập hợp các quốc gia và tổ chức để tạo ra một hệ sinh thái toàn cầu phát triển mạnh mẽ cho hàng hóa công cộng kỹ thuật số và nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. DPGA hoạt động như một cơ quan ra quyết định chiến lược. Hội đồng DPGA bao gồm các tổ chức thành viên thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với hàng hóa công cộng kỹ thuật số và cam kết hỗ trợ sứ mệnh và nhiệm vụ của DPGA. Các thành viên hội đồng hiện tại bao gồm Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ), Quỹ EkStep; Chính phủ Sierra Leone, Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (Norad), UNDP và UNICEF. Ngoài ra, thành viên của DPGA còn bao gồm nhiều thành viên đến từ các tổ chức quốc tế và các quốc gia.[18]

Internet Governance Forum (Diễn đàn quản trị Internet - IGF) là nơi LHQ tổ chức các cuộc thảo luận về các vấn đề liên quan đến chính sách internet và quyền kỹ thuật số. IGF ra đời tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về xã hội thông tin (WSIS) năm 2005, theo Chương trình nghị sự Tunis. Sau đó năm 2015, sau khi xem xét, đánh giá chung việc thực hiện các kết quả của Hội nghị thượng đỉnh thế giới về xã hội thông tin, Đại hội đồng LHQ đã thông qua việc gia hạn cho IGF.[19]

---

[17] Digital Public Goods Alliance: https://www.digitalpublicgoods.net/

[18] Các thành viên hiện tại của DPGA bao gồm; Ngân hàng Phát triển Châu Á; Chính phủ Bangladesh; Quỹ Bill & Melinda Gates; Creative Commons; data.org; Liên minh tác động kỹ thuật số; Chính phủ Cộng hòa Dominica; Quỹ eGov; Quỹ EkStep; Chính phủ Ethiopia; Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp; Quỹ Public Code; Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ); GitHub; Chính phủ Guatemala; UN Global Pulse; Bộ Điện tử và Công nghệ thông tin Ấn Độ; Văn phòng Công nghệ thông tin và Truyền thông của LHQ; Viện Công nghệ và Xã hội (ITS); Ngân hàng Phát triển Liên Hoa Kỳ; Liên minh Viễn thông Quốc tế; iSPIRT; Chính phủ Malawi; Chính phủ Moldova; Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (Norad); Mạng lưới Omidyar; OpenForum Châu Âu; Tương lai mở; Quỹ Kiến thức mở; Sáng kiến Nguồn mở; Digital Square tại PATH; Kỹ thuật số công cộng; Bộ Ngoại giao Cộng hòa Estonia; Quỹ Rockefeller; Bộ CNTT và Đổi mới sáng tạo Rwanda; Chính phủ Singapore; Chính phủ Sierra Leone; Chính phủ Sri Lanka; Thoughtworks; Bộ CNTT và Hướng dẫn quốc gia Uganda; Văn phòng Đặc phái viên về Công nghệ của Tổng thư ký; UNDP; UN Women; USAID; UNICEF và Chính phủ Uruguay.

[19] Internet Governance Forum: https://www.intgovforum.org/en/about#about-us

Mục đích của IGF là tập hợp các bên liên quan khác nhau để thảo luận về chính sách công kỹ thuật số. Mặc dù không tạo ra kết quả đàm phán, nhưng IGF cung cấp thông tin và truyền cảm hứng cho những người có quyền hoạch định chính sách trong cả khu vực công và tư nhân. IGF được Tổng thư ký LHQ triệu tập và tổ chức thường niên, IGF năm 2023 đã được tổ chức tại Kyoto, Nhật Bản, IGF năm 2024 là tại Riyadh, Vương quốc Ả Rập Xê Út. Tại các cuộc họp này, các đại biểu thảo luận về các vấn đề hiện tại và quan trọng, chia sẻ các thông lệ tốt và trao đổi các khuyến nghị về chính sách với nhau. Các hoạt động chính sách, tiếp cận cộng đồng và xây dựng năng lực, tất cả đều nhằm mục đích tạo điều kiện cho sự hiểu biết chung về cách tối đa hóa các cơ hội kỹ thuật số và giải quyết các rủi ro và thách thức kỹ thuật số. Các kết quả đầu của IGF được gửi đến các cơ quan ra quyết định toàn cầu và quốc gia.

Để ứng phó với mối đe dọa ngày càng gia tăng của tội phạm mạng, đã thành lập Nhóm chuyên gia chính phủ (Group of Governmental Experts - UNGGE) (UN Office for Disarmament Affairs,c2024) vào năm 2004. Sứ mệnh của nhóm này là tạo ra các chuẩn mực rõ ràng về hành vi có trách nhiệm của các quốc gia trong không gian mạng. Thông qua một loạt các báo cáo có ảnh hưởng được công bố vào năm 2010, 2013, 2015 và 2021, UNGGE đã phác thảo ra các chuẩn mực này. Các báo cáo này nhấn mạnh rằng các quốc gia không nên sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) cho các hoạt động bất hợp pháp. Báo cáo năm 2015 đặc biệt kêu gọi các quốc gia tránh tiến hành hoặc hỗ trợ bất kỳ hoạt động ICT nào có thể gây tổn hại đến cơ sở hạ tầng quan trọng. Năm 2019, LHQ đã có bước đi chủ động chống lại tội phạm mạng bằng cách thành lập Ủy ban đặc biệt mở rộng (Open-Ended Ad Hoc Committee - AHC). Nhiệm vụ của ủy ban này là soạn thảo một công ước quốc tế toàn diện tập trung cụ thể vào tội phạm mạng. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức, ủy ban đã đạt được tiến bộ đáng kể. Đáng chú ý, các cuộc họp của ủy ban vào tháng 3/2021 tập trung vào các khía cạnh quan trọng như hợp tác quốc tế, xây dựng năng lực và đảm bảo bảo vệ quyền con người trong bối cảnh tội phạm mạng. Tháng 8/2024, AHC đã

thông qua công ước toàn cầu đầu tiên về tội phạm mạng tại phiên họp tái triệu tập ở New York. Dự thảo "Công ước của LHQ về phòng, chống tội phạm mạng" sau đó đã được Ủy ban thứ Ba (Third Committee) thông qua mà không cần bỏ phiếu. Ngày 24/12/2024, Công ước đã được Đại hội đồng LHQ thông qua mà không cần bỏ phiếu. Công ước sẽ được mở để ký kết tại một buổi lễ chính thức do Việt Nam đăng cai tổ chức vào năm 2025. Sau đó, công ước sẽ tiếp tục được mở để ký tại Trụ sở LHQ ở New York cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2026. Công ước sẽ có hiệu lực sau 90 ngày kể từ khi được quốc gia thứ 40 phê chuẩn (Digwatch, 2024).

Ngoại giao số của LHQ đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý các vấn đề toàn cầu liên quan đến công nghệ số, an ninh mạng, quản trị internet và chuyển đổi số. Tuy nhiên, do sự khác biệt giữa các quốc gia về cách tiếp cận ngoại giao số, vẫn chưa có được sự đồng thuận toàn cầu về các quy định liên quan đến kỹ thuật số. Các nước phát triển và đang phát triển có quan điểm khác nhau về quản trị internet, bảo vệ dữ liệu, và chủ quyền số. Đặc biệt là các chủ thể lớn như Hoa Kỳ và EU có quan điểm khác nhau về quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong khi Trung Quốc và Nga có mô hình kiểm soát không gian mạng riêng biệt. Vì vậy, LHQ khó có thể đưa ra một bộ quy tắc chung mà tất cả các nước đều chấp nhận.

Một tồn tại khác là LHQ thiếu quyền lực thực thi và cơ chế ràng buộc. Các quy tắc, thỏa thuận của LHQ chưa mang tính ràng buộc pháp lý. Các sáng kiến như "Roadmap for Digital Cooperation" của LHQ năm 2020 (Lộ trình Hợp tác Kỹ thuật số) chỉ mang tính định hướng, không có cơ chế thực thi mạnh mẽ. Việc các quốc gia tuân thủ hay không vẫn phụ thuộc vào ý chí chính trị của từng chính phủ. Nếu một quốc gia vi phạm các nguyên tắc an ninh mạng hoặc can thiệp vào dữ liệu số, LHQ không có công cụ cưỡng chế trực tiếp như WTO trong thương mại quốc tế. Điều này khiến các quy định về ngoại giao số mang tính khuyến nghị hơn là bắt buộc.

Ngoài ra, hiện nay các tập đoàn công nghệ lớn có thể có ảnh hưởng đến các vấn đề công nghệ vượt xa cả chính phủ như Google, Meta, Amazon,

Microsoft… kiểm soát phần lớn dữ liệu toàn cầu. Do đó các sáng kiến như "Internet Governance Forum "(Diễn đàn Quản trị Mạng - IGF) của LHQ cố gắng thu hút doanh nghiệp tư nhân, nhưng ảnh hưởng của các tập đoàn lớn khiến việc đạt được đồng thuận gặp khó khăn. Hiện tại, LHQ vẫn đang trong quá trình tìm kiếm các giải pháp để giải quyết những thách thức này.

Cuối cùng, LHQ vận hành theo cơ chế đa phương truyền thống, vì vậy, các quy trình ngoại giao và đàm phán trong LHQ mất nhiều thời gian để đạt được kết quả, trong khi công nghệ số thay đổi nhanh chóng. Các cuộc thảo luận về quy định AI tại LHQ vẫn còn sơ khai, trong khi AI đã phát triển mạnh mẽ và được áp dụng rộng rãi. Ngoại giao số đòi hỏi hiểu biết sâu về công nghệ như AI, blockchain, an ninh mạng… nhưng nhiều nhà ngoại giao của LHQ không có chuyên môn trong lĩnh vực này, do vậy, đã làm chậm quá trình ra quyết định và khó đối phó với các thách thức kỹ thuật số.

Mặc dù đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác toàn cầu về ngoại giao số, nhưng LHQ vẫn gặp nhiều hạn chế. Hiện tại, LHQ vẫn đang trong quá trình tìm kiếm các giải pháp để giải quyết những thách thức này.

3.3.3. Trường hợp Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Ngoại giao số của ASEAN là sự kết hợp các công nghệ số và các nền tảng trực tuyến vào hoạt động ngoại giao của ASEAN để tăng cường liên kết khu vực, thúc đẩy hợp tác quốc tế và giải quyết các thách thức toàn cầu liên quan đến công nghệ và số hóa. Đông Nam Á là một khu vực số hóa cao lại ở một vị trí địa chiến lược quan trọng. Khu vực này được ghi nhận vào năm 2022, đã có tỷ lệ thâm nhập internet là 80% (KEARNEY, 2023) và nền kinh tế số của khu vực này được dự đoán sẽ đạt 100 tỷ USD vào năm 2023 (Bain &Company, 2023). Trong bối cảnh khu vực đang chuyển đổi số nhanh chóng, ngoại giao số đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa các phương thức tương tác ngoại giao và hợp tác.

Có thể khái quát ngoại giao số của ASEAN trong những thập niên đầu thế kỷ XXI tập trung vào 3 nội dung sau:

(1) Thúc đẩy hợp tác số giữa các quốc gia thành viên và đối tác quốc tế về ngoại giao số

ASEAN đã triển khai nhiều sáng kiến để thúc đẩy hợp tác số giữa các quốc gia thành viên nhằm xây dựng một cộng đồng số khu vực. Điển hình là ASEAN Kế hoạch Tổng thể Kỹ thuật số 2025 (Digital Masterplan 2025 – ADM 2025) (ASEAN Publication, 2023), được các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN thông qua vào năm 2021. Đây là kế hoạch tổng thể về chuyển đổi số của ASEAN đến năm 2025, nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế số và xã hội số trong khu vực, xây dựng một khu vực ASEAN có khả năng cạnh tranh, đổi mới và bền vững trong nền kinh tế số toàn cầu. Kế hoạch đưa ra 4 mục tiêu lớn gồm: Cải thiện hạ tầng và kết nối số; Xây dựng một khu vực ASEAN đáng tin cậy và an toàn trên không gian mạng; Thúc đẩy nền kinh tế số và đổi mới sáng tạo ; và Xây dựng một cộng đồng ASEAN số toàn diện. Để thực hiện mục tiêu trên, ADM 2025 đưa ra 8 chiến lược chính: (1) Nâng cấp hạ tầng số để đảm bảo kết nối nhanh, an toàn và bền vững; (2) Xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi cho nền kinh tế số; (3) Thúc đẩy giao thương và đầu tư trong nền kinh tế số; (4) Phát triển nguồn nhân lực số và kỹ năng số; (5) Tăng cường an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu; (6) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số; (7) Hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs); (8) Xây dựng một xã hội số toàn diện, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

Như vậy, ASEAN đặt ra các mục tiêu nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật số, bắt kịp xu hướng công nghệ toàn cầu mở rộng kết nối internet, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân ASEAN khai thác tối đa cơ hội từ nền kinh tế số. Từ đó, giúp các quốc gia ASEAN hợp tác chặt chẽ hơn trong việc phát triển kinh tế số và tăng cường cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Bên cạnh đó, ASEAN cũng tích cực xây dựng các đối tác quốc tế với các chủ thể khác như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới, để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế số khu vực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi tri thức và công nghệ. Hoạt động ngoại giao số này được xúc tiến trong các nội dung hoạt động dưới đây, góp phần cho ASEAN duy trì sự cạnh tranh trong bối cảnh thế giới ngày càng phụ thuộc vào công nghệ và số hóa.

(2) Ngoại giao công nghệ và thương mại số

ASEAN đóng vai trò trong các cuộc đàm phán và hợp tác quốc tế về thương mại số, thúc đẩy các chính sách và quy định nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho thương mại trực tuyến. Năm 2019, ASEAN đã ký kết hiệp định thương mại điện tử đầu tiên, Hiệp định Thương mại điện tử ASEAN - 2019 (Agreement on Electronic Commerce) (ASEAN on Electronic Commercial, 2019), đặt nền móng cho việc hài hòa hóa chính sách và quy định về thương mại số giữa các nước thành viên, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ASEAN mở rộng hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới. Năm 2020, ASEAN đã tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership – RCEP) với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và New Zealand. Đây là hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới, trong đó có các quy định về thương mại số, thanh toán điện tử và bảo vệ dữ liệu, giúp ASEAN mở rộng hợp tác thương mại số. Năm 2023, ASEAN đề xuất việc đàm phán về Hiệp định Khung Kinh tế số ASEAN (ASEAN Digital Economy Framework Agreement - DEFA) (ASEAN, 2023) dự kiến bắt đầu vào năm 2025. Đây có thể sẽ là hiệp định kinh tế số đầu tiên của ASEAN, nhằm thúc đẩy thương mại số, công nghệ tài chính (fintech), chuỗi cung ứng số và các nền tảng số chung trong khu vực…

ASEAN cũng tìm kiếm các cách tiếp cận để chuẩn hóa các quy định về thương mại điện tử, bảo mật dữ liệu và thanh toán số trong khu vực, giúp doanh nghiệp và người tiêu dùng ASEAN tiếp cận thị trường số một cách dễ dàng và an toàn. Khung bảo vệ dữ liệu cá nhân ASEAN (ASEAN Framework on Personal Data Protection) (ASEAN TELMIN, 2012) được chính thức thông qua vào năm 2016. Đây là khuôn khổ hợp tác nhằm tạo ra các nguyên tắc chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong khu vực ASEAN, giúp các quốc gia thành viên hài hòa hóa các quy định và tăng cường an toàn thông tin trong nền kinh tế số. Tạo nền tảng cho luật bảo vệ dữ liệu tại các nước ASEAN (như PDPA của Singapore, PDPD của Indonesia...), thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN với EU, APEC trong lĩnh vực bảo vệ

dữ liệu, cũng như tăng cường niềm tin trong thương mại điện tử và dịch vụ số. Dù không mang tính ràng buộc pháp lý, song đây là bước quan trọng giúp ASEAN xây dựng một hệ thống quản trị dữ liệu cá nhân thống nhất và an toàn hơn… Kế hoạch hành động Khung hội nhập số ASEAN (ASEAN Digital Integration Framework Action Plan - DIFAP) 2019-2025 được thông qua vào năm 2019**,** là một trong những sáng kiến quan trọng giúp ASEAN tích hợp sâu hơn vào nền kinh tế số toàn cầu, tạo ra một thị trường số thống nhất, an toàn và bền vững. Ngoài ra, còn có các sáng kiến phát triển hệ sinh thái thanh toán số chung trong ASEAN như Sáng kiến kết nối thanh toán ASEAN (ASEAN Payment Connectivity Initiative) năm 2022…

Ngoại giao số của ASEAN cũng tập trung vào việc hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trong khu vực chuyển đổi số và tham gia vào thị trường toàn cầu. Thông qua các sáng kiến như "ASEAN SME Academy", "Go Digital ASEAN"... và các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ như Khung giải quyết tranh chấp trực tuyến ASEAN (ODR) (ASEAN Online Dispute Resolution (ODR) Framework).., ASEAN đang thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp số và hệ sinh thái khởi nghiệp. Trong đó, "ASEAN SME Academy" được ra mắt vào tháng 6/2016, là một nền tảng học tập trực tuyến dành cho SMEs trong khu vực ASEAN. Sáng kiến này do Hội đồng Tư vấn Kinh doanh ASEAN (ASEAN-BAC) phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Phòng Thương mại Hoa Kỳ (AmCham) thực hiện, nhằm cung cấp các khóa đào tạo, tài nguyên và công cụ để hỗ trợ SME phát triển và mở rộng kinh doanh.

(3) Quản trị an ninh mạng và chống lại thông tin sai lệch.

ASEAN cũng đối mặt với những thách thức về an ninh mạng và bảo mật dữ liệu khi mà sự phát triển số tăng tốc. Quá trình số hóa nhanh chóng cùng với căng thẳng địa chính trị gia tăng trong khu vực, tội phạm mạng ở Đông Nam Á đã trở thành mối đe dọa cấp bách. Trong giai đoạn 2021-2022, tội phạm mạng ở Đông Nam Á đã tăng 82%.Các quốc gia là mục tiêu thường xuyên nhất của tội phạm mạng ở Đông Nam Á vào năm 2023—Singapore, Indonesia, Thái Lan và

Việt Nam—cũng có tỷ lệ số hóa cao nhất, khiến họ trở thành mục tiêu hấp dẫn hơn đối với tội phạm mạng (The Japan Times, 2023). Chính vì vậy, ngoại giao số của ASEAN cũng tập trung để giải quyết các vấn đề này.

Năm 2017, ASEAN đã khởi xướng Chiến lược hợp tác an ninh mạng ASEAN (ASEAN Cybersecurity Cooperation Strategy - CCS) (ASEAN, 2021), nhằm tăng cường năng lực bảo mật không gian mạng cho các quốc gia thành viên, thúc đẩy hợp tác khu vực trong lĩnh vực an ninh mạng, và xây dựng niềm tin giữa các quốc gia trong việc ứng phó với các mối đe dọa mạng. Từ khi được công bố, ASEAN đã liên tục cập nhật và mở rộng chiến lược này, CCS cho giai đoạn 2021-2025 tập trung vào việc thúc đẩy sự sẵn sàng về an ninh mạng, củng cố và điều hòa các chính sách an ninh mạng khu vực, tăng cường lòng tin vào không gian mạng và xây dựng năng lực khu vực.

Để giải quyết vấn đề an ninh mạng, ASEAN thúc đẩy hợp tác với các đối tác quốc tế khác như với INTERPOL. Ban Điều hành vấn đề Tội phạm mạng của ASEAN (ASEAN Cybercrime Operations Desk) (Miralis, Nyman Gibson, 2023) được thành lập vào tháng 7/2018 với sự hỗ trợ từ Chính phủ Singapore và Quỹ Hội nhập Nhật Bản-ASEAN (JAIF) 2.0. Mục tiêu của ASEAN Cybercrime Operations Desk là tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN trong việc đối phó với tội phạm mạng thông qua phát triển tình báo, hỗ trợ điều tra và điều phối các hoạt động chung. Đơn vị này cũng cung cấp các báo cáo về hoạt động mạng để cập nhật cho các quốc gia thành viên về những rủi ro và mối đe dọa mạng mới nhất trong khu vực.

Trong bối cảnh mạng xã hội phát triển nhanh chóng và thông tin giả mạo có thể gây tác động tiêu cực đến an ninh, ổn định và phát triển của khu vực, ASEAN đã thực hiện nhiều biện pháp để chống lại thông tin sai lệch. Khung Hành động ASEAN về Chống Tin Giả (Framework on Countering Fake News) được thông qua vào Hội nghị Bộ trưởng Thông tin ASEAN lần thứ 14 (AMRI) năm 2018, tại Singapore. Khung hành động này tập trung vào việc xây dựng một công chúng có nhận thức cao, khả năng phát hiện tin giả, cùng với việc khuyến

khích các quốc gia thành viên thiết lập các luật pháp, quy tắc và hướng dẫn phù hợp với bối cảnh quốc gia để giảm thiểu tác động tiêu cực của tin giả. Tiếp nối nỗ lực này, tháng 10/2022, tại Hà Nội, Việt Nam, Nhóm Công tác ASEAN về Tin Giả (ASEAN Task Force on Fake News - TFFN) đã tổ chức cuộc họp đầu tiên. Sáng kiến này, do Việt Nam đề xuất, nhằm thiết lập một cơ chế hợp tác chuyên biệt giữa các quốc gia ASEAN để đối phó và giảm thiểu tác hại của tin giả trong khu vực. Tháng 9/2023, ASEAN đã thông qua Hướng dẫn về Quản lý Thông tin Chính phủ trong việc Chống Tin Giả và Thông Tin Sai Lệch trên Truyền thông. Hướng dẫn này cung cấp một khung pháp lý nhằm hỗ trợ các quốc gia thành viên phát triển các chiến lược và biện pháp hiệu quả để đối phó với tin giả và thông tin sai lệch. ASEAN đã phối hợp với các nền tảng mạng xã hội và công nghệ như Google và TikTok.., cùng với sự hỗ trợ từ Nhật Bản, để tổ chức các hội nghị, diễn đàn và chương trình tập huấn về chống tin giả. Thông qua hợp tác với các công ty công nghệ lớn như Facebook, Google, Twitter.. nhằm tăng cường kiểm duyệt và hợp tác với các nền tảng công nghệ để giảm thiểu tác động của tin giả trên nền tảng trực tuyến. Những nỗ lực này thể hiện cam kết mạnh mẽ của ASEAN trong việc tăng cường hợp tác khu vực và xây dựng các biện pháp toàn diện để chống lại tin giả và thông tin sai lệch, góp phần bảo vệ sự ổn định và phát triển của khu vực.

Ngoại giao số của ASEAN đang tiếp tục phát triển, đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa và tăng cường vị thế của khu vực trên trường quốc tế. Với tốc độ chuyển đổi số nhanh chóng, ngoại giao số không chỉ giúp ASEAN giải quyết các thách thức hiện tại mà còn mở ra nhiều cơ hội mới trong tương lai.

Nhìn chung, ngoại giao số của ASEAN có nhiều tiềm năng nhưng hiện nay cũng tồn tại không ít hạn chế. Do sự chênh lệch về hạ tầng và năng lực số, các nước ASEAN có mức độ phát triển công nghệ số không đồng đều. Trong khi Singapore, Malaysia có hạ tầng số mạnh, thì các nước như Myanmar, Lào, Campuchia vẫn đang phát triển. Ví dụ như, theo Chỉ số tích hợp kỹ thuật số ASEAN, mức độ tích hợp kỹ thuật số rất khác nhau giữa các quốc gia Đông Nam

Á, trong đó Singapore có mức cao nhất (điểm trung bình 80,70) trong khi Myanmar có mức thấp nhất (điểm trung bình 30,11) (Julia Brock, 2024). Điều này dẫn đến sự khác biệt trong khả năng tiếp cận và ứng dụng ngoại giao số. Sự khác biệt về chính sách và ưu tiên quốc gia dẫn đến việc mỗi quốc gia ASEAN có chính sách ngoại giao số khác nhau, gây khó khăn trong việc đồng bộ hóa và phối hợp ở cấp khu vực. Một số nước còn e ngại về chủ quyền số, lo lắng rằng việc ứng dụng ngoại giao số có thể ảnh hưởng đến kiểm soát thông tin trong nước. Không chỉ có sự khác biệt về năng lực ngoại giao số giữa các nhà ngoại giao mà khả năng tiếp cận số của người dân cũng là hạn chế cho sự thúc đẩy hoạt động ngoại giao này. Ngoại giao số không chỉ phục vụ các nhà ngoại giao mà còn cần có sự tham gia của công chúng. Tuy nhiên, không phải tất cả người dân ASEAN đều có điều kiện truy cập công nghệ số để tham gia các sáng kiến ngoại giao. Sự phụ thuộc vào các nền tảng công nghệ bên ngoài cũng khiến cho ASEAN chưa có được các nền tảng ngoại giao số nội khối mạnh mẽ. Hiện nay, ASEAN vẫn chủ yếu sử dụng các nền tảng công nghệ của các công ty nước ngoài (Google, Microsoft, Zoom, v.v.), làm tăng nguy cơ mất kiểm soát dữ liệu ngoại giao. Nguy cơ tấn công mạng, đánh cắp dữ liệu hoặc gián điệp mạng có thể ảnh hưởng đến quá trình đàm phán và trao đổi thông tin ngoại giao.

Do những hạn chế nêu trên, ASEAN chưa có một khung chính sách chung về an ninh mạng trong lĩnh vực ngoại giao. Việc áp dụng công nghệ số đòi hỏi đào tạo và thích ứng liên tục, trong khi ASEAN vẫn chưa có cơ chế thống nhất để nâng cao năng lực số của các nhà ngoại giao. Có những sáng kiến được đề xuất từ khá sớm nhưng vẫn chưa có hoạt động hiệu quả như Nhóm Ứng phó Khẩn cấp Máy tính ASEAN (ASEAN Computer Emergency Response Teams - ASEAN CERTs) là một mạng lưới hợp tác giữa các nhóm Ứng cứu khẩn cấp máy tính của các quốc gia thành viên ASEAN, ra đời từ năm 2009. Tuy nhiên, mới chỉ có Cơ quan an ninh mạng của Singapore chủ động hợp tác chặt chẽ với các quốc gia thành viên ASEAN khác để mạng lưới này từ năm 2024 (Julia Brock, 2024). ASEAN vẫn đang nỗ lực thúc đẩy ngoại giao số, tuy nhiên, cần có sự hợp tác sâu rộng hơn để khắc phục những thách thức trên.

Ngoại giao số theo hình thức hợp tác quốc tế giữa các chủ thể ngày càng được thúc đẩy nhằm giải quyết các vấn đề toàn cầu và tận dụng công nghệ số để tăng cường kết nối, hiệu quả và sự minh bạch trong quan hệ quốc tế. Ngoại giao số không chỉ là công cụ trong quan hệ đối ngoại mà còn là cơ hội để các quốc gia và tổ chức quốc tế xây dựng một hệ sinh thái hợp tác, thúc đẩy phát triển bền vững và quản lý các thách thức trong kỷ nguyên số.

Nhận xét chung về thực tiễn ngoại giao số trong chính trị quốc tế những thập niên đầu thế kỷ XXI, về cơ bản, các chủ thể chính trị quốc tế đều hướng đến đạt được các mục tiêu chung khái quát của ngoại giao số. Tuy nhiên, mức độ ưu tiên giữa các mục tiêu ngoại giao số của các chủ thể không đồng đều, cũng như không đồng đều giữa các giai đoạn. Trên cơ sở các mục tiêu chung của ngoại giao số, có thể tổng hợp khái quát thành ba nhóm chủ thể. Nhóm 1, gồm các cường quốc công nghệ dẫn đầu ngoại giao số, điển hình như Hoa Kỳ, Trung Quốc hay Vương quốc Anh… có lợi thế về hạ tầng công nghệ, nguồn lực tài chính, hệ sinh thái nền tảng số… vì vậy họ triển khai ngoại giao số một cách toàn diện và có ảnh hưởng toàn cầu; Nhóm 2, gồm các quốc gia nhỏ sử dụng ngoại giao số để nâng cao vị thế. Đây là những quốc gia quy mô nhỏ nhưng rất thành công trong ngoại giao số như: Estonia, Singapore…Các nước này tận dụng công nghệ số để xây dựng hình ảnh quốc gia hiện đại, tăng ảnh hưởng quốc tế. Nhóm 3 là các quốc gia đang phát triển sử dụng ngoại giao số cho truyền thông đối ngoại tập trung chủ yếu sử dụng ngoại giao số để quảng bá hình ảnh quốc gia, tăng cường ngoại giao công chúng…

Từ góc độ chính trị quốc tế, có thể thấy ngoại giao số đã vận động chuyển biến mạnh mẽ từ sau Đại dịch COVID – 19. Ngoại giao số chuyển từ công cụ hỗ trợ sang công cụ cốt lõi. Trước đại dịch, ngoại giao số chủ yếu phục vụ truyền thông, su đại dịch ngoại giao số trở thành phương thức triển khai ngoại giao chính thức. Chính vì vậy, các quốc gia bắt đầu thúc đẩy ngoại giao số, gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng trong không gian số. Các quốc gia sử dụng ngoại giao số để cạnh tranh quyền lực mềm và định hình dư luận quốc tế. Trong bối cảnh đó, vai trò của các tổ chức quốc tế cũng gia tăng trong ngoại giao số đa phương. Các tổ chức quốc tế sử dụng công nghệ số để duy trì hoạt động hợp tác quốc tế và tăng cường điều phối toàn cầu.

Tiểu kết chương 3

Những thập niên đầu thế kỷ XXI, trước sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ thông tin và kỹ thuật số, cùng với những biến động chính trị quốc tế, ngoại giao số đã dần định hình rõ nét hơn các mục tiêu cơ bản. Bên cạnh, các mục tiêu thúc đẩy ngoại giao công chúng như tăng cường tiếp cận thông tin và truyền thông, xây dựng hình ảnh quốc gia, hay nhằm tăng cường hiệu quả trong đàm phán, hợp tác quốc tế, phản ứng với các tình huống khẩn cấp… ngoại giao số còn phục vụ mục tiêu thúc đẩy hợp tác về công nghệ và quản trị số, cũng như phát triển năng lực ngoại giao số của quốc gia. Như vậy, không còn chỉ là công cụ hay sự cải tiến của ngoại giao công chúng, nội hàm và mục tiêu của ngoại giao số còn có vai trò chiến lược trong thực hiện các mục tiêu đối ngoại trong kỷ nguyên số.

Mặc dù vậy, tùy thuộc vào chủ thể, góc độ tiếp cận và bối cảnh cụ thể mà mục tiêu của ngoại giao số được triển khai khác nhau. Trước và sau khi Đại dịch COVID-19 diễn ra, đặc điểm của thực tiễn ngoại giao số trên thế giới có nhiều thay đổi. Những tác động của Đại dịch COVID-19 đã cho thấy vai trò sống còn của ngoại giao số trong các tình huống khẩn cấp, các quốc gia và các chủ thể quốc tế đều ý thức mạnh mẽ về tầm quan trọng của ngoại giao số, từ đó đã có những điều chỉnh chính sách cũng như cách thức triển khai ngoại giao số sau khi diễn ra Đại dịch.

Sự khác biệt trong triển khai mục tiêu ngoại giao số cho thấy rằng ngoại giao số không có một mục tiêu duy nhất áp dụng cho mọi quốc gia. Hoa Kỳ ưu tiên sử dụng ngoại giao số để mở rộng quyền lực mềm và ngoại giao công chúng; Liên minh châu Âu tập trung vào việc quảng bá các giá trị và chuẩn mực quốc tế; trong khi Trung Quốc chú trọng hơn đến việc định hình diễn ngôn và bảo vệ lợi ích chiến lược. Điều này cho thấy mục tiêu của ngoại giao số luôn gắn chặt với chiến lược đối ngoại, mô hình quản trị thông tin và vị thế của từng quốc gia trong hệ thống quốc tế.

Quan điểm về ngoại giao số đã có nhiều chuyển biến, trong đó việc ưu tiên hợp tác kỹ thuật số trở thành nội hàm quan trọng của ngoại giao số. Ngoại

giao số được tiến hành không chỉ song phương mà còn được thúc đẩy mạnh mẽ trên phương diện đa phương. LHQ là trường hợp điển hình cho hợp tác đa phương ở cấp độ toàn cầu và ASEAN được lựa chọn xem xét như trường hợp tiêu biểu cho hợp tác đa phương ở cấp độ khu vực. Tóm lại, trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, hợp tác đa phương dù ở cấp độ nào cũng cho thấy các vấn đề liên quan đến kỹ thuật số đã trở thành những vấn đề mang tính toàn cầu, do đó ngoại giao số sẽ là phương thức quan trọng hỗ trợ các chủ thể chính trị quốc tế thực hiện các mục tiêu đối ngoại.

Chương 4.
TÁC ĐỘNG VÀ XU HƯỚNG CỦA NGOẠI GIAO SỐ TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

4.1. Tác động tương tác giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế

Trên thực tế, ngoại giao số và chính trị quốc tế có tác động tương tác mang tính hai chiều. Chính trị quốc tế là môi trường tạo ra bối cảnh và động lực cho sự phát triển của ngoại giao số. Sự phát triển của ngoại giao số gắn chặt với quá trình chuyển đổi cấu trúc của chính trị quốc tế dưới tác động của công nghệ thông tin và Internet. Chính vì vậy, các tác động được dưới đây được chỉ ra từ hướng từ tác động của ngoại giao số đến các chủ thể và chính trị quốc tế, song các phân tích về chiều tác động ngược lại cũng sẽ được đề cập.

4.1.1. Tác động đến các chủ thể chính trị quốc tế

- Gia tăng chủ thể và sự tham gia của chủ thể chính trị quốc tế

Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, các trang web, tài khoản mạng xã hội, cổng thông tin tin tức và diễn đàn trực tuyến đóng vai trò rất quan trọng trong việc cho phép nhiều bên tham gia vào chính trị quốc tế. Một trong những tác động quan trọng nhất của ngoại giao số là làm suy giảm tính độc quyền của nhà nước trong quan hệ quốc tế (Nicholas Westcott (2008).

Thực tiễn ngoại giao số những thập niên đầu thế kỷ XXI đã cho thấy chính trị quốc tế đã có sự tham gia của nhiều tác nhân quốc tế khác nhau, bao gồm các quốc gia, các chủ thể phi quốc gia như các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn đa quốc gia, các phong trào…, hoặc thậm chí là các cá nhân có ảnh hưởng có thể đại diện cho quốc gia hoặc cho chính cá nhân đó… Ngoại giao số không chỉ mở rộng về số lượng, mà còn cả loại hình chủ thể tham gia chính trị quốc tế. Trong môi trường số, các cá nhân hoặc các phong trào xã hội cũng có thể tác động đến chính sách quốc tế thông qua việc trực tiếp tham gia vào diễn ngôn quốc tế, tạo áp lực lên các chính phủ và định hình nhận thức toàn cầu. Ví dụ như Phong trào #MeToo bắt đầu từ một hashtag trên Twitter và nhanh

chóng trở thành một làn sóng toàn cầu chống lại quấy rối và bạo lực tình dục, ít nhiều tác động đến chính trị toàn cầu. Chính phủ nhiều nước, như Pháp, Canada, Nhật Bản… đã phải sửa đổi luật để bảo vệ quyền lợi phụ nữ tốt hơn do áp lực từ dư luận trực tuyến. Các diễn đàn của LHQ cũng đã đưa vấn đề này vào chương trình nghị trình, cho thấy ảnh hưởng từ một phong trào xã hội được thúc đẩy nhờ ngoại giao số.

Một ví dụ khác cũng cho thấy vai trò của tập đoàn công nghệ trong quan hệ chính trị quốc tế như khi Nga tấn công Ukraine, hệ thống viễn thông nước này bị gián đoạn, khiến chính phủ Ukraine gặp khó khăn trong việc liên lạc và điều phối. Elon Musk đã cung cấp dịch vụ internet vệ tinh Starlink cho Ukraine, giúp quân đội và chính phủ nước này duy trì thông tin liên lạc, đã cho thấy các tập đoàn công nghệ lớn không chỉ là doanh nghiệp kinh tế mà còn có ảnh hưởng lớn đến chính trị và an ninh quốc tế.

Qua đó, cũng có thể thấy ngoại giao số đã gia tăng vai trò của công chúng trong chính trị quốc tế. Công chúng không còn chỉ là đối tượng tiếp nhận thông tin mà còn trở thành một chủ thể tích cực tham gia vào quá trình trao đổi và lan truyền thông tin. Theo Ilan Manor, ngoại giao số đã tạo ra một môi trường trong đó công chúng toàn cầu có thể tương tác trực tiếp với các nhà ngoại giao và các cơ quan chính phủ, từ đó ảnh hưởng đến cách thức xây dựng và triển khai chính sách đối ngoại (Manor, 2019). Sự gia tăng vai trò của công chúng khiến các chính phủ phải chú ý nhiều hơn đến dư luận quốc tế trong quá trình hoạch định chính sách, thúc đẩy quá trình dân chủ hoá ngoại giao.

Như vậy, có thể thấy ngoại giao truyền thống từng là lĩnh vực độc quyền của đại diện nhà nước và thể chế đa phương, tuy nhiên các nền tảng số đã dân chủ hóa khả năng tiếp cận, cho phép các chủ thể phi nhà nước tham gia vào diễn ngôn ngoại giao. Hiệu quả của ngoại giao số thể hiện rõ ở khả năng vượt qua các nhà kiểm soát thông tin truyền thống, cho phép giao tiếp trực tiếp với công chúng nước ngoài. Nói cách khác, ngoại giao số đã giúp mở rộng hệ sinh thái chính trị

quốc tế, làm thay đổi bản chất của quan hệ chính trị quốc tế, từ một hệ thống do nhà nước, quốc gia kiểm soát sang một môi trường đa chiều.

Mặt khác, ngoại giao kỹ thuật số cũng chính là hệ quả tự nhiên của sự phát triển của truyền thông trong thế kỷ XXI. Việc gia tăng các chủ thể tham gia chính trị quốc tế cũng khiến ngoại giao số mở rộng phạm vi tiếp cận toàn cầu và mạng lưới quan hệ. Theo Corneliu Bjola, phạm vi của ngoại giao số mở rộng khi các bộ ngoại giao phải tương tác với nhiều nhóm công chúng khác nhau chứ không chỉ còn tập trung ở các nhóm tinh hoa chính trị truyền thống (Bjola & Holmes, 2015, tr.7). Hơn nữa, chính sự gia tăng việc sử dụng ngoại giao số của các chủ thể chính trị quốc tế đã thúc đẩy sử bùng nổ của phương thức ngoại giao này.

- Mở rộng khả năng tiếp cận và tính hợp pháp của chủ thể tổ chức quốc tế

Với sự phụ thuộc ngày càng lớn vào công nghệ số trong các hoạt động ngoại giao, an ninh mạng đã trở thành một vấn đề trọng yếu trong chính trị quốc tế. Các quốc gia hiện đang phải đối mặt với nguy cơ bị tấn công mạng, đánh cắp thông tin và làm gián đoạn các hệ thống thông tin chiến lược. Điều này đòi hỏi các chính phủ phải phát triển các biện pháp bảo vệ không gian mạng và tăng cường hợp tác quốc tế để đối phó với các mối đe dọa này. Ngoại giao số đã thúc đẩy các cuộc đàm phán về việc xây dựng các quy tắc và luật lệ về an ninh mạng trong quan hệ quốc tế. Các quốc gia đang cố gắng tìm ra cơ chế để quản lý và ngăn chặn các hành vi tấn công mạng, đồng thời bảo vệ quyền riêng tư và tự do thông tin trên môi trường kỹ thuật số toàn cầu. Ngoại giao số đã tạo ra một nền tảng mới cho ngoại giao đa phương, giúp các quốc gia và tổ chức quốc tế hợp tác dễ dàng hơn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, khủng bố quốc tế, và các cuộc khủng hoảng nhân đạo. Các hội nghị trực tuyến, trao đổi dữ liệu qua các nền tảng số, và các diễn đàn quốc tế trực tuyến đã trở thành công cụ hữu ích để thúc đẩy hợp tác quốc tế mà không cần phải gặp mặt trực tiếp.

Các tổ chức đa phương lớn không còn chỉ là diễn đàn hợp tác đa phương của các chính phủ, quốc gia thúc đẩy ngoại giao số mà đã trở thành các chủ thể

chính trị quố tế chủ động trong hoạt động ngoại giao số. Các tổ chức liên chính phủ như LHQ, WHO, WTO… ngày càng sử dụng ngoại giao số để duy trì tính hợp pháp và tương tác với công chúng toàn cầu vượt ra ngoài kênh ngoại giao nhà nước truyền thống. các IGO sử dụng nền tảng số để vừa truyền thông vừa thực hiện chức năng quản trị như cách WHO trong đại dịch COVID-19 sử dụng Twitter/X, Facebook và TikTok để phổ biến thông tin y tế công cộng song song với các kênh ngoại giao chính thức. (Bjola, C.& Ruben Zaiotti, 2020b). LHQ ngày càng chủ động kiến tạo các hoạt động hợp tác để giải quyết các thách thức quản trị thông tin số. Điển hình như tại Phiên họp thứ 77 Đại hội đồng LHQ, LHQ đã công bố tài liệu Số A/77/380 về "Những phát triển trong lĩnh vực thông tin và viễn thông trong bối cảnh an ninh quốc tế" (tháng 11/2022) ghi nhận tác động ngày càng tăng của không gian mạng đối với an ninh quốc tế, đặt ra yêu cầu phối hợp đa phương trong quản trị không gian thông tin số (UN. General Assembly. 1st Committee, 2022).

Nhìn chung, tác động ngoại giao số đến hai các chủ thể chính trị quốc tế quan trọng nhất gồm ba vấn đề chính: (i) Dân chủ hóa không gian ngoại giao: Ngoại giao truyền thống từng là lĩnh vực độc quyền của đại diện nhà nước và thể chế đa phương; tuy nhiên các nền tảng số đã dân chủ hóa khả năng tiếp cận, cho phép các chủ thể phi nhà nước tham gia vào diễn ngôn ngoại giao. Tuy nhiên, dân chủ hóa này không đồng nghĩa với bình đẳng hóa, các quốc gia và tập đoàn lớn vẫn có lợi thế tài nguyên số áp đảo; (ii) Chuyển đổi cấu trúc: Ngoại giao số là sự chuyển đổi cấu trúc trong cách các quốc gia truyền thông ảnh hưởng, không đơn thuần là bổ sung công cụ kỹ thuật vào thực hành ngoại giao truyền thống; (iii) Tăng quyền cho chủ thể truyền thống và tạo ra chủ thể mới: Ngoại giao số không chỉ thay đổi cách các chủ thể hiện có hoạt động mà còn tạo ra các loại chủ thể chính trị quốc tế mới tập đoàn nền tảng số, cộng đồng người dùng toàn cầu, mạng lưới thông tin phi chính thức… đặt ra yêu cầu cập nhật và mở rộng danh mục chủ thể chính trị quốc tế trong lý thuyết IR đương đại. Điều này có nghĩa là quan hệ giữa ngoại giao số và chủ thể chính trị quốc tế mang tính hai chiều.

Ngoại giao số thay đổi cách các chủ thể hiện có hoạt động, đồng thời tạo ra và trao quyền cho các chủ thể mới.

4.1.2. Tác động đến cấu trúc quyền lực trong chính trị quốc tế

- Địa bàn cạnh tranh và không gian hợp tác chiến lược mới

Ngoại giao số đã có tác động hai mặt mạnh mẽ đến chính trị quốc tế, vừa gia tăng cạnh tranh vừa thúc đẩy hợp tác trong một môi trường mới. Ngoại giao số đã tạo ra một không gian mới cho sự cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia. Không chỉ còn là cuộc đua về quân sự hay kinh tế, các quốc gia hiện nay đang chạy đua để giành ảnh hưởng trong không gian số. Các cường quốc kỹ thuật số như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga... đang cạnh tranh trong việc kiểm soát không gian mạng và ảnh hưởng đến nhận thức công chúng toàn cầu qua các phương tiện truyền thông và các nền tảng kỹ thuật số. Sự cạnh tranh này diễn ra trên nhiều mặt trận, từ kiểm soát hạ tầng internet, định hình luồng thông tin, đến chiến tranh thông tin và ảnh hưởng tư tưởng. Các chiến dịch tuyên truyền thông qua các kênh kỹ thuật số, có thể tác động đến dư luận, lan truyền thông tin sai lệch hoặc cố tình thao túng thông tin để gây ảnh hưởng đến chính trị quốc tế. Điều này có thể dẫn đến sự mất ổn định và tạo ra các cuộc khủng hoảng ngoại giao giữa các quốc gia.

Hoa Kỳ kiểm soát các nền tảng truyền thông số thông qua các công ty công nghệ lớn của Hoa Kỳ như Google, Meta (Facebook, Instagram), Twitter, YouTube và Microsoft có ảnh hưởng mạnh mẽ đến dòng chảy thông tin toàn cầu. Hoa Kỳ cũng đã áp đặt các biện pháp kiểm soát nội dung số và phát triển AI để phát hiện tin giả như lệnh cấm TikTok, gây căng thẳng với Trung Quốc. Về phía Trung Quốc cũng đã phát triển hệ thống kiểm duyệt Internet mạnh nhất thế giới, xây dựng "Great Firewall" – Tường lửa Vạn Lý, chặn các nền tảng phương Tây như Google, Facebook, Twitter và YouTube. Đồng thời, Trung Quốc cũng đã tạo ra hệ sinh thái công nghệ riêng với Baidu, WeChat, Weibo, và TikTok (phiên bản Douyin trong nước). Các nước lớn đang sử dụng không gian mạng như một vũ khí chiến lược để kiểm soát thông tin, tác động đến nhận thức công chúng và bảo

vệ lợi ích quốc gia. Sự cạnh tranh này không chỉ giới hạn trong lĩnh vực công nghệ mà còn có ảnh hưởng sâu rộng đến chính trị, kinh tế và an ninh toàn cầu.

Trong kỷ nguyên thông tin, quyền lực ngày càng phụ thuộc vào khả năng kiểm soát và định hình các dòng chảy thông tin (Nye, 2011, tr.106). Điều này khiến ngoại giao số trở thành một công cụ quan trọng trong chiến lược cạnh tranh ảnh hưởng giữa các quốc gia. Những cuộc chiến này không chỉ diễn ra giữa các chính phủ mà còn ảnh hưởng đến từng cá nhân, vì thông tin tiếp cận hàng ngày đều có thể bị thao túng bởi các thế lực kỹ thuật số. Chính vì vậy, ngoại giao số cũng tác động vào việc cạnh tranh quyền lực mềm giữa các quốc gia, trở thành một công cụ quan trọng của quyền lực mềm trong chính trị quốc tế. Các nền tảng truyền thông số giúp các quốc gia xây dựng hình ảnh quốc gia, thể hiện giá trị văn hóa và các thành tựu phát triển để thu hút sự ủng hộ và tạo ảnh hưởng quốc tế. Khi các chiến dịch truyền thông số trở thành một phần của chiến lược địa chính trị của nhiều quốc gia, điều này có thể làm gia tăng cạnh tranh thông tin trong hệ thống quốc tế.

Ngoại giao số tạo ra địa bàn cạnh tranh chiến lược mới (không gian thông tin, nền tảng số, chuẩn mực quản trị AI) đồng thời mở ra không gian hợp tác chiến lược mới (an ninh mạng, quản trị số đa phương, Hiệp ước Kỹ thuật số Toàn cầu 2024…). Điểm đặc thù của ngoại giao số là ranh giới giữa cạnh tranh và hợp tác trong không gian số mờ hơn và biến động hơn so với ngoại giao truyền thống.

- *Tái phân phối quyền lực giữa các chủ thể*

Như vậy, cạnh tranh và hợp tác trong không gian số đã dẫn đến việc tái phân phối quyền lực giữa các chủ thể. Sự thay đổi nhanh chóng của kỹ thuật số đã phơi bày và làm trầm trọng thêm bất bình đẳng đáng kể giữa các quốc gia. Các quốc gia giàu có hơn đã dẫn đầu trong việc phát triển, triển khai và quản trị công nghệ AI, tạo ra sự bất đối xứng ngày càng lớn về quyền lực và ảnh hưởng so với các nước đang phát triển. Năng lực công nghệ tương quan trực tiếp với đòn bẩy ngoại giao và ảnh hưởng địa chính trị.

Sự nổi lên của chủ thể phi nhà nước trong phân phối quyền lực đã dẫn đến sự dịch chuyển quyền lực. Sự phát triển của mạng xã hội đã định nghĩa lại môi trường thông tin, nơi các quốc gia, chủ thể phi nhà nước và những người có ảnh hưởng định hình các câu chuyện toàn cầu trong thời gian thực. Quyền lực và ảnh hưởng không còn chỉ nằm trong tay các quốc gia hoặc ranh giới lãnh thổ, mà được thực thi thông qua mạng lưới kỹ thuật số, nền tảng xuyên quốc gia và hệ thống thuật toán. Bối cảnh này làm phức tạp trật tự toàn cầu, gây căng thẳng cho các chủ thể chính trị quốc tế cơ bản là quốc gia và tổ chức quốc tế.

Ở chiều tương tác ngược lại, sự chuyển đổi của cấu trúc quyền lực trong kỷ nguyên thông tin đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngoại giao số. Trong môi trường chính trị quốc tế ngày càng cạnh tranh, việc định hình dư luận và kiểm soát diễn ngôn quốc tế trở thành một yếu tố quan trọng của quyền lực, do đó, các chủ thể chính trị quốc tế đã sử dụng ngoại giao số như một công cụ cạnh tranh ảnh hưởng trong môi trường thông tin toàn cầu (Manor, 2019). Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh thông tin giữa các quốc gia, đặc biệt là giữa các cường quốc, cũng góp phần thúc đẩy việc sử dụng ngoại giao số. Điều này cho thấy ngoại giao số không chỉ phục vụ mục tiêu truyền thông hay quảng bá hình ảnh quốc gia mà còn đóng vai trò trong việc bảo vệ lợi ích chiến lược và an ninh thông tin của quốc gia trong không gian mạng, là một yếu tố của chiến lược chính trị và quyền lực trong hệ thống quốc tế. Cuối cùng, sự gia tăng vấn đề an ninh mạng trong chính trị quốc tế cũng đã góp phần mở rộng nội hàm của ngoại giao số, bao gồm cả việc thúc đẩy hợp tác và các chương trình nghị sự quốc tế đa phương.

4.1.3. Tác động đến tính chất của quá trình tương tác

Ngoại giao số đã *gia tăng tốc độ phản ứng trong chính trị quốc tế*, thay đổi tính chất của quá trình tương tác giữa các chủ thể trong chính trị quốc tế. Một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngoại giao là xử lý khủng hoảng trong chính trị quốc tế. Ngoại giao thời kỳ đầu đòi hỏi các nhà ngoại giao phải đi lại để họp trực tiếp. Các đại sứ thời Trung cổ phải đi nhiều tuần để đến đích. Việc gửi và nhận tin nhắn mất nhiều thời gian, làm chậm trễ các cuộc đàm

phán và chính sách đối ngoại. Các phát minh của nhân loại luôn được ứng dụng vào các hoạt động ngoại giao nhằm lan truyền thông tin để xử lý vấn đề, cũng như tránh được các khủng hoảng chính trị. Phát minh máy in của Johannes Gutenberg vào năm 1440 đã thay đổi quyền truy cập và sự lan truyền thông tin, bao gồm cả các tài liệu ngoại giao, cho phép các nhà ngoại giao tham khảo các thỏa thuận trước đây, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp suôn sẻ hơn giữa các nhà ngoại giao và chính phủ của họ. Phát minh về điện báo vào thế kỷ XIX đã làm thay đổi chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế. Những phát triển của Samuel Morse trong những năm 1830 và 1840 cho phép các thông điệp truyền đi xa trong vài phút, không phải vài ngày hay vài tuần. Trong Chiến tranh Pháp-Phổ (1870–1871), điện báo đóng vai trò quan trọng trong các động thái ngoại giao nhằm giải quyết cuộc xung đột. Thế kỷ XX chứng kiến những tiến bộ hơn nữa với phát minh ra điện thoại năm 1876 của Alexander Graham Bell. Mạng lưới điện thoại cho phép tương tác trực tiếp và đàm phán nhanh hơn, làm biến đổi giao tiếp bằng cách trò chuyện với thời gian thực qua khoảng cách xa. Tác động của điện thoại đối với ngoại giao trở nên rõ ràng trong Thế chiến thứ nhất, khi nó tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp giữa các cường quốc Đồng minh. Đường dây nóng Red Telephone giữa Nhà Trắng và Điện Kremlin cho phép liên lạc trực tiếp và ngay lập tức giữa Tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy và Thủ tướng Liên Xô Nikita Khrushchev đóng vai trò quan trọng trong việc hạ nhiệt căng thẳng hạt nhân trong cuộc Khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962. Ngoài ra, đài phát thanh và truyền hình đã đưa công chúng vào hoạt động ngoại giao, bổ sung thêm chiều hướng xã hội vào chính trị quốc tế. Khả năng trao đổi và đàm phán ngay lập tức này đã đẩy nhanh quá trình ra quyết định và cho phép các hoạt động ngoại giao có phản ứng nhanh hơn.

Trong những năm 1990, email đã thay thế các bức điện tín ngoại giao truyền thống, cho phép các nhà ngoại giao trao đổi tài liệu, phân tích và hướng dẫn theo thời gian thực, bất kể vị trí. Sự chuyển đổi này thể hiện rõ trong các sự kiện lịch sử. Các nhà đàm phán của Hiệp định Dayton năm 1995 đã dựa rất nhiều

vào email để giao tiếp theo thời gian thực giữa các nhà ngoại giao từ Hoa Kỳ, Châu Âu và các bên tham chiến ở Bosnia. Trong lịch sử, các bước tiến công nghệ như điện báo, radio hay truyền hình… đều làm thay đổi phương thức tương tác quốc tế. Sang đầu thế kỷ XXI, Internet và mạng xã hội tiếp tục tạo ra một bước nhảy tương tự nhưng với tốc độ và phạm vi lớn hơn nhiều (Westcott, 2008). Ngoại giao kỹ thuật số đã biến đổi tốc độ của những hoạt động xử lý khủng hoảng có thể từ nhiều tuần, nhiều tháng thành chỉ trong vài giờ, vài phút. Internet và email mang lại khả năng kết nối và tính tức thời chưa từng có trong giao tiếp. Kỷ nguyên này đánh dấu vai trò quan trọng của ngoại giao kỹ thuật số trong việc gia tăng tốc độ xử lý khủng hoảng chính trị quốc tế, khi tốc độ và phạm vi trao đổi thông tin cho phép các chiến lược ngoại giao tinh vi hơn.

Điển hình là việc gia tăng tốc độ hợp tác quốc tế chống lại Đại dịch COVID-19. Ngoại giao số giúp các quốc gia chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm về các mối đe dọa chung như dịch bệnh, khủng hoảng môi trường hay khủng bố. Ví dụ, trong đại dịch COVID-19, các công cụ kỹ thuật số đã giúp các quốc gia và tổ chức quốc tế phối hợp hiệu quả hơn trong việc kiểm soát dịch bệnh, chia sẻ dữ liệu y tế, và hỗ trợ nhau về mặt công nghệ. Khi đại dịch bùng phát, các hội nghị trực tuyến giữa các lãnh đạo G20, WHO, LHQ… được tổ chức ngay lập tức để thảo luận các biện pháp ứng phó. Ngoại giao số cũng giúp thúc đẩy các sáng kiến như COVAX, đảm bảo phân phối vaccine nhanh chóng đến các quốc gia đang phát triển góp phần xử lý các thách thức chung một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Hay như trong cuộc khủng hoảng Myanmar năm 2021, sau cuộc đảo chính quân sự, các tổ chức quốc tế và chính phủ nước ngoài đã dùng mạng xã hội để thể hiện lập trường phản đối, đồng thời gây áp lực lên chính quyền quân sự Myanmar. Nhiều cuộc họp trực tuyến giữa các nước ASEAN và cộng đồng quốc tế đã được tổ chức khẩn cấp để đưa ra các giải pháp đối phó với tình hình. Thỏa thuận ngừng bắn tại Gaza trong cuộc xung đột giữa Israel và Hamas năm 2021, đã được đạt được chỉ sau 11 ngày giao tranh. Hoa Kỳ đã sử dụng kênh ngoại giao

số để thực hiện các cuộc đàm phán trực tuyến với các bên liên quan, bao gồm Ai Cập và Qatar. Việc sử dụng dữ liệu thời gian thực giúp các nhà đàm phán đưa ra quyết định nhanh hơn, đạt được một lệnh ngừng bắn quan trọng chỉ trong một thời gian ngắn.

Không chỉ gia tăng tốc độ xử lý khủng hoảng, ngoại giao số còn làm thay đổi nhịp độ hoạt động của chính trị quốc tế, góp phần tăng tốc độ và cường độ của các tương tác trong chính trị quốc tế. Trước đây, các thông điệp ngoại giao thường được truyền tải qua các kênh chính thức và mất nhiều thời gian. Trong môi trường số, thông tin có thể lan truyền toàn cầu trong vài phút, đã tạo ra hình thức **"**ngoại giao thời gian thực" (real-time diplomacy), trong đó các nhà ngoại giao phải phản ứng nhanh với các sự kiện quốc tế, tham gia vào các cuộc tranh luận trên không gian mạng, có thể làm thay đổi diễn biến của các cuộc khủng hoảng quốc tế (Seib, 2012). Điều này làm tăng tốc độ của quá trình tương tác và ra quyết định trong chính trị quốc tế.

Nhìn chung, ngoại giao số tác động đến tính chất của quá trình tương tác, rút ngắn chu kỳ tương tác từ tuần/tháng xuống giờ/phút; mở rộng không gian tương tác từ kênh ngoại giao chính thức sang không gian công cộng toàn cầu; và tạo ra các hình thức tương tác mới chưa từng có trong lịch sử ngoại giao truyền thống. Song, ngược lại, việc tốc độ hoạt động của chính trị quốc tế gia tăng cũng đồng nghĩa với việc hoạt động của ngoại giao số gia tăng tốc độ hoạt động, thay đổi và thích ứng với từng bối cảnh cụ thể và trong khoảng thời gian hạn chế.

4.1.4. Tác động đến ngoại giao và chính sách đối ngoại

Ngoại giao số *tái định hình ngoại giao truyền thống và chính sách đối ngoại quốc gia*, làm thay đổi cơ bản cách thức mà các nhà ngoại giao thực hiện công việc của mình. Trước đây, các cuộc đàm phán và tiếp xúc ngoại giao thường phải diễn ra trực tiếp thông qua các cuộc gặp mặt hoặc hội nghị. Ngày nay, các cuộc họp trực tuyến và các nền tảng giao tiếp kỹ thuật số đã trở thành một phần quan trọng trong ngoại giao hiện đại. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tạo ra khả năng tương tác nhanh chóng giữa các bên tham gia.

Về cơ bản, ngoại giao kỹ thuật số đã mang lại sự chuyển đổi trong cách tiến hành ngoại giao truyền thống, tạo nên những thay đổi trong cả cấu trúc và quy trình của các bộ ngoại giao. Trong ngoại giao truyền thống, phần lớn các hoạt động ngoại giao diễn ra thông qua các kênh chính thức và thường mang tính kín đáo giữa các chính phủ. Ngoại giao kỹ thuật số tạo ra các công cụ ngoại giao mới, các phương pháp tiếp cận mới như sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu quốc tế hoặc phát triển các chatbot hỗ trợ hoạt động ngoại giao. Đại dịch COVID-19 đã cho thấy nhu cầu cấp thiết trong việc đào tạo nhà ngoại giao với kỹ năng số, từ sử dụng công cụ trực tuyến đến bảo mật thông tin vì vậy dẫn đến việc chuyên môn hóa nhân sự trong cấu trúc và hoạt động ngoại giao.

Ngoài ra, ngoại giao số không chỉ giới hạn trong các hoạt động của chính phủ mà mở ra các kênh ngoại giao không chính thức với các tác nhân phi nhà nước. Những tác nhân này, thông qua các nền tảng kỹ thuật số, có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc cản trở các quá trình chính trị quốc tế cũng như có tác động hai chiều đến hoạt động và hiệu quả của ngoại giao truyền thống. Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump sử dụng mạng xã hội để ảnh hưởng chính sách đối ngoại. Ông thường sử dụng Twitter để đưa ra các tuyên bố ngoại giao mà không thông qua Bộ Ngoại giao. Các quyết định quan trọng như rút khỏi Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, áp đặt thuế quan lên Trung Quốc, chỉ trích các nước thành viên NATO trên Twitter, yêu cầu họ phải gia tăng chi tiêu quốc phòng...hay đàm phán với Triều Tiên được ông công khai trước qua Twitter, thay vì thông qua các kênh ngoại giao truyền thống. Nhiều quốc gia đã phải điều chỉnh chiến lược ngoại giao để phản ứng kịp thời với các tuyên bố bất ngờ từ Tổng thống Trump trên Twitter. Như vậy, rõ ràng ngoại giao số đã thay đổi ngoại giao truyền thống. Thay vì thông qua kênh ngoại giao chính thức, Twitter trở thành công cụ ngoại giao mới, cho phép các nhà lãnh đạo quốc gia truyền tải thông điệp ngay lập tức. Điều này giúp tăng tính minh bạch nhưng cũng làm gia tăng sự bất ổn trong quan hệ chính trị quốc tế. Như vậy, ngoại giao số góp phần thay đổi phương thức tiến hành ngoại giao trong chính trị quốc tế.

Ngoại giao số đã góp phần tạo nên mạng lưới ngoại giao toàn cầu. Sự phát triển nhanh chóng của mạng lưới này, trong đó tốc độ giao tiếp và tương tác mạnh mẽ và ngày càng tăng, là những chỉ báo về sự gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Chính vì vậy, các quốc gia cần có sự thay đổi về nhận thức để điều chỉnh chính sách và chiến lược đối ngoại quốc gia. Các công cụ kỹ thuật số không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn đóng vai trò trong việc định hình chính sách đối ngoại của các quốc gia. Việc phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI), có thể góp phần hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách hiểu rõ hơn về dư luận quốc tế và các xu hướng toàn cầu để xây dựng các chiến lược ngoại giao phù hợp. Ngoại giao số cho phép các quốc gia triển khai các chiến lược đối ngoại linh hoạt và kịp thời hơn. Thay vì phải mất nhiều thời gian để chuẩn bị cho các cuộc gặp gỡ ngoại giao truyền thống, các quốc gia có thể nhanh chóng phản ứng và điều chỉnh chiến lược của mình thông qua các kênh kỹ thuật số.

Không chỉ thay đổi cách thực hiện ngoại giao truyền thống, ngoại giao số đã tác động đến cách các quốc gia xây dựng chính sách đối ngoại. Cạnh tranh địa chính trị trong không gian số giữa các cường quốc đã thúc đẩy việc đưa ngoại giao số vào trong chiến lược đối ngoại. Bắt nguồn từ nhu cầu phải thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa, số hóa và sự phức tạp ngày càng tăng trong các mối quan hệ quốc tế, Bộ Ngoại giao Đức đã phát triển một chiến lược ngoại giao hiện đại từ khái niệm "Vernetzte Sicherheit" (an ninh liên kết), được công bố lần đầu tiên trong Sách Trắng Quốc phòng Đức (Weißbuch) năm 2006 (The Federal Government, 2016). Năm 2014, dưới thời Ngoại trưởng Frank-Walter Steinmeier, *"Vernetzte Diplomatie"* (có thể dịch là: ngoại giao mạng, hay ngoại giao liên kết) chính thức không chỉ là một khái niệm lý thuyết mà đã được thể chế hóa thông qua các tài liệu chiến lược và sáng kiến cụ thể. Chiến lược đối ngoại và an ninh Đức năm 2017 đã đề cập đến cách tiếp cận liên kết, bao gồm cả ngoại giao số và ngoại giao xã hội. Gần đây nhất, Báo cáo của Ủy ban điều tra về Afghanistan (2022–2025) cũng đã phân tích thất bại của chính sách phi liên kết và kêu gọi

đẩy mạnh "Vernetzte Diplomatie" (German Bundestag, 2025). Mục tiêu chính của việc điều chỉnh chính sách đối ngoại này nhằm xây dựng một chính sách ngoại giao toàn diện hơn (interdisziplinär), linh hoạt hơn (adaptiv), liên kết chặt chẽ hơn giữa các tác nhân (vernetzt). có thể thấy đặc điểm của "Vernetzte Diplomatie" là tập trung vào liên ngành (interministeriell) phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Ngoại giao và các bộ khác như Quốc phòng, Kinh tế, Phát triển…, gắn kết với các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, xã hội dân sự, vừa giải quyết vấn đề toàn cầu (khí hậu, an ninh mạng...), vừa gắn với lợi ích địa phương. Đặc biệt, chính sách đối ngoại mới của Đức nhấn mạnh việc tận dụng mạng xã hội, công nghệ và các nền tảng số để truyền thông và xây dựng ảnh hưởng.

Thậm chí, trong một số trường hợp, ngoại giao số không chỉ hướng ra bên ngoài còn có thể tác động đến chủ nghĩa dân tộc và chính trị nội bộ. Một nghiên cứu về Trung Quốc cho thấy các thông điệp ngoại giao trên mạng xã hội có thể kích thích và định hình cảm xúc dân tộc chủ nghĩa của công chúng nội địa, tạo ra sự tương tác phức tạp giữa chính sách đối ngoại và dư luận trong nước (Xiaowen Zhang & Yuxin Tang, 2024). Điều này cho thấy ngoại giao số đã xóa nhòa ranh giới giữa chính trị đối nội và đối ngoại, vì vậy, ngoại giao số ngày càng gắn với các chiến lược trong chính sách đối ngoại.

Như vậy, ngoại giao số đã thúc đẩy sự chuyển đổi từ ngoại giao truyền thống sang một mô hình ngoại giao toàn diện, linh hoạt và phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa hiện nay. Như trường hợp của Đức, từ năm 2016, Bộ Ngoại giao Đức đã tăng cường sử dụng các kênh kỹ thuật số và mạng xã hội để truyền tải thông điệp ngoại giao, nhằm đối phó với thông tin sai lệch và tăng cường sự minh bạch trong chính sách đối ngoại. "Vernetzte Diplomatie" là kết quả của quá trình tư duy lại chính sách đối ngoại, là sự thừa nhận cần phải thay đổi mô hình ngoại giao truyền thống, mong muốn xây dựng một nền ngoại giao toàn diện, bao trùm và hiện đại — trong đó ngoại giao không chỉ là việc của các nhà ngoại giao, mà là của toàn xã hội.

Cuộc cách mạng số đã định hình lại cơ bản ngoại giao, thay đổi cách thức tham gia các quốc gia và các bên quốc tế liên quan. Theo truyền thống, dựa vào các tương tác trực tiếp các hoạt động ngoại giao có thể dẫn đến tình trạng không minh bạch. Sự ra đời của các công cụ và nền tảng trực tuyến, đặc biệt là phương tiện truyền thông xã hội, đã mở ra kỷ nguyên cởi mở hơn với sự tham gia của công chúng. Các con đường kỹ thuật số này trao quyền cho các nhà lãnh đạo và nhà ngoại giao giao tiếp trực tiếp với cộng đồng trên toàn cầu.

Nói tóm lại, ngoại giao số đang có tác động sâu rộng đến chính trị quốc tế, làm thay đổi cách các quốc gia và tổ chức giao tiếp, hợp tác, và xử lý các vấn đề quốc tế. Ngoại giao số đã thay đổi cách thức gia tăng sự minh bạch và trách nhiệm giải trình, cũng như tạo ra không gian mới cho cạnh tranh và hợp tác. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển của công nghệ, ngoại giao số không chỉ đơn thuần là công cụ, mà còn trở thành yếu tố quan trọng trong việc định hình các mối quan hệ quốc tế, đối phó với các thách thức toàn cầu, và xây dựng một hệ thống chính trị quốc tế phù hợp với thời đại số.

Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, chính trị quốc tế đã có những tác động sâu sắc đến sự hình thành, phát triển và cách thức triển khai ngoại giao số. Những biến đổi của hệ thống quốc tế, sự cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia và sự thay đổi của môi trường thông tin toàn cầu đã khiến ngoại giao số trở thành một công cụ quan trọng trong chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia. Mối quan hệ giữa hai hiện tượng này không phải là một chiều. Do đó, ngoại giao số không phải là một hiện tượng độc lập, mà là một phần của quá trình chuyển đổi cấu trúc quyền lực, truyền thông và quản trị toàn cầu của chính trị quốc tế trong kỷ nguyên số.

Trên cơ sở tổng hợp và phân tích tác động của ngoại giao số đến chính trị quốc tế trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, có thể thấy ngoại giao số đã không tác động vào một thành tố nào đơn lẻ nào mà đến xuyên suốt toàn bộ 06 thành tố của chính trị quốc tế đã nêu ra trong khái niệm, có thể được tóm tắt như sau:

(1) Các chủ thể: gia tăng chủ thể tham gia, trao thêm quyền cho các chủ thể truyền thống;

(2) Quá trình tương tác cạnh tranh và hợp tác giữa các chủ thể: biến đổi tính chất của quá trình tương tác – gia tăng tốc độ phản ứng trong chính trị quốc tế, đồng thời tạo ra địa bàn địa bàn cạnh tranh chiến lược mới cũng như không gian hợp tác chiến lược mới;

(3) Động cơ - bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia: Ngoại giao số thay đổi phạm vi và hình thức của lợi ích trong chính trị quốc tế, xuất hiện các lợi ích số mới như chủ quyền dữ liệu, kiểm soát hạ tầng số, ảnh hưởng thuật toán và thống trị chuẩn mực quản trị AI… Ngoại giao số cũng tạo ra công cụ mới để bảo vệ và thúc đẩy các lợi ích truyền thống thông qua không gian số.

(4) Nội dung thực chất - các vấn đề quyền lực, an ninh, lợi ích quốc gia và chuẩn mực quốc tế được xác lập: mở rộng nội hàm quyền lực, lợi ích, an ninh và chuẩn mực. Ngoại giao số không thay đổi sự tồn tại của lợi ích quốc gia nhưng xuất hiện thêm các lợi ích số mới như kiểm soát dữ liệu chiến lược, thống trị chuẩn mực AI và ảnh hưởng trong không gian thông tin toàn cầu; Mở rộng khái niệm an ninh sang không gian số như an ninh mạng, chủ quyền số và an ninh thông tin trở thành các chiều an ninh mới có tính chiến lược không kém gì an ninh quân sự truyền thống; Ngoại giao số là một trong những địa bàn quan trọng nhất hiện nay để kiến tạo chuẩn mực quốc tế mới,về quản trị AI, quyền riêng tư dữ liệu, hành vi có trách nhiệm trong không gian mạng…

(5) Đặc trưng cấu trúc - môi trường vô chính phủ: Ngoại giao số đang làm phức tạp thêm điều kiện vô chính phủ theo hai hướng trái chiều. Một mặt, có khả năng khuếch đại tính vô chính phủ do không gian số không có chính quyền toàn cầu, tạo ra "vùng xám" pháp lý nơi các chủ thể hành động tự do mà thiếu chuẩn mực ràng buộc. Mặt khác, cũng tạo áp lực xây dựng trật tự mới, các khuôn khổ quản trị AI đa phương là nỗ lực đưa trật tự vào không gian số vô chính phủ;

(6) Phương tiện - thông qua ngoại giao, thương mại, sử dụng vũ lực và các hình thức ảnh hưởng khác: bổ sung phương tiện ảnh hưởng mới ngoài các kênh truyền thống.

Như vậy có thể khẳng định rằng: ngoại giao số không phải là bổ sung thêm một công cụ vào chính trị quốc tế mà là nhân tố tái cấu trúc toàn diện nội hàm của chính trị quốc tế trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

4.2. Dự báo về ngoại giao số trong chính trị quốc tế của kỷ nguyên số

Cơ sở dự báo xu hướng của ngoại giao số trong chính trị quốc tế thế kỷ XXI được xây dựng dựa trên việc xem xét các yếu tố liên quan đến sự vận động của ngoại giao số bao gồm các yếu tố tích cực và hạn chế của ngoại giao số cũng như các yếu tố có thể tác động đến ngoại giao số trong thời gian tới.

4.2.1. Những yếu tố tích cực và hạn chế của ngoại giao số

4.2.1.1. Trong chính trị quốc tế

- Yếu tố tích cực

Theo Corneliu Bjola, lợi thế của ngoại giao số là khả năng thúc đẩy hợp tác ở cấp độ quốc tế, phát huy "sức mạnh thông minh", có thể can thiệp và xâm nhập vào môi trường thông tin, từ đó gây ảnh hưởng đến kết cấu xã hội và chính trị của các quốc gia khác (Bjola, 2019).

Như vậy, *trước hết*, ngoại giao số đã góp phần *tăng cường kết nối và tiếp cận toàn cầu* giữa các quốc gia. Nói cách khác, ngoại giao số đã thúc đẩy mạnh mẽ việc tăng cường quan hệ quốc tế, vượt qua mọi rào cản về địa lý, về điều kiện kinh tế và phát triển giữa các quốc gia. Ngoại giao số cho phép chính phủ và các nhà ngoại giao dễ dàng tiếp cận công chúng và đối tác quốc tế trên toàn cầu. Mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến giúp mở rộng khả năng lan tỏa của các chiến dịch ngoại giao, vượt qua rào cản về địa lý. Các thông điệp và thông tin có thể được truyền tải ngay lập tức đến khán giả quốc tế, giúp tăng cường tính minh bạch và sự hiểu biết lẫn nhau.

Ngoại giao số có khả năng tiếp cận đối tượng rộng hơn. Ngoại giao kỹ thuật số phát triển từ ngoại giao công chúng, đã làm tăng số lượng các bên liên quan tham gia vào ngoại giao quốc tế, từ các tương tác giữa các quốc gia, đến các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ quốc tế", thậm chí bao gồm cả những người dân thường. Việc giao tiếp trực tuyến đã cho phép các quốc gia và

các nhà ngoại giao sử dụng mạng xã hội, trang web và các nền tảng trực tuyến để trao đổi thông tin và công bố lập trường của mình đối với công chúng và các đối tác quốc tế.

Thứ hai, ngoại giao số còn *tiết kiệm chi phí và thời gian* cho các hoạt động ngoại giao. Do những tiến bộ liên tục của công nghệ thông tin, chi phí sử dụng công nghệ mới đang ngày càng giảm dần. Trên thực tế việc sử dụng thành thạo các công cụ ngoại giao kỹ thuật số có thể mang lại lợi ích lớn hơn nhiều so với việc đầu tư (Rashica, 2018). Thậm chí ngoại giao kỹ thuật số không phải lúc nào cũng đòi hỏi đầu tư tài chính do có thể sử dụng hay tận dụng nền tảng công nghệ số quốc gia. Vì vậy, ngoại giao số thường được sử dụng nhằm mục đích giảm chi phí. Ví dụ, Bộ Ngoại giao và đại sứ quán để truyền bá công việc, hoạt động của họ mà không gây thiệt hại cho ngân sách.

Việc tổ chức hội nghị, họp trực tuyến giúp giảm thiểu chi phí di chuyển và tổ chức sự kiện, đồng thời tiết kiệm thời gian cho cả hai phía trong quá trình thương lượng và đàm phán. Việc sử dụng kỹ thuật số giúp duy trì liên lạc ngoại giao hiệu quả ngay cả trong các tình huống khẩn cấp hoặc bất ngờ, chẳng hạn như đại dịch COVID-19. Ngoại giao số sử dụng công nghệ số, Internet và các nền tảng truyền thông xã hội, từ đó tối ưu hóa các quy trình ngoại giao.

Thứ ba, ngoại giao số giúp quốc gia *phát huy sức mạnh mềm* thông qua việc quảng bá văn hóa, giá trị, và lập trường chính trị của mình qua mạng xã hội và các phương tiện truyền thông. Khoảng cách địa lý giữa các bộ ngoại giao và đại sứ quán không còn quan trọng như trước nữa. Các trang web internet, blog và phương tiện truyền thông xã hội… đã thu hút sự tham gia của ngày càng nhiều chính trị gia và nhà ngoại giao trên thế giới với công dân từ khắp mọi nơi trên toàn cầu. Các quốc gia từ lâu đã nỗ lực tiếp cận với công chúng nước ngoài nhằm thúc đẩy một mục tiêu chính trị hoặc kinh tế cụ thể. Chính vì vậy, ngoại giao số đã góp phần hiệu quả trong việc tiếp cận hai chiều. Các quốc gia có thể trực tiếp giao tiếp với công chúng quốc tế, xây dựng hình ảnh quốc gia và tăng cường ảnh hưởng quốc tế mà không phải phụ thuộc hoàn toàn vào kênh truyền thông truyền thống.

Thứ tư, ngoại giao số là các công cụ mới để *phổ biến, thu thập và đo lường thông tin*. Một trong những nhiệm vụ nổi bật của ngoại giao là thu thập thông tin và báo cáo, bằng các phương tiện hợp pháp, về điều kiện và diễn biến ở nước sở tại cho chính phủ cử người đến cũng như thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa hai nước. Ngoại giao số cho phép thu thập và phân tích dữ liệu từ các nguồn như mạng xã hội, từ đó cung cấp thông tin chi tiết để định hình chính sách đối ngoại. Phương tiện truyền thông xã hội cho phép các nhà ngoại giao quan sát các sự kiện, xác định, phân tích và giải thích các vấn đề then chốt đang nổi lên cũng như tác động của chúng đối với hòa bình và tiến bộ cũng như đối với an ninh và các lợi ích khác của quốc gia. Trong nhiều trường hợp, việc nắm bắt nhanh chóng các sự kiện khác nhau có thể mang lại lợi thế cho lợi ích quốc gia. Ngoại giao số rất hữu ích cho việc thu thập và xử lý thông tin liên quan đến các hoạt động ngoại giao cũng như cho việc liên lạc nhanh chóng trong các tình huống khẩn cấp. Thậm chí, trong thời kỳ khủng hoảng, các đại sứ quán có thể hoạt động như một đơn vị quản lý khủng hoảng và cho phép thu thập thông tin theo thời gian thực, ra quyết định và phổ biến thông tin, trả lời các câu hỏi của công dân trên internet.

Các công cụ phân tích dữ liệu giúp hiểu rõ hơn về xu hướng, tâm lý công chúng và đưa ra quyết định chiến lược hiệu quả hơn. Từ đó, cho phép các chính phủ có thể xem xét, phân tích về hậu quả của các sự kiện ở các khu vực khác nhau trên thế giới và khả năng ảnh hưởng đến quốc gia. Đồng thời, cũng cung cấp các kênh để có thể tạo ra những ảnh hưởng vượt ra khỏi các đối tượng truyền thống. Từ đó, có thể giúp ích trong quá trình tham vấn, xây dựng chính sách và giúp chia sẻ ý tưởng.

Thứ năm, các hoạt động ngoại giao số, bằng các tuyên bố chính thức qua mạng xã hội hoặc truyền thông số, đã góp phần *tăng cường tính minh bạch* trong ngoại giao, tạo điều kiện cho công chúng nắm bắt được thông tin kịp thời và chính xác. Phạm vi đưa tin của phương tiện truyền thông gần như ngay lập tức không chỉ nhờ phương tiện truyền thông mà còn thông qua điện thoại thông minh và mạng xã hội. Bên cạnh đó, ngoại giao số cũng tạo điều kiện cho người dân

phản hồi hay bày tỏ quan điểm đối với một số vấn đề nhất định, khiến xã hội trở nên dân chủ hơn

Ngoại giao số giúp các quốc gia truyền tải thông tin một cách nhanh chóng và rộng rãi, tạo điều kiện cho công chúng và cộng đồng quốc tế dễ dàng tiếp cận thông tin về chính sách, hoạt động ngại giao và các sự kiện quan trọng. Điều này thúc đẩy tính minh bạch, giảm thiểu khả năng bị hiểu lầm hay xuyên tạc. Bên cạnh đó, ngoại giao số cũng cho phép thông tin về các cuộc đàm phán, thỏa thuận và chính sách đối ngoại được chia sẻ công khai hơn. Qua các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội, công chúng và các tổ chức xã hội có thể theo dõi các hoạt động quốc tế, từ đó có thể gây áp lực buộc chính phủ phải minh bạch hơn trong các hành động của mình. Tương tự như vậy, sự lan truyền thông tin nhanh chóng trên mạng xã hội và Internet cũng góp phần làm tăng trách nhiệm giải trình của các nhà lãnh đạo quốc gia và các tổ chức quốc tế. Những quyết định ngoại giao, nếu không được giải thích hợp lý, có thể ngay lập tức bị công khai chỉ trích và phản đối, tạo ra áp lực từ công chúng đối với các nhà hoạch định chính sách.

- Yếu tố hạn chế

Mặt khác, ngoại giao số cũng tồn tại những nguy cơ rủi ro và hạn chế nhất định. Cũng theo Viona Rashica, ông đã đưa ra và phân tích 5 yếu tố rủi ro ngoại giao số. (i) Việc tự do sử dụng internet và các phương tiện truyền thông xã hội có thể bị các đối tượng xấu sử dụng làm kênh truyền bá chủ nghĩa cực đoan, khủng bố và áp đặt các hệ tư tưởng nước ngoài. Một phần của mạng xã hội có thể trở thành bất kỳ ai, từ các chính phủ thế giới đến các tổ chức cực đoan khác nhau, các tổ chức này có thể phát tán các chuẩn mực, giá trị và mục tiêu của họ, bất kể chúng là gì (Klathil, 2013). Theo Viona Rashica, những người chỉ trích ngoại giao số coi tự do khỏi internet và phương tiện truyền thông xã hội là nguy hiểm và ví nó như "Con ngựa thành Troy". Internet có thể nhân lên số lượng tiếng nói phản đối hay ủng hộ, do đó có tác động lớn đến đến việc soạn thảo các chính sách quốc tế, làm phức tạp quá trình ra quyết định về chính sách đối ngoại và làm

giảm quyền kiểm soát độc quyền của các chính phủ trong quá trình này. (ii) Thiếu hiểu biết về cách sử dụng internet và phương tiện truyền thông xã hội: cuộc cách mạng phương tiện truyền thông xã hội đang thay đổi cách mọi người nhìn nhận thế giới và cách họ giao tiếp. Vì vậy việc thiếu hiểu biết về cách sử dụng các công nghệ truyền thông mới, internet và phương tiện truyền thông xã hội có thể dẫn đến hậu quả khủng khiếp, xung đột nghiêm trọng. Người sử dụng ngoại giao kỹ thuật số cần liên tục được đào tạo và thực hành, cũng như áp dụng các công nghệ kỹ thuật số mới càng sớm càng tốt, ngay cả khi chúng phức tạp, để có được kiến thức cần thiết về việc sử dụng chúng và tránh những rủi ro thuộc bản chất này.… (iii) Bất đồng: những thông tin chỉ trích trái chiều, những thông điệp khiêu khích và đe dọa, thậm chí "bí mật quốc gia"… có thể vượt qua biên giới quốc gia, gây ra những bất đồng xã hội có khả năng lan truyền trên quy mô toàn cầu; (iv) Văn hóa ẩn danh có thể dẫn đến các cuộc khủng hoảng phức tạp do việc công bố các thông tin mâu thuẫn, thậm chí là không đúng sự thật; (v) Tin tặc là một rủi ro đã tồn tại kể từ khi internet ra đời và đây cũng là rủi ro chính của ngoại giao kỹ thuật số vì nhiều nguyên thủ quốc gia, chính phủ và nhà ngoại giao trên khắp thế giới đã là nạn nhân của vấn nạn này.

Cùng chia sẻ những quan ngại về hạn chế của ngoại giao số, công trình "*Chống lại chủ nghĩa cực đoan và Tuyên truyền trực tuyến: Mặt tối của Ngoại giao số*" do Corneliu Bjola và James Pamment đồng chủ biên (Bjola, 2019), cũng nhấn mạnh nguy cơ đáng lo ngại đến từ việc vũ khí hóa hệ thống truyền thông, tuyên truyền, phổ biến thông tin sai lệch, tin giả hay thuyết âm mưu…

Nói cách khác, hạn chế lớn nhất của ngoại giao số là *nguy cơ thông tin sai lệch và tin giả*. Mạng xã hội và các nền tảng kỹ thuật số dễ bị lợi dụng để lan truyền tin tức sai lệch hoặc thông tin không chính xác, có thể gây hiểu lầm và làm suy yếu nỗ lực ngoại giao của một quốc gia. Các đối tượng xấu có thể lợi dụng không gian mạng để tấn công các chiến dịch ngoại giao hoặc làm xói mòn uy tín của chính phủ thông qua các cuộc tấn công mạng và chiến dịch tin tức sai lệch. Một thách thức khác của ngoại giao kỹ thuật số là "văn hóa ẩn danh" của

Internet—bất kỳ ai cũng có thể có thể bắt chước và giả vờ là người khác để chủ động tìm cách gây rối.

Thứ hai là, *vấn đề an ninh mạng và bảo mật thông tin* cũng vấn đề quan trọng của ngoại giao số. Các hoạt động ngoại giao trên nền tảng kỹ thuật số đối mặt với nguy cơ bị tấn công mạng, rò rỉ dữ liệu hoặc bị theo dõi. Thông tin ngoại giao nhạy cảm có thể bị đánh cắp hoặc phá hoại, làm suy giảm lòng tin giữa các quốc gia. Các cơ sở hạ tầng kỹ thuật số dễ bị tổn thương trước các cuộc tấn công mạng có thể gây ra sự gián đoạn nghiêm trọng cho quá trình ngoại giao. Một rủi ro khác của ngoại giao kỹ thuật số có thể là việc rò rỉ thông tin, tin tặc và tính ẩn danh của người dùng Internet. Manor đã đưa ra một ví dụ điển hình về rò rỉ thông tin là vụ việc Wikileak, khi ngày 28/11/2010, WikiLeaks bắt đầu công bố khoảng 250.000 bức điện ngoại giao được gửi giữa các phái bộ Hoa Kỳ trên khắp thế giới và Bộ Ngoại giao tại Washington khiến tình hình hỗn loạn lan rộng giữa các bộ ngoại giao trên toàn thế giới khi. Những bức điện này bao gồm cả các đánh giá thẳng thắn của các nhà ngoại giao Hoa Kỳ về các nhà lãnh đạo thế giới, chính phủ và quốc gia tiếp nhận họ (Manor & Segev, 2015).

Các mối đe dọa mạng đã bùng nổ trong 20 năm qua. Các cuộc tấn công mạng đã trở nên tinh vi và có sức phá hủy mạnh mẽ hơn. Những kẻ phạm tội, từ những kẻ lừa đảo vặt trở thành các tổ chức lớn cung cấp dịch vụ tội phạm mạng. Ví dụ như, vụ tấn công mạng năm 2007 vào Estonia, đã làm tê liệt các mạng lưới ngân hàng, truyền thông và chính phủ của quốc gia này. Hay, vụ tấn công chuỗi cung ứng SolarWinds năm 2021 đã xâm phạm phần mềm được sử dụng rộng rãi trên toàn cầu. Thêm một mình chứng nữa là vụ tấn công ransomware Colonial Pipeline năm 2021 của DarkSide. Đây là một ví dụ điển hình về quy mô và tác động của tội phạm mạng hiện đại. Vụ tấn công này đã gây ra tình trạng thiếu nhiên liệu và giá cả tăng cao trên khắp miền Đông nước Hoa Kỳ. Việc thiếu các khuôn khổ pháp lý quốc tế toàn diện quản lý không gian mạng tạo ra một môi trường bấp bênh, tạo cơ hội cho tội phạm mạng và những kẻ cung cấp thông tin sai lệch đe dọa đến tính toàn vẹn của các thông tin liên lạc ngoại giao.

Thứ ba là, *sự phản hồi tiêu cực và kiểm soát thông điệp* cũng cho thấy mặt hạn chế của ngoại giao số. Sử dụng mạng xã hội và nền tảng số có thể dẫn đến các phản ứng tiêu cực hoặc thậm chí là chỉ trích công khai, gây tổn hại đến hình ảnh quốc gia. Các thông điệp và chiến dịch ngoại giao có thể dễ dàng bị sai lệch hoặc hiểu nhầm bởi công chúng hoặc các đối thủ chính trị, gây khó khăn cho việc kiểm soát thông tin. Thậm chí, có những nhà ngoại giao cũng có thể mắc lỗi khi sử dụng ngoại giao kỹ thuật số. Ví dụ, vào đêm trước Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2012 tại Davos, Bộ trưởng Ngoại giao Thụy Điển, Carl Bildt, đã đăng một dòng tweet không chính xác về mặt chính trị, gây ra rất nhiều chỉ trích từ những người đăng ký theo dõi ông khi ông đã đăng dòng tweet "Rời Stockholm và đến Davos. Mong chờ bữa tối của Chương trình Lương thực Thế giới tối nay. Nạn đói toàn cầu là một vấn đề cấp bách! #davos". Những người dùng Twitter ngay lập tức lên án bộ trưởng và gọi dòng tweet của ông là #thất bại. Bạn sẽ đồng ý rằng nạn đói và một bữa tối xa hoa không thể đi đôi với nhau (Adesina, 2017). Ngoài ra, các đối thủ ngoại giao, bao gồm cả các tác nhân nhà nước và phi nhà nước (như các tổ chức khủng bố), có thể cố gắng tấn công vào các hệ thống của chính phủ và trích xuất thông tin có ích cho chính họ.

Một khía cạnh khác liên quan đến kỹ năng và hiệu ứng ngoại giao là việc ngoại giao số *thiếu tương tác cá nhân và đàm phán trực tiếp*, vốn là ưu thế của ngoại giao truyền thống, có thể hạn chế việc tạo cơ hội để xây dựng lòng tin và thấu hiểu lẫn nhau. Các cuộc gặp mặt trực tiếp thường mang tính chiến lược cao, giúp các nhà lãnh đạo có thể đọc được ngôn ngữ cơ thể và các yếu tố cảm xúc trong đàm phán, điều mà ngoại giao số khó có thể thay thế. Do đó, ngoại giao số có thể khiến cho quá trình thương lượng đôi khi kém hiệu quả hơn.

Cuối cùng, về cơ bản ngoại giao số vẫn phụ thuộc vào cấu trúc quyền lực truyền thống. Dù công nghệ mở rộng kênh truyền thông, các nền tảng số vẫn chưa thể thay đổi hoàn toàn cấu trúc quyền lực chính trị quốc tế, quyền lực trong chính trị quốc tế vẫn chủ yếu nằm trong tay các quốc gia lớn. Song hành với những yếu tố tích cực, ngoại giao số có thể gây ra những tiêu cực liên quan đến

an ninh mạng, thiếu tính tương tác cá nhân, và nguy cơ thông tin sai lệch… Chính vì vậy, việc áp dụng ngoại giao số cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng để phát huy tối đa tiềm năng của nó đồng thời giảm thiểu các rủi ro, đồng thời, việc thúc đẩy các khía cạnh tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của ngoại giao số sẽ thúc đẩy xu hướng phát triển của loại hình ngoại giao này.

4.2.1.2. Đối với các quốc gia nhỏ và tầm trung

Quan hệ giữa ngoại giao số và quyền lực quốc gia là phức tạp và không thể đánh giá đơn giản theo hướng lạc quan hay bi quan thuần túy. Do đó, đối với các quốc gia nhỏ và tầm trung, mỗi điểm tích cực của ngoại giao số đều được đặt cạnh giới hạn và điều kiện theo nguyên tắc đối xứng.

- *Về chi phí và tiếp cận*: ngoại giao số cho phép các quốc gia quốc gia nhỏ và tầm trung có nguồn lực hạn chế, mở rộng sự hiện diện và ảnh hưởng quốc tế với chi phí thấp hơn so với ngoại giao truyền thống vốn đòi hỏi mạng lưới đại sứ quán và lãnh sự quán rộng khắp. Tuy nhiên, các quốc gia này vẫn cần phải đầu tư hạ tầng số đáng kể dẫn đến những thách thức xây dựng kỹ năng và năng lực thể chế.

Sự nổi lên của ngoại giao số đặt ra thách thức đáng kể cho các chủ thể nhà nước, đòi hỏi phát triển các kỹ năng mới trong quản lý thông tin và hiểu biết về sự phức tạp của chính trị kỹ thuật số. Khi các công cụ kỹ thuật số trở thành một phần không thể thiếu của nỗ lực ngoại giao, khả năng điều hướng các mối đe dọa mạng là điều kiện tiên quyết để duy trì quan hệ ngoại giao và uy tín.

- *Về quyền lực và ảnh hưởng*: Ngoại giao số góp phần san bằng sân chơi ngoại giao, mang lại tiếng nói cho các quốc gia nhỏ hơn trên sân khấu toàn cầu, ngay cả các chủ thể yếu hơn cũng có thể định hình câu chuyện toàn cầu thông qua nền tảng số. Trường hợp Estonia là ví dụ điển hình nhất cho việc đã xây dựng thành công thương hiệu ngoại giao số mạnh bằng cách nhất quán quảng bá bản sắc am hiểu công nghệ và các giá trị dân chủ trực tuyến. Tuy nhiên, ở "sân chơi" này, nếu thiếu năng lực số, các quốc gia sẽ phải đối mặt với bất bình đẳng như trong ngoại giao truyền thống, các quốc gia nhỏ phải đối mặt với quyền lực bất đối xứng khi các cường quốc lớn ưu thế về tiềm lực số. Bất đối xứng kỹ thuật

số có thể tạo nguy cơ mở rộng khoảng cách quyền lực. Để thực hiện ngoại giao số, nhiều quốc gia nhỏ và tầm trung ngày càng phụ thuộc vào các nền tảng số do tư nhân kiểm soát (Meta, Google, X/Twitter). Việc lạm dụng nền tảng tư nhân có thể dẫn đến việc mất tự chủ chính sách.

- *Về truyền thông chiến lược*: Điểm tích cực là khả năng truyền thông các lập trường chính sách đối ngoại của một quốc gia đến cộng đồng cả trong nước và quốc tế, vượt qua các kênh truyền thông truyền thống thường do các cường quốc kiểm soát. Hiệu quả của ngoại giao số thể hiện rõ ở khả năng vượt qua các nhà kiểm soát thông tin truyền thống, cho phép giao tiếp trực tiếp với công chúng nước ngoài. Mặt khác, các quốc gia này cũng dễ bị tổn thương về an ninh mạng, phải đối mặt với rủi ro thông tin sai lệch và mất kiểm soát diễn ngôn. Sự lan rộng của thông tin sai lệch và tuyên truyền thông qua các nền tảng kỹ thuật số đặt ra rủi ro nghiêm trọng đối với sự ổn định của quan hệ quốc tế, vì có thể làm suy yếu lòng tin và bóp méo nhận thức của công chúng. Điều này đặc biệt nguy hiểm với các quốc gia nhỏ và tầm trung vốn thiếu năng lực đối phó chủ động với thông tin sai lệch do các cường quốc phát tán.

- *Về tham gia các thể chế đa phương*: Với các quốc gia tầm trung, ngoại giao số mở ra khả năng xây dựng liên minh nhỏ xung quanh các vấn đề cụ thể mà không cần đầu tư ngoại giao truyền thống tốn kém. Ngoại giao số vận hành hiệu quả nhất trong khuôn khổ quản trị đa phương về các vấn đề kỹ thuật số như an ninh mạng, quản trị dữ liệu và AI. Tuy nhiên, việc tham gia đa phương cũng có thể bị hạn chế do vấn đề chủ quyền trong không gian số, các quyết định về thuật toán, kiểm duyệt nội dung và truy cập dữ liệu…có thể tác động trực tiếp đến hiệu quả của ngoại giao số quốc gia khi chưa có khuôn khổ pháp lý quốc tế điều chỉnh.

4.2.2. Các yếu tố tác động trong kỷ nguyên số

Xem xét các yếu tố có thể tác động đến ngoại giao số là một phần của cơ sở dự báo cho xu hướng của ngoại giao số trong thời gian tới.

Các tác giả của (Lê Đình Tĩnh (chủ biên), 2021) đã hệ thống hoá và tập hợp 4 nhân tố tác động đến ngoại giao số gồm (i) Công nghệ - nhân tố then chốt;

(ii) Vai trò quan trọng của chính phủ; (iii) Các sự kiện quan hệ quốc tế; và (iv) Các cuộc khủng hoảng. Về cơ bản đây cũng là quan điểm của nhiều học giả nghiên cứu về ngoại giao số và cũng là những yếu tố cơ bản đã và đang tác động đến xu hướng vận động của ngoại giao số. Bên cạnh đó, các đặc điểm của kỷ nguyên số được phản chiếu trong những thập niên đầu thế kỷ XXI và đang tiếp tục định hình rõ nét hơn trong thời gian tới sẽ có những tác động bổ sung vào xu thế vận động của ngoại giao số.

Bước vào thế kỷ XXI, thế giới đang bước vào *"kỷ nguyên số"* (digital age), thuật ngữ này đã được hầu hết các tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia trên thế giới sử dụng. Theo LHQ, các công nghệ số đang phát triển nhanh hơn bất kỳ sáng tạo nào trong lịch sử loài người. Dữ liệu được thế giới tạo ra và lưu trữ trong năm năm trở lại đây được cho là lớn hơn toàn bộ dữ liệu loài người tạo ra trước đó (Nguyễn Việt Lâm, 2021). Kỷ nguyên số với những đặc điểm, tính chất mới, có mức độ tác động sâu rộng chưa từng có đến tất cả các khía cạnh đời sống quốc tế bao gồm cả chính trị, kinh tế, an ninh, văn hóa, xã hội… Có thể khái quát đặc điểm nổi bật của kỷ nguyên số bao gồm: (1) quá trình chuyển đổi số toàn cầu làm thay đổi tổng thể và toàn diện phương thức phát triển của xã hội, lối sống và hoạt động trên nền tảng số; (2) Định hình một không gian ảo ở quy mô toàn cầu ngày càng đan xen chặt chẽ với không gian thực, có khả năng kết nối mạnh mẽ, vượt ra khỏi giới hạn địa lý và không còn chịu sự kiểm soát hoàn toàn của các chính phủ.

Kỷ nguyên số tác động đến vận động của thế giới cũng như của từng quốc gia, doanh nghiệp, người dân… trong thời gian tới. Trong đó nổi bật nhất là sự gia tăng vai trò của tác nhân phi nhà nước. Các tổ chức phi chính phủ (NGOs), các công ty công nghệ lớn, các tổ chức xã hội dân sự, và các cá nhân có ảnh hưởng (influencers) đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chính trị quốc tế. Những tác nhân này sử dụng các nền tảng kỹ thuật số để ảnh hưởng đến các quyết định chính trị và ngoại giao. Vì thế, trong chính trị quốc tế đang diễn ra *sự dịch chuyển của quyền lực và thông tin*. Trước đây, các thông tin liên quan đến

ngoại giao thường bị kiểm soát bởi các cơ quan chính phủ và tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, với sự phát triển của công nghệ số, quyền lực về thông tin đã dần dịch chuyển từ các tổ chức chính thức sang công chúng và các cá nhân. Sự thay đổi này đòi hỏi ngoại giao phải thích ứng với bối cảnh mới, khi thông tin được chia sẻ công khai và nhanh chóng. Điều này đã dẫn đến sự cần thiết phải phát triển các chiến lược tập trung vào chuyển đổi số, trong đó có vai trò của ngoại giao số để tương tác với những tác nhân này.

Trong bối cảnh đó, các *quốc gia trên thế giới đang tích cực, chủ động triển khai chiến lược*, chính sách về hội nhập quốc tế, chú trọng thúc đẩy kinh tế số và các thỏa thuận thương mại quốc tế thế hệ mới. Hoa Kỳ là quốc gia đi đầu về đầu tư cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Trung Quốc đặt mục tiêu tham vọng trở thành cường quốc công nghệ hàng đầu thế giới với Kế hoạch "Chế tạo tại Trung Quốc 2025" (Made in China 2025) chú trọng hình thành năng lực tự chủ công nghệ - sáng tạo. Hầu hết các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á đều có những chiến lược ở cấp quốc gia để phát triển kinh tế số, như chiến lược "Wawasan Brunei 2035" của Brunei; các mục tiêu quốc gia về kỷ nguyên số tới năm 2023 của Campuchia; các kế hoạch, lộ trình phát triển hạ tầng số, thương mại điện tử và doanh nghiệp số của Indonesia; Tầm nhìn công nghệ thông tin 2030 của Lào; chiến lược "Malaysia số" của Malaysia; hoạt động của Ủy ban phát triển kinh tế số của Myanmar; chiến lược số quốc gia của Phillipines; kế hoạch trở thành một quốc gia thông minh đi đầu thế giới về công nghệ thông tin - truyền thông của Singapore; kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số của Thái Lan giai đoạn 2014 - 2034…(Nguyễn Việt Lâm, 2021)

Biến động của chính trị quốc tế trong kỷ nguyên số cũng diễn ra một cách nhanh chóng và liên tục. Biến động chính trị quốc tế có tác động sâu sắc đến sự phát triển và triển khai của ngoại giao số theo nhiều cách khác nhau:

- Thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình số hóa ngoại giao: Căng thẳng địa chính trị giữa các cường quốc như Hoa Kỳ - Trung, Nga - phương Tây… có thể thúc đẩy một số quốc gia đầu tư mạnh hơn vào các nền tảng ngoại giao số để truyền

bá quan điểm của mình, đồng thời cản trở hợp tác số giữa các nước đối lập. Các quốc gia có quan hệ đồng minh chặt chẽ có thể tăng cường hợp tác ngoại giao số, ví dụ như chia sẻ dữ liệu tình báo, phối hợp truyền thông trên nền tảng số.

- Chiến tranh thông tin và ngoại giao công chúng số: Các cuộc khủng hoảng chính trị và xung đột (như chiến tranh Nga - Ukraine, cuộc xung đột Israel - Hamas) đã dẫn đến việc sử dụng ngoại giao số như một công cụ để tranh giành ảnh hưởng dư luận toàn cầu. Trong bối cảnh căng thẳng, các quốc gia có thể áp đặt lệnh cấm hoặc kiểm soát nền tảng số của nước khác (ví dụ: Hoa Kỳ hạn chế TikTok vì lo ngại an ninh quốc gia, Nga hạn chế Facebook, Twitter).

- Ảnh hưởng đến các tổ chức đa phương và hợp tác quốc tế, gây gián đoạn hợp tác số. Căng thẳng chính trị có thể khiến các nước rút khỏi hoặc hạn chế hợp tác trong các tổ chức toàn cầu về công nghệ số. Hoặc các quốc gia có thể thành lập các liên minh về công nghệ để đối phó với những đối thủ chính trị, ví dụ như Liên minh D10 (Democracy) gồm 10 nước[20] với mục đích giảm phụ thuộc vào công nghệ Trung Quốc.

- Làm sâu sắc hơn nữa sự phân cực trong không gian mạng và công nghệ số: Thế giới đang dần chia thành các "khối công nghệ" riêng biệt. Các nước châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản sử dụng hệ sinh thái số do Google, Facebook, Microsoft, Amazon cung cấp, trong khi đó, Trung Quốc và một số nước khác lại sử dụng hệ sinh thái riêng như WeChat, TikTok, Alibaba Cloud, Baidu. Còn Nga thì tạo hệ sinh thái riêng như VKontakte (thay thế Facebook), RuTube (thay thế YouTube). Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến cách các nước tiến hành ngoại giao số, vì họ sẽ sử dụng các nền tảng khác nhau và khó tiếp cận nhau hơn.

Sự thay đổi chính sách của các nước lớn như Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc… các cuộc xung đột diễn ra và kéo dài ở nhiều nơi trở là môi trường thúc đẩy cho ngoại giao số phát triển, đồng thời cũng gia tăng các mặt tiêu cực của phương

[20] Liên minh D10 (Democracy 10) là sáng kiến của Vương quốc Anh đưa ra năm 2020. Mục tiêu chính của nhóm này là giảm sự phụ thuộc vào công nghệ Trung Quốc (đặc biệt là Huawei trong mạng 5G) và thúc đẩy hợp tác công nghệ giữa các nước dân chủ. 10 nước trong Liên minh D10 gồm: Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản, Đức, Pháp, Canada, Ý, Hàn Quốc, Australia, Ấn Độ.

thức ngoại giao này khi được sử dụng làm công cụ cạnh tranh quyền lực. Điều này khiến ngoại giao số có thể trở thành công cụ của cạnh tranh địa chính trị hơn là đối thoại quốc tế.

Ngoài ra, do công nghệ vẫn là yếu tố then chốt trong việc phát triển ngoại giao số, vì thế, *sự chênh lệch giữa các quốc gia* về trình độ kỹ thuật số hay kỹ năng công nghệ và năng lực của nhân sự ngoại giao, có thể dẫn đến sự mất cân bằng trong đàm phán và hợp tác quốc tế. Bởi lẽ, không phải tất cả các quốc gia đều có năng lực công nghệ tương đương, hay không phải tất cả các quốc gia đều có khả năng tiếp cận và sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến. Điều này tạo ra sự bất bình đẳng về khả năng tham gia vào ngoại giao số. Các nước phát triển có lợi thế lớn trong việc triển khai ngoại giao số, còn những nước kém phát triển hoặc thiếu hạ tầng kỹ thuật số có thể bị thiệt thòi. Chính vì vậy, khoảng cách số này có thể tái tạo bất bình đẳng quyền lực trong hệ thống quốc tế, tác động tiêu cực đến ngoại giao số.

Nhìn chung sự phát triển của ngoại giao kỹ thuật số phần lớn bị ảnh hưởng bởi sự phát triển của các nền tảng truyền thông xã hội và khả năng tương tác với các chủ thể chính trị quốc tế. Bốn yếu tố chính định hình xu hướng phát triển của ngoại giao số bao gồm: kỹ thuật số, toàn cầu, kết nối và thay đổi nhanh chóng (Adesina, 2017). Các yếu tố này hiện diện trong ngoại giao kỹ thuật số theo bản chất, đặc điểm riêng của mỗi chủ thể chính trị quốc tế và điều này sẽ tiếp tục quyết định sự phát triển của ngoại giao số trong tương lai.

4.2.3. Xu hướng vận động của ngoại giao số

Trên cơ sở phân tích những yếu tố tích cực/hạn chế của ngoại giao số, những nhân tố tác động, cơ hội và thách thức của kỷ nguyên số… có thể khái quát xu hướng phát triển ngoại giao số như sau:

(a) *Ngoại giao số chưa thể thay thế hoàn toàn ngoại giao truyền thống.*

Ngoại giao truyền thống đã phát triển trong suốt quá trình lịch sử dài, thích ứng với yêu cầu của các quốc gia, với tính cách của các nhà lãnh đạo, với xung đột, liên minh và sự thay đổi mô hình… Ngoại giao truyền thống dựa vào

sự tương tác cá nhân. Chính vì vậy, những kỹ năng cần thiết để thực hiện sứ mệnh của các nhà ngoại giao về cơ bản vẫn không thay đổi. Phương thức ngoại giao truyền thống, tương tác giữa đại diện của các quốc gia có chủ quyền vẫn đóng vai trò quan trọng. Điều mà các công cụ số khó có thể thay thế là yếu tố con người và giao tiếp trực tiếp để xây dựng lòng tin. Những cuộc đàm phán kín, thỏa thuận bí mật thường yêu cầu sự hiện diện trực tiếp để đảm bảo tính bảo mật và hiểu rõ thái độ thực sự của đối phương. Ngôn ngữ cơ thể, sắc thái biểu cảm và các tín hiệu phi ngôn ngữ không thể truyền tải đầy đủ qua các kênh kỹ thuật số.

Ngoại giao kỹ thuật số vẫn bị giới hạn khả năng xử lý các vấn đề phức tạp và nhạy cảm. Những cuộc khủng hoảng lớn như xung đột quân sự, đàm phán hạt nhân, tranh chấp biên giới… đòi hỏi các cuộc đối thoại trực tiếp với sự tham gia của nhiều bên. Các vấn đề cần thương lượng đa tầng như hiệp định thương mại, hiệp ước quốc tế… rất khó thực hiện hiệu quả chỉ qua các nền tảng trực tuyến.

Ngoại giao số không thể thay thế hoàn toàn vai trò của các đại sứ quán và tổ chức quốc tế. Bởi lẽ, đại sứ quán không chỉ là nơi trao đổi thông tin mà còn là cầu nối giữa các chính phủ, xử lý thị thực, bảo hộ công dân, và thực hiện các hoạt động văn hóa – những điều này không thể thực hiện hoàn toàn trên môi trường số. Các hội nghị quốc tế như G20, LHQ, ASEAN… cũng là cơ hội để các nguyên thủ quốc gia gặp mặt không chính thức, vì vậy vẫn cần sự gặp gỡ trực tiếp để có thể đạt được cam kết chính trị mạnh mẽ hơn.

Mặt khác, những hạn chế hiện thời của bảo mật thông tin, an ninh mạng, sự chênh lệch về hạ tầng số giữa các quốc gia… cũng khiến nhiều nhà lãnh đạo, các quan chức cấp cao lựa chọn phương pháp ngoại giao truyền thống hơn là ngoại giao số.

Tuy nhiên, trong thế giới kết nối ngày nay, không chỉ các quốc gia mà các cá nhân và tổ chức…, đóng vai trò lớn ngày càng quan trọng trong các vấn đề quốc tế. Ngoại giao số là một phương thức thích ứng với bối cảnh mới, bổ trợ hiệu quả cho ngoại giao truyền thống.

(b) *Nhu cầu về ngoại giao kỹ thuật số sẽ tiếp tục gia tăng*.

Sự phát triển của ngoại giao số sau COVID-19 không chỉ là một xu hướng nhất thời mà đang trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động ngoại giao toàn cầu. Với sự tiến bộ của công nghệ và nhu cầu tăng cường kết nối quốc tế, ngoại giao số sẽ tiếp tục mở rộng và đổi mới, mở ra những khả năng và cơ hội mới trong bối cảnh toàn cầu. Thế giới là nơi các thực thể nhà nước và phi nhà nước đều cạnh tranh để giành ảnh hưởng và quyền lực trong cùng một không gian trực tuyến. Không gian đó hiện có hơn 3 tỷ người, hầu hết trong số họ chỉ truy cập internet thông qua điện thoại di động (Lowy Interpreter, 2015). Khi được sử dụng đúng cách, ngoại giao kỹ thuật số là một sự bổ sung thuyết phục và kịp thời cho ngoại giao truyền thống, có thể giúp một quốc gia thúc đẩy các mục tiêu chính sách đối ngoại của mình, mở rộng phạm vi tiếp cận quốc tế và thậm chí tác động đến những cá nhân chưa bao giờ đặt chân đến bất kỳ đại sứ quán nào trên thế giới.

Ngoại giao kỹ thuật số không thay thế ngoại giao truyền thống, nhưng nó có thể củng cố công tác của nhà nước trong quan hệ quốc tế một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Ngày nay, nó là một yếu tố thiết yếu để hiện thực hóa chính sách đối ngoại. Ngoại giao kỹ thuật số giúp ích rất nhiều trong việc thúc đẩy các mục tiêu chính sách đối ngoại, mở rộng sự liên kết quốc tế. Tương tác trực tiếp của công chúng và sự tham gia của các tác nhân phi nhà nước khiến các quốc gia sử dụng phương tiện truyền thông xã hội và ngoại giao kỹ thuật số như một cách để duy trì tính hợp pháp và phát triển hoặc củng cố các mối quan hệ trong một thế giới đang thay đổi.

(c) *Ngoại giao số đã vượt khỏi khuôn khổ của ngoại giao công chúng.*

Ngoại giao số cho phép các quốc gia tiếp cận rộng rãi hơn với công chúng toàn cầu và các nhóm cộng đồng lớn hơn, không giới hạn bởi biên giới địa lý. Điều này không chỉ giúp truyền tải thông điệp một cách hiệu quả mà còn cải thiện việc xây dựng hình ảnh quốc gia và tăng cường sức mạnh mềm. Vì vậy, các nước từng sử dụng ngoại giao kỹ thuật số khá nhiều, chủ yếu như một phương tiện của ngoại giao công chúng. Tuy nhiên, kỷ nguyên số đã mở rộng các vấn đề

toàn cầu trên một không gian mới, chính vì vậy, các quốc gia cũng cần phải tăng cường đối thoại đa phương và hợp tác quốc tế phát triển chuyển đổi số đồng thời cũng để hạn chế những thách thức về bảo mật thông tin và an ninh mạng. Trong thời gian tới, đây có thể sẽ là mục tiêu được các chủ thể chính trị quốc tế ưu tiên và chú trọng hơn.

Ngoài ra, việc sử dụng ngoại giao kỹ thuật số cho các mục đích kinh tế cũng rất quan trọng và đây là lý do ngoài ICDD, Indonesia cũng sẽ đăng cai tổ chức Diễn đàn Kinh doanh kinh tế sáng tạo ASEAN (ACEBF), đồng thời có kế hoạch thúc đẩy vấn đề ngoại giao số trong ASEAN và Nhóm Các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20).

(d) *Tốc độ phát triển và mức độ triển khai ngoại giao số sẽ không đồng đều giữa các chủ thể chính trị quốc tế.*

Ngoại giao kỹ thuật số là một chính sách đối ngoại thiết yếu của các quốc gia, song, sự phát triển ngoại giao số của mỗi chủ thể lại phụ thuộc rất nhiều và năng lực và ý chí chính trị của chủ thể đó. Lực cản cho sự phát triển của ngoại giao số giữa các quốc gia xuất phát từ một số nguyên nhân như: lòng tin vào ngoại giao kỹ thuật số do các quan ngại về an ninh mạng, quyền riêng tư dữ liệu và quản trị Internet; khoảng cách trong ngoại giao kỹ thuật số giữa các quốc gia; và khả năng sử dụng ngoại giao kỹ thuật số để giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Dưới góc nhình của chính trị quốc tế, xu hướng của ngoại giao số có thể tạo ra hai mô hình một bên là mô hình ngoại giao số mang tính cạnh tranh quyền lực của các cường quốc, và bên kia là mô hình ngoại giao số mang tính chuẩn tắc và hợp tác đa phương của các tổ chức quốc tế.

Nhìn chung, ngoại giao số phản ánh sự thay đổi về cách thức các quốc gia tương tác và phối hợp với nhau trong một thế giới ngày càng kết nối và phụ thuộc vào công nghệ. Trong thời đại Hậu COVID-19, ngoại giao số đã và đang trở thành một xu hướng phát triển quan trọng, là một công cụ mạnh mẽ giúp xã hội hòa bình và thịnh vượng, mở ra những khả năng và cơ hội mới trong bối cảnh toàn cầu. Điều này rất quan trọng cho sự tồn tại của một thế giới kết nối. Ngoại

giao số đã thúc đẩy xu hướng số hóa trong lĩnh vực ngoại giao, tạo tiền đề cho các hình thức hợp tác quốc tế linh hoạt hơn trong tương lai.

4.3. Ngoại giao số của Việt Nam

4.3.1. Nhận thức về ngoại giao số của Việt Nam

Nhận thức về ngoại giao số cần phải được xây dựng dựa trên nhận thức và quan điểm của chiến lược phát triển quốc gia. Quan điểm về vai trò của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số của Việt Nam được thể hiện rõ nét trong hàng loạt các văn bản của Đảng và Nhà nước, thể hiện chủ trương phát triển quốc gia trong kỷ nguyên số. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã xây dựng và ban hành các chương trình hành động và chiến lược quốc gia tương ứng với các lĩnh vực liên quan, như Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI.

Có thể kể đến, Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/03/2018, của Bộ Chính trị, *về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*(Cổng thông tin điện tử chính phủ, 2020)*;* Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/09/2019, của Bộ Chính trị, *về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*... đã đặt ra những nhiệm vụ mới đòi hỏi ngoại giao Việt Nam phải có những điều chỉnh, thích ứng, đồng hành cùng các bộ ngành và cả hệ thống chính trị trong nỗ lực chú động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam được nhắc đến: "Mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác về khoa học, công nghệ với các đối tác, đặc biệt là các nước đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến, đang đi đầu trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chủ động tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu" (Cổng thông tin điện tử chính phủ, 2020b). Nhận thức này cho thấy các nhà hoạch định chính sách đã xác định được vai trò quan trọng của ngoại giao trong nỗ lực thúc đẩy Việt Nam phát triển, hội nhập quốc tế trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ngày 03/06/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ- TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025,

định hướng đến 2030. Mục tiêu cơ bản được đề ra: "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu" (Cổng thông tin điện tử chính phủ, 2020c). Năm 2020 được xác định là năm khởi động chuyển đổi số quốc gia. Ngày Chuyển đổi số Việt Nam 2020 (DX Day Vietnam) lần thứ nhất đã diễn ra trong hai ngày 11 và 12/8/2020 tại Hà Nội. Ngày 22/04/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 505/QĐ-TTg về Ngày Chuyển đổi số quốc gia, theo đó lựa chọn ngày 10/10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Tại Hội nghị thượng đỉnh thương mại dịch vụ toàn cầu diễn ra tháng 9/2021, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã có bài phát biểu quan trọng về quan điểm của Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế số, công nghệ số và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này (Báo Điện tử Chính phủ, 2021). Thủ tướng Phạm Minh Chính đã nhấn mạnh lợi thế Việt Nam với thị trường gần 100 triệu dân cùng mạng lưới 17 hiệp định thương mại tự do hứa hẹn đầy tiềm năng cho sự phát triển kinh tế số. Quan điểm của Việt Nam là hướng đến sự hợp tác quốc tế trong việc ứng dụng công nghệ số nhằm giúp phục hồi kinh tế toàn cầu, chú trọng đến kinh tế số nhằm hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của LHQ. Tuyên bố trên đánh dấu bước quan trọng trong ngoại giao số của Việt Nam. Việt Nam đã từng bước hội nhập kinh tế số với chiến lược đi từ khu vực.

Một sự kiện quan trọng đối với ngoại giao số Việt Nam là phiên thảo luận mở trực tuyến với chủ đề đề "Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế trên không gian mạng" vào tháng 6/2021. Tại đây, đại diện Việt Nam là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn đã đưa ra quan điểm mạnh mẽ. Ông khẳng định an ninh mạng có ý nghĩa then chốt đối với hòa bình, an ninh, phát triển và thịnh vượng ở mọi cấp độ quốc gia và toàn cầu; chủ quyền và lợi ích của mỗi quốc gia trên không gian mạng cần được tôn trọng một cách đầy đủ. Cần có giải pháp toàn cầu đối với an ninh mạng, theo đó, cộng đồng quốc tế cần thiết lập một khuôn khổ quốc tế với những quy tắc, chuẩn mực ứng xử có trách nhiệm trên không gian mạng, trên cơ

sở đồng thuận và có sự tham gia rộng rãi, đầy đủ của các nước. Điều này cho thấy ngoại giao số mà Việt Nam theo đuổi còn phải kể đến câu chuyện an ninh mạng, tạo nên các chuẩn mực quốc tế (Nguyễn Thành Trung, 2022).

Ngày 22/12/2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong đó nêu rõ, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc (Báo Điện tử chính phủ, 2024).

Ở cấp độ Bộ Ngoại giao, trong bối cảnh Đại dịch COVID-19, nhận thức được tầm quan trọng của ngoại giao số, Hội nghị Ngoại giao lần thứ 31 tháng 12/2021 đã xác định ngoại giao số cũng là một nội hàm ưu tiên thúc đẩy. Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh đã nêu rõ, xây dựng nền ngoại giao hiện đại cần sử dụng nhiều phương thức khác nhau, trong đó có ngoại giao số để bắt kịp xu thế toàn cầu, tức là áp dụng công nghệ, khoa học để tiến hành các phương thức ngoại giao; một số nước trên thế giới đã áp dụng hình thức đại sứ quán ảo… Tiếp tục mở rộng tầm bao phủ hơn nữa đến tất cả các nước, cần cân nhắc đến ngoại giao số, đặc biệt tại các đại sứ quán kiêm nhiệm ở khu vực Hoa Kỳ La tinh, châu Phi…Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo xây dựng nền ngoại giao hiện đại cũng cần được tiếp tục phát huy nhằm huy động nguồn nhân lực có năng lực, hiểu biết nhiều vấn đề, có văn hóa, trình độ, phù hợp với xu thế ngoại giao số như hiện nay…

Tháng 11/2022, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã tổ chức tọa đàm với chủ đề "Triển khai Ngoại giao số của Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị", nhằm triển khai các định hướng quan trọng về ngoại giao số, song hành triển khai cùng Kế hoạch chuyển đổi số tại Bộ Ngoại giao. Tọa đàm diễn ra theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến, dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Ngoại giao Phạm Quang Hiệu và sự tham gia của đông đảo đại diện các Bộ, ban, ngành, cơ quan

làm công tác đối ngoại và thông tin tuyên truyền, một số doanh nghiệp Việt Nam đi đầu trong công tác chuyển đổi số, cùng hơn 80 Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các đơn vị của Bộ Ngoại giao. Các bài phát biểu tại tọa đàm nhận định chuyển đổi số đang tạo một sân chơi bình đẳng trên phạm vi toàn cầu, trong đó các nước đều phải đẩy nhanh tiến trình này để không bị tụt hậu. Trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, ngoại giao số ngày càng khẳng định vai trò không thể thiếu và là công cụ đắc lực để các nước triển khai chính sách đối ngoại, nâng cao tiếng nói, vai trò và vị thế trên thế giới. Các quốc gia có trình độ phát triển khác nhau đều nhanh chóng nắm bắt để có thể triển khai chính sách đối ngoại một cách hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã thúc đẩy chuyển đổi số, hợp tác số trở thành một nội hàm ngày càng quan trọng trong quan hệ quốc tế. Công nghệ số hiện nay không còn đơn thuần là một yếu tố kỹ thuật, mà là một lĩnh vực hợp tác ngày càng quan trọng giữa các quốc gia, với nhiều quan hệ đối tác số được thiết lập.

Những nội dung chia sẻ, thảo luận tại Tọa đàm góp phần thúc đẩy việc chuyển đổi số trong triển khai hoạt động đối ngoại của Việt Nam theo hướng bài bản hơn, với chiến lược và định hướng, phương châm, quan điểm cụ thể. Đồng thời, công tác đối ngoại cũng nỗ lực phát huy vai trò tiên phong trong thúc đẩy hội nhập về các nội hàm và lĩnh vực liên quan công nghệ số, tạo thuận lợi cho sự tham gia của Việt Nam trong các liên kết kinh tế số, cùng các nước định hình luật chơi phù hợp với lợi ích của ta, qua đó góp phần tranh thủ nguồn lực phục vụ giai đoạn phát triển mới của đất nước (Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2022).

Ngày 23/09/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 292/NQ-CP về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu của Kế hoạch là xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, tương xứng với thế và lực của Việt Nam, thực sự trở thành lực lượng tiên phong, nòng cốt thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong kỷ nguyên vươn mình

của dân tộc. Đồng thời, cụ thể hóa chủ trương, đường lối và định hướng đối ngoại thành các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó lần đầu tiên, Chính phủ nhấn mạnh việc "chú trọng xây dựng ngành ngoại giao số" cùng với triển khai các dự án hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động chuyển đổi số, Chính phủ số của Bộ Ngoại giao (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2025, tr.6).

Có thể thấy, cũng giống như nhiều quốc gia khác trên thế giới, chỉ từ khi Đại dịch COVID-19 xảy ra, Việt Nam ý thức về vai trò của ngoại giao số mới dần hình thành rõ nét. Tuy nhiên nhận thức về vai trò của chuyển đổi số, khoa học công nghệ đối với mục tiêu phát triển quốc gia đã được định hình từ khá sớm. Trên nền tảng đó, việc ngoại giao số của Việt Nam được bắt đầu hình thành như một kết quả tất yếu của việc thích nghi với bối cảnh và môi trường chính trị quốc tế mới. Như vậy, ngoại giao số Việt Nam đang dần hình thành cũng góp phần vào hệ thống chính sách nhằm thúc đẩy cuộc cách mạng 4.0 cũng như chuyển đổi số của Việt Nam. Đây là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng và vận hành các hoạt động ngoại giao số.

4.3.2. Thực trạng ngoại giao số của Việt Nam

Bước vào thế kỷ XXI, công nghệ cũng đã xâm nhập vào ngành ngoại giao của Việt Nam, điển hình như năm 2007, hệ thống Website Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã chính thức khai trương. Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm đã tới dự và phát lệnh khai trương hệ thống này trên mạng Internet toàn cầu (Báo Điện tử Chính phủ, 2007). Mặc dù, Việt Nam đã nhận thức tầm quan trọng của Cách mạng 4.0 cũng như vai trò của công nghệ thông tin trong thế kỷ XXI. Song, trên thực tế, trước năm 2019, việc triển khai ngoại giao số vẫn chưa thực sự được thúc đẩy. Chính Đại dịch COVID-19 đã tạo tình thế buộc nhiều tổ chức, đơn vị phải bắt tay vào quá trình chuyển đổi số. Đại dịch COVID- 19 là thử thách nhưng đây cũng là thời điểm thích hợp để chương trình chuyển đổi số được khởi động. Đặc biệt đối với các

hoạt động ngoại giao, các lệnh cách ly trong Đại dịch không chỉ buộc các hoạt động ngoại giao truyền thống phải thay thế bằng các hoạt động ngoại giao số, các hoạt động ngoại giao thậm chí còn gia tăng tần suất và cường độ khi chính phủ thúc đẩy ngoại giao vaccine.

Khi Đại dịch COVID-19 bùng nổ, cũng là thời điểm năm 2020, Việt Nam tiếp nhận và đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN, đồng thời, cũng chính là năm đầu tiên trong nhiệm kỳ 2020-2021, Việt Nam giữ cương vị ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ. Đứng trước nguy cơ phải hủy, hoãn hàng loạt cuộc họp, do dịch bệnh bùng phát đầu năm 2020, khi Việt Nam và các quốc gia trong khu vực bắt đầu có những biện pháp cách ly, Bộ Ngoại giao Việt Nam cùng các quốc gia khác trong ASEAN nhanh chóng phối hợp tiến hành triển khai ngoại giao số đúng lúc. Ngay trong ngày 4/2/2020, khi các quốc gia ASEAN bắt đầu ghi nhận những ca nhiễm đầu tiên, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc điện đàm với Tổng thống Indonesia Joko Widodo, trao đổi về việc hợp tác giữa các nước ASEAN nhằm đối phó với dịch bệnh. Việc sử dụng ngoại giao số đã giúp Việt Nam chủ động kết nối với các quốc gia được trong hoàn cảnh đặc biệt. Ngày 31/3/2020, Việt Nam đã tổ chức hội nghị trực tuyến đầu tiên của Nhóm làm việc Hội đồng điều phối ASEAN về tình trạng khẩn cấp y tế. Ngày 14/4/2020, Hội nghị Cấp cao đặc biệt ASEAN và Hội nghị Cấp cao đặc biệt ASEAN+3 về ứng phó dịch bệnh COVID-19 đã diễn ra với sự chủ trì từ Việt Nam. Hội nghị quan trọng của khối đã đạt thành công khi thống nhất thành lập Quỹ ASEAN ứng phó COVID-19.

Ngoài việc duy trì trao đổi song phương thông qua những cuộc điện đàm cùa Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc với những người đồng cấp khác trong ASEAN trao đổi về hợp tác phòng chống dịch, về hợp tác kinh tế trước những thử thách khó khăn trong kinh tế… thì một trong những thành tựu quan trọng mà ASEAN đã đạt được trong giai đoạn này chính là lễ ký kết trực tuyến các nước tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) ngày 15/11/2020. Riêng trong năm 2020, ASEAN đã ghi nhận tổ chức hơn 550 hội

nghị, cuộc họp tổ chức trực tuyến, thông qua gần 200 văn kiện. Ngoại giao số đã giúp đối thoại thông suốt, giữ được môi trường cho hợp tác khu vực.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã có những bước chủ động sử dụng ngoại giao số trên các diễn đàn hợp tác song phương, đa phương vừa đảm bảo nhiệm vụ ngoại giao đặt ra vừa giải quyết các vấn đề cấp bách trong thời kỳ Đại dịch. Việt Nam hoàn thành cương vị Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên họp quốc tháng 1/2020 và sau đó, ngày 21/5/2020, Đại sứ Đặng Đình Quý, Trưởng Phái đoàn Việt Nam tại LHQ đã chủ trì buổi trao đổi không chính thức trực tuyến đầu tiên giữa Đại sứ 10 nước Ủy viên không thường trực với Tổng Thư ký LHQ António Guterres. Buổi làm việc này đã khẳng định năng lực tận dụng công nghệ số trong triển khai hoạt động ngoại giao của Việt Nam. Ngày 20/3/2020, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh đã tham dự Hội nghị trực tuyến cấp Bộ trưởng ASEAN-EU về ứng phó dịch COVID-19, khẳng định vai trò, trách nhiệm cùa ASEAN cũng như Việt Nam với cộng đồng trong phòng chống dịch. Ngoại giao số không chỉ hỗ trợ việc ngắt quãng các hoạt động ngoại giao mà còn thúc đẩy ngoại giao phát triển và đạt nhiều thành tựu. Ngày 1/12/2020, tại Hội nghị trực tuyến Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ASEAN-EU lần thứ 23, ASEAN và EU chính thức tuyên bố nâng cấp quan hệ đối tác đối thoại ASEAN-EU lên đối tác chiến lược.

Ngoại giao số tiếp tục được Việt Nam áp dụng trong năm 2021, Việt Nam tiếp tục tận dụng các cuộc điện đàm, các cuộc họp trực tuyến trong nỗ lực kết nối với các quốc gia, nhằm giải quyết vấn đề dịch bệnh cũng như hoàn thành tốt các vị trí ngoại giao đảm nhiệm. Tháng 6/2021 đánh dấu sự kiện ngoại giao số nổi bật khi Việt Nam và Singapore khởi động những cuộc đàm phán đầu tiên cho một hiệp định kinh tế số giữa hai quốc gia. Nhằm đảm bảo một môi trường an toàn cho các hoạt động sử dụng công nghệ số, an ninh mạng là yếu tố không thể bỏ qua. Về khía cạnh này, Việt Nam cũng đã chủ động tìm kiếm sự hợp tác trong và ngoài khu vực với Singapore, các quốc gia EU, Nga, Ấn Độ và Hoa Kỳ.

Trong giai đoạn này, các hoạt động ngoại giao số mà Việt Nam đã lựa chọn không quá phức tạp, các quốc gia trong ASEAN đều có thể thực hiện được.

Việt Nam đã chủ động tạo ra môi trường làm việc khẩn trương thông qua các cuộc họp trực tuyến, ứng dụng được ngoại giao số đúng bối cảnh, vận dụng được ngoại giao số trong việc quản trị khu vực. Việt Nam với vai trò Chủ tịch ASEAN đã linh hoạt và nhanh chóng điều chỉnh phương thức hoạt động của khối với hình thức mới. Do đó, ngoại giao số đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ dẫn dắt trong vai trò Chủ tịch ASEAN của Việt Nam.

Như vậy, việc triển khai ngoại giao số của Việt Nam trong thời kỳ Đại dịch COVID-19 đã trở thành cứu cánh giúp Việt Nam không những hoàn thành được những nhiệm vụ ngoại giao mà còn giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp thiết của thời kỳ dịch bệnh. Mặc dù đang trong thời kỳ khó khăn do dịch bệnh COVID- 19, Việt Nam thông qua ngoại giao số vẫn đảm bảo được mục tiêu của nhiệm vụ đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương. Bên cạnh đó, thông qua ngoại giao số, hình ảnh tích cực của Việt Nam trong dịch bệnh đã được quảng bá hiệu quả, tạo dấu ấn trong cộng đồng quốc tế. Điển hình như bài hát "Vũ điệu rửa tay", một dự án của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường Việt Nam (trực thuộc Bộ Y tế) với sứ mệnh "Nâng cao nhận thức và xây dựng thói quen phòng chống đại dịch COVID-19" được truyền thông thế giới liên tục đăng tải thông tin. Cùng với đó là hình ảnh chống dịch của Việt Nam trong năm 2020 được xem như là hình mẫu về hiệu quả phòng chống dịch. Mặc dù, đây không phải là một chiến dịch thông tin bài bản nhưng đã tạo hiệu ứng vượt ngoài tính toán ban đầu, là một lợi thế rất lớn về mặt truyền thông đối ngoại.

Sau Đại dịch COVID- 19, các hoạt động ngoại giao truyền thống trở lại, các hoạt động ngoại giao số của Việt Nam cũng trầm lắng hơn. Điều đó cho thấy, ngoại giao số được sử dụng trong thời kỳ COVID-19 mang tính tình thế nhiều hơn, chưa có tính chiến lược. Tuy nhiên giai đoạn này cũng đã cho thấy tầm quan trọng cũng như năng lực ngoại giao số của Việt Nam.

Nhìn chung, Việt Nam đang từng bước *hoàn thiện khung pháp lý và chính sách hỗ trợ cho các hoạt động ngoại giao số*. Các bộ, ngành liên quan như Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp để xây dựng các quy định

liên quan đến ứng dụng công nghệ trong ngoại giao. Tháng 11/2021, Bộ Ngoại giao phối hợp với Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) tổ chức Hội nghị "Phát huy nền tảng số trong đổi mới công tác thông tin đối ngoại của Bộ Ngoại giao", cho thấy chuyển đổi số đang là một trong những nhu cầu hết sức cấp bách đối với ngành ngoại giao, đặc biệt là chuyển đổi số trong công tác thông tin đối ngoại (Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam – Bộ Ngoại giao, 2025). Chính vì vậy, đây được coi là một trong những trọng tâm công tác của Bộ Ngoại giao, là cơ sở quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Hội nghị Ngoại giao lần thứ 31 tháng 12/2021 đã xác định "sớm nghiên cứu, triển khai các hướng đi mới, cách làm mới như ngoại giao số, ngoại giao về biến đổi khí hậu" (Báo Điện tử Chính phủ, 2021b), do đó ngoại giao số cũng là một nội hàm ưu tiên thúc đẩy.

Về ứng dụng công nghệ số trong ngoại giao, Việt Nam đã bắt đầu tích cực ứng dụng các công nghệ số vào các hoạt động ngoại giao, đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Các cuộc họp trực tuyến, hội nghị quốc tế, và đối thoại song phương đã được tổ chức qua các nền tảng số như Zoom, Microsoft Teams, và các hệ thống truyền thông riêng của các cơ quan chính phủ. Số hóa hoạt động ngoại giao đang diễn ra mạnh mẽ hơn, đặc biệt trong các hội nghị ASEAN, APEC, và các cuộc đối thoại song phương giữa Việt Nam với các đối tác quốc tế. Việt Nam đã bắt đầu tận dụng các nền tảng truyền thông xã hội như Facebook, Twitter, YouTube, và các trang web chính phủ để truyền tải thông tin ngoại giao, thúc đẩy hình ảnh đất nước và tiếp cận với công chúng quốc tế. Đặc biệt, Bộ Ngoại giao là một trong những cơ quan đi đầu trong phát huy truyền thông mạng xã hội với công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại. Từ năm 2015, Bộ Ngoại giao đã tiến hành khởi tạo và sử dụng mạng xã hội trong thông tin tuyên truyền và đến nay, đang vận hành các tài khoản trên các nền tảng phổ biến nhất như Facebook (bằng tiếng Việt), Twitter (bằng tiếng Anh), góp phần lan tỏa thông tin tiếp cận được nhiều nhóm đối tượng hơn, ở nhiều địa bàn hơn (Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam – Bộ Ngoại giao, 2025). Đến năm

2021, Vụ thông tin Báo chí của Bộ Ngoại giao Việt Nam đã quản lý 07 tài khoản mạng xã hội, trong đó có 02 tài khoản Twitter, gồm tài khoản Vietnam Diplomacy và của Bộ trưởng Ngoại giao (Lê Đình Tĩnh, 2021, tr.228).

Để đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, Bộ Ngoại giao triển khai riêng dự án "Xây dựng Chính phủ điện tử của Bộ Ngoại giao giai đoạn 2021-2025". Dự án được phê duyệt chính thức ngày 01/08/2023 theo Quyết định số 2031/QĐ-BNG của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, nhằm số hóa hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ đối ngoại. Đến nay, Bộ đã đạt được một số kết quả tích cực, nhất là trong xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, cải cách hành chính và phát triển cơ sở dữ liệu. Cụ thể, 100% thủ tục hành chính được đưa lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ, kết nối hệ thống này với cấp quốc gia (Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam – Bộ Ngoại giao, 2025). Bộ Ngoại giao cũng chính thức đưa vào sử dụng triển khai ba nền tảng chuyển đổi số quan trọng nhất phục vụ chỉ đạo điều hành, liên thông chia sẻ dữ liệu và phục vụ cải cách hành chính đó là: Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao - cung cấp thông tin về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước, hoạt động của Lãnh đạo Bộ, là kênh thông tin chính thống giúp tăng cường giao tiếp hai chiều giữa Bộ với người dân, tổ chức trong và ngoài nước cũng như kết nối cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trực tuyến - trung tâm của quá trình số hóa hoạt động nội bộ của Bộ; Nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu Bộ Ngoại giao - đảm bảo kết nối thông suốt, liên thông dữ liệu đa chiều cho Bộ (Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam – Bộ Ngoại giao, 2025). Hệ thống này giúp kết nối trụ sở Bộ Ngoại giao tại Hà Nội với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, qua đó nâng cao khả năng chia sẻ dữ liệu và phối hợp điều hành.

Việc triển khai đồng loạt ba nền tảng số không chỉ đánh dấu bước tiến quan trọng trong hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ Ngoại giao, mà còn thể hiện rõ cam kết thực hiện Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia.

Bên cạnh đó, *nguồn nhân lực ngoại giao số* cũng được quan tâm. Một số cán bộ ngoại giao đã được đào tạo cơ bản về công nghệ số, sử dụng các nền tảng trực tuyến để làm việc và giao tiếp với các đối tác quốc tế. Các khóa học ngắn hạn về an ninh mạng và kỹ năng số đang được triển khai cho cán bộ ngoại giao. Bộ Ngoại giao cũng đã ban hành Kế hoạch hưởng ứng Phong trào "Bình dân học vụ số" trong ngành Ngoại giao; triển khai đào tạo, tập huấn các phần mềm, nền tảng số mới sắp đưa vào sử dụng thuộc dự án xây dựng Chính phủ điện tử của Bộ.

Việt Nam cũng quan tâm và *thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngoại giao số*. Đã có những bước đầu trong việc phát triển các chính sách về an ninh mạng để bảo vệ các hệ thống thông tin ngoại giao khỏi các cuộc tấn công mạng. Chính phủ cũng đang thúc đẩy hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực này. Việt Nam đã tích cực tham gia vào các diễn đàn quốc tế liên quan đến công nghệ và an ninh mạng, như hợp tác với LHQ, ASEAN, và các tổ chức quốc tế khác để thúc đẩy an ninh mạng và trao đổi thông tin về ngoại giao số. Ở vị trí Chủ tịch ASEAN trong năm 2020, Việt Nam đã chủ động đề xuất xây dựng Chỉ số Hội nhập số ASEAN. Việt Nam nhìn nhận vai trò quan trọng của công nghệ số cũng như sự hợp tác phát triển công nghệ số giữa các quốc gia là nhân tố quan trọng đảm bảo môi trường bền vững, hòa bình cho hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới. Tháng 11/2021, Việt Nam tham gia Hội nghị Quốc tế về ngoại giao số (ICDD) năm do Bộ Ngoại giao Indonesia tổ chức…

Thông qua các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế, ngoại giao dẫn dắt, kiến tạo trong chuyển đổi số quốc gia cũng được coi là một nội dung quan trọng**.** Trong năm 2025, các nội dung về chuyển đổi số, kinh tế số, chính phủ số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) và an ninh mạng được lồng ghép ngày càng thực chất trong các hoạt động đối ngoại song phương, đa phương, qua đó mở rộng không gian hợp tác, tranh thủ hiệu quả nguồn lực, kinh nghiệm và tri thức quốc tế phục vụ phát triển đất nước; đồng thời Bộ Ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành thúc đẩy đối thoại chính sách, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng thể chế, phát triển hạ tầng số, quản trị dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Thông qua mạng lưới các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, công tác nghiên cứu, dự báo, kết nối đối tác, thu hút hợp tác, đầu tư và hỗ trợ triển khai các sáng kiến, dự án hợp tác quốc tế về chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực nội sinh của nền kinh tế, đồng thời khẳng định vai trò, vị thế và uy tín của Việt Nam trong các lĩnh vực mới nổi, giàu tiềm năng của kỷ nguyên số (Bộ Ngoại giao, 2026).

Năm 2025 được xem là một bước ngoặt trong chuyển đổi số của ngành ngoại giao Việt Nam, cũng là bước ngoặt trong quá trình định hình ngoại giao số của Việt Nam. Để thực hiện chỉ đạo của Nghị quyết số 292/NQ-CP của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngày 31/12/2025, Bộ Ngoại giao đã ban hành Quyết định số 4818/QĐ-BNG về việc ban hành Khung kiến trúc số Bộ Ngoại giao. Đây là sự cụ thể hóa Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, được thiết kế riêng cho ngành Ngoại giao, vừa bảo đảm tuân thủ các chuẩn mực quốc gia, vừa đáp ứng yêu cầu đặc thù của hoạt động đối ngoại. Khung kiến trúc số Bộ Ngoại giao xác định tầm nhìn ngoại giao số đến năm 2030 là xây dựng nền ngoại giao số hiện đại, hoạt động hiệu quả, thông suốt từ Trung ương đến địa phương và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; lấy dữ liệu làm tài sản cốt lõi; ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao năng lực phân tích, dự báo, phục vụ đường lối đối ngoại trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc (Thế giới & Việt Nam, 2026).

Nhìn chung, các hoạt động của ngoại giao số trong những thập niên đầu thế kỷ XXI chủ yếu do ngành ngoại giao đã chủ động triển khai một số biện pháp để đáp ứng bối cảnh Đại dịch COVID-19, cũng như việc tăng cường sử dụng mạng xã hội, các nền tảng số để đối ngoại và tuyên truyền thông tin đối ngoại. Có thể nói, từ chỗ, ngoại giao số của Việt Nam mới đơn giản là việc tích cực hiện diện trong các cuộc họp trực tuyến hay thể hiện vai trò trong việc tổ chức các cuộc họp trực tuyến quan trọng, đã tiến tới dần hình thành rõ nét hơn qua các hoạt động của Bộ Ngoại giao. Trong bối cảnh đó, việc phát triển ngoại giao số không chỉ giúp Việt Nam nâng cao hiệu quả truyền thông đối ngoại mà còn tạo

điều kiện để tăng cường sự tham gia của quốc gia vào các mạng lưới ngoại giao toàn cầu.

4.3.3. Nhận xét và khuyến nghị

- Về ngoại giao số Việt Nam

Từ thực trạng ngoại giao số được trình bày ở trên có thể thấy, những kết quả đạt được từ quá trình hiện đại hóa ngành ngoại giao trong kỷ nguyên chuyển đổi số đã tạo nền tảng cho sự hình thành và phát triển của ngoại giao số của Việt Nam. Thông qua việc xây dựng hệ thống dữ liệu và nền tảng thông tin số, Bộ Ngoại giao có thể tăng cường quản lý dữ liệu đối ngoại, nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại trên môi trường số, hỗ trợ các cơ quan đại diện ở nước ngoài trong hoạt động ngoại giao. Quá trình hình thành ngoại giao số của Việt Nam gắn liền với sự phát triển của internet, truyền thông xã hội và chiến lược chuyển đổi số của nhà nước, đặc biệt là của Bộ Ngoại giao Việt Nam. Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, có thể khái quát quá trình định hình ngoại giao số Việt Nam thành 3 giai đoạn cơ bản:

(i) Thập niên 2000, là giai đoạn hình thành nền tảng công nghệ thông tin, chủ yếu là tin học hoá hoạt động đối ngoại. Khi Internet được đưa vào Việt Nam năm 1997 (Hiệp hội Internet Việt Nam, 2013), các cơ quan nhà nước bắt đầu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện ở nước ngoài đã xây dựng website chính thức, chủ yếu sử dụng internet như công cụ cung cấp thông tin một chiều, hoạt động ngoại giao vẫn mang tính ngoại giao truyền thống, chưa có tương tác trực tuyến. Đây chính là giai đoạn đặt nền móng cho ngoại giao điện tử (e-diplomacy) và sau này là ngoại giao số.

(ii) Thập niên 2010, là giai đoạn hình thành ngoại giao số sơ khai, ngoại giao bắt đầu gắn với truyền thông xã hội và ngoại giao công chúng trực tuyến. Trong bối cảnh, bùng nổ của mạng xã hội, hay sự kiện Mùa xuân Arab, đã cho thấy sức mạnh chính trị của mạng xã hội, Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện bắt đầu mở fanpage trên mạng xã hội, sử dụng internet để truyền tải thông điệp đối ngoại, quảng bá hình ảnh quốc gia, ngoại giao công chúng và thông tin đối

ngoại. Ngoại giao số bắt đầu xuất hiện như một công cụ bổ trợ cho ngoại giao truyền thống. Đặc biệt, Đại dịch COVID-19 đã khiến khái niệm và nội hàm ngoại giao số bắt đầu xuất hiện trên các phương tiện thông tin cũng như trong các hoạt động của Bộ Ngoại giao.

(iii) Thập niên 2020, đây là giai đoạn ngoại giao số được định hình rõ ràng trong chính sách nhà nước, khi Chính phủ tăng cường phát triển chính phủ điện tử và chuyển đổi số quốc gia, ngoại giao số bắt đầu được triển khai có hệ thống. Dự án "Xây dựng Chính phủ điện tử của Bộ Ngoại giao giai đoạn 2021–2025" cho thấy sự chuyển đổi số toàn diện trong ngoại giao, cũng là một phần của Chiến lược chuyển đổi số quốc gia của Việt Nam. Năm 2025 đã chính thức ghi nhận việc ngoại giao số trở nên thiết yếu trong hoạt động ngoại giao hiện đại của Việt Nam. Ngoại giao số có thể trở thành một bộ phận cấu thành của chiến lược đối ngoại quốc gia.

- *Về đặc điểm của ngoại giao số Việt Nam* trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, có thể thấy, quá trình hình thành của ngoại giao số Việt Nam theo hướng từ số hóa hành chính → chuyển đổi số → ngoại giao số, trong đó chuyển đổi số của bộ máy nhà nước đóng vai trò nền tảng. Khác với một số nước phương Tây nơi ngoại giao số phát triển từ ngoại giao công chúng trên mạng xã hội, ngoại giao số Việt Nam gắn liền với hiện đại hóa ngành ngoại giao, với sự dẫn dắt của nhà nước.

Về mức độ thể chế hoá, ngoại giao số của Việt Nam được triển khai chủ yếu trong khuôn khổ chiến lược chuyển đổi số của nhà nước và các chương trình hiện đại hóa hành chính công. Ở nhiều quốc gia phát triển như Mỹ, ngoại giao số đã được thể chế hóa từ rất sớm thông qua các đơn vị chuyên trách, thì hiện nay hệ thống thể chế của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Song, việc tích hợp ngoại giao số vào chiến lược chuyển đổi số quốc gia cho thấy Việt Nam đang chuyển từ giai đoạn thử nghiệm sang giai đoạn phát triển có định hướng chiến lược. Về công cụ và nền tảng công nghệ, ngoại giao số của Việt Nam chủ yếu dựa trên các nền tảng truyền thông xã hội toàn cầu như Facebook và

YouTube để truyền tải thông điệp đối ngoại và tương tác với công chúng quốc tế. Điều này tương đồng với cách tiếp cận của nhiều quốc gia trung bình và nhỏ trong hệ thống quốc tế. Trong khi đó, các cường quốc như Trung Quốc lại phát triển một hệ sinh thái truyền thông số riêng với các nền tảng nội địa như WeChat, đồng thời sử dụng mạnh mẽ các nền tảng quốc tế để cạnh tranh diễn ngôn trong không gian số. EU cũng triển khai ngoại giao số trên các nền tảng toàn cầu nhưng tập trung vào việc quảng bá các giá trị chuẩn tắc và thúc đẩy quản trị toàn cầu thông qua. So với các chủ thể này, Việt Nam chưa xây dựng được một hệ sinh thái truyền thông số có ảnh hưởng quốc tế lớn, nhưng đã bước đầu tận dụng hiệu quả các nền tảng sẵn có để mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin đối ngoại. Về mục tiêu chiến lược, ngoại giao số của Việt Nam hiện nay chủ yếu phục vụ ba mục tiêu chính: quảng bá hình ảnh quốc gia, hỗ trợ hoạt động ngoại giao công chúng và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ lãnh sự cho công dân ở nước ngoài. Cách tiếp cận này phản ánh đặc điểm chung của các quốc gia tầm trung trong hệ thống quốc tế, nơi ngoại giao số được sử dụng chủ yếu để tăng cường quyền lực mềm và nâng cao khả năng tiếp cận với công chúng toàn cầu. Trong khi đó, các cường quốc như Hoa Kỳ và Trung Quốc thường sử dụng ngoại giao số như một công cụ chiến lược để định hình diễn ngôn quốc tế và cạnh tranh ảnh hưởng địa chính trị. Do vậy, có thể thấy rằng ngoại giao số của Việt Nam hiện nay vẫn mang tính hỗ trợ và bổ trợ cho chính sách đối ngoại truyền thống, thay vì trở thành một công cụ cạnh tranh quyền lực quốc tế.

- *Về khuyến nghị*

Từ những kết quả của việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho thấy, việc lựa chọn thúc đẩy phát triển ngoại giao số như một hình thức ngoại giao chuyên biệt là đúng đắn và phù hợp.

Thứ nhất, việc phát triển ngoại giao số Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển của ngoại giao trong kỷ nguyên số, phù hợp với yêu cầu ứng phó với những thách thức toàn cầu. Chính vì vậy, thúc đẩy ngoại giao số phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia nói chung cũng như chiến lược chuyển đổi số quốc gia riêng.

Chính phủ đã triển khai nhiều chương trình nhằm thúc đẩy chính phủ điện tử và chuyển đổi số quốc gia, trong đó lĩnh vực đối ngoại là một bộ phận quan trọng. Do đó, ngoại giao số không chỉ là một công cụ truyền thông mà còn trở thành một phần của quá trình hiện đại hóa bộ máy nhà nước.

Việc phát triển ngoại giao số của Việt Nam cần dựa trên nhiều điều kiện quan trọng để đảm bảo thành công và hiệu quả, bao gồm: Hạ tầng công nghệ thông tin; Chính sách, khung pháp lý và an ninh mạng; Ứng dụng công nghệ số trong ngoại giao; Nguồn nhân lực ngoại giao số; Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngoại giao số…

Về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đây một trong những điều kiện tiên quyết để triển khai cũng như thúc đẩy ngoại giao số. Việc phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), bao gồm mạng Internet băng thông rộng, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, công nghệ blockchain…là nền tảng cơ bản để các hoạt động ngoại giao số diễn ra thuận lợi. Hiện tại, việc đảm bảo an ninh mạng cho các hệ thống ngoại giao vẫn đang gặp phải những khó khăn do các nguy cơ tấn công mạng ngày càng gia tăng.

- Cần được đầu tư thêm cho hệ thống hạ tầng mạng và công nghệ phục vụ riêng cho lĩnh vực ngoại giao vẫn, đặc biệt là trong các lĩnh vực bảo mật thông tin và quản lý dữ liệu.

- Các cơ quan ngoại giao và tổ chức liên quan cần xây dựng được hệ thống bảo mật mạng mạnh để bảo vệ thông tin nhạy cảm.

Về chính sách, khung pháp lý và an ninh mạng, Việt Nam đang từng bước hoàn thiện khung pháp lý và chính sách hỗ trợ cho các hoạt động ngoại giao số. Mặc dù vậy, hệ thống chính sách pháp lý hiện tại vẫn chưa hoàn chỉnh và chưa đủ cụ thể để điều chỉnh toàn diện các hoạt động ngoại giao số.

- Cần xây dựng các chính sách và khung pháp lý rõ ràng để điều chỉnh hoạt động ngoại giao số, bảo đảm tính minh bạch và tuân thủ luật pháp quốc tế cũng như các cam kết số hóa của Việt Nam.

- Xây dựng chiến lược ngoại giao số quốc gia: Cần xây dựng một chiến lược ngoại giao số tổng thể với các mục tiêu rõ ràng, phân tích cơ hội và thách thức của công nghệ số trong bối cảnh toàn cầu và khu vực.

- Cơ chế hợp tác giữa các bộ, ngành (ví dụ Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông…) cần được thắt chặt để đồng bộ và phối hợp tốt hơn trong các hoạt động liên quan đến ngoại giao số.

- An ninh mạng trong ngoại giao số vẫn còn là một lĩnh vực cần nhiều sự chú trọng hơn. Việt Nam cần đầu tư mạnh vào các giải pháp bảo mật tiên tiến để bảo vệ thông tin ngoại giao quan trọng khỏi các mối đe dọa trên không gian mạng. Chính phủ cũng cần thúc đẩy hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực này.

- Xây dựng hệ thống chính sách bảo mật và an ninh thông tin, phát triển các chính sách và cơ chế bảo mật để bảo vệ dữ liệu ngoại giao trước các mối đe dọa mạng, nhằm đảm bảo thông tin nhạy cảm được lưu trữ và truyền tải một cách an toàn.

Về ứng dụng công nghệ số trong ngoại giao, Việt Nam đã bắt đầu tận dụng các nền tảng truyền thông xã hội như Facebook, Twitter, YouTube, và các trang web chính phủ để truyền tải thông tin ngoại giao, thúc đẩy hình ảnh đất nước và tiếp cận với công chúng quốc tế.

- Cần phải tối ưu hóa về mặt nội dung và cách tiếp cận chiến lược ngoại giao công chúng, từ đó, xây dựng thông điệp mạnh mẽ và có sức ảnh hưởng trên các nền tảng số. Đa dạng hóa phương tiện truyền thông số từ việc sử dụng mạng xã hội, website, và các ứng dụng truyền thông để tăng cường truyền tải thông điệp ngoại giao, phát triển ngoại giao công chúng.

- Lồng ghép số hóa vào ngoại giao, tạo ra một hệ sinh thái số bao gồm các ứng dụng, hệ thống xử lý thông tin, và công cụ phân tích giúp tối ưu hóa quá trình ra quyết định và triển khai ngoại giao.

- Thiết lập nền tảng điện tử chính phủ số hóa, các nền tảng quản lý trực tuyến giúp các cơ quan ngoại giao Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, từ các cuộc họp trực tuyến, công tác đối ngoại đến quản lý và phân phối tài liệu.

Về nguồn nhân lực ngoại giao số, đã có các cán bộ ngoại giao được đào tạo cơ bản về công nghệ số, sử dụng các nền tảng trực tuyến để làm việc và giao

tiếp với các đối tác quốc tế. Các khóa học ngắn hạn về an ninh mạng và kỹ năng số đang được triển khai cho cán bộ ngoại giao. Mặc dù đã có những bước tiến trong đào tạo, nhưng đội ngũ ngoại giao số của Việt Nam vẫn còn thiếu về mặt số lượng và kỹ năng chuyên sâu về công nghệ.

- Cần có các chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng sử dụng công nghệ số, an ninh mạng và phân tích dữ liệu dành cho các cán bộ ngoại giao.

- Thường xuyên cập nhật cho đội ngũ ngoại giao về các xu hướng công nghệ mới, từ đó giúp họ hiểu rõ các thay đổi trong quan hệ quốc tế thông qua công nghệ. Đào tạo liên tục về công nghệ mới và kỹ năng an ninh mạng là cần thiết để đáp ứng yêu cầu thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngoại giao số, Việt Nam đã tích cực tham gia vào các diễn đàn quốc tế liên quan đến công nghệ và an ninh mạng, như hợp tác với LHQ, ASEAN, và các tổ chức quốc tế khác để thúc đẩy an ninh mạng và trao đổi thông tin về ngoại giao số. Tuy nhiên, mối liên kết và hợp tác quốc tế trong việc xây dựng chính sách và chia sẻ công nghệ ngoại giao số giữa Việt Nam và các nước phát triển vẫn còn hạn chế.

- Việt Nam cần thúc đẩy quan hệ đối tác với các quốc gia có kinh nghiệm phát triển ngoại giao số, để học hỏi và triển khai các mô hình hiệu quả. Cần có thêm các thỏa thuận song phương và đa phương để học hỏi kinh nghiệm và phát triển hạ tầng số ngoại giao. Xây dựng các liên minh quốc tế nhằm đảm bảo an ninh không gian mạng, hợp tác chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về bảo mật trong môi trường số.

- Hợp tác với các tổ chức quốc tế, khu vực như ASEAN, LHQ, và các diễn đàn công nghệ toàn cầu để tham gia vào các sáng kiến, tiêu chuẩn chung về số hóa ngoại giao.

Để đáp ứng được đầy đủ các điều kiện trên và có thể triển khai thành công ngoại giao số, cần lưu ý nâng cao nhận thức và sự ủng hộ từ xã hội về các hoạt động ngoại giao số. Xã hội cần có nhận thức cao hơn về vai trò của ngoại giao số, từ đó có thể nhận được sự thống nhất từ các tổ chức và công chúng, tạo môi trường thuận lợi để ngoại giao số phát triển mạnh mẽ.

Song song với vấn đề này, cũng cần *tận dụng nguồn lực tư nhân* thông qua hợp tác công tư. Khối tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp công nghệ và giải pháp cho ngoại giao số.

- Cần tăng cường liên kết hợp tác với các công ty công nghệ lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp Việt Nam, để phát triển các công cụ hỗ trợ ngoại giao số như các nền tảng trực tuyến, các giải pháp bảo mật, và các dịch vụ dữ liệu… Sự hợp tác công tư (PPP) có thể giúp tăng cường năng lực số hóa của Việt Nam.

- Hợp tác với các viện nghiên cứu và tổ chức học thuật, thúc đẩy sự hợp tác giữa nhà nước và các tổ chức nghiên cứu để phát triển các công nghệ mới và áp dụng vào lĩnh vực ngoại giao.

Trong thời đại công nghệ đi vào mọi "ngóc ngách" cuộc sống người dân thì ngoại giao số cần được mở rộng thêm chủ thể tham gia thực hiện. Đặc biệt ở vai trò giúp quảng bá hình ảnh, đất nước, con người của quốc gia, ngoại giao số còn là một lĩnh vực rộng lớn mà Việt Nam có thể khai thác hiệu quả hơn. Với những thành công đạt được và dấu ấn để lại thời gian qua cho thấy Việt Nam có thể bắt nhịp với ngoại giao số, thể hiện sự sáng tạo, nhạy bén trong từng tình huống, hoàn cảnh.

Thứ hai, phát triển ngoại giao số Việt Nam phù hợp với vị thế của một quốc gia đang vươn lên và khẳng định vị thế quốc gia tầm trung trong chính trị quốc tế. Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, nguồn lực để cạnh tranh ảnh hưởng quốc tế thường hạn chế so với các cường quốc. Ngoại giao số cho phép mở rộng phạm vi ảnh hưởng với chi phí thấp hơn so với các phương thức ngoại giao truyền thống, góp phần nâng cao quyền lực mềm quốc gia mà không đòi hỏi nguồn lực vật chất quá lớn.

Nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/2020) Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nhận định "đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, uy tín và vị thế như ngày nay" Việt Nam đã vươn lên trở thành quốc gia tầm trung trong quan hệ quốc tế theo 3 tiêu chí: năng lực, chính sách và sự công nhận quốc tế (Lê Đình Tĩnh, 2018). Việt

Nam có những lợi thế về quy mô dân số, năng lực, chính sách… để có thể đưa kỹ thuật số trở thành "thế mạnh" của quốc gia, trở thành "ngách" mũi nhọn cho ngoại giao chuyên biệt – ngoại giao số. Việt Nam đang có những bước tiến mạnh mẽ trong quá trình chuyển đổi số, với sự cải thiện đáng kể về hạ tầng kỹ thuật số và đóng góp quan trọng của kinh tế số vào GDP quốc gia. Năm 2024, theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 71 trong số 193 quốc gia về Chỉ số Phát triển Chính phủ điện tử của LHQ, tăng 15 bậc so với năm 2022. Đây là lần đầu tiên Việt Nam được xếp vào nhóm các quốc gia có Chỉ số Phát triển Chính phủ điện tử ở mức "Rất cao" (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2024). Về hạ tầng kỹ thuật số, tính đến tháng 10/2024, hơn 82,4% hộ gia đình Việt Nam đã sử dụng cáp quang, vượt mục tiêu 80% đề ra cho năm 2025. Hơn 87% người dân sử dụng điện thoại thông minh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các dịch vụ số và công nghệ mới (Bộ Nội vụ, 2024). Trong lĩnh vực kinh tế số, Việt Nam đã đạt được những kết quả ấn tượng. Năm 2024, tổng giá trị giao dịch truyền thông số (GMV) đạt 6 tỷ USD, chỉ đứng sau Indonesia (8 tỷ USD) và Thái Lan (6 tỷ USD) trong khu vực Đông Nam Á, với tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực (Nguyễn Văn Cường, 2024).

Không chỉ vậy, Việt Nam hiện nay còn trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ số cho các nước khác trên thế giới. Viettel Group – tập đoàn viễn thông lớn nhất của Việt Nam, hiện đầu tư và cung cấp dịch vụ viễn thông tại 10 quốc gia ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ (Viettel Solutions, 2024). Về quy mô người dùng và thị phần quốc tế, Viettel có khoảng 56 triệu thuê bao di động quốc tế, vượt cả số thuê bao trong nước (Việt Nam News, 2026). Hơn nữa,Viettel còn dẫn đầu thị phần di động tại 7/10 thị trường nước ngoài (Việt Nam News, 2026). Đây là một trong những trường hợp hiếm của doanh nghiệp viễn thông từ một nước đang phát triển trở thành nhà mạng số 1 tại nhiều quốc gia khác. Doanh thu từ dịch vụ viễn thông quốc tếcủa Viettel năm 2025 đạt khoảng 3,34 tỷ USD, tăng khoảng 23,9%, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng trung bình của ngành viễn thông toàn cầu. Dòng tiền chuyển về Việt Nam từ các

thị trường quốc tế đạt 385,5 triệu USD năm 2025 (Việt Nam News, 2026). Ngoài viễn thông truyền thống, doanh nghiệp Việt Nam còn cung cấp các giải pháp số tại nhiều quốc gia, như ví điện tử và thanh toán số, nền tảng chính phủ điện tử, giải pháp giáo dục số hay, hệ thống y tế số… tại nhiều quốc gia đang phát triển ở châu Phi và Đông Nam Á (Ministry of Science and Technology, 2024). Bên cạnh đó, các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam còn xuất khẩu dịch vụ phần mềm và chuyển đổi số. Ví dụ nhu Tập đoàn FPT Corporation, hiện đã có văn phòng đại diện tại 26 quốc gia, doanh thu từ thị trường quốc tế khoảng 1 tỷ USD (Ministry of Science and Technology, 2023). Sự hiện diện của doanh nghiệp công nghệ Việt Nam tại nhiều quốc gia giúp mở rộng ảnh hưởng của Việt Nam trong không gian số toàn cầu, là cơ sở để Việt Nam thúc đẩy ngoại giao số**.**

Chính vì vậy, để ngoại giao số có thể trở thành ngoại giao chuyên biệt, cần tập trung vào việc nâng cao năng lực công nghệ, thể chế và ngoại giao kinh tế. Theo đó, cần xây dựng một chiến lược ngoại giao số cấp quốc gia, gắn kết giữa đối ngoại, công nghệ và kinh tế số. Cơ quan trung tâm triển khai là Bộ Ngoại giao Việt Nam phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam và các doanh nghiệp công nghệ. Các nội dung chính của chiến lược gồm: định hướng phát triển ngoại giao số dài hạn; tăng cường truyền thông đối ngoại trên nền tảng số; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ Việt Nam mở rộng ra thị trường quốc tế.

Việt Nam cần mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ và chuyển đổi số. Ví dụ hợp tác với EU về quản trị số, Nhật Bản hay Hàn Quốc về công nghệ thông tin, các quốc gia đang phát triển về xây dựng hạ tầng số…Sự hợp tác này giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ mới và mở rộng thị trường dịch vụ số.

Từ góc độ chính trị quốc tế, việc triển khai các giải pháp trên sẽ giúp Việt Nam chuyển từ người sử dụng công nghệ sang nhà cung cấp hạ tầng và dịch vụ số trong hệ thống quốc tế. Điều này không chỉ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số mà còn giúp nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Như vậy, với mục tiêu xác định vị thế của một quốc gia tầm trung, việc xây dựng nền ngoại giao số không chỉ giúp Việt Nam tăng cường vị thế quốc tế mà còn mang lại hiệu quả cao trong việc thúc đẩy hợp tác, trao đổi thông tin và giải quyết các thách thức toàn cầu trong bối cảnh thế giới ngày càng số hóa.

Nói tóm lại, để xây dựng nền ngoại giao số của Việt Nam, cần một chiến lược tổng thể, bao gồm nhiều bước đi cụ thể, từ việc phát triển hạ tầng đến cải thiện nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế. Chính phủ cần xây dựng một chiến lược ngoại giao số tổng thể với các mục tiêu rõ ràng, phân tích cơ hội và thách thức của công nghệ số trong bối cảnh toàn cầu và khu vực. Tích hợp công nghệ số vào các chiến lược ngoại giao truyền thống, từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, thông qua việc sử dụng các công cụ và nền tảng số để gia tăng khả năng tiếp cận và hiệu quả hoạt động ngoại giao. Nếu có chiến lược đúng đắn và đầu tư thích hợp, Việt Nam sẽ có thể xây dựng một nền tảng ngoại giao số mạnh mẽ và hiệu quả hơn trong tương lai.

Tiểu kết chương 4

Ngoại giao số với tư cách là công cụ ngoại giao của các chủ thể đã và đang có những tác động sâu sắc đến chính trị quốc tế. Ngoại giao số đã tạo điều kiện cho nhiều chủ thể khác nhau tham gia và ảnh hưởng đến chính trị quốc tế, gia tăng tốc độ xử lý khủng hoảng. Mặt khác, ngoại giao số cũng thúc đẩy cạnh tranh và hợp tác trong chính trị quốc tế, định hình lại vai trò của ngoại giao truyền thống. COVID-19 tạo động lực để các quốc gia và tổ chức quốc tế đầu tư mạnh vào công nghệ kỹ thuật số, xây dựng cơ sở hạ tầng số bền vững.

Từ các phân tích trên, có thể khái quát mối quan hệ giữa ngoại giao số và chính trị quốc tế như sau: Mối quan hệ giữa hai hiện tượng này không phải là một chiều. Nội dung phân tích bối cảnh chính trị quốc tế và thực trạng ngoại giao số trong nội dung các Chương 2 và 3 đã phần nào cho thấy chính trị quốc tế cũng đã định hình sự phát triển của ngoại giao số như thế nào. Chính trị quốc tế là môi trường sản sinh ra ngoại giao số. Do đó, ngoại giao số không phải là một hiện tượng độc lập, mà là một phần của quá trình chuyển đổi cấu trúc quyền lực, truyền thông và quản trị toàn cầu của chính trị quốc tế trong kỷ nguyên số.

Xu hướng vận động của ngoại giao số trong chính trị quốc tế được xem xét trên cơ sở dự báo bao gồm: (1) Phân tích những yếu tố tích cực và hạn chế của ngoại giao số; (2) Những yếu tố tác động, cơ hội và thách thức cho ngoại giao số trong kỷ nguyên số. Từ đó có thể thấy, ngoại giao kỹ thuật số trở thành một phần quan trọng trong chiến lược quốc gia nhằm đối phó với các thách thức toàn cầu khác trong tương lai, chẳng hạn như biến đổi khí hậu và khủng hoảng nhân đạo. Công nghệ số không thể thay thế hoàn toàn ngoại giao trực tiếp, nhưng nó đã thay đổi cách các quốc gia vận hành trong một thế giới liên kết chặt chẽ hơn qua kỹ thuật số. Đại dịch COVID-19 không chỉ là một thách thức toàn cầu mà còn là động lực để ngoại giao kỹ thuật số phát triển mạnh mẽ. Tuy còn nhiều thách thức, nhưng vai trò của công nghệ số trong ngoại giao được dự báo sẽ ngày càng gia tăng, định hình tương lai của các mối quan hệ quốc tế trong thế kỷ 21.

Sự phát triển của ngoại giao số trong những thập niên đầu thế kỷ XXI đã làm thay đổi đáng kể phương thức thực hiện chính sách đối ngoại của các quốc gia. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cũng từng bước triển khai và mở rộng các hoạt động ngoại giao trên nền tảng số, qua đó hình thành một mô hình ngoại giao số mang những đặc điểm riêng phù hợp với vị thế và nguồn lực của quốc gia. So sánh với các cường quốc như Hoa Kỳ, Trung Quốc hay các chủ thể đa phương như EU cho thấy ngoại giao số của Việt Nam hiện nay có thể được xếp vào nhóm các quốc gia đang phát triển trong lĩnh vực này nhưng có tốc độ thích ứng khá nhanh với các xu hướng ngoại giao của thời đại số. Trong bối cảnh đó, ngoại giao số của Việt Nam đang phát triển và đã có nhiều tiến bộ, đặc biệt trong việc ứng dụng công nghệ vào các hoạt động đối ngoại, nhưng vẫn còn nhiều thách thức. Hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực, chính sách pháp lý và an ninh mạng là những lĩnh vực cần được ưu tiên phát triển trong thời gian tới. Nếu có chiến lược đúng đắn và đầu tư thích hợp, Việt Nam sẽ có thể xây dựng một nền tảng ngoại giao số mạnh mẽ và hiệu quả hơn trong tương lai. Với tư cách là một loại hình ngoại giao chuyên biệt, ngoại giao số có thể là lựa chọn đúng đắn và phù hợp với mục tiêu phát triển của Việt Nam hướng đến trở thành quốc gia tầm trung.

KẾT LUẬN

Từ những thập niên 1990 của thế kỷ, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và những biến động của chính trị quốc tế, các hoạt động ngoại giao kỹ thuật số đầu tiên đã được tiến hành. Tuy nhiên, phải đến khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, bước sang thế kỷ XXI, sự thay đổi chính trị quốc tế thúc đẩy sự kết nối giữa các quốc gia ở nhiều tầng bậc khác nhau. Bên cạnh đó sự bùng nổ của công nghệ thông tin với sự ra đời của rất nhiều các ứng dụng mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram, LinkedIn, Weibo,…đã nhanh chóng được sử dụng cho các mục đích ngoại giao. Chính phủ và nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới đã sử dụng các loại hình công nghệ số để tương tác với cộng đồng, từ đó đã tạo ra một không gian ngoại giao mới. Đó chính là môi trường thuận lợi cho sự hình thành và phát triển của ngoại giao số.

Sự phát triển vượt bậc của công nghệ số trong thế kỷ XXI đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại giao. Nếu như trước đây, ngoại giao được xem là lĩnh vực "đóng", diễn ra trong các kênh truyền thống và giới hạn, thì ngày nay, dưới tác động của Internet, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, hoạt động ngoại giao đang ngày càng dịch chuyển sang "không gian mở" – nơi thông tin lan truyền tức thời, công chúng có thể trực tiếp tương tác và ảnh hưởng đến chính sách.

Trong bối cảnh chính trị quốc tế đang chuyển biến mạnh mẽ bởi tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và cạnh tranh chiến lược toàn cầu, ngoại giao số đã nổi lên như một công cụ, không gian và phương thức mới trong hoạt động đối ngoại của các quốc gia. Mặc dù, đã có nhiều quốc gia ý thức về việc sử dụng một loại hình mới như ngoại giao số song hình thức ngoại giao này vẫn chưa được thực sự phát huy vai trò của nó. Chỉ sau khi Đại dịch COVID-19 bùng phát đầu năm 2020, các hình thức ngoại giao truyền thống bị hạn chế và các hình thức ngoại giao phi truyền thống lên ngôi, trong đó có ngoại giao số. Có thể nói, Đại dịch COVID-19 là một bước ngoặt trong nhận thức về ngoại giao số.

Tuy nhiên, đây vẫn được coi là một loại hình ngoại giao khá mới mẻ không chỉ ở Việt Nam mà còn cả trên thế giới.

Thực trạng ngoại giao số những thập niên đầu thế kỷ XXI cho thấy:

- Chủ thể chính trị tham gia ngoại giao số rất đa dạng, có thể bao gồm: Quốc gia (Bộ ngoại giao, lãnh đạo nhà nước); Tổ chức quốc tế (LHQ, ASEAN…); Tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp công nghệ (Meta, X, Google…); Các phong trào xã hội; Cá nhân có ảnh hưởng (nhà báo, nhà hoạt động xã hội…)…

- Mục tiêu ngoại giao số của các chủ thể chính trị quốc tế không hoàn toàn đồng nhất, song về cơ bản có thể là những mục tiêu trọng yếu sau: Truyền thông chiến lược (strategic communication); Tạo dựng hình ảnh quốc gia (nation branding); Tác động dư luận quốc tế (influence operations); Ứng phó khủng hoảng (crisis communication); Phục vụ đàm phán và đối thoại số…

- Phương thức tiến hành ngoại giao số là sử dụng các công cụ và nền tảng ngoại giao số như: Mạng xã hội (Twitter/X, Facebook, Instagram…), các nền tảng truyền thông số (YouTube, TikTok…), AI, Chatbot, phân tích dữ liệu lớn (big data analytics), các website chính phủ, nền tảng họp trực tuyến (Zoom, Webex…)

- Tác động đến chính trị quốc tế, làm hay đổi cấu trúc quyền lực (power dynamics), gia tăng bất đối xứng giữa các nước phát triển và đang phát triển, tạo ra không gian cạnh tranh mới (cyber diplomacy, public diplomacy 2.0), đặt ra thách thức về an ninh mạng và chủ quyền số như hạn chế trong việc kiểm soát thông tin và tin giả (disinformation), quy định và luật pháp chưa theo kịp công nghệ, phụ thuộc vào nền tảng công nghệ tư nhân, khoảng cách số giữa các quốc gia

Sau khi nghiên cứu đi sâu vào phân tích khái niệm, cơ sở lý luận, bối cảnh thực tiễn và thực trạng ngoại giao số trên thế giới trước và sau Đại dịch COVID – 19 của các chủ thể chính trong chính trị quốc tế, luận án đã thu được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, công nghệ kỹ thuật số đã tác động đáng kể đến thế giới ngoại giao. Từ các nền tảng mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo đến các ứng dụng điện thoại thông minh và các cuộc họp trực tuyến, công nghệ kỹ thuật số đã chứng tỏ khả năng gây xáo trộn, ảnh hưởng đến các tiêu chuẩn, quan điểm và hoạt động của các nhà ngoại giao, các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Mặc dù thuật ngữ ngoại giao kỹ thuật số thường được các học giả và nhà ngoại giao sử dụng, nhưng cho đến nay, rất ít công trình định nghĩa rõ ràng thuật ngữ này hoặc đưa ra phân tích toàn diện về sự phát triển của nó. Chính vì vậy, luận án đã hệ thống hoá và đưa ra một khái niệm cập nhật toàn diện dưới góc độ của quốc gia đang phát triển, vươn lên vị thế quốc gia tầm trung.

Thứ hai, qua các nghiên cứu trường hợp, có thể thấy sự đa dạng trong chiến lược sử dụng ngoại giao số, từ hướng tiếp cận nhân văn, đồng cảm đến đối đầu, tranh luận. Tuy nhiên, điểm chung là không gian số đã trở thành chiến trường quan trọng về thông tin, hình ảnh và ảnh hưởng chính trị.

Thứ ba, từ góc độ lý thuyết chính trị quốc tế, có thể coi ngoại giao số là một sản phẩm của biến đổi cấu trúc chính trị quốc tế. Ngoại giao số là kết quả của quá trình tái cấu trúc quyền lực và truyền thông trong chính trị quốc tế, chứ không chỉ đơn thuần là sự "số hóa" của ngoại giao truyền thống. Như vậy việc áp dụng công nghệ số đã tác động đến những vấn đề cốt lõi của ngoại giao như quản lý thông tin, đàm phán quốc tế và quản trị khủng hoảng. Ngoại giao số không chỉ là một hình thức bổ trợ, mà đang dần trở thành một cấu phần không thể thiếu trong chiến lược quyền lực mềm và chính sách đối ngoại hiện đại. Nó giúp các quốc gia tăng cường hiệu quả truyền thông, xây dựng hình ảnh quốc gia, ảnh hưởng đến dư luận toàn cầu và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Thứ tư, không chỉ chịu ảnh hưởng từ những biến đổi của chính trị quốc tế, ngoại giao số trong những thập niên đầu thế kỷ XXI còn có tác động ngược trở lại đối với cấu trúc, phương thức vận hành và động lực của chính trị quốc tế. Thông qua việc mở rộng chủ thể, phạm vi và phương thức hoạt động của ngoại giao, gia tăng vai trò của công chúng, thúc đẩy cạnh tranh thông tin và tăng tốc

độ tương tác quốc tế, ngoại giao số đang góp phần làm thay đổi cách thức vận hành của chính trị quốc tế trong kỷ nguyên thông tin.

Thứ năm, trong kỷ nguyên số, ngoại giao số đã trở thành một thành tố quan trọng của chính trị quốc tế. Tuy nhiên, không vì thế mà có thể thay thế hoàn toàn ngoại giao truyền thống, song nó tạo ra một mô hình ngoại giao lai (hybrid diplomacy), trong đó các công cụ số, quyền lực mềm và cạnh tranh địa chính trị cùng tồn tại và tương tác. Ngoại giao số trong thời gian tới, không còn là xu hướng lựa chọn mà trở thành một đòi hỏi tất yếu đối với mọi quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam.

Thứ sáu, đối với Việt Nam, ngoại giao số là cơ hội để rút ngắn khoảng cách phát triển, khẳng định vị thế quốc gia và thích ứng hiệu quả với bối cảnh địa chính trị – công nghệ đang thay đổi. Tuy nhiên, để hiện thực hóa tiềm năng này, cần có chính sách đồng bộ, nguồn lực chuyên sâu và sự phối hợp đa ngành, đa cấp. Nhìn chung, ngoại giao số của Việt Nam đang dần chuyển từ mô hình ngoại giao thông tin sang mô hình ngoại giao tương tác số, hiện nay, có thể được xem là một mô hình ngoại giao số đang phát triển. Trong tương lai, khi quá trình chuyển đổi số quốc gia tiếp tục được thúc đẩy, ngoại giao số có khả năng trở thành một trong những công cụ quan trọng giúp Việt Nam gia tăng ảnh hưởng quốc tế và nâng cao hiệu quả triển khai chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên số.

Nói tóm lại, trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, sự phát triển của ngoại giao số gắn chặt với những biến đổi sâu sắc của môi trường chính trị quốc tế. Những thay đổi trong cấu trúc quyền lực toàn cầu trong kỷ nguyên thông tin, sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, sự mở rộng của các chủ thể tham gia quan hệ quốc tế, sự xuất hiện của môi trường truyền thông thời gian thực và sự gia tăng cạnh tranh thông tin đã tạo ra những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngoại giao số. Trong bối cảnh đó, các quốc gia ngày càng sử dụng các công cụ kỹ thuật số để thực hiện và mở rộng các mục tiêu chính sách đối ngoại. Ngoại giao số ngày càng trở thành một công cụ quan trọng giúp các quốc gia mở rộng ảnh hưởng và thực hiện các mục tiêu chính sách đối ngoại trong môi trường quốc tế đang biến đổi nhanh chóng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Ngọc Cương (2022), "Một số vấn đề lý luận về ngoại giao số trong thế kỷ XXI", *Châu Mỹ ngày nay* (3), tr.14 – 21.

2. Nguyen Ngoc Cuong, Bui Thanh Nam (2025), "The Foundation for Building Vietnam's Digital Diplomacy in the 21st Century", *International Journal of Arts, Humanities and Social Sciences* 6(2), pp. 59-65, DOI: 10.56734/ijahss.v6n2a6.

3. Nguyen Ngoc Cuong, Bui Thanh Nam, Nguyen Van Dap (2025), "The Impact of Digital Diplomacy on International Politics in the Early Decades of the 21st Century and Its Implications for Vietnam", *International Journal of Arts, Humanities and Social Sciences* 6(5), pp.72-75, DOI: 10.56734/ijahss.v6n5a6.

4. Bùi Thành Nam, Nguyễn Ngọc Cương (2025), "Xu hướng ngoại giao số trong kỷ nguyên mới và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản* (1065), tr.104 - 111.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đặng Anh (2021), "Đại sứ công nghệ: Nét mới của ngoại giao trong thời đại số", *Báo Quốc tế*, *https://baoquocte.vn/dai-su-cong-nghe-net-moi-cua-ngoai-giao-trong-thoi-dai-so-168859.html, truy cập ngày 24/12/2023.*
2. Báo Điện tử Chính phủ (2007), "Khai trương hệ thống Website Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài", ngày 2/7/2007, *https://baochinhphu.vn/khai-truong-he-thong-website-bo-ngoai-giao-va-cac-co-quan-dai-dien-viet-nam-o-nuoc-ngoai-10216774.htm, truy cập ngày 15/1/2026.*
3. Báo Điện tử Chính phủ (2021a), "Thủ tướng Phạm Minh Chính dự Hội nghị thượng đỉnh thương mại dịch vụ toàn cầu năm 2021", *ngày 13/3/2021, https://baochinhphu.vn/thu-tuong-pham-minh-chinh-du-hoi-nghi-thuong-dinh-thuong-mai-dich-vu-toan-cau-nam-2021-102299666.htm, truy cập ngày 20/12/2025.*
4. Báo Điện tử Chính phủ (2021b), "Hội nghị Ngoại giao 31: Đánh dấu một giai đoạn kế thừa và phát triển mới của ngoại giao Việt Nam", *ngày 19/12/2021, https://baochinhphu.vn/hoi-nghi-ngoai-giao-31-danh-dau-mot-giai-doan-ke-thua-va-phat-trien-moi-cua-ngoai-giao-viet-nam-102305763.htm, truy cập ngày 3/12/2025.*
5. Báo Điện tử chính phủ (2024), "Toàn văn: Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia", *https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-119241224180048642.htm, truy cập ngày 23/1/2026.*
6. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), "Triển khai Ngoại giao số của Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị", *https://dangcongsan.vn/doi-*

ngoai/trien-khai-ngoai-giao-so-cua-viet-nam-nhung-van-de-dat-ra-va-khuyen-nghi-623484.html, truy cập ngày 12/2/2023.

7. Lê Hải Bình, Chu Minh Thảo (2021), *Trật tự quốc tế dựa trên luật lệ: Lý thuyết, thực tiễn và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2025), "Nghị quyết số 292/NQ-CP (2025), Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", *https://vnembassy-thehague.mofa.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/chi-tiet/phat-trien-nganh-ngoai-giao-toan-dien-hien-dai-chuyen-nghiep-trong-ky-nguyen-vuon-minh-57595-139.html, truy cập ngày 25/01/2026.*
9. Bộ Ngoại giao (2026), "Chuyển đổi số - Dấu ấn trong thành tựu Ngoại giao", *ngày 11/2/2026, https://mofa.gov.vn/tin-chi-tiet/chi-tiet/chuyen-doi-so-dau-an-trong-thanh-tuu-ngoai-giao-58850-140.html, truy cập ngày 18/2/2026).*
10. Bộ Nội vụ (2024), "Chuyển đổi số phải nói thật, làm thật, hiệu quả thật", 13/10/2024, *https://moha.gov.vn/chuyen-doi-so/chuyen-doi-so-phai-noi-that-lam-that-hieu-qua-that-d956-t56439.html, truy cập ngày 11/11/2024)*
11. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), "Việt Nam tăng 15 bậc trong bảng xếp hạng Chính phủ điện tử toàn cầu năm 2024", *18/09/2024, https://mic.gov.vn/viet-nam-tang-15-bac-trong-bang-xep-hang-chinh-phu-dien-tu-toan-cau-nam-2024-197240918233011444.htm, truy cập ngày 06/10/2024.*
12. Hữu Chiến (2021), "Việt Nam có nhiều thành công trong hoạt động ngoại giao kỹ thuật số", *TTXVN/Vietnam+*, *https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-co-nhieu-thanh-cong-trong-hoat-dong-ngoai-giao-ky-thuat-so/754290.vnp, truy cập ngày 16/11/2023.*
13. Cổng thông tin điện tử chính phủ (2020a), "Nghị quyết số 124/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045”, *https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/nghi-quyet-so-124-nq-cp-32005/32458.htm, truy cập ngày 19/12/2025.*

14. Cổng thông tin điện tử chính phủ (2020b), “Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, *https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=199867, truy cập ngày 19/12/2025.*
15. Cổng thông tin điện tử chính phủ (2020c), “Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"”, *https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=200163, truy cập ngày 24/12/2025.*
16. Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam – Bộ Ngoại giao (2025), “Xây dựng nền ngoại giao số hiện đại”, *https://dangcongsan.org.vn/bongoaigiao/tin-tuc-hoat-dong/xay-dung-nen-ngoai-giao-so-hien-dai.html, truy cập ngày 20/12/2025)*
17. Nguyễn Văn Cường (2024), “Tổng quan về chuyển đổi số ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, *https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/1044702/tong-quan-ve-chuyen-doi-so-viet-nam.aspx#, truy cập ngày 9/10/2024.*
18. Trọng Đạt (2021), “Ngoại giao Việt Nam "bắt trend" chuyển đổi số”, *https://vietnamnet.vn/vn/thong-tin-truyen-thong/ngoai-giao-viet-nam-chuyen-doi-so-790632.html, truy cập ngày 09/11/2023.*
19. Lê Thị Thu Hằng (2019), “Ngoại giao công chúng trong triển khai một nền ngoại giao toàn diện”, *Tạp chí Cộng sản*, *https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/-oi-ngoai2/-*

/2018/812605/ngoai-giao-cong-chung-trong-trien-khai-mot-nen-ngoai-giao-viet-nam-toan-dien.aspx, truy cập ngày 26/08/2023.

20. Lê Hồng Hiệp (2018), "Đến lúc Việt Nam đinh vị mình là 'cường quốc hạng trung'", *Vietnamnet*, *truy cập ngày 09/11/2023.*
21. Hiệp hội Internet Việt Nam (2013), "Lịch sử và những mốc son phát triển Internet Việt Nam", *https://via.org.vn/Lich-su-va-nhung-moc-son-phat-trien-Internet-Viet-Nam, truy cập ngày 16/11/202*5.
22. Vũ Lê Thái Hoàng (2020), *Ngoại giao chuyên biệt: Hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030*, NXB Sự thật, Hà Nội.
23. Vũ Lê Thái Hoàng, Nguyễn Đức Huy (2020), *Ngoại giao số: Lý thuyết, kinh nghiệm và hàm ý chính sách với Việt Nam, http://nghiencuuquocte.org/2020/08/16/ngoai-giao-so-ly-thuyet-kinh-nghiem-quoc-te-ham-y-chinh-sach/, truy cập ngày 19/2/2023.*
24. Vũ Lê Thái Hoàng, Đỗ Thị Thủy (2021), "Quốc gia tầm trung với định hướng ngoại giao chuyên biệt: Một số gợi ý cho Việt Nam đến năm 2030", *https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/823418/quoc-gia-tam-trung-voi-dinh-huong-ngoai-giao-chuyen-biet--mot-so-goi-y-cho-viet-nam-den-nam-2030.aspx, truy cập ngày 25/1/2023.*
25. Học viện Ngoại giao (2020), *Giáo trình Quan hệ quốc tế đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội
26. Nguyễn Việt Lâm, Lê Trung Kiên (2021), Hội nhập quốc tế trong "kỷ nguyên số" và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*, *https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/823137/hoi-nhap-quoc-te-trong-%E2%80%9Cky-nguyen-so%E2%80%9D-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam.aspx#, truy cập ngày 26/1/2023.*
27. Hoài Minh (2021), "Ngoại giao số: Tiêu chuẩn mới Hậu COVID-19"*, Việt Nam và Thế giới*, *https://baoquocte.vn/ngoai-giao-ky-thuat-so-tieu-chuan-moi-hau-covid-19-165124.html, truy cập ngày 17/11/2023.*

28. Minh Nhật (2021), ”Phát huy nền tảng số trong đổi mới công tác thông tin đối ngoại của Bộ Ngoại giao”, *Báo Quốc tế*, *https://baoquocte.vn/phat-huy-nen-tang-so-trong-doi-moi-cong-tac-thong-tin-doi-ngoai-cua-bo-ngoai-giao-164312.html, truy cập ngày 09/11/2023.*

29. Bích Ngọc (2019). “Việt Nam: Mức độ sẵn sàng tham gia Cách mạng công nghiệp 4.0”. *Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương*, *http://www.ciem.org.vn/Content/files/2018/vnep2018.*

30. Phạm Cao Phong (2021), “Đại sứ Việt Nam tại Canada Phạm Cao Phong: Thời ‘nhà ngoại giao zoom’”, *Báo Quốc tế*, *https://baoquocte.vn/dai-su-viet-nam-tai-canada-pham-cao-phong-thoi-nha-ngoai-giao-zoom-135883.html, truy cập ngày 12/02/2023.*

31. Dương Văn Quảng (Chủ biên) (2021), *Ngoại giao: Lý luận và Thực tiễn*, NXB Thế giới, Hà Nội

32. Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Thị Thúy (2021), *Hoạt động đối ngoại của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

33. Nguyễn Hùng Sơn (2021), “Ngoại giao số: Xu thế tất yếu*”, Thế giới và Việt Nam*, *https://baoquocte.vn/ngoai-giao-so-xu-the-tat-yeu-135654.html, truy cập ngày 26/01/2023.*

34. Thế giới & Việt Nam (2026), “Bộ Ngoại giao giới thiệu Khung kiến trúc số, đặt nền tảng cho phát triển ngoại giao số”, *https://baoquocte.vn/bo-ngoai-giao-gioi-thieu-khung-kien-truc-so-dat-nen-tang-cho-phat-trien-ngoai-giao-so-346825.html, truy cập ngày 25/01/2026.*

35. Đỗ Thị Thủy (2021), *Ngoại giao chuyên biệt: Lý thuyết, thực tiễn quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*, NXB Sự thật, Hà Nội.

36. Tin tức – TTXVN (2021) “Hội nghị Ngoại giao 31: Vận dụng ngoại giao số vào ngoại giao hiện đại”, *https://baotintuc.vn/chinh-tri/hoi-nghi-ngoai-giao-31-van-dung-ngoai-giao-so-vao-ngoai-giao-hien-dai-20211218135712268.htm, truy cập ngày 19/02/2023.*

37. Lê Đình Tĩnh (2018), "Mục tiêu cương quốc tầm trung và viễn cảnh ngoại giao Việt Nam sau năm 2023", *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế* 2(113), tháng 6/2018, tr. 22-53.
38. Lê Đình Tĩnh (2020), *Ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên số: Lý luận và thực tiễn* CN 09-20/HĐKH, Cấp Bộ 2020 03/11/2020.
39. Lê Đình Tĩnh (2021), *Ngoại giao số: Lý luận và thực tiễn*, NXB Thế giới.
40. Hương Trà (2021), "Indonesia tăng cường hợp tác quốc tế thông qua ngoại giao kỹ thuật số", *VOV*, 17/11/2021, *https://vov.vn/the-gioi/indonesia-tang-cuong-hop-tac-quoc-te-thong-qua-ngoai-giao-ky-thuat-so-905563.vov, truy cập ngày 22/12/2024).*
41. Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Như Quỳnh (2022), "Ngoại giao số của Việt Nam trong Đại dịch COVID-19: Thách thức và cơ hội", *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn* 8(3), tr. 305-321.
42. Hà Anh Tuấn, Trần Anh Khôi, Vũ Hải Hoàng (2025), "Ngoại giao không gian mạng: Kinh nghiệm của một số quốc gia và gợi mở đối với Việt Nam"*, Tạp chí Cộng sản*, *https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/1069402/ngoai-giao-khong-gian-mang--kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-va-goi-mo-doi-voi-viet-nam.aspx, truy cập ngày 27/4/2025.*

Tiếng Anh

43. Adesina, O.S., (2017), "Foreign policy in an era of digital diplomacy", *Cogent Social Sciences*, 3(1), pp.1-13.
44. Andersen, Lise H. (2026), "Conceptualising Specialised Diplomacy: Long-Term Participation and Thematic Fidelity in UN Multilateral Negotiations", *The Hague Journal of Diplomacy*, *https://www.thehagueprogram.nl/news/new-research-conceptualising-specialised-diplomacy-long-term-participation-and-thematic-fidelity-in-un-multilateral-negotiations?utm, accessed on 20/6/2026.*
45. Antwi-Boateng, O. & Al Mazrouei, K. A. M. (2021), "The Challenges of Digital Diplomacy in the Era of Globalization: The Case of the United Arab

Emirates", *International Journal of Communication* (15), pp.4577–4595, http://ijoc.org

46. Archer, C. (1992). *International organizations*, Routledge.
47. ASEAN (2019), "ASEAN on Electronic Commercial", *https://agreement.asean.org/media/download/20190306035048.pdf , accessed on 3/8/2024.*
48. ASEAN (2021), "ASEAN cybersecurity cooperation strategy 2021-2025", *https://asean.org/wp-content/uploads/2022/02/01-ASEAN-Cybersecurity-Cooperation-Paper-2021-2025_final-23-0122.pdf, accessed on 12/6/2024.*
49. ASEAN (2023), "Digital Economy Framework Agreement (DEFA): ASEAN to leap forward its digital economy and unlock US$2 Tn by 2030", *https://asean.org/asean-defa-study-projects-digital-economy-leap-to-us2tn-by-2030/, accessed on 15/8/2024.*
50. ASEAN Publication (2023), "ASEAN Digital Masterplan 2025", *https://asean.org/book/asean-digital-masterplan-2025/, accessed on 12/6/2024.*
51. ASEAN TELMIN (2012), "Telecommunications and Information Technology inisters meeting - framework on personal data protection", *https://asean.org/wp-content/uploads/2012/05/10-ASEAN-Framework-on-PDP.pdf, accessed on 16/8/2024.*
52. Bain &Company (2023), "e-Conomy SEA 2023 report: Southeast Asia's digital economy hits $100 billion in revenue", *Press Release* November 01, *https://www.bain.com/about/media-center/press-releases/sea/e-conomy-sea-2023/, accessed on 15/8/2024.*
53. Baylis, J., Smith, S., & Owens, P. (2020*), The Globalization of World Politics: An Introduction to International Relations* (8th ed.), Oxford University Press.
54. Black, Ian (2011) "Qatar admits sending hundreds of troops to support Libya rebels", *The Guardian*, accessed on 23/10/2023.

55. Bjola, C.& Holmes, M.(eds.) (2015a), *Digital Diplomacy: Theory and Practice*, Routledge.
56. Bjola, Corneliu, Jiang Lu (2015b), "Social Media and Public Diplomacy", *Digital Diplomacy: Theory and Practice*, ed. Corneliu Bjiola and Marcus Holmes, Routledge.
57. Bjola, Corneliu, Pamment James (ed.) (2019), *Countering Online Propaganda and Extremism: The Dark Side of Digital Diplomacy*, Routledge.
58. Bjola, C. & Manor, I. (2020a), "NATO's Digital Public Diplomacy during the COVID- 19 Pandemic." *Turkish Policy Quarterly*, pp. 77- 87.
59. Bjola, C. & Ruben Zaiotti (ed.) (2020b), *Digital Diplomacy and International Organisations-Autonomy, Legitimacy and Contestation*, Routledge, *https://doi.org/10.4324/9781003032724*
60. Bjola, C. & Manor, I. (2022). "The rise of hybrid diplomacy: from digital adaptation to digital adoption." *International Affairs* 98(2), 471–491.
61. Bjola, C. & Manor, I. (ed.) (2024), *The Oxford Handbook of Digital Diplomacy*, Oxford University Press.
62. Bull, H. (1977), *The Anarchical Society: A Study of Order in World Politics*, London: Macmillan.
63. Carmen Elena CIRNU (2022), A Blockchain-based Application as Part of a Digital Diplomacy Approach to Facilitate and Advance Cyber Diplomacy, *International Journal of Cyber Diplomacy* (3), pp.51-60.
64. Chernenko, E. (2013), "Digital diplomacy: Threat or opportunity?", *https://www.rbth.com/international/2013/03/14/digital_diplomacy_threat_or_opportunity_23865.html, accessed on 17/09/2024.*
65. Cooper, Andrew F. (1997), *Niche diplomacy: Middle Power After the Cold War*, Palgrave Macmillan, New York.
66. Cooper, Andrew F., (2015), "Middle Powers: Squeezed out or Adaptive?", *Public Diplomacy Magazine, http://publicdiplomacymagazine.com/middle-powers-squeezed-out-or-adaptive/, accessed on 11/03/2023.*

67. Council of the EU (2022), "EU digital diplomacy: Council agrees a more concerted European approach to the challenges posed by new digital technologies", *https://www.consilium.europa.eu/en/press/press-releases/2022/07/18/eu-digital-diplomacy-council-agrees-a-more-concerted-european-approach-to-the-challenges-posed-by-new-digital-technologies/?utm_source=dsms-auto&utm_medium=email&utm_campaign=EU+digital+diplomacy%3a+Council+agrees+a+more+concerted+European+approach+to+the+challenges+posed+by+new+digital+technologies, accessed on 15/07/2023.*
68. Cull, Nicholas J. (2006), "Public Diplomacy before Gullion: The evolution of Phrase*", Centre of Public Diplomacy, https://uscpublicdiplomacy.org/blog/public-diplomacy-gullion-evolution-phrase, accessed on 12/10/2023.*
69. Daily Times (2014), "Transitioning from traditional diplomacy to digital diplomacy", *https://dailytimes.com.pk/103822/transitioning-from-traditional-diplomacy-to-digital-diplomacy, accessed on 22/12/2024.*
70. Department: Communications & Digital Technologies (2025), "Harnessing Digital Innovation: South Africa's Vision for Collaboration in the Intelligent Age – Minister Solly Malatsi's Pre-WEF Speech", *https://www.dcdt.gov.za/minister-s-speeches/554-harnessing-digital-innovation-south-africa-s-vision-for-collaboration-in-the-intelligent-age-minister-solly-malatsi-s-pre-wef-speech.html?highlight=WyJzZWVrIl0%3D, accessed on 5/6/2025.*
71. Dew, Lewis (2014), "Digital diplomacy", *Gateway House, http://www.gatewayhouse.in/digital-diplomacy-2/ , accessed on 11/03/2024.*
72. Digwatch (2024), "Ad Hoc Committee on Cybercrime", *https://dig.watch/processes/cybercrime-ad-hoc-committee, 09/4/2025.*

73. Diplo (2023), "Digital diplomacy meaning: definitions and diplomatic synonymies", *https://www.diplomacy.edu/topics/digital-diplomacy/#types-of-technology-and-diplomacy, accessed on 14/12/2023.*

74. Diplo (2025), "Digital diplomacy", *https://www.diplomacy.edu/topics/digital-diplomacy/#digital-diplomacy 23/12/2025.*

75. Doha News (2015) "UN ranks Qatar highest among Arab states for human development", *Doha News, https://dohanews.co/un-ranks-qatar-highest-among-arab-states-human-development/,* accessed on 15/12/2025.

76. EEAS (2020), "Digital Diplomacy", *https://www.eeas.europa.eu/eeas/digital-diplomacy_en, accessed on 17/06/2023.*

77. Evans, Gareth & Grant, Bruce (1991), *Australia's Foreign Relations in the world of the 1990's*, Melbourne University Press, Melbourne.

78. Fangyuan Huo & Richard Maude (2021), "Chinese Digital Diplomacy in Southeast Asia During the Pandemic", *Asia Society Policy Institute, https://southeastasiacovid.asiasociety.org/chinese-digital-diplomacy-southeast-asia-pandemic/, accessed on 19/05/2023.*

79. Flemens, Daniel (2007) "Emerging Middle Powers' Soft Balancing Strategy: State and Perspective of the IBSA-Dialogue Forum", *Working Paper*, German Institute of Global and Area Studies, No.57, 8/2007, pp.4-5.

80. Foreign and Commonwealth Office (2009), "What is Digital Diplomacy", *http://digitaldiplomacy.fco.gov.uk/en/about/, accessed on 26/12/2023.*

81. Foreign and Commonwealth Office (2012), *The FCO Digital Strategy, https://www.gov.uk/government/publications/the-fco-digital-strategy, accessed on 20/04/2024.*

82. France Diplomacy (2017), "France's International Digital Strategy", *https://www.diplomatie.gouv.fr/fr/politique-etrangere-de-la-france/diplomatie-numerique/la-strategie-internationale-de-la-france-pour-le-numerique/#:~:text=Pr%C3%A9sent%C3%A9e%20par%20le%20ministre%*

20de,diplomatique%20des%20ann%C3%A9es%20%C3%A0%20venir.&text=Elle%20s'articule%20autour%20de,%3A%20gouvernance%2C%20%C3%A9conomie%2C%20s%C3%A9curit%C3%A9 , accessed on 18/03/2024.

83. French Diplomatie (2019), "Digital Diplomacy", *https://www.diplomatie.gouv.fr/en/french-foreign-policy/digital-diplomacy/ (3/2024).*
84. Frey, Carola (2024), "Digital Diplomacy: The Impact of Technology on Modern Diplomacy and Foreign Policy. Current Realities and Future Prospects", *Romanian Journal of European Affairs* 24(1), pp.107-126.
85. German Bundestag (2025), "Study Commission on Lessons from Afghanistan for Germany's Comprehensive International Engagement in the Future Final Report*",* *https://www.bundestag.de/resource/blob/1056964/e1853dd4bbb503db01cbf5cd76864ef7/final_report_20_14500.pdf , accessed on 12/4/2025.*
86. Germany's Presidency of the Council of the European Union 2020 (2020), "Digital Policy in the EU", 24/10/2020, *https://www.eu2020.de/eu2020-en/news/article/looking-back-looking-ahead-digital-policy-eu/2406042, accessed on 09/08/2024.*
87. Hardy, A. (2024), "Estonia's digital diplomacy: Nordic interoperability and the challenges of cross-border e-governance", *Internet Policy Review* 13(3), pp.1-31.
88. Hallams, E. (2010), "Digital diplomacy: The internet, the battle for ideas & US foreign policy", *CEU Political Science Journal* (5), pp. 538–574.
89. Hansen, Allen C. (1989), *USIA: Public Diplomacy in the Computer Age*, New York: Praeger, 1989.
90. Hanson, Fergus (November 2012), "A digital DFAT: joining the 21st century", *Lowy Institute*, *https://www.lowyinstitute.org/Publication.asp?pid=1432, accessed on 23/12/2023.*

91. Hayden, Craig (2018), *Digital Diplomacy*, The Encyclopedia of Diplomacy, John Wiley & Sons, Ltd.
92. Howard, P. N., & Hussain, M. M. (2013), *Democracy's Fourth Wave? Digital Media and the Arab Spring*. Oxford University Press.
93. International Trade Administration (2024), "Digital Economy Overview: National Focus: Government Digital Economy/Growth/Transformation Plans or Strategies", *https://www.trade.gov/country-commercial-guides/south-africa-digital-economy, accessed on 18/06/2025.*
94. Iqbal, B. A. & Rahman, M. N. (2025), "Digital Diplomacy Among BRICS Countries", in M. Zreik (Ed.), *Innovations and Tactics for 21st Century Diplomacy*, pp. 383-396, IGI Global Scientific Publishing. https://doi.org/10.4018/979-8-3693-6074-3.ch016
95. Ittelson, Pavlina & Rauchbauer, Martin (2023), "About Tech Diplomacy", *Diplo, https://www.diplomacy.edu/resource/tech-diplomacy-practice-in-the-san-francisco-bay-area/about-tech-diplomacy/, accessed on 12/06/2026*
96. Jordaan, Eduard. (2003), "The Concept of a Middle Power in International Relations: Distinguishing between Emerging and Traditional Middle Powers", *Politikon: South African Journal of Political Studies* 30(1), pp.165-181, *https://ink.library.smu.edu.sg/soss_research/394*,
97. Julia Brock (2024), "ASEAN's Cyber Initiatives: A Select List", *Center for Strategic & International Studies, https://www.csis.org/blogs/strategic-technologies-blog/aseans-cyber-initiatives-select-list, accessed on 09/10/2024.*
98. Kalathil, Shanthi (2013), *Diplomacy Development and Security in the Information Age*, Institute for the study of diplomacy, Georgetown University School of Foreign Service.
99. Kamrava, Mehran (2017). "Mediation and Qatari Foreign Policy" *https://web.archive.org/web/20131007183501/http:/www18.georgetown.edu/data/people/mk556/publication-61175.pdf, accessed on 28/03/2022.*

100. KEARNEY (2023), “Building an Internet for the future of Southeast Asia”, *Kearney’s Special Report for AT&SG*, *https://www.kearney.com/service/digital-analytics/article/-/insights/building-an-internet-for-the-future-of-southeast-asia, accessed on 23/11/2024.*

101. Kelley, J. R. (2014), *Agency Change: Diplomatic Action beyond the State*, Lanham, MD: Rowman and Littlefield.

102. Keohane, Robert & Nye, Joseph (2011), *Power and Interdependence,* Pearson.

103. Kevin Parthenay (2024), “Digital diplomacy against international stigmatization: the Bukele case”, *International Affairs* 100(1), pp. 301–321.

104. Khalturina, Irina (2023), “Middle Powers: How realistic is a world without a global policeman?”, *Region Plus*, *https://regionplus.az/en/articles/view/8107?utm, accessed on 21/7/2025.*

105. Konovalova, Marta (2023), “AI And Diplomacy: Challenges and Oppotunities”, *Journal of Liberty and International Affairs* 9(2), pp. 520-530.

106. Kurbalija, Jovan (2023), “Digital Diplomacy”, *https://www.diplomacy.edu/topics/digital-diplomacy/#top, accessed on 5/11/2023.*

107. Kyungsun Karen Lee, Saif Shahin (2023), “Reciprocity and asymmetry in digital diplomacy: Geopolitics of national identity in South Korea–Japan and South Korea–US relations”, *Policy & Internet* 15(3), pp.415-430, *https://doi.org/10.1002/poi3.355*

108. Lake, David A.; Martin, Lisa L.; Risse, Thomas (2021). "Challenges to the Liberal Order: Reflections on International Organization", *International Organization* 75(2), pp. 225–257.

109. Lewis, D. (2014), “Digital diplomacy”, *http://www.gatewayhouse.in/digital-diplomacy-2/, accessed on 18/12/2023.*

110. Lowy Interpreter (2015), "Does Australia do digital diplomacy?", *http://www.lowyinterpreter.org/post/2015/04/17/Does-Australia-do-digital-diplomacy.aspx, accessed on 25/10/2023.*

111. Magalhaes, J. C (1988), *The Pure Concept of Diplomacy*, Westport: Greenwood Publishing Group, US. p.64.

112. Manor, I. (2019), *The Digitalization of Public Diplomacy*, Palgrave Macmillan.

113. Manor, Ilan & Segev, C. (2015), "America's selfie: How the US portrays itself on its social media accounts". In C. Bjola & M. Holmes (Eds.), *Digital diplomacy: Theory and practice*, Routledge, New York, pp. 89–108.

114. Manor, Ilan (2016), "What is Digital Diplomacy, and how is it Practiced around the World? A brief introduction", *The 2016 Annual Review of the Diplomatist Magazine, http://www.diplomatist.com/dipoannual2016/index.html?pageNumber=36, accessed on 22/12/2024.*

115. Manor, Ilan (2019), *The Digitalization of Public Diplomacy*, Palgrave Macmillan.

116. Ministry of Foreign Affairs The People Republic of China (2003), "China's Relation with International Telecommunication Union", *https://www.mfa.gov.cn/eng/wjb/zzjg_663340/gjs_665170/gjzzyhy_665174/2594_665176/2600_665188/202406/t20240606_11404355.html, accessed on 28/01/2023.*

117. Ministry of Foreign Affairs of Denmark (2024), "Denmark at the digital forfront", *https://um.dk/en/danida/strategies-and-priorities/techvelopment, accessed on 14/03/2024.*

118. Ministry of Science and Technology (2023), "Vietnam wants to expand digital technology to international markets", *https://english.mst.gov.vn/vietnam-wants-to-expand-digital-technology-to-international-markets-197157718.htm, accessed on 23/12/2025.*

119. Ministry of Science and Technology (2024), "Viettel Global posts historical revenue in Q2", August 30, 2024, *https://english.mst.gov.vn/viettel-global-posts-historical-revenue-in-q2-197240830100254229.htm, accessed on 23/12/2025.*

120. Miralis, Nyman Gibson (2023), "INTERPOL's ASEAN Cybercrime Operations Desk: Addressing the rising threat of cybercrime in Southeast Asia", *https://www.lexology.com/library/detail.aspx?g=4a45c2f9-6e35-4de9-849b-4228fd174f96, accessed on 19/08/2024.*

121. MOFA Republic of Korea (2023), "MOFA Supporters Worldwide, ASSEMBLE! - 2023 KOREAZ Global Festival: Unlocking the Power of Networks took place on", *https://kwt.mofa.go.kr/eng/brd/m_5676/view.do?itm_seq_1=0&itm_seq_2=0&multi_itm_seq=0&seq=322397, accessed on 19/05/2025.*

122. Morgenthau, H. J. (1948), *Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace*, New York: Alfred A. Knopf.

123. Nye, J., (2004), *Soft power: The means to success in world politics*, New York, NY: Public Affairs.

124. Nye, J., (2005), "On the Rise and Fall of American Soft Power", *New Perspectives Quarterly* (22), p.75–77, http://dx.doi.org/10.1111/npqu.2005.22.issue-3 .

125. Official Journal of the European Communities (1988), "Council Resolution of 30 June 1988 on the development of the common market for telecommunications services and equipment up to 1992 (88/C 257/01)", *https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:31988Y1004(01), accessed on 23/12/2024.*

126. Oosterveld, Willem. & Torossian, Bianca. (2019), "A Balancing Act: The Role of Middle Powers in Contemporary Diplomacy", *Strategic Monitor*

2018-2019, https://hcss.nl/pub/2018/strategic-monitor-2018-2019/a-balancing-act/, accessed on 17/05/2025.

127. Owen, T. (2016) "The Networked State and the End of 20th Century Diplomacy." *Global Affairs* 2(3), pp. 301–307.

128. Pamment, J. (2014), *New Public Diplomacy in the 21st Century*, Routledge.

129. Parama Sinha Palit (2024), "Public Diplomacy Through Social Media: the Chinese Way", *Chinese Research Center, https://www.chinacenter.net/2024/china-currents/23-1/public-diplomacy-through-social-media-the-chinese-way/, accessed on 23/12/2024.*

130. Parliament of Republic of South Africa (2024), "International Relations Department's Digitisation Strategy Is Hamstrung by Its Budget, Committee Hears", *https://www.parliament.gov.za/news/international-relations-departments-digitisation-strategy-hamstrung-its-budget-committee-hears, accessed on 20/05/2025.*

131. Permyakova, L. (2012), "Digital diplomacy: Areas of work, risks and tools", *Russian International Affairs Council, https://russiancouncil.ru/en/analytics-and-comments/analytics/digital-diplomacy-areas-of-work-risks-and-tools/, accessed on 23/08/2024.*

132. Péter Kacziba, Sára Gibárti & Zoltán Lechner (2025), "Assessing Greece's transition to digital diplomacy: insights from Twitter/X (2021–2022)", *Southeast European and Black Sea Studies https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/14683857.2025.2457813#references-Section, accessed on 16/05/2025.*

133. Potter, Evan H. (2002), *Cycber -Diplomacy – Managing Foreign Policy in the Twenty-First Century*, McGill-Queen's University Press.

134. Proven Data (2020), "Ransomware Attack Reportedly Linked to Hospital Patient Death", *https://www.provendata.com/blog/ransomware-hospital-death/, accessed on 16/09/2023.*

135. Rashica, Viona (2018), "The Benefits and Risks of Digital Diplomacy", SEEU Review (13), pp. 75-89.

136. Robertson, Jeffrey. (2018), "South Korea's digital diplomacy deficit", *Asia & The Pacific Policy Society, https://www.policyforum.net/south-koreas-digital-diplomacy-deficit/index.html, accessed on 17/5/2025.*

137. Rubio, Rafael (2015), "Public Diplomacy: New role-players in a new scenario," *Public diplomacy as a challenge in foreign policy,* Diplomatic School Seminar, Casa Arabe, Madrid.

138. Sandre, Andreas (2015), *Digital Diplomacy: Conversations on Innovation in Foreign Policy,* Rowman& Littlefield.

139. Seib, P. (2012), *Real-Time Diplomacy: Politics and Power in the Social Media Era,* New York: Palgrave Macmillan.

140. Singh, K. (2014), "This Day in History: One Huge Leap for Digital Communications at the White House", *White House, https://obamawhitehouse.archives.gov/blog/2014/12/06/day-history-one-small-step-president-one-huge-leap-digital-communications-white-hous, accessed on 25/9/2024.*

141. South African Government (2025), "Minister Blade Nzimande: African Science Leaders G20 Dialogue", *https://www.gov.za/news/speeches/minister-blade-nzimande-african-science-leaders-g20-dialogue-25-may-2025, accessed on 25/6/2025.*

142. Tech Diplomacy Global Institute (2025), "Digital Diplomacy vs. Tech Diplomacy: Understanding the Difference", *https://tdgi.org/digital-vs-tech-diplomacy-navigating-the-new-frontiers-of-international-relations/, accessed on 18/04/2026.*

143. Telegraph (2012), "Barack Obama's 'four more years' tweet most popular ever", *http://www.telegraph.co.uk/news/worldnews/us-election/9660533/Barack-Obamas-four-more-yearstweet-most-popular-ever.html, accessed on 22/08/2023.*

144. The Federal Government (2016), *White Paper on German Security Policy and The Future of Bundeswehr*, Federal Ministry of Defence, *https://www.bundeswehr.de/resource/blob/4800140/fe103a80d8576b2cd7a135a5a8a86dde/download-white-paper-2016-data.pdf, accessed on 27/01/2025.*

145. The Japan Times (2023), "ASEAN sets up regional office for cybersecurity cooperation", *The Japan Times*, *https://www.japantimes.co.jp/news/2023/07/18/asia-pacific/asean-cyberattacks-operations-center/, accessed on 22/08/2023*.

146. Tolkun Bekturgan kyzy and Niyazi Ayhan (2022), "Understanding Digital Diplomacy Through Ukraine-Russia Events: The Truth Behind Events in Ukraine and Donbass" in Türker Elitaş, ed. (2022), *Maintaining International Relations Through Digital Public Diplomacy Policies and Discourses*, IGI Global, pp.121-135.

147. Tutt, Alexsander (2013), "E-Diplomacy Capacities within the EU-27: Small States and Social Media", *GRIN*.

148. Twiplomacy (2012), "Twiplomacy Study 2012", *https://www.twiplomacy.com/copy-of-twiplomacy-study-2013, accessed on 21/10/2023.*

149. Twiplomacy (2015), "Twiplomacy Study 2015", *https://www.twiplomacy.com/twiplomacy-study-2015, accessed on 8/10/2023*

150. Twiplomacy (2018a), "Twiplomacy Study 2018", *Burson Cohn & Wolfe, https://www.twiplomacy.com/twiplomacy-study-2018, accessed on 21/10/2023.*

151. Twiplomacy (2018b), "World Leaders on Facebook 2018", *Burson Cohn & Wolfe, https://www.twiplomacy.com/world-leaders-on-facebook-2018, accessed on 21/10/2023.*

152. UN Digital Library (2022), "Developments in the field of information and telecommunications in the context of international security: report of the 1st Committee General Assembly, 77th session", *UN. General Assembly 1st*

Committee, https://digitallibrary.un.org/record/3995343?v=pdf, accessed on 15/03/2026.

153. UN Office for Disarmament Affairs (2024), "Meetings of the Group of Governmental Experts", *https://disarmament.unoda.org/meetings-of-the-group-of-governmental-experts/, accessed on 19/12/2024.*

154. U.S Department of State (2003), "Major Programs of the Office of eDiplomacy", *https://2001-2009.state.gov/m/irm/ediplomacy/, accessed on 24/09/2023.*

155. U.S. Department of State (2014), "21st century statecraft: The "Internet moment" in foreign policy", *http://www.state.gov/statecraft/overview/index.htm, accessed on 24/09/2024.*

156. Viet Nam News (2026), "Viettel leads in seven of its 10 overseas markets", *https://vietnamnews.vn/economy/1766146/viettel-leads-in-seven-of-its-10-overseas-markets.html, 18/01/2026).*

157. Viettel Solutions (2024), "Global Network", *https://solutions.viettel.vn/en/global-network, accessed on 21/11/2025).*

158. Waltz, Kenneth N. (1979), *Theory of International Politics*, McGraw-Hill.

159. Weiss, T. (2013), *The rise of non-state actors in global governance: Opportunities and limitations,* One Earth Future Foundation, Broomfield, Colorado, *https://oefresearch.org/publications/rise-non-state-actors-global-governance-opportunities-and-limitations, accessed on 05/12/2024.*

160. Wendt, Alexander (2012), *Social Theory of International Politics,* Cambridge University Press.

161. Wenjin Wang (2015), "Analysis on China's Cyber Diplomacy", *The Graduate School of Chinese Academy of Social Sciences*, pp.146-147.

162. Westcott, Nicholas (2008), "Digital Diplomacy: The Impact of the Internet on International Relations", *Research Report* 16, Oxford Internet Institute, pp.16-19.

163. Wilson Dizard Jr. (2001), *Digital Diplomacy: US Foreign Policy on the Information Age*, Praeger.

164. Wivel, Anders (2023), “Small State Diplomacy”, in James (ed.), *Oxford Bibliographies in International Relations*, Oxford University Press, New York.

165. Wolf, Peter (1973), "International organization and attitude change: a re–examination of the functionalist approach", *International Organization* 27(3), pp. 347–371.

166. Wolfers, A. (1962), *Discordand collaboration: Essays on international politics*, Johns Hopkins Press.

167. Xymena Kurowska (2019), What Does Russia Want in Cyber Diplomacy? A Primer, *EU Cyber Direct, https://eucyberdirect.eu/research/what-does-russia-want-in-cyber-diplomacy-a-primer, accessed on 23/08/2024.*

168. Yakovenko, A. (2012), “Russian digital diplomacy: Clicking through”, *https://www.rbth.com/articles/2012/09/06/russian_digital_diplomacy_clicking_through_18005.html, accessed on 24/09/2024.*

169. Xiaowen Zhang & Yuxin Tang (2024), “Digital diplomacy and domestic audience: how official discourse shapes nationalist sentiments in China”, *Humanities and Social Sciences Communications*11(1), pp.1-12.

170. Yuan, Shaoyu (2023), "Tracing China's diplomatic transition to wolf warrior diplomacy and its implications", *Humanities and Social Sciences Communications* 10(1), pp. 1-9. doi:10.1057/s41599-023-02367-6.

171. Zaiotti, Ruben (2024), *The European Union and Digital Diplomacy: Projecting Global Europe in the Social Media Era*, Oxford Handbook on Digital Diplomacy, Oxford University Press.

172. Zhao Alexandre Huang, Rui Wang (2021), “Exploring China’s Digitalization of Public Diplomacy on Weibo and Twitter: A Case Study of the U.S.–China Trade War”, *International Journal of Communication* 15(2021), pp. 1912-1939.

173. Zinovieva E.S., Bulva V.I. (2022), “Digital Diplomacy in Russia's Relations with the EU Countries: Cross-Cultural Aspects”, *Russian Journal of Cultural Studies and Communication*, 1(1-2), p. 84–93.

Website

174. Compare Countries to Tech Companies: https://countries-companies.diplomacy.edu/
175. Digital Public Goods Alliance: https://www.digitalpublicgoods.net/
176. Geneva Internet Platform's Digital Watch: https://dig.watch/topics
177. Internet Governance Forum: https://www.intgovforum.org/en/about#about-us
178. Trace effects (2018, March 8): https://americanenglish.state.gov/trace-effects
179. UN Global Pulse: https://www.unglobalpulse.org/un-global-pulse/
180. World Internet Conference, https://www.wicinternet.org/